NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 172 • AUGUST 2003

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

CHỐN CŨ
SONG THAO

KHÁM PHÁ LẠI TƯ MÃ THIÊN
PHAN QUỐC SƠN

LÁ SỐ TỬ VI
PHẠM THÀNH CHÂU

TẠI LAS VEGAS

PHỞ SAIGON 8

5650 Spring Mountain Rd., Suite B, Las Vegas, NEV. 89146

Tel: (702) 248-6663 * Fax: (702) 248-6443

www.phosaigon8.com

- Các loại Phở, Bún, Cơm
- All kinds of Vietnamese Noodle Soup
- Vietnamese dishes

* Đầu bếp kinh nghiệm

* Thuộc hệ thống Phở Saigon tại Texas

Mở cửa 7 ngày:
9 AM - 10 PM

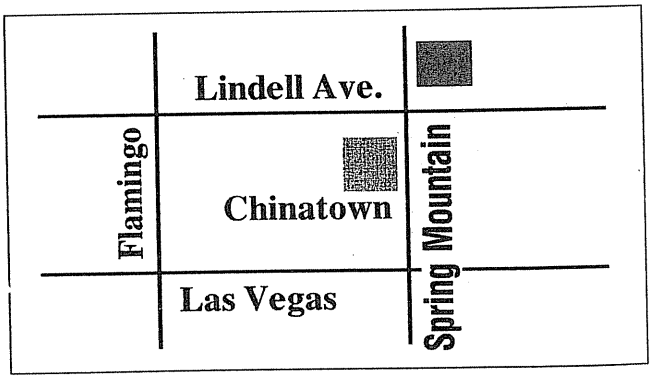

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

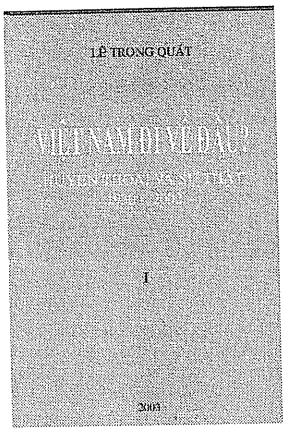

VIỆT NAM ĐI VỀ ĐÂU?
Huyền thoại và Sự thật 1930-2002
Hồi ký chính trị của LÊ TRỌNG QUÁT
Cuốn "hồi ký chính trị" bao trùm một thời gian hơn 70 năm của lịch sử Việt Nam, của một người có may mắn được làm việc với nhiều vị lãnh đạo quốc gia, tiếp xúc với các nhân vật hữu trách của các đoàn thể chính trị, tôn giáo, văn hóa. Cuốn sách chứa đựng nỗi lo âu của đại đa số người Việt ở trong và ngoài nước trước tình trạng bế tắc của xứ sở ngày nay. Trọn bộ 2 cuốn, giá 32 Mỹ kim.

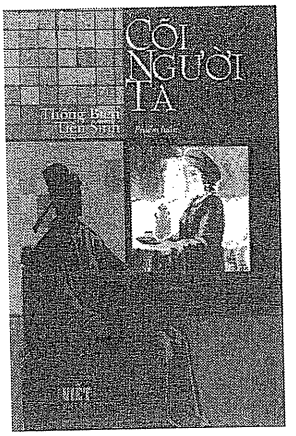

CÕI NGƯỜI TA
Phiếm luận của
THÔNG BIỆN TIÊN SINH
Một cuốn truyện phiếm. Gồm nhiều bài nhỏ bàn luận về đủ mọi chuyện, phần nhiều là chỉ trích người khác. Cần phân biệt với cuốn Cõi Người Ta là một tác phẩm dịch của Bùi Giáng (dịch cuốn Terre des Hommes của Saint Exupéry) xuất bản đã lâu.
Giá 20 Mỹ kim.
Ngoài nước Mỹ 24 MK.

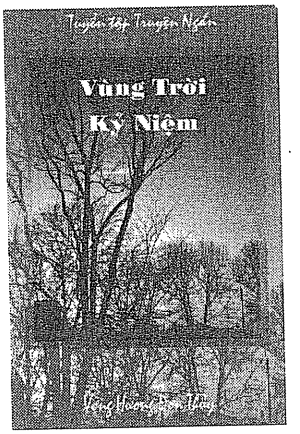

VÙNG TRỜI KỶ NIỆM
Tập truyện của
VỌNG HƯƠNG ĐƠN THỦY
"Kỷ niệm... là một cuốn phim dài đen trắng tuy không lời nhưng vẫn diễn đạt được những ý nghĩa đầy đủ nhất trong tâm hồn, trong ký ức của mỗi người chúng ta... Luôn sống về nội tâm nên trong những giờ phút đối diện riêng mình, tác giả đã để tâm hồn ngược thời gian trở về quá khứ đi tìm... kỷ niệm."
Giá 12 Mỹ kim.

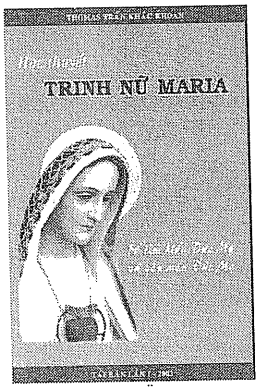

HỌC THUYẾT TRINH NỮ MARIA
Biên khảo của
THOMAS TRẦN KHẮC KHOAN
Lời Đức Cha Mai Thanh Lương: *"Tác phẩm thật rất bổ ích cho mọi gia đình Công giáo Việt Nam, cho các Hội Đoàn Đức Mẹ để nghiên cứu, tìm hiểu Đức Mẹ. Có hiểu biết Đức Mẹ rõ ràng thì mới kính mến Đức Mẹ vững vàng, chu đáo được."*

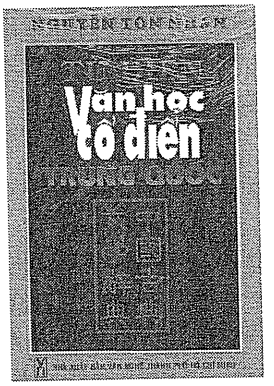

TỪ ĐIỂN VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC
NGUYỄN TÔN NHAN
sưu tập và biên dịch
Một bộ sách phổ cập văn học cổ điển Trung Quốc, giúp người dùng sự hiểu biết và hệ thống toàn diện về văn học cổ điển Trung Quốc. Rất cần cho những người yêu thích muốn tự học để tìm hiểu văn học Trung Quốc. Giá 27 Mỹ kim.

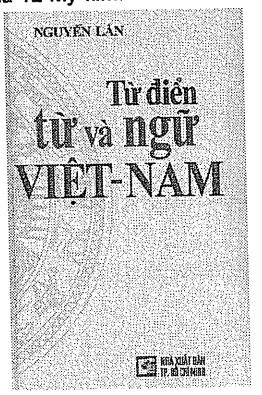

TỪ ĐIỂN TỪ VÀ NGỮ VIỆT NAM
Tác giả: NGUYỄN LÂN
Gồm 51 700 từ và ngữ. Hầu hết các từ và ngữ đều có ví dụ. Các từ ngữ Hán Việt đều co giải nghĩa từ nguyên của từng chữ, giúp người dùng từ điển hiểu chính xác, không dùng lẫn lộn. Rất cần cho việc dạy và học tiếng Việt. Giá 44 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn:
Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình
Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp Chí
THE KY 21
14775 Moran Street, Westminster, CA. 92683
Tel: (714) 585.4666 * (714) 839.8746
EMAIL: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp Chí Thế Kỷ 21 : Một Tặng Phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên người nhận/ Full mane:.....
Địa chỉ/ Address :.....
.....
Phone/ Fax/ E-Mail:.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order#.....
Số tiền/ Amount:.....

	1năm/1 year	2năm/ 2 years	Ghi Chú
Media Mail (AirMail)	US$ 50.00	US$ 90.00	
Hạng nhất/ First class	US$ 64.00	US$ 120.00	
Canada	US$ 68.00	US$ 130.00	
Âu Châu/ Europe (air mail)	**US$ 88** US$ 90.00	**US$ 170** US$ 170.00	**Mới (new)**
Á châu, Úc/ Asia,Austra (air mail)	**US$ 98.00** US$ 106.00	**US$185.00** US$196.00	**Mới (new)**

Effective Nov 1, 2002 (có hiệu lực từ 1 tháng 11, 2002) . To be reviewed October, 2003

Muốn quảng cáo hữu hiệu thích hợp với ngân sách tiết kiệm xin hãy đến với TK21

Advertisings

Giá quảng cáo trắng đen trên Tạp Chí TK 21 .(Art work ready) Áp dụng từ 1/11/2002

	Quảng cáo trên Thế Kỷ 21, rất hữu hiệu với độc giả ở nước Mỹ và 153 thành phố khắp thế giới				
Size	Giá trả sau/ Giá trả tiền trước (prepaid)				Kích thước
	1 kỳ/ 1time	3 kỳ/ 3t	6 kỳ/ 6t	12 kỳ/ 12t	Đứng x ngang
Business card	$20/$15	$50/$30	$100/$60	$180/$100	5x9cm
1/4 page	$35/$30	$100/$85	$180/$155	$355/$290	11x7cm
1/2 page	$70/$60	$180/$150	$350/$280	$600/$500	22x7=11x14.5cm
3/4 page	$100/$80	$250/$200	$450/$370	$850/$700	15x14.5cm
1 page	$130/$100	$320/$270	$600/$500	$1000/$900	22x14.5cm
Muốn tòa soạn trình bày, làm art work xin cộng thêm 20% cho hóa đơn đầu tiên (for art work: 20% in first contract)					

Quảng cáo màu (full color,giấy láng): backcover $550; cover inside $450; inside $400/1 page

For full color with special prices, please contact mangement, tel: (714) 585.4666

dermatika

ALL NATURAL DOCTOR FORMULATED

Kem Dưỡng Da Bào Chế Bằng Tất Cả Nguyên Liệu Thiên Nhiên Không Hóa Chất

dermatika
Cosmetics

- Hair Nourishing Natural Shampoo
- Hair Nourishing Leave-In Conditioner
- Renewal Facial Cleanser
- Balancing Facial Toner
- Replenishing Moisturizer
- Revitalizing Microdiamond Scrub
- Reviving Eye Gel
- Skin Whitening
- Sun Block SPF30

Quý vị muốn có một làn da mịn màng tươi trẻ và trắng trẻo. Xin mời dùng dược mỹ phẩm kem dưỡng da Dermatika với một công trình nghiên cứu và thí nghiệm nhiều năm do một nhóm Bác sĩ Y Khoa Mỹ Việt tại miền Nam California lần đầu tiên được ra mắt trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

Dermatika với các loại dược mỹ phẩm đặc biệt, hoàn hảo và công hiệu nhất như:

- **Kem tẩy trắng da (Skin Whitening)**
- **Kem trị nám, tàn nhang, đồi mồi..... Bảo đảm hiệu quả**
- **Kem dưỡng da sẽ giúp cho quý vị có một làn da luôn tươi trẻ**
- **Eye Gel là một loại gel đặc biệt chống nếp nhăn và mở bao chung quanh mắt**

Đặc biệt Shampoo và Conditioner Dermatika là dầu gội đầu giúp chống rụng tóc và giúp nuôi lại mái tóc bị khô gẫy.

Tất cả những dược mỹ phẩm của công ty Dermatika bảo đảm hữu hiệu, làm tại USA và hoàn toàn không hóa chất.

Mọi chi tiết xin liên lạc: **1-866-MỊN-MÀNG hay 1-866-646-6264**

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện**, giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại Alpha Funding & Real Estate
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khải Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: *Soi Gương*, tranh của họa sĩ Nguyên Khai, 30' x 40', sơn dầu.
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Trọng Khôi
Kỹ thuật: Võ Thành Điểm
Hí họa: Babui
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 172 – Tháng Tám 2003

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
9. Biến chuyển mới ở Trung Quốc – **Ngô Nhân Dụng**
13. Làm gì cho nông thôn Việt Nam? – **Phạm Đỗ Chí**
16. Tour de France – **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
KHOA HỌC – NGHỆ THUẬT
19. Tìm hiểu nhạc thính phòng Việt Nam: đờn ca tài tử – **Hoàng Việt Khanh**
62. Hồ Hữu Tường (1910-1980) – **Thụy Khuê**
90. Ung thư vú và vấn đề thông tin y khoa – **Nguyễn Văn Tuấn**
LỊCH SỬ
22. Tư Mã Thiên: sự giàu có của con dân – **Phan Quốc Sơn** dịch và chú giải
32. Quảng Nam đã bị Chúa Trịnh nhượng cho Hòa Lan – **Trần Gia Phụng**
40. Nguyễn Văn Tường có tư thông với bà Học Phi và giết vua Kiến Phúc không? – **Nguyễn Quốc Trị**
80. Phỏng vấn tác giả "Việt Nam Đi Về Đâu?" – **Từ Nguyên**
VĂN
68. Chốn cũ – **Song Thao**
74. Lá số tử vi – **Phạm Thành Châu**
82. Thung lũng Ia Drang – **Hà Kỳ Lam**
99. Một thứ màu đất – **Nguyễn Chí Khanh**
106. Trở lại xứ Lào – **Phạm Thăng Long**
108. Hương Ly – **Nguyễn Đức Tường**
110. Quê nhà, nơi ấy – **Hướng Dương**
114. Máu của cha – **Trần Yên Hòa**
THƠ
77. Tiểu thuyết – **Hồng Khắc Kim Mai**. 87. Cọng cỏ vàng – **Nguyễn Hà Tuệ**. 93. Lặng trang non – **Nguyễn Văn Cường**. 103. Xin lỗi con, mai sau... – **Tôn Nữ Thu Dung**. 113. Tản mạn cuối hè – **Phạm Cây Trâm**
MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
8. Tòa soạn và Bạn đọc – Thư Trị sự
48. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
54. Đời Sống Quanh Ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
118. Sách báo: Đọc "Chuyện kể hành trình Biển Đông" – **Bùi Văn Phú**

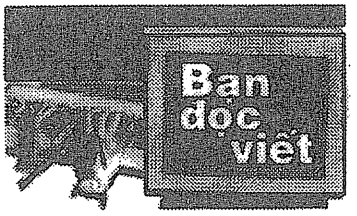

Thư gửi một tác giả viết về Hồ Hữu Tường

Thân gởi anh Đinh Quang Anh Thái

Một dịp may bất ngờ, tôi được người bạn mang đến nhà biếu tập tạp chí Thế Kỷ 21 số 170, số đặc biệt nói về Hồ Hữu Tường vì anh bạn biết tôi là đệ tử ruột của Bác Tường. Đọc qua các tiết mục nói về Bác tôi, trong đó có một số vị tôi có biết từ năm xưa và cả em Hồ Huệ Tâm năm lên đường du học còn rất nhỏ. Tôi được bác Tường nhận là cháu, vừa là cùng họ Hồ, vừa là đệ tử cùng ăn cùng ở cùng làm việc cận kề với bác suốt thời gian hơn mười năm tại nhà 27-29 Phan Văn Trị Chợ Lớn. Năm nay tôi đã vào tuổi "thất thập cổ lai hy." Sang xứ lạ quê người dở thầy dở thợ. Đành nằm nhà đọc sách báo, nghe các đài phát thanh tiếng Việt. Tôi thường xuyên nghe đài Little Saigon, tôi có nghe nhiều về anh qua những bài phỏng vấn. Lòng cảm mến tuổi trẻ tài cao của anh; nhưng biết để mà biết vậy thôi, chứ có dịp nào gặp được anh để tỏ lòng khen thưởng. Hôm nay tôi tiếp tục đọc tạp chí Thế Kỷ 21 số 171 do tôi gửi thư xin mua báo dài hạn gởi sang. Chiều nay, ngoài trời mưa rả rích, bầu trời như trời thu buồn ảm đạm. Tôi vào phòng gói mình trong chiếc chăn bông để nghiền ngẫm những bài trong tờ Thế Kỷ 21 số 171. Tôi bắt gặp bài "Vài kỷ niệm trong tù với Bác Năm Tường." Đọc hết bài viết của anh lòng tôi bồi hồi nhớ lại hình ảnh của hơn 30 năm về trước. Hình ảnh ngày ngày ngồi trong căn nhà của Bác dùng làm Tòa soạn của tuần báo Hòa Đồng và Dân Tộc. Hình ảnh tôi với anh Ngu Í suốt canh thâu uống cà phê đọc bài, để lo phần kỹ thuật in ấn. Rồi hình ảnh của hai thằng bạn của tôi là Hồ Chánh và Nguyễn Văn Lịch. Hai người này là do tôi tìm và mang về cùng làm việc, vừa là làm báo vừa là hoạt động cho Đoàn Thanh Niên Phụng Sự Dân Tộc. Hình ảnh trước 75 và hình ảnh bây chừ làm tôi bàng hoàng thương cảm nhớ không nguôi. Tôi có cảm giác như một giấc mơ. Mới đây nhìn lại, những người thân quý trong nhà Bác Năm như Bà Ngoại, hai Bác, Hồ Xích Tú và anh bạn rất thân Ngu Í đều đã ra đi vĩnh viễn. Ôi buồn! Còn các em như Huệ Tâm đã trưởng thành, nhưng ở quá xa cộng với công việc xứ nầy đâu có thì giờ rời rộng mà gặp gỡ thăm viếng. Tôi có gọi phone thăm Huệ Tâm một vài lần. Cũng như có gởi thơ thăm Bác Gái (2) ở Pháp, nhưng không điều kiện thăm viếng. Thật buồn. Suốt mười năm sang xứ người tôi có cất tiếng "Gọi đàn" mấy lần, với mục đích tìm lại số người thân năm xưa cùng làm việc chung với Bác, hoặc gặp lại số con cháu của Bác để họp sức "làm một cái gì..." để gọi là nhớ ơn một vị Thầy, một người Bác đã hết lòng dạy dỗ uốn nắn tôi và cả thế hệ trẻ; còn đứng về mặt xã hội hiệp lực để cùng nhau phát huy một tấm gương sáng, một nhân tài sinh bất phùng thời. Suốt đời nuôi giấc mộng lớn nhưng không thành. Một nhà văn hóa. Một nhà chính trị. Một học giả khó quên.

Nay, tạp chí Thế Kỷ 21 có chủ trương khơi dậy "ngọn lửa Hồ Hữu Tường" bừng cháy trong lòng giới trẻ nơi hải ngoại, thật là một việc làm sáng giá đáng phát huy và trân quý.

Anh Thái mến. Anh và tôi thuộc hai thế hệ trẻ, già, mà lại chưa một lần gặp gỡ, nhưng anh đã đề cập đến tên của hai người đàn em của tôi, tôi quá xúc động, bắt tôi ngồi ghi vội trang thư này gởi sang thăm và chúc anh vững tiến trên con đường sự nghiệp anh đang theo đuổi. Cám ơn anh đã hơn 20 năm mà vẫn còn nhớ những tình tiết giữa thầy trò của Bác tôi. Thư đến anh có lẽ hơi đường đột, làm mất thì giờ anh ngồi đọc. Nếu có gì không phải, anh cũng vì thương người già cả có thể bị lẩm cẩm, mà bỏ qua cho. Nếu có dịp tốt mong sẽ được diện kiến cùng anh đàm đạo nhiều.

Thân chào anh và thân chúc quí quyến an vui và sức khỏe.

Houston ngày 10 tháng Bảy, 2003.

Phương Xuân Hồ

Hiệu quả của chụp quang tuyến vú trong việc tìm ung thư vú

Xin có vài nhận xét về bài "Chẩn đoán và vấn đề thông tin xác suất" của ông Nguyễn Văn Tuấn đăng trên Thế Kỷ 21 số 171. Tác giả nêu hai vấn đề: thử nghiệm PSA (tìm ung thư tiền liệt tuyến – prostate) và chụp quang tuyến vú (tìm ung thư vú), đưa đến nghi ngờ về sự lợi ích của hai phương pháp này.

Tại Pháp có những chương trình chụp quang tuyến vú (mammographie) quy mô, với kết quả tốt trong việc tìm và trị liệu thành công nhiều trường hợp ung thư vú ở dạng sơ khởi. Nếu lấy những con số mà tác giả đưa ra trong bài, thì khi làm mammographie cho 100 phụ nữ, sẽ có 10 người có kết quả đáng nghi ngờ. Mười người ấy sẽ được trắc nghiệm tiếp, với mammographie kỹ lưỡng hơn và echographie. Một số người sẽ được trấn an là không bị ung thư vú, và sẽ tiếp tục được theo dõi bằng những mammographie định kỳ. Những trường hợp vẫn bị coi là đáng nghi, sẽ phải làm

biopsie (cyto ponction), tức dùng kim hút một ít tế bào từ vùng khả nghi, để thử nghiệm. Những trường hợp vẫn chưa đoan quyết được, người ta làm tumorectomie, cắt hạn chế đúng vùng khả nghi, xét nghiệm lập tức. Đến đây, người ta có thể quả quyết đâu là trường hợp ung thư vú, và áp dụng liệu pháp thích ứng.

Nếu cứ dùng số liệu của tác giả Nguyễn Văn Tuấn, thì trong 100 phụ nữ, không thấy nói ở tuổi nào, có một trường hợp ung thư vú. Làm sao tìm ra trường hợp ấy, ở dạng sơ khởi, tức có hy vọng được chữa lành bệnh cao nhất, nếu không làm mammographie trên cả 100 người phụ nữ kia? Nói cách khác, mỗi khi làm mammographie cho 100 phụ nữ trong một khoảng tuổi nào đó, người ta có thể cứu sống được một người bị ung thư vú. Nên lắm chứ?

BS. Nguyễn Hoài Vân
(Vitré, Pháp quốc)

Để hiểu thêm về truyện ngắn Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp

Để tạm trả lời một phần nào bức thư của bạn David Lê trong mục Bạn Đọc Viết số báo 171, Tòa soạn xin trích đăng dưới đây hầu hết phần giới thiệu truyện Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp khi truyện ngắn này được đăng trên báo Quê Mẹ, số Giai phẩm Xuân Quý Hợi 1983.

... Thấp đuốc giữa ban ngày vẫn tìm ít thấy những truyện ngắn như "Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp," tập trung đủ ba yếu tố: hư cấu truyện nhuần nhị, tự nhiên như cuộc sống đồng lúc đạt tính quốc tế; gói lọn tinh túy tư tưởng Đông phương (ở đây là Phật giáo); và sự nhập cuộc nhân sinh như một khai mở Nguồn tự thân.

Hồ Hữu Tường là người uyên bác Tây học, một giai đoạn nào đó, vì thương người và thương nước, nên đã dấn thân theo con đường Mác-xít khuynh Đệ Tứ. Nhưng ông đã sớm thấy ngõ cụt của lối này, và trở về đào sâu vốn dân tộc và phong cách Đông phương, nhận đấy làm cuộc sống thực cho đời mình. Cùng với Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu... ông thuộc lớp trí thức ưu tú hiếm hoi, sớm giác ngộ trở về con Đường Việt. Suốt đời, Hồ Hữu Tường, vào tù ra tội, chỉ vì cưu mang phục hồi và xiển dương Văn Hóa Việt Nam, lộ rõ nhất ở Đại hội Văn hóa Toàn quốc tại Hà Nội năm 1945. Sau này, ý nghĩ Văn hóa ấy tiến xa tới Tư tưởng, tới Đạo – Con Đường.

Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp sáng tác năm 1953, đăng lần đầu trên tuần báo Mới. Năm 1955 được một ban giám khảo quốc tế chọn, xem như một trong 50 truyện ngắn hay nhất thế giới, và đã được ấn hành chung với 50 truyện này bằng Pháp và Anh văn. Sang năm 1966, dưới sức thôi thúc và phát triển kỳ vĩ của một phong trào Văn học khai phóng mới tại miền Nam, Hồ Hữu Tường viết lại đoạn kết. Bản truyện đăng hôm nay là bản hoàn chỉnh 66, khác với bản chúng ta thường đọc. Đoạn kết "Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp" năm 53, là kết luận một đời người trí thức tỉnh thức, đã thấy rõ sự sa đọa của tư tưởng giới Tây phương lúc về chiều, mà đứa con út là tư trào Mác-xít. Lối thoát cuối cùng cho nhân loại không nằm ở cách mạng bạo lực và khủng bố, mà nằm ở Nhân Văn do những Văn Tài và Văn Tâm chuyển hóa thời cơ.

Đoạn kết viết lại năm 66, tiến xa thêm một bước, Nhân Văn bước vào cuộc Thế hiện – hành động. Dường như chưa có nhà văn Phật giáo nào ở Việt Nam nắm trọn được yếu tính của Triết học Hành động Phật giáo như Hồ Hữu Tường, để có thể hư cấu vào văn chương thành một truyện ngắn tuyệt tác như Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp. Hồ Hữu Tường đi thẳng với từ ngữ và ý tưởng Phật giáo trong cấu trúc truyện, thế mà vẫn không hơi hám thứ văn chương nhà chùa, như một số sáng tác thường thấy. Nó như chuyện cổ, chuyện đời xưa, tuy rất nay, rất thời sự, rất nhãn tiền. Đọc lên như thấy Việt Nam trước mắt. Ta thương hay ghét lũ chuột kia, cũng như đang thương hay giận những con người cùng giống. Và rồi thảm thương thay, kẻ có lòng dạ – như con Thằn lằn hóa nghiệp – cứ rụng chết thảm thê dưới lưỡi và dao của đồng loại!

Nếu tác dụng của một buổi thuyết pháp, hay một cuốn sách, một bài viết khảo cứu uyên bác về Phật học, không chấn động và thay đổi lòng người, thì, cùng những tư tưởng ấy, phơi phới hơn, Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp đã chuyên chở đủ, và xúc động tâm can con người hiện tại, xui họ phải lo ngay vấn đề hiện tại.

Nguyễn Thái

Khao vọng

Xin có đôi ý góp với ông Trần Hạnh, tác giả bức thư "Mỗi năm đến hè..." trong số báo trước.

Ông thấy người ta chúc mừng sự thành công về học vấn của con em người Việt Nam trên báo mà ông lại buồn, thì tôi hơi lấy làm khó hiểu. Tôi chỉ có thể tạm giải thích, là ông chẳng có con cháu gì thành công cả, nên trong lòng ông có sự ngầm ghen tức với người khác. Ông có thể viện lý do đăng báo như thế là háo danh để chê người ta, nhưng thử hỏi ông, nuôi dạy con khôn lớn học hành giỏi dang, đến khi thành đạt thì phải cho làng nước biết với chứ. Ông có biết tục lệ khao vọng của Việt Nam ngày

xưa không? Thi đỗ là về gia đình tổ chức cúng tạ tổ tiên và khao cả làng. Có thế mới "rỡ ràng mẹ cha" làm cho các bậc cha mẹ khát khao sự hãnh diện ấy và thúc đẩy con em gắng học. Ăn mừng trong những trường hợp ấy có gì là xấu? Ngược lại là đàng khác. Văn hóa Việt Nam trong trường hợp này vẫn còn tồn tại trong tiềm thức người Việt hải ngoại, và đăng báo chúc mừng chẳng qua cũng chỉ là một hình thức khao vọng tân thời mà thôi. Ông nghĩ như vậy có phải chăng?

Nguyễn Quang Lễ
(Santa Ana)

Tự do báo chí

Một người bạn của tôi, khi đọc qua bài "Xì-căn-đan xáo động làng báo Mỹ" trên Thế Kỷ 21 số 171, thì có ý thắc mắc: Một vụ từ chức của báo *New York Times* thì có gì mà *Thế Kỷ 21* phải đăng một bài phân tích, giải nghĩa quan trọng như vậy? Đó chỉ là một chuyện... làm báo, như vô số những chuyện khác trong làng báo Mỹ, sao phải quan trọng hóa nó làm chi vậy?

Riêng tôi thì không đồng ý với bạn tôi, và "đứng về phe" Thế Kỷ 21. Báo chí đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong một chế độ dân chủ. Cùng với mọi ngành khác của xứ sở Mỹ, báo chí đã góp phần rất lớn để xây dựng nên quốc gia tự do, hùng cường, giàu có này. Họ mang sứ mệnh cung cấp thức ăn tinh thần cho dân chúng. Phải coi đó là lương tâm của xã hội, thông tin đúng đắn, hướng dẫn dư luận, với tư thế độc lập. Với một dân tộc có dân trí cao, những tờ báo phản lại lương tâm chung của quần chúng đều không thể tồn tại được. Báo chí được đóng vai trò của "đệ tứ quyền" (sau ba quyền hành pháp, lập pháp, tư pháp của định chế xứ sở) là vì thế.

Trong khi đó báo chí trong chế độ cộng sản lại được mang một quan niệm khác hẳn. Đó là công cụ tuyên truyền của nhà cầm quyền. Khi đã đóng vai trò là cái loa cho kẻ cai trị thì hẳn nhiên không thể đứng về phía dân chúng, vì kẻ cai trị trong một chế độ độc tài và dân chúng là hai mặt đối lập nhau, nếu không nói là đối kháng nhau. Bênh vực cho cái này thì không thể bênh vực cho cái kia.

Việt Nam đang bị đảng cộng sản cai trị với một thuộc tính cố hữu của cộng sản quốc tế là không ai được nói điều gì khác với mình. Nói khác là có chuyện ngay, nặng thì tù đày hàng chục năm, nhẹ cũng bị khiển trách, mất việc: cái gọi là báo chí Việt Nam đang ở trong một gọng kềm như vậy, nên chỉ giúp ích cho đảng, chứ chẳng giúp gì cho dân. Muốn Việt Nam đi vào đời sống dân chủ thì trước hết phải có một nền báo chí tự do độc lập với chính quyền. Cho nên những bài học thiết thân như trường hợp của New York Times vừa rồi cần được nêu rộng rãi để người Việt Nam trong và ngoài nước được biết.

Ngày nào báo chí Việt Nam cũng có một câu tâm niệm giống như ông chủ biên Jon Landman của New York Times: "Chúng ta chỉ có một thứ đáng giá thôi, đó là sự chính xác" thì ngày đó báo chí Việt Nam mới giúp ích hữu hiệu cho đồng bào xứ sở được.

Tuan Tran (Internet)

Xin lỗi

Vì lý do kỹ thuật, bài viết "Nguyễn Văn Trường và sách lược chống Pháp dưới triều Nguyễn," phần chót đăng trên Thế Kỷ 21 số 171 trang 89, đã bị thiếu mất chín chữ cuối cùng. Dòng cuối bài xin đọc: ... ***và gây ra quá nhiều sai lầm, sẽ được bàn trong một dịp khác.***

Những chữ in đậm là những chữ bị thiếu, xin quý độc giả chịu khó ghi thêm vào cho đủ, xin cám ơn quý vị. Thành thật xin lỗi tác giả Nguyễn Quốc Trị cùng tất cả quý độc giả.

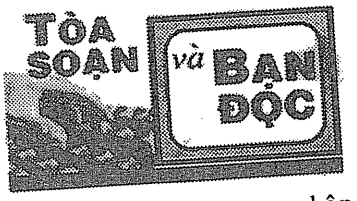

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau: Cung Vĩnh Viễn, Nguyễn Trọng Do, Phạm Đỗ Chí, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Nguyễn Quốc Trị, Phạm Thăng Long, Từ Nguyên, Phạm Thành Châu, Hà Kỳ Lam, Trần Gia Phụng, Nguyễn Văn Tuấn, Thụy Khuê, Lê Mạnh Hùng, Trần Yên Hòa, Bùi Văn Phú, Chu Vương Miện, Trần Thanh Sơn.

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

SBS Radio Melbourne Australia – Ho Xuan Phuong TX – Dinh Thi Thu DE – Lib: Paul Bechtold IL – Nguyen Phi Phung France – Le Duc Vi OR - Nguyen Luu Kim loan TX – Vu Duy Luong OK – Nguyen Hoang Khuong Denmark – Le K N Tuy CA – Nguyen Tuong Thach TX – Nguyen Tuong Thiet WA.

ĐỘC GIẢ MỚI

Bui Duc Tri CA – Le Thi Tuyet TX – Pham Van Dai HNVCN Holland – Ho Xuan Phuong TX – Nguyen Xuan Hieu CA – Nguyen Van Loc CA – Nguyen Quynh Phuong Belgium.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Trinh Nhu Hoa TX – Dung Pham CA – Ha Son V TX – Le Huu Nghia Australia – Huynh Ngoc Anh CA.

BIẾN CHUYỂN MỚI Ở TRUNG QUỐC

NGÔ NHÂN DỤNG

Đấu tranh cho quyền sở hữu

Hàng ngàn người dân Trung Hoa đi biểu tình đòi bảo vệ quyền tư hữu các phương tiện sản xuất. Đó là một hiện tượng rất mới lạ. Chuyện xẩy ra ở các quận Định Biên, Thanh Biên và An Tái, chung quanh vùng Diên An nơi ông Mao Trạch Đông lánh nạn sau khi chạy dài trong cuộc Vạn lý Trường chinh, ở miền Bắc tỉnh Thiểm Tây, một tỉnh ở sát bên Tứ Xuyên, quê hương ông Đặng Tiểu Bình, người mở đầu cuộc đổi mới kinh tế ở Trung Quốc từ 24 năm trước. Những người biểu tình đã xô xát với công an địa phương, có hơn 20 người bị bắt; nhưng sau đó một phái đoàn đại diện kéo nhau lên Bắc Kinh vận động với chính phủ trung ương. Đúng vào lúc mà Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Trung Quốc đã cho một ủy ban nghiên cứu sửa đổi hiến pháp để bảo đảm quyền tư hữu. Câu chuyện này là phần nổi của một vận động chìm trong lòng xã hội Trung Quốc, trong đó các phe phái trong Trung ương Đảng đang tranh giành ảnh hưởng và giữa Trung ương và các Địa phương cũng thường xuyên kèn cựa. Đảng Cộng Sản Việt Nam thì vẫn lẽo đẽo theo sau đàn anh phương bắc chờ nghe động tĩnh họ làm gì thì bắt chước. Cho nên muốn biệt sự thể (ở Việt Nam) mai mốt ra sao thì chúng ta cũng nên biết (ở Trung Quốc) đang có chuyện gì.

Nguyên ủy câu chuyện là những giếng dầu. Miền Diên An khô cằn nghèo khổ, là chốn dung thân của ông Mao Trạch Đông, lấy đó làm bàn đạp quay trở về chiếm lĩnh trung nguyên. Nhưng sau khi ông Mao thành công chiếm được cả lục địa Trung Hoa, ông cũng chẳng thèm trở về thăm những căn hầm đục trong núi đất đó.

Đến ngày có những người cặm cụi đi đào được những giếng dầu lửa, và lập các mũi khoan, bơm dầu, bây giờ đã có đến 6,000 giếng bơm dầu. Đặc biệt là những người làm việc khia thác dầu này đều là tư nhân, chẳng khác gì các nhà tiên phong đi tìm dầu ở Texas hay California bên Mỹ hai thế kỷ trước đây.

Nhưng ở Trung Quốc họ không công nhận quyền tư hữu, cho nên các "doanh nhân" trên chỉ được ký các hợp đồng khai thác với chính quyền địa phương. Bây giờ chính quyền tỉnh ra lệnh sung công các tài sản đó. Như ông Mao nói, vì có mâu thuẫn mới có đấu tranh. Theo ông Phong Bình Tiên, một người đại diện cho các sở hữu chủ (được báo Financial Times gọi là "người làm lóp bi" - lobbyist - cho nhóm này,) thì tổng số tài sản trong vụ này lên tới 10 tỷ nhân dân tệ, tương đương với 1.2 tỷ mỹ kim. Nhà vận động hành lang, gọi là lóp bi cho tiện, yêu cầu chính phủ Bắc Kinh đối xử công bằng với các doanh nhân đang bị chính quyền địa phương chèn ép.

Chính quyền Thiểm Tây thì vin vào một "nghị định mật" năm 1999 của chính phủ trung ương để quyết định sung công. Trong Nghị định mật này, thủ tướng Chu Dung Cơ ra lệnh không cho tư nhân khai thác dầu lửa, dành độc quyền đó cho nhà nước. Nhà lóp bi Phong Bình Tiên cãi lại rằng: đã gọi là "nghị định mật" thì làm sao dân chúng biết mà thi hành? Đã cho phép người ta đi tìm, đào, hút dầu lên, vì ngươi ta không biết mình bị cấm; bây giờ nhân danh một cái "nghị định mật" để cướp lại, lẽ công bằng để đâu?

Nhưng trong chế độ cộng sản Trung Quốc thì ở trong còn lắm điều hay khác. Một nguồn tin của báo Financial Times cho biết sở dĩ chính quyền địa phương sung công các mỏ dầu này cũng là để "bảo vệ" các tài sản xã hội chủ nghĩa đó nằm trong tay của họ, khỏi bị rơi vào tay chính phủ trung ương, nó phí đi! Nếu họ không nhanh tay thì mai mốt Công ty dầu lửa Quốc gia sẽ cướp lấy những tài sản này!

Bảo vệ quyền sở hữu tư nhân

Nhưng vụ tranh chấp xẩy ra thật đúng lúc. Vì giới lãnh đạo mới ở Bắc Kinh, với ông Hồ Cẩm Đào cầm đầu, đang tính sửa đổi hiến pháp để chính thức công nhận quyền sở hữu tư. Bản hiến pháp hiện nay nói phải tôn trọng, bảo vệ các tài sản chung (gọi là tài sản xã hội chủ nghĩa) nhưng không nói gì đến tài sản tư cả. Một ủy ban sửa hiến pháp do Bộ Chính trị lập ra đang tung ra ý kiến thêm "tàisản tư nhân" nữa. Đáng lẽ trong dịp lễ kỷ niệm ngày thành lập đảng hồi đầu tháng Bẩy ông Hồ Cẩm Đào đã nói tới dự án thay đổi hiến pháp, nhưng có lẽ vì cuộc tranh chấp giữa ông ta và cựu chủ tịch Giang Trạch Dân chưa phân thắng bại cho nên ông chưa đề cập tới đề nghị quan trọng này. Ông Hồ Cẩm Đào đã tìm cách chứng tỏ ông là người nắm quyền hành, chứ không phải chỉ nấp bóng ông Giang Trạch Dân. Ông Hồ đã triệu tập Bộ Chính trị để thảo luận về chương trình cải thiện lâu dài cho quân đội Trung

Quốc. Vì ông Giang không ở trong Bộ Chính trị nữa nên không có mặt. Nhưng bàn về tương lai quân đội, dù là chuyện trường kỳ, mà không có mặt ông Giang, Chủ tịch Quân ủy Trung ương, thì đó phải là một hành động cố ý, chứng tỏ ai thực sự quyết định.

Để đáp lại, ông Giang Trạch Dân cũng tìm cách chứng tỏ ông ta vẫn có quyền. Trong vụ bệnh dịch Sars, ông Hồ Cẩm Đào đã hành động cương quyết và nhanh chóng, cách chức viên Bộ trưởng Y tế. Nhưng ngay sau đó, ông Giang Trạch Dân đã mời viên Bộ trưởng này đến dự một bữa tiệc do ông ta khoản đãi, có các nhà ngoại giao tham dự. Chỉ cốt để chứng tỏ ông vẫn tín nhiệm con người mới bị cất chức. Hành động đó không đủ bắt ông Hồ thay đổi ý kiến, vì việc cất chức được dân chúng hoan nghênh: Lần đầu tiên một cán bộ cao cấp bị trừng phạt ngay sau khi thấy có lỗi trong việc quản trị việc nước. Chỉ tội nghiệp ông Thứ trưởng Y tế bị kẹt giữa hai lằn đạn. Ngày hôm trước, ông loan báo tin ông Bộ trưởng bị mất chức, đã nêu lên những lỗi lầm nặng nề trên hệ thống truyền hình. Mấy bữa sau, ông phải đổi giọng, nêu lên những thành tích của ông cựu Bộ trưởng. Nhưng khi thấy ông cựu Bộ trưởng vẫn không được phục chức, ông Thứ trưởng lại lên đài nhắc nhở đến các sai lầm nghiêm trọng của người tiền nhiệm!

Sau vụ ông Bộ trưởng Y tế, ông Giang Trạch Dân đã đánh bại ông Hồ Cẩm Đào trong vụ cách chức viên Phó Tổng biên tập tờ nhật báo Thanh Niên và các nhà biên tập của tờ tạp chí Thanh Niên Tham Khảo. Các tờ báo này đều thuộc Hội Liên hiệp Thanh niên Cộng Sản, trước đây là "căn cứ địa" của ông Hồ Cẩm Đào, nơi ông đứng đầu và xây dựng những người ủng hộ mình. Ông Phàn Vĩnh Thành, Phó Chủ bút nhật báo Thanh Niên và hai người trong tờ Tạp chí bị cất chức vì đăng một bài nghiên cứu xã hội, trong đó có một chi tiết nói 10% các nữ sinh viên ở các đại học tỉnh Hồ Bắc làm gái điếm để đủ tiền ăn học.

Nhưng giữa ông Giang và ông Hồ các điểm xung khắc khá sâu xa, chứ không phải chỉ khác nhau về một vài nhân vật dưới quyền.

Ông Giang đã mở đầu "tư bản hóa" đảng Cộng Sản Trung Quốc với khẩu hiệu "ba đại biểu," trong đó một điều mới mẻ nói rằng Đảng Cộng Sản phải là đại biểu của các lực lượng sản xuất tiến bộ nhất trong xã hội. Mà lực lượng đó chính là các doanh nhân, nói cách khác, là các nhà tư bản mới lên.

Đối với giới kinh doanh này, đảng Cộng Sản Trung Quốc có thể lựa chọn hai đường. Họ có thể coi các nhà tư bản như một lực lượng kinh tế đi song song với đảng Cộng Sản. Các anh giỏi sản xuất và phân phối hàng hóa, các anh lo kiếm tiền, các anh cứ tạo ra thêm của cải. Trong khi đó quyền hành tối cao của đảng thì các anh không được đụng tới. Một đường lối khác là đem ngay các nhà tư bản mới lên vào luôn trong đảng, cho họ hội nhập, công nhận họ là đảng viên để chính thức chia chác quyền lợi kinh tế và chính trị với nhau bên trong guồng máy. Đảng Cộng Sản không cần mang danh đảng của giai cấp vô sản nữa, nhưng đổi lại, có các "lực lượng sản xuất tiến bộ nhất" vào trong đó. Khẩu hiệu Ba đại biểu có thể coi là một "hợp đồng ngầm" giữa các người lãnh đạo đảng và giới kinh doanh tư.

Cuộc tranh chấp ở Thiểm Tây là biểu hiện nổi của hai thế lực chính trị và kinh tế đang đối đầu với nhau. Và khi cuộc tranh chấp đó trở thành công khai thì người dân và giới trí thức Trung Hoa mới thấy một điểm căn bản trong chế độ hiện nay không thể chấp nhận được, là quyền tối thượng của đảng cộng sản. Đảng muốn làm gì thì làm, chỉ cần ra một cái "nghị định mật" là xong! Các nhà tư bản phải lo lắng: họ làm ăn gì thì làm, trên đầu họ lúc nào cũng treo những con dao "nghị định mật" cho phép đảng cộng sản cướp lấy tài sản của họ, không ai được kêu ca.

Nhưng xã hội Trung Hoa đã thay đổi. Sau những thất bại trông thấy cảu đảng Cộng Sản như vụ bệnh dịch Sars bị bưng bít làm bao nhiêu người chết, người dân đã hết tin và bớt sợ guồng máy cai trị của đảng. Họ dám họp nhau lại, đứng lên tự bảo vệ quyền lợi của mình. Cho nên họ mới dám lên thẳng Bắc Kinh mà kêu cứu. Kêu cứu, nhưng không dám kiện. Nhà lóp bi Phong Bình Tiên nói, "Chẳng ích lợi gì cả. Ở Trung Quốc trên nguyên tắc ai bị áp bức thì phải kiện ra tòa, nhưng tòa án thuộc quyền sở hữu của đảng Cộng Sản!"

Và đây là một điều căn bản khác mà người dân Trung Hoa sẽ thấy không thể chấp nhận được. Họ sẽ đòi phải có một chế độ tôn trọng luật pháp, các luật lệ phải minh bạch, công khai chứ không có lối làm "nghị định mật." Ngoài giới kinh doanh tư, giới trí thức ở Trung Quốc cũng đang nhập cuộc với những cuộc thảo luận công khai về "Xã hội Đại đồng" và "Xã hội Tiểu khang," cho thấy phe lãnh đạo mới ở Trung Quốc sẵn sàng mở cửa chuẩn bị cho những thay đổi trong tư tưởng của đảng.

Giấc mơ Đại Đồng

Báo chí Trung Quốc đang tung ra khẩu hiệu mới bốn chữ: "tiểu khang xã hội" (phiên âm là xiaokang shehui.) Nói kiểu văn phạm Việt Nam là "xã hội tiểu khang." Khái niệm này có từ hơn

2500 năm trước, ít nhất từ thời Khổng Tử, giờ được đảng Cộng Sản cho sống lại. Theo tin của tạp chí Economist, khẩu hiệu trên được các lãnh tụ từ cao đến thấp nhắc đi nhắc lại trong các diễn văn, được nhật báo Nhân Dân và các tờ báo khác của đảng Cộng Sản đem ra tán tụng.

Có thể đây chỉ là một khẩu hiệu mới để lôi cuốn quần chúng. Khẩu hiệu cũ gần đây do ông Giang Trạch Dân đưa ra, gọi là lý thuyết "Ba đại biểu" hô hào suốt mấy năm nhưng không được đón nhận nồng nhiệt lắm. Cái tên gọi nghe đã lẩm cẩm, quê kệch; mà ý nghĩa thì lơ mơ.

"Xã hội Tiểu khang" có thể là một món hàng tư tưởng mới, hy vọng bán dễ hơn lý thuyết "Ba đại biểu" mang nhãn hiệu Giang Trạch Dân. Thay bằng một món khác đeo nhãn hiệu Khổng Tử quý giá hơn, để cho ông Giang chìm dần đi. Trong bài diễn văn nhân ngày thành lập đảng gần đây ông Hồ Cẩm Đào đã nhắc đến lý thuyết Ba đại biểu nhiều lần, vẫn coi đó là kim chỉ nam của đảng, nhưng ông ta lại không hề nhắc đến tên đồng chí Giang Trạch Dân. Hồ Cẩm Đào, người cháu bẩy đời của Hồ Tôn Hiến rất mưu lược. Ông ta phải nhắc đến lý thuyết Ba Đại biểu vì nó đã được ghi vào cương lĩnh đảng rồi. Nhưng ông cố ý quên tác giả, để mọi người cùng quên ông Giang dần dần. Mai mốt Bộ Chính trị sẽ giải thích lý thuyết Ba đại biểu với nội dung mới theo ý ông Đào, vì tự bản thân lý thuyết này rất đại cương, muốn giải thích sao cũng được! Khẩu hiệu "xã hội tiểu khang" mới được đưa ra có thể sẽ được dùng để "áp dụng lý thuyết Ba đại biểu" theo lối Hồ Cẩm Đào.

Khái niệm "xã hội tiểu khang" được Khổng Tử nêu lên trong sách Lễ Ký, thiên Lễ Vận, đối chọi với khái niệm "xã hội đại đồng." Theo sách Lễ Ký, một trong Ngũ Kinh của Khổng học, một hôm người học trò là Tử Lộ thấy Khổng Tử có nét mặt buồn bã, miệng thở dài, bèn hỏi lý do. Ngài trả lời rằng ngài tiếc không được sinh ra trong thời kỳ "đạo lớn được thi hành." Sau đó, ngài mô tả những tính chất của thời "đạo lớn được thi hành" cho học trò nghe.

Nguyên văn trong Lễ Ký chắc nhiều người đã thuộc ít nhất một câu đầu, vì câu này thường được Tôn Trung Sơn nêu ra: "Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công." Khi đạo lớn được thi hành thì tất cả các thứ dưới bầu trời là của chung." Ở Đài Loan, cả câu này, hoặc bốn chữ "Thiên Hạ Vi Công" được ghi ở khắp nơi để tưởng nhớ quốc phụ Tôn Trung Sơn, người sáng lập Trung Hoa Dân quốc. Mà trong lục địa Trung Hoa thì đảng cộng sản cũng coi Tôn Trung Sơn là nhà tiền hô mở đường cho Mao Trạch Đông. Vợ ông là bà Tống Khánh Linh từng làm phó chủ tịch Trung Quốc trong nhiều năm, ngôi nhà của bà được coi là một Viện bảo tàng ở Thượng Hải. Vì lý tưởng "Tất cả là của chung" rất thích hợp để quảng cáo cho chủ nghĩa Cộng Sản, chứng tỏ rằng dù chủ nghĩa này mới được mang từ Tây phương vào Trung Quốc nhưng nó vẫn thích hợp với truyền thống "đại đồng" nói trong Khổng giáo. Quả thật, bản mô tả các hình ảnh lý tưởng của một xã hội đại đồng thì rất giống những mục tiêu không tưởng của các đảng cộng sản. Theo Lễ Ký, Khổng Tử nói khi đạo lớn được thi hành thì tất cả là của chung: "Những người có đức và có khả năng được chọn cử; đem giảng đức Tín, sống với nhau trong hòa mục. Người ta không chỉ thân người thân (cha mẹ) của mình; không chỉ coi con mình là con. Làm cho người già được sống trọn tuổi già; người lớn có việc làm; trẻ con được nuôi dậy đến lớn. Những kẻ mồ côi, góa bụa, bị tàng tật, đều được nuôi nấng. Trai có chức phận, gái có nơi trông cậy. Về tài sản, ghét bỏ việc phí phạm (vứt bỏ dưới đất), không ai cất dấu làm của riêng. Về sức lực khả năng thì ghét dùng sức của người khác (không do chính mình mà ra,) cũng không ai dùng sức mình cho một mình hưởng. Nhờ thế mà các mưu gian bị lấp bỏ không nổi lên được; trộm cướp, giặc loạn không tác hại. Cho nên cổng ngoài không cần đóng." Rồi Khổng Tử kết luận: "Như vậy gọi là xã hội đại đồng."

Có thể nói đoạn mô tả trên cũng là những hình ảnh được vẽ ra khi ông Mao Trạch Đông phát động phong trào công xã nhân dân, bắt tất cả dân Trung Hoa vào sống tập thể, làm tập thể, ăn tập thể, nghe tiếng kẻng biết lệnh mà theo. Kết quả là giấc mơ không tưởng đó làm chết đói hàng chục triệu người.

Đoạn văn trong Lễ Ký mô tả xã hội Đại đồng có thể coi là bản tóm tắt của cuốn truyện giả tưởng "Utopia" của Sir Thomas More (1478 – 1535.) Nhà chính trị, nhà văn Thomas More tưởng tượng một thuyền trưởng viễn du suốt đời, khi trở về già kể chuyện ông đã tới một "Không tưởng Xứ" (tên truyện bằng tiếng Hi Lạp có nghĩa như vậy, sau tên bị đổi thành chữ La tinh.) Ở xứ đó không ai làm chủ ai, không ai lo cho tư lợi, "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu."

Nhưng Thomas More (sau được giáo hội La Mã phong thánh, năm 1935) cũng đủ bén nhậy để nhận xét rằng một xứ không tưởng như vậy, khi không ai còn nghĩ đến tư lợi nữa, thì sẽ khó lòng có sự tiến bộ. Hơn nữa, những kẻ nuôi giấc mộng đại đồng không tưởng một cách nhẫn tâm thì sẽ giết không biết bao nhiêu người vẫn thản nhiên được, vì tự cho là mình đang xây dựng một

xã hội hoàn thiện! Sau này Karl Marx, Lênin, Mao Trạch Đông và Pol Pot không đủ sắc bén, và cũng không có từ tâm như More nên vẫn đem một giấc mơ đại đồng áp đặt trên loài người chung quanh họ.

Xã hội Tiểu khang

Từ thời Khổng Tử, ngài đã biết xã hội đại đồng chỉ là một hình ảnh lý tưởng, không thể có thực. Khổng Tử không hề nghĩ đến việc thiết lập một xã hội không tưởng như thế, vì trong đời sống cá nhân cũng như xã hội ngài vẫn chủ trương thái độ Trung dung. Sau khi mô tả một xã hội đại đồng không tưởng, Khổng Tử mô tả tiếp một xã hội trung dung, thực tế hơn, gọi là xã hội tiểu khang.

Thiên Lễ Vận viết: "Nay đạo lớn đã ẩn, thiên hạ là của các nhà. Mọi người chỉ thân người thân của mình, chỉ yêu con mình như con. Tài sản và sức lực, khả năng đều dùng cho mình (tư lợi.) Một dòng họ lớn lập ra, cha truyền con nối. Thành quách hào lũy xây nên. Dùng Lễ và Nghĩa (kỷ luật xã hội) để ấn định tương quan giữa vua và bầy tôi cho ngay ngắn, cha con có tình, anh em, vợ chồng hòa thuận; rồi thiết định chế độ, lập ra làng, ruộng, đề cử những người dũng và trí, ai có công thì người đó hưởng. Vì vậy dùng đến mưu mẹo, lập ra quân đội. Những triều đại Võ, Thang, vua Văn, vua Vũ, Thành Vương, Chu Công, do chế độ đó mà được đưa lên. Sáu nhà quân tử đó đều chuyên về Lễ, làm cho Nghĩa được sáng rõ, cho Tín được thử thcáh, lầm lỗi bị tố giác. Người ta giảng dậy điều nhân và đức nhường nhịn, đo dó dân có luân thường đạo lý. Nếu (ông vua) mà không theo các điều đó thì có thể bỏ đi, coi như tai ương của dân. Như vậy gọi là Xã hội Tiểu Khang."

Có thể nói Khổng Tử bác bỏ xã hội đại đồng để chọn xã hội Tiểu khang. Chúng ta biết ông luôn luôn nêu gương các triều vua Văn, vua Vũ, hoặc Chu Công làm khuôn mẫu cho các nhà cai trị noi theo. Trong đoạn trên ngài tả các vị vua này cũng chỉ sống trong "xã hội tiểu khang." Như vậy thì hiểu được là xã hội tiểu khang chính là mục tiêu chính trị của Khổng học. Trong một xã hội đại đồng thì không cần Lễ, Nghĩa, không cần quy tắc luân lý, không cần chế độ chính trị nào cả, khi tất cả mọi người đều tốt đẹp như thần tiên cả rồi. Có thể ví như cã hội thời loài người còn sống trong Vườn Địa đàng, theo Kinh Cựu ước. Còn trong xã hội tiểu khang thì cần thiết định những quy tắc, luật lệ để sống chung với nhau, vì con người có lòng vị kỷ, cần bị ràng buộc bằng lễ, nghĩa, chế độ, vân vân. Đó là "Cõi người ta" chứ không phải "cõi Trời" mọi sự hoàn hảo.

Khi đảng Cộng Sản Trung Quốc bắt đầu nêu cao khẩu hiệu xã hội tiểu khang thì chúng ta hiểu đó là một cách giải thích vơi các đảng viên tại sao họ phải từ bỏ chủ nghĩa cộng sản của ông Karl Marx. Vì nó hoàn toàn không tưởng. Chiến dịch này cũng là một cách ngấm ngầm chỉ trích đường lối không tưởng của Mao Trạch Đông ngày xưa. Tạp chí Economist thuật lời một giáo sư Viện Khoa học Xã hội ở Bắc Kinh, nhận xét rằng trong những thập niên 1920, 30, các lãnh tụ đảng Cộng Sản vẫn nhắc đến Chủ nghĩa Đại đồng, mượn một hình ảnh do Khổng Tử nêu ra từ hơn hai ngàn năm trước để thu hút giới trí thức và nông dân Trung Hoa. Hồ Chí Minh ở Việt Nam cũng học theo lối đó; trong một bài thơ tự so sánh mình tài giỏi hơn Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Hồ tự nhận là "Tôi dẫn năm châu tới đại đồng!" Pol Pot, cho tới lúc sắp chết cũng vẫn tự coi là suốt đời mình chỉ mong cho nhân dân Cam Bốt hạnh phúc!

Nhưng ai có suy nghĩ cũng biết rằng xã hội đại đồng là không tưởng. Các lãnh tụ cộng sản ở Liên xô hay ở Việt Nam, Cam Bốt chắc phải biết như vậy, vì không thể giả thiết là họ ngu ngốc đến nỗi không biết suy nghĩ. Khẩu hiệu "xã hội đại đồng" được nêu lên chỉ cốt đánh lừa những người ngây thơ nhẹ dạ, những đảng viên hết lòng hy sinh cho một lý tưởng mà nhà văn Dương Thu Hương gọi là "Thiên đường mù." Khi người ta tỉnh ngộ ra không thể nào có thiên đường trên hạ giới được, thì đã quá trễ, tất cả đã nằm trong gọng cùm của đảng rồi, không cựa quậy được nữa. Cho đến khi chế độ tự nó tan rã, như ở Nga và Đông Âu.

Ở Trung Quốc và Việt Nam thì trong quá khứ đảng Cộng Sản đã thành công trong việc giữ cho dân đói dài, không còn thời giờ nghĩ gì đến điều khác ngoài cơm áo. Và họ cũng thành công trong việc giữ cho dân trí thật thấp, để không ai biết gì khác ngoài những điều được báo và đài của đảng cho nghe. Các chế độ độc tài ở Á châu đã bảo vệ được độc quyền chính trị và kinh tế lâu hơn bên Âu châu. Khi thấy hệ thống kinh tế ở bên Âu châu thất bại hiển nhiên, họ bèn thay đổi kinh tế cho dân được vừa đủ no rồi tiếp tục cai trị dân bằng các khẩu hiệu. Khẩu hiệu "xã hội tiểu khang" mới được đưa ra là để biện minh cho con đường tư bản hóa nước Trung Hoa mà các "lãnh tụ của giai cấp vô sản" đang theo đuổi.

Ngày xưa Khổng Tử sống trong cảnh "thiên hạ vi gia," các triều đại vua chúa thay trời trị dân. Còn ngày nay "thiên hạ vi đảng," tất cả những gì ở dưới bầu trời đều thuộc về một băng đảng. Cho đến ngày dân chúng thấy "chúng dĩ vi ương," bọn chúng là tai họa./.

LÀM GÌ CHO NÔNG THÔN VIỆT NAM?

GS PHẠM ĐỖ CHÍ

Sau hai cuốn sách biên khảo về kinh tế Việt Nam, *Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên (DTCRNQ)* [1] và *Thử Thách Của Hội Nhập (TTCHN)*, [2] do một nhóm trên 50 kinh tế gia người Việt trong và ngoài nước cộng tác thực hiện, câu hỏi lớn nhất chúng tôi thường tự đặt ra là: tại sao Con Rồng Ngủ Quên, và nếu đúng, vì lý do nào ngủ quên lâu như vậy?

Câu trả lời không dễ dàng vì đầu đề trên chỉ được đặt ra bởi các người viết do thôi thúc của cảm tính, mượn hình ảnh con rồng như một biểu trưng cho ước vọng to lớn của tổ tiên cho Việt Nam (VN) từ thời lập quốc, và thường được diễn đạt giản dị như viễn ảnh phát triển của đất nước lên hàng cường quốc kinh tế. Câu trả lời sẽ đòi hỏi cả thư viện về lịch sử, văn hóa, chính trị, xã hội và kinh tế. Ở đây chúng tôi mạo muội đặt một giả thuyết về kinh tế và cố gắng trả lời bằng tóm tắt những ý chính của quyển sách về nông thôn đang được cùng nhóm sửa soạn cho ra mắt.[3]

Có phải vì tầm quan trọng của nông thôn trong chính sách phát triển đã bị xao lãng như trong trường hợp của Trung Quốc những năm đầu cải cách hay không? Chỉ phát triển miền duyên hải, bỏ quên nội địa. Thế còn trường hợp Đài Loan mở đầu bằng phát triển nông thôn mạnh mẽ thì sao? Việt Nam có thể học hỏi được gì ở hai nước láng giềng đã áp dụng rất thành công cuộc cách mạng nông thôn như khởi đầu cho đường lối phát triển toàn nền kinh tế?

Sau hơn 10 năm Đổi Mới, chỉ mới cái đầu và hai tay của "**Con Người Khổng Lồ Việt Nam**" bắt đầu chuyển động [4] vì được cởi trói phần nào nhờ đổi mới ở thành thị. Mặc dù những ràng buộc khó khăn, cái đầu trên và hai tay đã phá bỏ xiềng xích để tiến bộ trong thời gian mới đây và hướng dẫn các chính sách và luật lệ (điển hình là Luật Doanh nghiệp ra đời đầu năm 2000 do đòi hỏi của tình thế). Còn thân mình giữa và đôi chân cứng đất sét VN vẫn không chuyển động được vì chưa có cơ hội.

Trên một phương diện nào đó, nếu diễn tả theo một quan niệm cơ bản của Khổng học, tiến trình phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam cũng phải đi qua những giai đoạn "*Tu thân, Tề gia, Trị quốc, rồi mới Bình thiên hạ.*" Trong một thế giới ngày càng nhỏ bé lại, xin tạm gọi ở đây "Thiên hạ" như bao gồm những thị trường thế giới mà Việt Nam cần chinh phục trong thương mại quốc tế, những bước chuẩn bị cần thiết nhắm vào nỗ lực giải quyết một số "lý do nội tại" để hợp lý hóa và hữu hiệu hóa môi trường đầu tư phát triển trong nước và bảo đảm thành quả tốt cho những bước tiến hội nhập. Nói cách khác, trường hợp cá tra-basa có thể được dẫn chứng như là điển hình cho tình trạng "võ công chưa đạt" mà đã "xuống núi."[5]

· **"Tu Thân"**: Giai đoạn này xác định các vấn đề chiến lược hàng đầu như phát triển quốc gia, công nghiệp hoá hiện đại hóa, phát triển nông thôn Việt Nam, vv... Đây cũng là thời gian nghiên cứu chọn lựa các "võ công": kinh tế thị trường, phát triển toàn diện và liên kết, v.v...

· **"Tề Gia"**: giai đoạn này gồm việc đánh giá thực trạng nông thôn Việt Nam, nhu cầu đổi mới thể chế và chính sách trong nội bộ nông nghiệp, phát triển bền vững và những thách thức của phát triển nông thôn bền vững và chính sách vĩ mô thích hợp. Sẽ cần nghiên cứu các vấn đề riêng biệt của cả ba miền Bắc Trung Nam. Ví như thời gian tập luyện nội công, chân khí, tăng nội lực, bồi dưỡng sức khỏe, để hỗ trợ cho võ công.

· **"Trị Quốc"**: Vấn đề phục hồi làng xã và các định chế yểm trợ phát triển nông thôn như hợp tác xã, tín dụng, y tế-xã hội, giáo dục và đào tạo, v.v... để chuẩn bị cho hội nhập. Trong giai đoạn này, cần nhuần nhuyễn tất cả mọi công phu võ nghệ, đường quyền kiếm của mình, cũng như

hiểu rõ ưu khuyết điểm của các phái võ khác.

· **"Bình Thiên Hạ":** Tiến đến vấn đề hội nhập cho nông nghiệp Việt Nam, hoạch định chiến lược xuất khẩu, chính sách tỷ giá thích hợp, vấn đề trợ giá nông nghiệp quốc tế và thương thuyết thương mại, v.v... Đây là giai đoạn sẵn sàng "xuống núi" để "thế thiên hành đạo." Đặc biệt, chúng ta cần nghiên cứu các bài học của Trung Quốc và Đài Loan cho Việt Nam.

Trên đây chỉ là cách dùng biểu tượng giản dị để chia xẻ một cách mộc mạc với độc giả cảm quan của người viết bằng các danh từ mượn từ... truyện kiếm hiệp, khi bàn trong bài này về hướng đi để phát triển nông thôn.

Vấn đề đặt ra cho chiến lược phát triển quốc gia

Trong tương lai gần, VN có thể chọn lựa một con đường phát triển đặc trưng cho mình, có tính cách bền vững hơn và chú ý đến giải quyết thất nghiệp và phẩm chất phát triển, thay vì chỉ hoàn toàn thuần định lượng bằng chọn mục tiêu là các con số phát triển cao hàng năm. Trong đó phải đặt ưu tiên cho việc hoàn tất các khung luật lệ của nền kinh tế thị trường trong khung cảnh pháp trị, phát triển mạng lưới an sinh xã hội và cải thiện khẩn cấp môi trường.

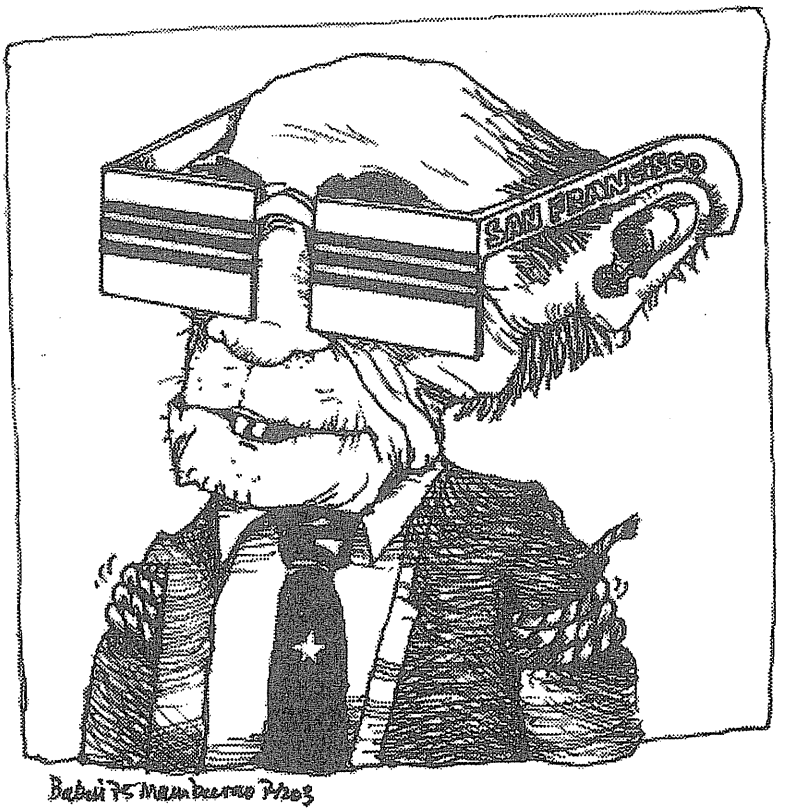

Nói đến người nghèo, vấn đề phát triển nông thôn sẽ trở thành khẩn cấp hơn bao giờ cho VN không phải chỉ vì vấn đề công bằng như vẫn thường được đặt ra. Đây còn là chiến lược phát triển thực tế nhất phù hợp với những đòi hỏi chính trị và xã hội đương thời của các nước chuyển đổi như TQ và VN. Nhìn lại 'Đổi Mới" trên mười năm vừa qua, chỉ có khu vực nông thôn còn tương đối bị "bỏ quên." Nếu chỉ vài thành thị lớn ở hai đầu như Hà Nội và Sài Gòn được phát triển nhanh và mạnh, còn cả thân mình giữa nhất là vùng thôn quê vẫn lầm than tụt hậu thì "con rồng VN" khó mà chuyển mình thức dậy, đừng nói gì chuyện "cất cánh." Vì sẽ thiếu mãi lực tiêu thụ cũng như khả năng tích lũy của khối 80% dân chúng cho việc phát triển công nghiệp của cả nước.

Nhưng để vực dậy nông thôn, vấn đề không phải chỉ là các chính sách tăng năng suất và sản xuất nông sản theo lý luận cổ điển. Nông nghiệp VN tăng trưởng khá nhanh từ thời kỳ Đổi Mới, nhưng đã không dẫn đến việc chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, nhất là ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long, nơi có đông dân cư nhất. Nguyên nhân chính là do các vùng này tập trung phần lớn vào việc xuất khẩu nông sản thô. Khó thực hiện được việc đa dạng hoá nông sản cũng như phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm để rút lao động ra khỏi nông nghiệp. Vì đó, năng suất lao động và thu nhập của nông dân đã khó tăng nhanh để tạo tích luỹ cho nông nghiệp và đầu tư lao động cùng tư bản vào phát triển công nghiệp theo các mô hình phát triển quen thuộc.

Chiến lược phát triển mới được ghi nhận ở vài nước láng giềng châu Á là một chính sách phát triển toàn bộ và liên kết (integrated approach) nhắm vào tăng sản xuất nông nghiệp gồm cả những biện pháp xã hội, giáo dục và y tế được

phối hợp chặt chẽ ở những vùng được nghiên cứu là còn tiềm năng phát triển nông nghiệp, và đồng thời khuyến khích phát triển các vùng nông thôn khác trong các ngành sản xuất mới theo *lợi thế tương đối* trong nước như công nghiệp, dịch vụ và nhất là ngoại thương trong buổi hội nhập quốc tế hiện tại. (Trần Văn Thọ (2003)). Từ đó hy vọng sẽ dẫn đến một quốc sách mới chú trọng ***công nghiệp hóa và đô thị hóa nông thôn*** trong chu trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế bắt buộc của phát triển khi tỷ trọng của nông nghiệp sẽ từ từ giảm bớt trong tổng sản lượng quốc dân. Vấn đề này rất quan trọng, đòi hỏi nhiều nghiên cứu về chính sách và mức độ áp dụng.

Vấn đề hiện đại hoá

Đây là quá trình chuyển biến từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, tức là biến đổi từ nền kinh tế nông nghiệp và khai thác tài nguyên sang một nền kinh tế mà công nghiệp và dịch vụ đóng vai trò chủ đạo. Trong tiến trình đó, tỷ trọng của công nghiệp ngày càng lớn trong sản xuất, xuất khẩu và thành phần lao động. Sự biến đổi về kinh tế kéo theo các thay đổi về đời sống xã hội và văn hóa cùng đòi hỏi những cơ cấu thiết chế mới phù hợp.

Tâm lý tiểu nông nặng nề của người nông dân VN, mặc dù là đặc trưng của VN do ảnh hưởng đời sống làng xã và truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời, sẽ là rào cản quan trọng về phát triển. Cần dùng giáo dục hiện đại để nâng cao trình độ và giúp họ nhiều hơn trong hội nhập, cũng như khuyến khích họ có nhiều tham vọng vật chất hơn để tiến bộ.

Công nghiệp hoá nông thôn

Kinh nghiệm phát triển của Đài Loan và nhiều nước Á châu cho thấy ở nông thôn có thể phát triển những ngành công nghiệp mới. Về vốn, Đài Loan và Trung Quốc đã tích lũy vốn phần lớn từ ngay trong khu vực nông nghiệp. Thặng dư nông nghiệp nầy làm cho tiết kiệm nông thôn tăng nhanh, giúp cho các xí nghiệp hương trấn (town and village enterprises) phát triển mạnh mẽ. (Trần Văn Thọ (2003)). Cần nhấn mạnh là Trung Quốc và Đài Loan còn cho VN bài học thích hợp nhất là chính sách mới công nghiệp hóa nông thôn nên chuyển hướng đầu tư sang những doanh nghiệp nhỏ, dùng nhiều lao động và có cơ sở nông thôn, trái ngược hẳn với chính sách của các nước Đông Á khác như Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia và Indonesia đã dồn đầu tư vào việc mở mang các hãng lớn ở các đô thị lớn.[6] Điều này đặc biệt quan trọng cho VN với tình trạng nền kinh tế kém về hiệu quả và sức cạnh tranh xuất khẩu hàng công nghiệp, do bởi chính sách đầu tư sai từ nhiều năm dồn vào các xí nghiệp quốc doanh lớn, sản xuất thay thế nhập khẩu, dùng nhiều vốn ít lao động và hướng vào công nghiệp nặng. Đề tài này đã được đặt ra nhiều lần trong hai cuốn sách DTCRNQ và TTCHN trích dẫn trên đây.

Nhìn lại từ khi bắt đầu thực hiện chương trình đổi mới năm 1989 ở Việt Nam, ngành công nghiệp đã tăng trưởng mạnh hơn so với nông nghiệp. Đầu tư nước ngoài là một nhân tố chính trong quá trình này. Tuy nhiên, sự nghiệp công nghiệp hóa mới chỉ giới hạn ở hầu hết khu vực thành thị. Việc áp dụng một chính sách ưu tiên doanh nghiệp nhà nước và khu vực thành thị hơn là doanh nghiệp tư nhân và khu vực nông thôn là nguyên nhân dẫn đến sự chậm trễ của công cuộc công nghiệp hóa nông thôn ở Việt Nam và nguy cơ kéo dài sự tụt hậu của toàn nền kinh tế./

Tài liệu tham khảo

Đặng Kim Sơn và Hoàng Thu Hòa chủ biên (2002), *Một Số Vấn Đề Về Phát Triển Nông Nghiệp Và Nông Thôn.* Hà nội: Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương và NXB Thống kê.

Đặng Kim Sơn (2002b), *Công Nghiệp Hóa Từ Nông Nghiệp, Lý Luận, Thực Tiễn Và Ứng Dụng Cho Việt Nam.* Hà nội: Nhà Xuất Bản Nông Nghiệp.

Lin, Justin Yifu và Yang Pao (2002), "Công nghiệp hóa nông thôn Trung Quốc trong bối cảnh của sự thần kỳ Châu Á". Trong Joseph E. Stiglitz và Shahid Yusuf chủ biên (2002), *Suy Ngẫm Lại Sự Thần Kỳ Châu Á.* Hà nội: Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia.

Trần Văn Thọ (2003), *Công Nghiệp Hóa Nông Thôn: Phương Pháp Luận và Thực Tiễn Miền Trung* (bài sẽ đăng trong sách *Làm Gì Cho Nông Thôn Việt Nam?* đã dẫn).

[1] Phạm Đỗ Chí và Trần Nam Bình (chủ biên), *Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên: Kinh Tế Việt Nam Đi Vào Thế Kỷ 21*,Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn, 2001.

[2] Phạm Đỗ Chí, Trần Nam Bình và Vũ Quang Việt (chủ biên), *Những Vấn Đề Kinh Tế Việt Nam: Thử Thách Của Hội Nhập*, Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn, 2002.

[3] Phạm Đỗ Chí, Đặng Kim Sơn, Trần Nam Bình và Nguyễn Tiến Triển (chủ biên), *Làm Gì Cho Nông Thôn Việt Nam?*, Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn, sẽ xuất bản đầu tháng 8, 2003.

[4] Mượn ý của TS Nguyễn Duy Chính.

[5] Tác giả xin ghi nhận các ý kiến đóng góp của Thạc sĩ Nguyễn Quốc Cường cho phần này.

[6] Xem Justin Yifu Lin và Yang Pao (2002).

TOUR DE FRANCE:

CUỘC ĐUA XE ĐẠP VÒNG QUANH NƯỚC PHÁP

NGUYỄN PHÚC BỬU-TẬP

Có nhiều lý do chính đáng khiến người Việt Nam di cư, trốn "Bác và Đảng" hiện sinh sống tại Hoa Kỳ, chú ý đến cuộc đua xe đạp *Tour de France* (Vòng đua Pháp quốc), "hiện tượng thể thao quan trọng nhất trên hoàn vũ" (the greatest sporting event on Earth), theo nhà văn Geoffrey Wheateroff vừa xuất bản cuốn sách *Le Tour: A History of the Tour de France 1903-2003*, NXB Simon and Schuster, New York, mà tác giả bài này trích dẫn làm tài liệu căn bản cống hiến bạn đọc. Lý do thứ nhất nằm trong bối cảnh chánh trị là việc căng thẳng bang giao giữa nước Hoa Kỳ và nước Pháp. Hầu hết dân chúng Hoa Kỳ hồ hởi với cuộc chiến thắng thần tốc tiêu diệt đảng Baath của Saddam Hussein, tuy nhiên 80% dân Pháp ủng hộ đường lối phản chiến của Tổng thống Pháp Jacques Chirac (phản chiến vì lý do nhân đạo – không ai rõ – hay vì các giao kèo trăm tỷ Mỹ kim đã ngầm giao ước với dầu lửa Iraq). Vậy nên trong vòng ba tuần lễ tới, người Việt sống ở Pháp và châu Âu sẽ hồi hộp với cuộc đua vĩ đại, trong lúc người Việt ở Mỹ sẽ ngại ngùng vì thấy người Mỹ sống sát cạnh nhà – bởi lẽ còn hờn giận với Pháp – hờ hững, không chút chú ý với cuộc đua. Đứng ở giữa, ta ước mong các biến cố xã hội, như thể thao làm dịu bớt căng thẳng chánh trị.

Lý do thứ hai thuộc tình cảm. Người Việt di cư, ở tuổi bảy, tám mươi, chỉ nghe nhắc đến chữ Tour de France là thấy hiện ra từ tiềm thức những kỷ niệm của một cuộc đua nhỏ hơn, rất gần gũi, do người Pháp tổ chức tại Đông dương, gọi là *Tour de l'Indochine* (Vòng đua Đông Dương), với những cao thủ người bản xứ như "con phượng hoàng Lê Thành Các" dân Nam kỳ, như "đại vương nước rút Vũ Văn Thân" (dân Bắc kỳ) ... "Ông Tây" thực dân ngày đó dùng các cuộc tranh đua thể thao để lèo lái tinh thần ái quốc của dân bản xứ ra khỏi các hoạt động chánh trị, và để tạo nên tinh thần địa phương khiến dân Nam Bắc thù ghét nhau. Rập theo tổ chức Tour de France, có từng đội ngũ mang danh hiệu các hãng thương mại và kỹ nghệ, Vòng đua Đông Dương tổ chức theo từng xứ địa phương Trung, Nam, Bắc, Cao Mên (Miên), và Ai lao. Dân Vạn tượng, cũng như Cao Mên và Trung kỳ không có "cua-rơ" làm ăn nên chuyện; chỉ còn lại hai toán Nam kỳ và Bắc kỳ. Vòng đua đi qua các tỉnh miền Bắc, người bình dân la hét tên Vũ Văn Thân, Vũ Văn Tiếu.... Vòng đua đi vào Nam, dân chúng thổi kèn đánh trống gọi tên Lê Thành Các, Nguyễn Thành Phương ... Ít ra, mục đích thầm kín chia rẽ Nam Bắc của ông Tây trong Ban tổ chức cũng đã đạt được một phần.

Nhưng ta trở lại với Tour de France. Nhiều nguyên nhân khiến cuộc đua năm nay hào hứng. Trước tiên là nguyên nhân lịch sử. Vòng đua năm nay đánh dấu một trăm năm tuổi *Tour de France*. Ngày mồng một tháng bảy năm 1903, 60 cua-rơ cưỡi xe đạp hiệu St. Etienne (hãng kỹ nghệ thép của Pháp danh tiếng nhất lúc bấy giờ) tập họp tại vùng ngoại ô Montgeron thuộc thủ đô Paris, trước mặt hiệu cà phê Réveil-Matin, khai mạc vòng đua xe đạp lịch sử. Ta sẽ lưu ý là dân Pháp thích ăn nhậu, nhiều biến cố lịch sử nước Pháp khơi mào từ một quán cà phê. Như hơn một trăm năm trước đó, cuộc cách mệnh lật đổ chánh quyền quân chủ cũng do dân chúng tập họp tại quán cà phê Café des Patriotes, ở ngoại ô Paris, nhậu rượu vang rồi kéo nhau vào đập phá ngục Bastille. Lần này cuộc đại hội ở hiệu cà phê Montgeron an lành hơn, nhưng không thiếu một lý do chính trị và xã hội. Vào đầu thế kỷ XX, nước Pháp và

châu Âu sôi sục vì phong trào chống và bênh người Do Thái, vụ án Dreyfus. Dư luận dân Pháp bị bẻ gãy làm hai, ngoài phố, trong nhà. Họa sư Claude Monet ủng hộ Dreyfus chống đối với người đồng hội đồng thuyền là là họa sư Paul Cézanne, muốn cầm tù Dreyfus. Hoàng thân Guermantes (người đỡ đầu cho văn hào Marcel Proust), chống đối bá tước Dion. Ông hoàng Guermantes làm kỹ nghệ xe ô tô, xuất bản tờ báo "Vélo," mướn một nhà văn có nghề tay trái là huấn luyện viên xe đạp tên là Henri Desgrange làm chủ bút. Guermantes bắt chước một kỹ nghệ gia Hoa Kỳ ở New York đã cho xuất bản một tờ báo gọi là "World" (Thế giới) để quảng cáo một môn thể thao mới chớm nở và rất được quần chúng ưa chuộng là *baseball*. Henri Desgrange bèn tổ chức một trò thể thao "sẽ làm đảo lộn sở thích toàn thế giới" là một cuộc đua xe đạp. Desgrange lại có sáng kiến dùng tựa đề của một cuốn sách rất phổ thông lúc bấy giờ mà bất cứ người Pháp nào cũng đọc qua, kể cả các "ông Mít" dân thuộc địa (người Pháp gọi người Việt là Annamite, đọc trại và chế giễu là "Mít"), đọc kỹ phải kể là cuốn *Tour de France par Deux Enfants* (Hai cậu bé đi Vòng quanh Nước Pháp). Thế là cuộc đua xe đạp đầy huyền thoại, mang một cái tên lịch sử là *Tour de France* ra đời.

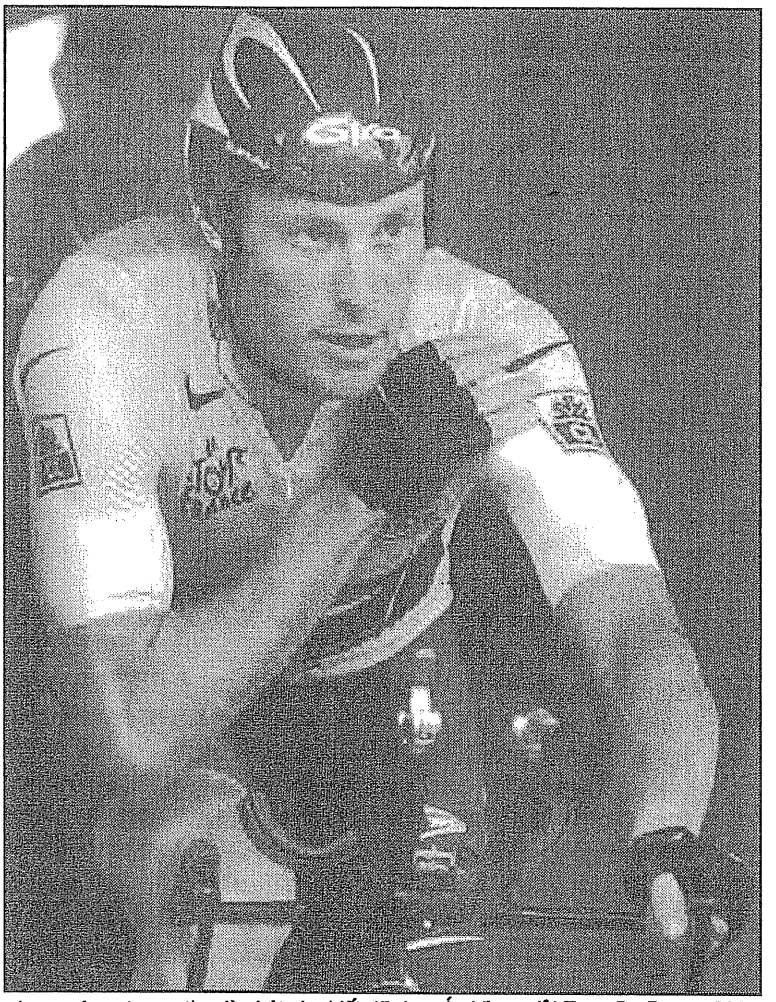

Lance Armstrong, tin giờ chót cho biết đã đoạt Áo Vàng giải Tour De France 2003

Vòng đua đầu tiên, năm 1903, có 69 cua-rơ tham dự. Mỗi năm số cua-rơ tăng thêm, tối đa có năm lên tới 140 người nhưng trung bình nói chung là 120 cua-rơ; từng năm cách tổ chức chặt chẽ hơn, và cách chọn lựa lộ trình lên đèo xuống núi cũng khó khăn hơn. Trong khoảng nửa thế kỷ đầu, việc ăn thua tùy thuộc nhiều vào sức khoẻ và tài năng cá nhân tránh được các rủi ro khi trèo núi đổ dốc. Nhà văn Pháp Roland Barthes đã viết bài xã luận rất hay: "Vòng đua quanh nước Pháp: một thiên hùng ca" (Le Tour de France: une épopée). Con số tử vong của các cua-rơ tham dự trong nửa đầu thế kỷ XX tính ra thật quá cao, chết không ở cuộc đua, mà chết vì bệnh hoạn, khủng hoảng sau cuộc đua. Ngày đó luật chơi (chơi thể thao nói chung) chưa cấm dùng các loại thuốc kích thích, nên cua-rơ, muốn ăn thua lạm dụng thuốc kích thích, thành ra hủy hoại sức khoẻ. Bởi lẽ đó mà các cua-rơ danh tiếng như Petit-Breton, Antonin Magne, Gino Bartali. Fausto Copi ... chưa khi nào giữ được áo vàng (người thắng trận cuối cuộc đua được giữ chiếc áo vàng cho đến năm sau) quá hai năm, và cũng ít cua-rơ vô địch được sống đến tuổi già. Ngày nay, luật lệ thay đổi nhiều đối với cá nhân cua-rơ (kiểm soát chặt chẽ việc dùng thuốc kích thích...), cách tổ chức cuộc đua cũng hoàn thiện hơn, tránh nguy hiểm vô ích cho cua-rơ tham dự, nhất là cách kết hợp từng đội, khiến cho các cua-rơ ở bậc trung gọi là domestico giúp đỡ tận tình thủ lãnh toán và chia sẻ quyền lợi vật chất của

giải thưởng. Cách thức thao dượt và huấn kuyện của cá nhân và đồng đội mỗi năm thêm hoàn mỹ làm cho năng suất cua-rơ được nâng cao và thành tích cuộc đua thêm hào hứng. Tính trung bình cho đến nay, số cua-rơ tham dự vòng đua là 120 người mỗi năm; chiều dài cuộc đua là 4.000 kilômét, tương đương với 2.500 dặm Anh. Cuộc đua thường khởi hành tại Paris, như năm nay dưới bóng Tour Effel, lộ trình ghé qua Tây Ban Nha, Ý, Tây Đức và Thụy Sĩ. Khởi đầu cuộc đua là một đoàn xe quảng cáo tưng bừng (lợi nhuận dùng trang trải sở phí cuộc đua), theo sau là đoàn xe các tài tử radio, chớp bóng, truyền hình... Tại mỗi địa phương lại có chức sắc tháp tùng để quảng cáo tuyển cử, không khí vô cùng vui nhộn.

Kể về thành tích, Jacques Anquetil của đội Pháp đã thắng năm vòng đua, trong đó có bốn vòng liên tiếp trong bốn năm (1961-1964). Eddy Merckx (đội Belgique) cũng thắng năm vòng đua, bốn vòng liên tiếp trong bốn năm (1969-1972). Nhưng vô địch cho đến bây giờ vẫn là Miguel Indurain (đội Y-Pha-Nho) đã thắng năm vòng liên tiếp từ năm 1991 đến 1995.

Hiện nay, đến lượt ngôi sao sáng nhất của cuộc đua xe đạp *Tour de France* là Lance Armstrong, người Hoa Kỳ. Anh cua-rơ này thành công xuất chúng vì anh sinh đẻ tại một quốc gia trong đó con người di chuyển bằng bốn bánh xe ô tô, chứ không phải bằng hai bánh xe đạp. Người ta vẫn định nghĩa người Hoa Kỳ là sinh vật di chuyển bằng bốn bánh xe! Lại nữa, Armstrong mắc bệng ung thư, chứng bệnh ngày nay khoa học vẫn bó tay. Anh vượt qua bệnh hoạn, trung thành với xe đạp, thắng bốn vòng đua quanh nước Pháp liên tiếp trong bốn năm. Và năm nay theo mọi dự đoán, anh sẽ thắng vòng đua 2003, sắp ngang hàng với Indurain. Anh lại còn kín đáo tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn là anh dự tính giải nghệ vào cuối năm 2004, hàm ý cho báo chí biết là anh dự tính thắng *sáu* trận đua, con số kỷ lục cho đến bây giờ, và nếu còn cuộc đua, về sau cũng khó có ai đạt tới!

Liệu năm nay 2003, Lance Armstrong, hiện tượng siêu quần của *Tour de France*, có thực được giấc mơ lớn lao của anh không? Muốn thắng kỳ này Armstrong phải vượt qua nhiều khó khăn chồng chất. Trước tiên là đời sống gia đình. Nghệ nhân phải hy sinh cho nghệ thuật là chuyện đương nhiên: vì tập dượt, Armstrong suốt năm phải sống xa vợ và hai con, và chị Armstrong đã đệ đơn ra toà xin ly dị. Cũng may nhờ sự dàn xếp khéo léo của bạn hữu, và của ông bầu toán *U.S. Postal Service* (Toán Đua xe đạp Bưu Chính Hoa Kỳ), gia đình của Armstrong đã trở lại êm ấm.

Nhưng chính ông bầu của đội U.S. Postal Service lại đã từ chức. Người ta đã minh xác không phải ông bầu có chuyện lục đục với cua-rơ, nhưng phải nghỉ việc vì lý do gia đình riêng! Lại nữa đôi người cọng sự trong đội đua, như Tyler Hamilton là người bạn đã giúp đỡ tích cực Armstrong trong các vòng đua trước cũng đã rút lui để thành lập một đội đua riêng, gọi là CSC, nhằm kế vị Armstrong bây giờ hoặc trong các năm tới.

Thế nhưng Armstrong vẫn lạc quan. Anh tin là đội U.S.Postal Service của anh đã được chuẩn bị đầy đủ, vì những người ra đi đã được thay thế kỹ lưỡng, chứng cớ là David Miller, cua-rơ danh tiếng nhất của đội Cofidi Anh quốc đã từ giã đội đua của mình sang đầu quân làm "tôi đòi domestico" cho đội U.S. Postal Service của Armstrong để "học thêm kinh nghiệm" hầu làm nên danh phận trong các vòng đua sau này.

Người mộ điệu hiểu biết cuộc đua tiếc là Mario Cipollini, thủ lãnh đội Vacairez của nước Ý, năm nay không được Ban tổ chức cho tham dự, làm mất hào hứng cho khán giả thế giới không được xem Cipollini trổ tài. Các cuộc khám nghiệm cá nhân tìm kích thích tố cũng đã bị tố cáo là tham nhũng – hay ít nhất là thiên vị. Nhất là năm nay, dân Pháp ở vùng quê, nơi vòng đua đi qua, đang bị truyền thông đại chúng đầu độc vì chiến tranh Iraq, chắc sẽ không ngớt bài bác Armstrong, gọi anh là cua-rơ "dopé" (dùng kích thích tố) trong khi anh đã vượt qua được tất cả thí nghiệm khảo sát!

Một trăm năm và sáu ngày chẵn sau cuộc đua thứ nhất tại Montgeron, vòng đua *Tour de France* thứ một trăm đã khởi hành và lúc bài viết này đến tay bạn, chắc kết quả đã phân định. Trừ trường hợp tai nạn – rất nhiều cơ hội xẩy ra tai nạn khi lên đèo xuống núi – hầu như toàn thể báo chí truyền thông giám định cuộc đua đều đặt hy vọng và Armstrong, đứng trên các tay đua cự phách Jan Ulbricht, Santiago, Botero, Joseba, Beloki ... Chúng ta cầu xin cho Armstrong giữ được sức khoẻ và niềm tin để tham dự cuộc đua và đồng thời chúng ta cũng ước mong là cua-rơ nào khoẻ nhất, tài năng cao nhất sẽ thắng cuộc đua để giữ mãi *Tour de France* làm biến cố thể thao quan trọng nhất cho ngày mai.

TÌM HIỂU NHẠC THÍNH PHÒNG VIỆT NAM:
ĐỜN CA TÀI TỬ

HOÀNG VIỆT KHANH

Nhạc thính phòng là một thể loại nhạc gồm các bài hát hoặc bản đàn được biểu diễn trong phòng khách tại tư gia hay trong một phòng nhỏ. Nhạc thính phòng Tây phương bắt đầu xuất hiện vào thế kỷ thứ 16 ở châu Âu, đặc biệt là ở Ý và Anh, do những nhóm nhỏ các nhạc sĩ, ca sĩ chuyên trình bày các bài hát rồi sau đó được phổ biến và phát triển tới việc trình tấu các bản đàn. Tại Việt Nam, từ thế kỷ thứ 10, dưới triều vua Lê và Đinh đã xuất hiện các buổi ca và múa trong cung đình, đền miếu, hoặc hội họp tại tư thất các quan tướng. Chính hình thức ca múa này đã làm nền tảng cho âm nhạc "thính phòng" Việt Nam ngày nay.

Tựu trung, âm nhạc thính phòng Việt Nam bao gồm *ca trù*, *ca Huế* và *đờn ca tài tử*, phát triển mạnh từ đầu thế kỷ thứ 20. Điểm khác biệt chính yếu giữa nhạc thính phòng Việt Nam và dân ca Việt Nam là: nhạc thính phòng gồm những tác phẩm (có khi được ký âm) và người trình diễn cũng như người thưởng thức phải được huấn luyện để có thể sử dụng các nhạc cụ, trình bày tác phẩm, cũng như hiểu biết về thi ca; trong khi dân ca mang tính cách tự phát, tự diễn trong lúc lao động hoặc giải trí.

Đờn ca tài tử (còn gọi là *nhạc tài tử*) được phát triển chủ yếu tại miền Nam Việt Nam. Thuật ngữ *tài tử* có thể hiểu theo hai nghĩa: thứ nhất, *tài tử* là những người tài năng (talent), những bậc thầy tham gia trình diễn; thứ hai, *tài tử* là những người nghiệp dư (amateur), gồm cả những bậc thầy nhưng không lấy đó làm kế sinh nhai tham gia biểu diễn (music of the amateurs).

Nền tảng của *đờn ca tài tử* chính là *nhạc lễ* (còn gọi là *nhạc ngũ âm*), một loại nhạc được phát triển vào thế kỷ thứ 17 dựa trên *nhạc tế tự cung đình Huế* và âm nhạc của các tỉnh Nam Trung Bộ. *Nhạc lễ* trở nên thịnh hành ở miền Nam vào cuối thế kỷ 19, phục vụ chính yếu cho các lễ hội tại địa phương. Các ban *nhạc lễ* lúc bấy giờ thường gồm có các nhạc cụ gõ và dây kéo vĩ. Do nhu cầu phục vụ cho các tang lễ về khuya, *nhạc lễ* cần phải chơi với âm lượng nhỏ theo yêu cầu của gia chủ. Từ đó các ban *nhạc lễ* được tổ chức một cách gọn nhẹ hơn và bắt đầu dùng *song lang* thay cho *trống nhạc* để giữ tiết tấu, cũng như bỏ bớt các nhạc cụ dây kéo vĩ để chỉ còn có *đàn cò*. Những ban *nhạc lễ* nhỏ gọn như vậy còn có tên gọi là *nhóm đờn cây*. Kể từ năm 1885 trở về sau, các *nhóm đờn cây* này được gọi là ban *đờn ca tài tử* để phân biệt với các ban *nhạc lễ* và *nhạc hát bội* đang thịnh hành song song . Một điểm khác biệt khác giữa *nhạc tài tử* và *nhạc lễ* là sự có mặt của ca sĩ. Do vậy ngoài việc hòa đàn với nhau, ban *nhạc tài tử* còn tham gia việc đệm đàn cho ca hát . Mặt khác, các ban *nhạc tài tử* dần dần không đàn cho đám tang nữa, trừ những trường hợp rất đặc biệt. Đối tượng phục vụ mới là những đám vui như đám ăn tân gia, đám cưới nhà giàu, đám thăng quan tiến chức, hoặc đám giỗ lớn .

Đầu thế kỷ thứ 20, *đờn ca tài tử* trở thành một phong trào ca nhạc phổ thông tại miền Nam, nhất là tại các địa phương như Bạc Liêu, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Đước (Long An), Cái Thia (Mỹ Tho), và Sài Gòn, v.v... Các *nhóm tài tử khối miền Đông* (ở vùng Sài Gòn Chợ Lớn và phụ cận) , và *nhóm tài tử khối miền Tây* (ở Vĩnh Long và Sa Đéc) cũng được hình thành. Đứng đầu *nhóm tài tử khối miền Đông* là ông Nguyễn Quang Đợi tức Ba Đợi, một nhạc sư từ triều đình Huế vào sống ở Cần Đước cầm đầu cùng với các nghệ sĩ khác như Cao Huỳnh Cư và Cao Huỳnh Điểu. Riêng *nhóm tài tử khối miền Tây* có ông Trần Quang Quờn tức Ký Quờn người Huế vào sống ở Vĩnh Long làm thủ lĩnh cùng với các nghệ nhân Trần Quang Diệm, Nguyễn Liên Phong và Nguyễn Tư Ba người gốc Quảng Nam. Các nghệ nhân này là những nhà tiên phong trong những cố gắng biên soạn, sáng tác và giảng dạy *nhạc tài tử* theo phong cách riêng của mình. Các ấn bản *nhạc tài tử* bắt đầu xuất hiện vào năm 1909. Riêng trong những thập niên 60 và 70, *nhạc tài tử* được các hãng đĩa

phát hành rộng rãi trong và ngoài nước như hãng Béka, Ocora, Pathé, Việt Hải, Hồng Hoa, Marconi, và Odéon v.v... Từ đó nhiều danh ca, danh cầm được nhiều người biết đến. Tuy nhiên ít thấy có những trường hợp đưa *nhạc tài tử* lên sân khấu trình diễn như thể loại âm nhạc thính phòng phương Tây .

So với các loại nhạc thính phòng khác của Việt Nam và phương Tây, trong *nhạc tài tử*, vai trò của những người đàn và hát là ngang nhau. Ca sĩ trong *ca trù* và *ca Huế* thường là phụ nữ, nhưng trong *nhạc tài tử*, ca sĩ nam và nữ đều có vai trò ca hát bình đẳng. Dàn nhạc của *đờn ca tài tử* có nhiều nhạc cụ hơn dàn nhạc của *ca trù* và *ca Huế* . Các nhạc cụ sử dụng trong *nhạc tài tử* thường có đàn tranh, cò, kìm, gáo, độc huyền, song lang, và ống tiêu v.v... Khoảng từ năm 1920, đàn ghi-ta phím lõm (hay "lục huyền cầm" hoặc chỉ gọi đơn giản là "ghi-ta"), hạ uy cầm, và viô-lông (violon hay vĩ cầm) cũng được thêm vào trong ban nhạc . Khi biểu diễn *nhạc tài tử*, các nghệ sĩ thường chú trọng đến sự kết hợp của các nhạc cụ có âm sắc khác nhau; ít thấy có sự kết hợp giữa các nhạc cụ cùng âm sắc. Thường thấy nhất là song tấu đàn kìm và đàn tranh - là sự kết hợp giữa tiếng tơ và tiếng sắt - mà giới chuyên môn gọi là *sắt cầm hảo hiệp*; hoặc tam tấu đàn kìm-tranh-cò, kìm-tranh-độc huyền, tranh-cò-độc huyền với từ chuyên môn là *tam chi liên hoàn pháp* . Nếu một ban nhạc có ba nhạc công và một ca sĩ thì được gọi là *ban tứ tuyệt*, nếu có bốn nhạc công và một ca sĩ thì gọi là *ban ngũ tuyệt*.

Một điểm đặc biệt của nhạc Tài Tử là lối đàn ngẫu hứng - tương tự lối chơi ngẫu hứng trong nhạc *Jazz* của Mỹ. Ở đây, người nghệ sĩ dựa trên bài bản truyền thống để thêm thắt những nhấn nhá, luyến láy của riêng mình một cách rất tinh tế dựa trên *hơi* và *điệu* của những chữ nhạc chính, nhưng đồng thời phải hòa hợp với những nghệ sĩ cùng diễn khác. Chính vì thế mà mỗi lần nghe lại cùng bản đàn, khán thính giả luôn luôn thấy mới lạ và hài hòa. Có lẽ phần ngẫu hứng nhiều nhất trong *nhạc tài tử* là ở phần *rao* của người đàn hoặc *nói lối* của người ca. Người đàn dùng *rao* - hoặc người ca dùng *nói lối* - để lên dây đàn và nhất là với mục đích gợi cảm hứng cho người bạn diễn, tạo không khí cho dàn tấu, và chuẩn bị hình tượng âm nhạc cho người thưởng thức . Ngoài

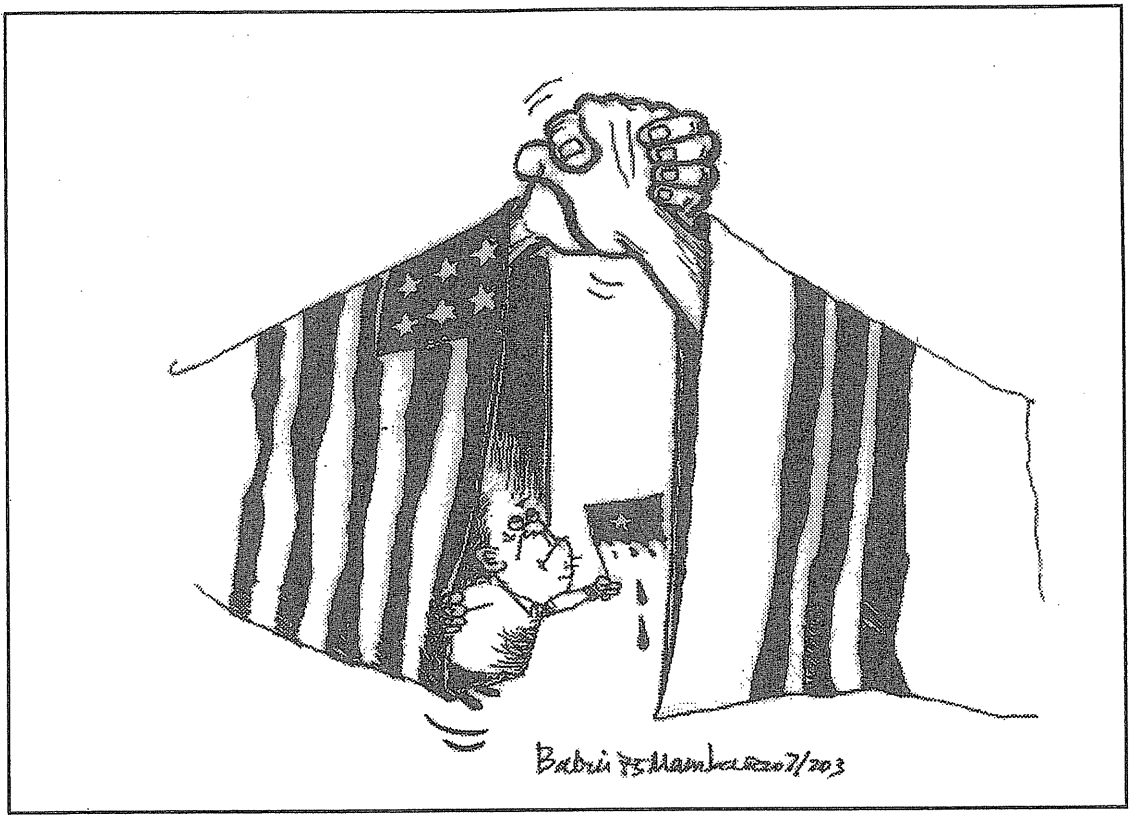

ra, khi trình tấu, các nghệ sĩ cũng có thể dùng tiếng đàn của mình để "đối đáp" hoặc "thách thức" với người đồng diễn. Chính vì vậy mà *nhạc tài tử* luôn luôn sinh động và hấp dẫn người nghe.

Đờn ca tài tử có một số lượng bài bản rất phong phú và đa dạng. Ngoài việc sử dụng một số bài bản trong *nhạc lễ*, còn có các bài bản từ *ca Huế*, dân ca miền Trung, miền Nam, và cả một số lượng lớn do các nghệ nhân bậc thầy sáng tác và cải biên. Do đặc tính ngôn ngữ và sinh hoạt riêng của người miền Nam mà nhạc miền Trung đã được phát triển đặc biệt trong *nhạc tài tử* . Ví dụ bài *Bình Bán* của *ca Huế* được phát triển thành *Bình Bán Vắn* trong *nhạc tài tử*, *Lưu Thủy Huế* thành *Lưu Thủy Đoản*, *Kim Tiền Huế* thành *Kim Tiền Bản*, *Phú Lục Huế* thành *Phú Lục Chấn*, hoặc *Bình Bán Huế* thành *Bình Bán Chấn* v.v. Các bài bản phổ biến nhất trong *nhạc tài tử* là *20 bài bản tổ* (còn gọi là *nhị thập huyền tổ bản*) thuộc hai *điệu Bắc* và *điệu Nam* . *20 bài bản tổ* gồm có bảy bản lễ, sáu bản Bắc, ba bản Nam và bốn bản Oán. Tương truyền rằng các bài bản này do ông Ba Đợi đúc kết và được xem như là những bài căn bản cho những người bắt đầu bước vào lĩnh vực *nhạc tài tử*. Một trong những bài bản nổi tiếng trong *đờn ca tài tử* là bản *Dạ Cổ Hoài Lang* - nghĩa là *đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng* - do nhạc sĩ Cao Văn Lầu tức Sáu Lầu ở Bạc Liêu sáng tác vào năm 1917 . *Dạ Cổ Hoài Lang* là bài hát được phát triển dựa trên bài *Hành Vân* của *ca Huế*. Lời ca của bài hát này được sửa nhiều lần bởi các nghệ sĩ như cô Ba Vàm Lẻo, ông Nguyễn Tử Quang, ông Trịnh Thiên Tư và được nhiều người yêu thích. Về sau, *Dạ Cổ Hoài Lang* được đổi tên là *Vọng Cổ Hoài Lang*, rồi được đơn giản hóa thành *Vọng Cổ* . Từ năm 1945, ông Giáo Thinh tức Nguyễn Văn Thinh, một nhạc sư có uy tín tại Sài Gòn, đã đúc kết và phổ biến một hệ thống mới gọi là *72 bài bản cổ nhạc miền Nam* (còn gọi là *thất thập nhị huyền công*). Theo đó, một nghệ nhân được công nhận là bậc thầy nếu biết hết 20 bài bản tổ; và để đạt mức cao siêu hơn, nghệ nhân đó cần biết hết 72 bài bản này .

Nhạc tài tử được phát triển mạnh ở miền Nam một phần là nhờ có khá nhiều *lò* dạy được mở ra ở khắp lục tỉnh và Sài Gòn. Đầu tiên, chỉ có những gia đình khá giả mới đủ tiền mời thầy ở các tỉnh khác về nhà để dạy. Vào những năm của thập kỷ 40 và 50, các *lò* dạy mới bắt đầu phổ biến, nhất là tại Sài Gòn, do các nghệ sĩ từ tỉnh lên phụ trách. Những *lò* nổi tiếng thời bấy giờ như các *lò* của nghệ sĩ Chín Phàng (từ Long An), Hai Đậu (từ Tiểu Cần, Trà Vinh), Năm Lòng và Năm Được (từ Cần Giuộc). Các *lò* lớn nhất, nhiều uy tín, và đào tạo nhiều danh ca danh cầm nhất có thể kể đến là *lò* Văn Giỏi và Tấn Đạt . Các nghệ nhân nổi tiếng như Sáu Thới, Năm Xem, Ba Đồng, Út Lăng, Tư Huyện, Tư Tụi, Sáu Thoàn, Văn Vĩ, Mười Đờn, Năm Vinh, Ba Trung, Sáu Xiếu, và Nguyễn Văn Thinh cũng có nhiều đóng góp cho việc phát triển này Trong những năm gần đây, chính quyền địa phương các tỉnh và huyện ở miền Nam Việt Nam đã cố gắng khôi phục lại các lớp dạy *đờn ca tài tử* cũng như tổ chức các *liên hoan đờn ca tài tử* cấp tỉnh hoặc liên tỉnh. Ở hải ngoại cũng đã và đang có nhiều cố gắng khôi phục lại thể loại nhạc thính phòng này của Việt Nam; nhưng hầu hết vẫn còn rời rạc và thiếu sự bảo trợ về mặt tổ chức cũng như tài chánh.

Do chịu ảnh hưởng của sự du nhập nhạc Tây phương, các phương tiện thông tin hiện đại, và một số nhận thức sai lạc của người dân về *đờn ca tài tử* nên thể loại nhạc thính phòng đặc sắc của Việt Nam này đang mất dần tính chính thống. Nhiều nơi đã thay đổi *không gian thính phòng* của *đờn ca tài tử* để diễn viên hòa nhạc và hòa ca trong *không gian sân khấu* - nơi mà người nghe và người diễn bị tách biệt. Nhiều chương trình nặng phần trình diễn, chú trọng nhiều đến phần ca hơn là *hòa* đàn. Thậm chí người ca hoặc người đàn còn học thuộc lòng các bài bản ký âm theo phương Tây một cách chi tiết; và do đó làm mất đi tính ứng tác, tính ngẫu hứng đặc trưng của nghệ thuật *đờn ca tài tử* truyền thống. Mặt dù về mặt thang âm điệu thức giữa âm nhạc *cải lương* và âm nhạc của *đờn ca tài tử* không có ranh giới rõ rệt , nhưng với cùng một làn điệu, cùng một bản đàn, lối ca và hòa tấu *nhạc tài tử* có một số khác biệt với lối ca và hòa tấu nhạc trên sân khấu *cải lương*. Do không bị hạn chế vào việc diễn xuất và kịch bản sân khấu, người nghệ sĩ của *nhạc tài tử* có nhiều thuận lợi hơn trong việc ứng tác và chơi ngẫu hứng.

Xuất phát từ việc nhận thức được tầm quan trọng của nhạc *đờn ca tài tử* trong nền âm nhạc truyền thống Việt Nam nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung, ngày nay đã có khá nhiều nhà nghiên cứu dân tộc nhạc học ở trong và ngoài nước đang tìm cách sưu tầm và hệ thống hóa các bài bản của *nhạc tài tử*, nghiên cứu thang âm điệu thức, phương pháp ký âm v.v.. Một số nhạc sĩ cũng đang tìm cách sáng tác thêm các bài bản mới để góp phần vào số lượng bài bản đang thịnh hành hiện nay.

TƯ MÃ THIÊN
SỰ GIÀU CÓ CỦA CON DÂN

PHAN QUỐC SƠN *dịch và chú giải*

Lời người dịch

Khám phá lại Tư Mã Thiên

Nhân loại đang ở đầu thế kỷ 21, biên cương mọi quốc gia đang mở rộng theo trào lưu toàn cầu hóa của kinh tế thị trường mà còn nói về thư, truyện, kinh, sử của chư hiền giả đời xưa e rằng quá ư lạc hậu? Nhưng không. Cái gọi là "xu hướng thời đại không thể quay ngược" này chẳng mới lạ gì, vì Tư Mã Thiên đã cổ vũ nó một cách đích xác như thế cách đây đã hai mươi mốt thế kỷ.

Đứa con Đông Phương ấy nói: "Con người sở dĩ chịu làm lụng cực khổ chỉ vì cái lợi của y," đây cũng là câu của Adam Smith thế kỷ 18; và: "Của giàu có không phải là một món vật có thể được chia bình đẳng, hoặc bị tước mất khỏi tay thiên hạ" như phản bác quan niệm của Marx thế kỷ 19, trước cha đẻ của hai học thuyết Tư Bản và Cộng Sản này ở Tây Phương ngót hai ngàn năm.

Marx chứng kiến sự bóc lột vài triệu công nhân Âu Châu thời tư bản chủ nghĩa ở dạng rừng rú chụp giựt ban đầu. Làm sao bằng Tư Mã Thiên qua con mắt sử gia, nhìn thấy sự bóc lột đến hàng trăm triệu đồng bào mình bởi lũ quan lại nắm độc quyền quốc doanh kiếm lợi cho triều đình Hán; sự khốn khổ tù đày, tịch thu gia sản hàng chục vạn thương nhân, khi nhà nước Hán đánh tư sản mại bản; đày hàng triệu gia đình nghèo đi vùng kinh tế mới, chiếm được của Bách Việt và Hung Nô; lùa hàng triệu người nông dân vào các đoàn phu khuân vác hàng thuyền buôn sông cho quan chức Hán quốc doanh (Đọc thiên 30, Sử Ký: Bình Chuẩn Thư) và xem thêm phần chú thích nhà Hán đày người giàu có đến cướp ruộng đất, bắt nông nô Việt ta cày gặt thóc lúa cung ứng cho bọn lính thú Hán tại đồng bằng sông Mã, sông Hồng, rồi quay về kinh đô Hán nhận tiền, theo lời tiết lộ của Tư Mã Thiên).

Sống trong thời đại dưới sức ép của thứ Nho giáo được uốn nắn cho phù hợp với chế độ Hán, ông là một kẻ sĩ không theo Hán nho để được xếp vào thứ bậc "sĩ, nông, công, thương" mà khẳng khái vực giai cấp thương ở đáy chót lên hàng đầu. Ông ca tụng sự giàu có, xếp giới tư bản lên ngang hàng hay cao hơn cả vương hầu phong kiến. Vì họ mới là người tạo ra của cải.

Nên chẳng lạ gì song song với kinh tế tư nhân, ông suy tôn chế độ chính trị tự do dân chủ giống Quản Trọng đề ra trước thời ông, cha đẻ thuật trị nước "thuận theo ý dân" áp dụng ở nước Tề từ thế kỷ thứ bảy trước Công nguyên, trước cả ý niệm Hy Lạp của văn minh Tây Phương. Ông tôn lý tưởng dân chủ này cao hơn cả "vương đạo" lấy Đức trị dân, lấy Lợi dắt dân của Khổng, Lão. Và như một lời lên án chính cái chế độ ông đang làm tôi, trị nước kiểu "giành mối lợi của trăm họ" của nhà Hán ông đặt xuống hạng chót, tệ hơn chế độ độc tài hình pháp nhà Tần ông từng cực lực tố cáo.

Người đời sau thường hoài tiếc cho văn minh Trung Quốc, phát minh thuốc pháo, nhưng không chế thành thuốc súng, rồi bị chinh phục bằng súng đạn Tây phương. Khám phá lại tư tưởng Tư Mã Thiên, di sản trí tuệ vô thừa nhận của một trong những đứa con văn minh Trung Quốc, là tiếc nuối đáng ngậm ngùi hơn chuyện thuốc súng bao lần. Bụt trong nhà không thiêng.

Họ có phải là thánh nhân chăng mà viễn kiến tiên tri vươn đến tận thời đại chúng ta? Có lẽ là không phải. Họ có thể chỉ là những hiền nhân biết ưu tư để giải quyết những nan đề riêng trong thời đại mình. Nhưng dù tiến hay lùi, lịch sử cũng có khi là vòng chu kỳ quay trở lại trong quỹ đạo miên viễn ngàn năm, nên chuyện đời xưa của họ trùng lập với đời sau. Không có vòng chu kỳ, người sau không học được gì từ bài học lịch sử ấy. Không sử gia, quá khứ là bóng tối.

*

Dù là hạng thường dân không chức tước gì ở triều đình, nhưng họ là kẻ biết dựa thời cơ làm giàu cho mình mà không can dự vào triều chính, hay cản trở sinh hoạt nhân gian. Người khôn cần phải học nơi họ. Vậy tôi chép sau đây *Hóa Thực Liệt Truyện (1).*

Lão Tử nói: "Phép trị nước hay là làm sao, cho dù nước này ở kề bên nước kia, hai bên gần có thể nghe được tiếng gà gáy chó sủa của nhau, nhưng dân nước nào cứ thích ăn thức ăn của nước đó; cứ thích mặc kiểu áo của mình; chuộng theo phong tục dân mình; ưa làm lụng nghề nghiệp mình; từ lúc sinh ra đến khi già chết mà không cần đi ra khỏi nước." (2) Nhưng thời nay ta muốn bắt chước kiểu trị nước này, cố khư khư đẩy đời này quay về thời thái cổ ấy, và để che mắt bịt tai trăm họ, thì sự thành công quả đáng lấy làm ngờ vậy!

Thái Sử Công (3) nói: "Tôi không biết gì về thời Thần Nông và từ đó trở về trước. Nhưng xét qua *Thư, Truyện* chép từ đời vua Thuấn và đời Hạ đến nay, tai mắt của thiên hạ bao giờ cũng ham nghe thanh hay, thấy hình đẹp. Lưỡi thèm nếm thịt thú nuôi cỏ tốt, hạt ngon. Xác thân chuộng thoải mái, tiện nghi. Trong lòng hãnh diện vì danh vọng quyền lực. Chừng nào thói quen ấy còn ngấm sâu trong thiên hạ, giá có kẻ nào đi gõ cửa từng nhà, rao giảng biện bạch chỗ thâm viễn của Lão giáo, e rằng cũng không sao thay đổi được ý dân." (4)

Thế cho nên, phép trị nước cao nhất của Đế vương là thuận theo ý muốn của trăm họ. Mức hạng nhì là dẫn trăm họ về đường lợi ích. Hạng ba là dùng Đức mà giáo hóa họ. Hạng tư kế đến là lấy hình pháp mà ràng buộc họ. Thấp tệ hơn hết là nhà nước đứng ra tranh giành mối lợi của dân (5).

Đất miền Lĩnh tây dồi dào gỗ, trúc, vỏ cây dâu, cây đay, đuôi bò làm đuôi nheo cờ phướng, ngọc và đá quý. Vùng Lĩnh đông sản sinh nhiều tôm cá, muối, cây sơn, lụa tằm, phường con hát và gái đẹp. Miền Giang nam sản xuất nhiều gỗ trầm, cây kiểng, gừng, quế, vàng, quặng thiết, chì, châu sa, sừng tê, mai rùa, trân châu đủ kiểu dạng, ngà voi và da thú. Ở bắc Long Môn và Giới Thủy thì sinh nhiều bò, ngựa, cừu, lông, da thú, gân thú và gạc nai. Núi có quặng đồng, sắt thì rải rác hơn một ngàn lí trên đất của quốc triều, như con cờ trên bàn cờ. Nói tóm lại, ấy là sản vật của quốc triều. Tất cả các tài hóa ấy con dân Trung Quốc thảy đều ưa chuộng, tùy tập tục từng miền dùng chúng để làm giường nằm, y trang, thức ăn, thức uống, làm ra vật dụng cho người sống cũng như chôn cất người chết.

Xét trong nhân quần, trước hết phải có hạng nhà nông sinh ra thì mới có miếng ăn. Phải có phường tiều phu, ngư phủ, phu mỏ trước rồi mới có phẩm vật lấy ở núi sông. Phải có phường nghệ nhân mới có đồ đạc để dùng. Rồi phải có giới đi buôn thì hóa vật mới phân phối đến các nơi. *Vậy khi đã có những hạng người ấy rồi, hà cớ chi cần đến nhà nước nhúng tay vào chi phối nữa, vì sao bắt dân sung công đi lao tác, dịch lệ định kỳ, là tại làm sao? Chỉ cần để yên tự mỗi người dùng lấy sức mình, tận dụng sức làm lụng để đạt đến ước muốn kiếm lợi cho chính y.* (6)

Thế nên, khi giá hàng hóa hạ xuống quá thấp, tự nó sẽ lên; hễ khi vật giá lên cao, rồi tự nó sẽ hạ. Khi mỗi con dân theo đuổi nghề nghiệp mình, và ham mê kiếm lợi ở thương trường, thì chẳng khác nào dòng nước chảy xuôi, hóa vật từ đó tuôn ra ngày đêm không dứt. Chẳng cần đến ai đứng ra hiệu triệu, dân chúng tự chế ra sản phẩm không cần ai ép buộc. Há điều này không thuận lẽ phải ư? Đó chẳng phải do kết quả tự nhiên mà đạt được sao? (7)

Chu Thư chép: "Nhà nông không trồng trọt, thì dân thiếu ăn. Nghệ nhân không chế vật dụng, hàng hóa sẽ thiếu. Lái buôn bỏ nghề, thì ba loại quý phẩm không phân phối đến được người tiêu dùng. Nếu ngư phủ, tiều phu, thợ mỏ ngưng làm việc thì sinh ra đói kém, không sung túc, tất cả sản vật ở núi sông không được khai thác." (8) Bốn hạng người ấy là gốc sinh ra áo cơm thiên hạ. Khi gốc lớn làm mọi người khá giả; khi gốc nhỏ gây sự thiếu thốn. *Nghèo hay giàu không phải là món đồ vật có thể chia bình đẳng, hoặc tước mất khỏi tay thiên hạ. Người giỏi thì có dư, người dở thì không khi nào đủ.*

Hồi đầu đời nhà Chu, khi Vương Khanh được phong đất Ưng Khâu ở nước Tề, đất ẩm, lẫn muối mặn, vắng người ở, ông đốc thúc thợ đàn bà, lập ra nghề thủ công chế những vật hạng tinh xảo nhất, và mở thương trường buôn cá và muối. Nhờ thế dân cư và hóa vật cuồn cuộn tụ về trong xứ tựa sợi chỉ quấn vào guồng sợi, thảy đều châu vào như nan bánh xe qui cả về trục. Sau đó nước Tề là nguồn cung cấp mũ, đai y trang, giày dép cho dân toàn quốc. Chư hầu ở giữa, từ miền duyên hải đến núi Thái Sơn, thảy đều sửa mũ áo lũ lượt kéo vào chầu triều đình Tề để tôn phù.

Về sau, uy quyền Tề suy, nhưng nhờ Thầy Quản

Trọng phục hồi sự giàu mạnh của nước Tề bằng cách lập chín chức quan kiểm soát luân lưu tiền tệ. Nhờ đó Hoàn Tề Công (685-643 BC) mới trở thành bá chủ. Chín lần ông triệu chư hầu vào triều họp bàn để sửa lại việc trị quốc. Lại nữa, bản thân Quản Trọng chỉ là một quan đại phu mà làm chủ một cung điện tên "Tam Qui" (9), gia sản của ông hơn hẳn một đại vương hầu. Do đó nước Tề vẫn còn giàu mạnh tận đến đời Vệ Vương và Tuyên Vương (378-323 BC).

Vậy có câu: "Khi kho lẫm đầy thì người ta mới biết lễ tiết. Người có đủ cơm áo rồi mới biết tới vinh nhục." Phú quý sinh lễ nghĩa, lúc bần cùng thì lễ phải mất. Người quân tử khi giàu thì vui mừng thực hành cái đức của mình; kẻ tiểu nhân khi giàu thì thi hành cái uy của mình. Như vực có sâu thì mới sinh ra cá; núi có cao thì dã thú mới tụ bầy, nhân với nghĩa đều tụ về người phú quý. Chừng nào người giàu còn có thực quyền, chừng ấy họ càng tôn quý thêm. Khi hết thực quyền, đám tân khách và lũ tôi hầu cùng quay mặt bỏ rơi, còn hãnh diện gì mà lân la gần gũi. (10)

Tục ngữ có câu "Đứa con nghìn vàng không chết ở chợ" (11) Lời ấy quả không ngoa vậy. Lại còn có câu:

"Hăm hở chen lấn nhau: Cả thiên hạ đều chạy theo lợi,

Lăng xăng giành giật nhau: Lợi là cái thiên hạ đuổi theo."

Kìa đến bậc làm vua một nước có một ngàn xe ngựa, bậc hầu có thực ấp một vạn hộ, người tôn trưởng có một trăm nóc gia còn lo sợ cái nghèo, huống hồ kẻ thất phu tầm thường tên ghi trong sổ thuế đinh thì còn sợ đến mức nào? (12)

Thuật kinh bang tế thế của Việt Câu Tiễn

Ngày xưa khi Câu Tiễn vua nước Việt (496-465 BC) bị quân Ngô vây hãm trên núi Cối Kê rất nguy khốn, ông phải vấn kế với bầy tôi là Phạm Lãi và Văn Chủng. Chủng nói: "Nếu bệ hạ biết sẽ có chiến tranh, tất việc binh nhung phải lo chuẩn bị từ trước. Còn các thứ đồ dùng, ngài phải biết mỗi vật có công dụng gì cho từng mùa. Khi bệ hạ biết rõ hai điều tối cần này, ngài mới biết đồ dùng phải phân phối ra sao. Khi sao Mộc Tinh (sao Tuế) mọc về hướng tây của trời, tức là vượng kim, điềm sẽ trúng mùa; khi mọc ở hướng bắc, vượng thủy, tất sẽ bị lũ lụt; khi mọc ở trời đông, vượng mộc, sẽ bị nạn đói; sao mọc ở hướng nam, vượng hỏa, tất sẽ hạn hán. *Đang bị hạn hán, phải lo trữ sẵn thuyền bè; đang lũ lụt, phải lo trước xe cộ.* Đây là phép dụng vật.

"Cứ sáu năm một lần, sẽ trúng mùa lớn; sáu năm một lần sẽ có hạn hán. Mỗi mười hai năm một lần sẽ có nạn đói to. Nếu giá lúa hạ 20 bạc một thạch, thì nhà nông sẽ khốn đốn. Nếu giá lúa tăng đến 90 bạc một thạch, thì người làm nghề hạng nhì gặp khổ sở. Nếu thương nhân và người làm nghề hạng nhì gặp khó, tất sản phẩm sẽ khan hiếm; nếu nhà nông gặp nguy thì họ thôi cày bừa ruộng nương. Nhưng nếu giá lúa không mắc quá 80 bạc, và không rẻ dưới 30 bạc một thạch, thì nhà nông lẫn người nghề hạng nhì sẽ cùng hưởng lợi. Nếu giá lúa giữ được quân bình và hàng hóa thông thương điều hòa, sẽ không bị thiếu rỗng trong kho thuế nhà nước và ở chỗ chợ búa. Cách trị nước cũng thế.

"Thuật tích trữ là tìm các vật hạng nào giữ được lâu mà không hư hao, giảm giá trị, và dễ trao đổi với các loại vật khác. Chớ cất giữ loại hàng nào dễ hư hỏng, thối nát; không nên dự trữ loại hàng đắt tiền. Nếu bệ hạ biết được món vật gì thiếu và thừa ở chợ, ngài sẽ biết giá trị một món hàng. Khi giá một thứ hàng lên quá cao, chắc chắn sẽ rớt giá; khi giá hàng hạ quá thấp, tất sẽ lại lên. Bán tống đi hàng giá đang mắc mỏ tựa hồ thừa mứa như đất bụi; thu mua các món hàng giá rẻ như thể quí tựa châu ngọc. *Của cải và tiền tệ phải để tự chúng luân lưu như dòng nước chảy.*"

Vua Câu Tiễn làm theo kế sách ấy và trong vòng mười năm nước Việt trở thành giàu có, nhờ thế nhà vua mới có của dư ban cho sĩ tốt dồi dào quí vật. Bởi đó mà quân lính dưới trướng mới dám xả thân vào chỗ làn tên hòn đạn đối phương giống như người sắp chết khát gặp nước lao vào. Về sau vua Câu Tiễn báo thù được quân Ngô, khoa trương uy vũ với các chư hầu ở Trung Quốc và được người đời tôn là một trong Ngũ Bá. (13)

Phạm Lãi có công trong việc giúp nước Việt rửa được mối nhục bị vây đánh ở núi Cối Kê, than rằng: "Trong bảy thuật của Văn Chủng, nước Việt mới dùng có năm mà đã đạt thành ước nguyện. Năm thuật ấy đã dùng vào việc trị nước, nay ta muốn dùng riêng lấy cho gia đình vợ con ta."

Nói xong bèn leo lên một chiếc thuyền con, xuôi dòng sông Dương Từ mà bỏ đi, dạo khắp chốn sông hồ. Ông thay tên đổi họ, sang đến nước Tề, tại đây ông tự gọi là Chi Di Tử Bì. Sau đó ông đi về nước Đào, lấy tên là Chu Công. Ông thấy vị trí nước Đào nằm giữa liệt quốc, các vương

hầu từ đây xuôi ngược đi khắp hướng, là nơi đô hội lớn trao đổi hàng hóa. Nơi đây ông mở việc doanh thương, tích trữ hàng hóa, chờ lúc có lời mang bán ra, và không đòi hỏi gì nơi người khác (Vậy người giỏi buôn bán phải biết cách chọn người và biết lợi dụng thời cơ tốt). Suốt mười chín năm, Phạm Lãi tức nay mang tên Chu Công, ba lần kiếm lợi cả 1000 dật vàng, hai lần mang cho hết các bạn nghèo và bà con xa. Thế có nghĩa là người giàu thích thực hành điều nhân nghĩa. Về sau lúc già yếu ông giao cơ nghiệp cho con cháu cai quản, nối nghiệp và phát triển doanh thương đến khi cả nhà kiếm được 100.000.000 bạc. Thế nên khi người đời nói đến kẻ giàu, đều nêu tên Đào Chu Công, tức Chu Công của nước Đào vậy.

Có thực mới vực được đạo

Tử Cống, sau khi làm học trò của Khổng Tử, bỏ về giữ một chức quan ở nước Vệ. Bằng cách thu mua, tích trữ, và bán đủ thứ hàng hóa khắp nước Tào và Lỗ, ông trở thành người giàu nhất trong số bảy mười hai môn đệ của Khổng Tử. Trong khi Nguyên Hiến một đệ tử khác của Thầy Khổng kiếm không đủ trấu và cám cho đầy vào bụng, sống vô tính danh ở hẻm làng. Còn Tử Cống thì xênh xang ngồi xe tứ mã có người hầu cỡi ngựa hộ giá, chở theo hàng xe tơ lụa tới lui biếu tặng các vương hầu. Khi vào nước nào, vương nước ấy thân chinh dời gót xuống sân chầu, trọng tiếp ông như ngang hàng ngôi thứ. Chính nhờ công danh của Tử Cống mà tiếng tăm Khổng Tử mới rạng rỡ nơi nơi. Chẳng phải đã bảo người có quyền vinh càng cao danh càng lớn đó ư? (14)

Bá Khuê người nước Chu. Dưới thời Văn Công nhà Ngụy (408-387 BC) trong khi Lý Khắc dạy dân khai khẩn tận lực nguồn lợi của đất đai, còn Bá Khuê thích chờ thời khi thế cuộc xoay vần sự thăng trầm, gặp đúng thời cơ mới ra tay.

Cái người ta vất, ta nhặt lấy
Cái người ta nhặt, ta vất đi.

Ông nói: "Gặp năm tốt được mùa. Tôi mua trữ lúa và bán ra lụa và sơn. Khi kén tằm bán đầy chợ, tôi mua vào tơ sống và bán ra thóc lúa; khi quỹ đạo sao Mộc tinh đi ngược về cung Mão, ấy là điềm được mùa, nhưng năm kế đó, mùa thóc sẽ kém. Khi sao Mộc về đến cung Ngọ, thì trời sẽ hạn hán, nhưng năm kế trời sẽ tốt. Khi sao Mộc đến cung Dậu, thóc sẽ trúng mùa, nhưng năm kế đó sẽ tệ khi đến cung Tỵ, sẽ bị trận hạn hán lớn, năm kế thời tiết sẽ tốt và năm kế nữa sẽ lụt lội. Vận tuần hoàn sẽ giáp vòng trở lại cung Mão."

Nhờ theo dõi luật tuần hoàn của tạo hóa, số kho dự trữ thóc của ông mỗi năm tăng gấp đôi. Khi muốn tăng tiền vốn, ông thu mua loại thóc rẻ. Khi muốn tăng nguồn hàng, ông chuyên thu mua vào loại thóc hạng nhất. Ngày hai bữa ông ăn uống đạm bạc, nhịn hết món ngon vật lạ, phục sức như hạng bần cùng, hòa mình làm lụng vất vả cùng lũ tôi tớ nỗ bộc của mình. Nhưng khi gặp đúng thời cơ, ông lao vào chụp bắt tựa như chim đớp mồi. Ông nói: "Thuật buôn bán của tôi cũng giống thuật trị nước của các nhà chính trị Y Doãn và Lữ Thượng đặt ra; giống như cách bày binh bố trận của Tôn Tử và Ngô Tử; như nhà tư tưởng Pháp gia Thương Ưởng thực thi pháp luật. Bởi thế cho nên kẻ nào kém trí sáng không theo kịp với thời, thiếu quyết tâm hành động, không đủ đức độ để biết nhận và cho, không đủ sức đứng vững trên đôi chân, dẫu kẻ ấy muốn học các thuật của tôi, tôi quyết không dạy cho." (15)

Cho nên khi thiên hạ nói về thuật buôn bán, người ta phải tôn Bá Khuê làm ông tổ của thương trường. Bá Khuê biết ứng dụng phép tắc của mình vào thực hành, kết quả đưa đến thành công. Ông biết rõ điều mình muốn nói.

Ỷ Đốn lừng danh nhờ thuật làm muối từ hồ ao; còn Cảo Tống, người xứ Hàm Đan nổi tiếng bằng nghề luyện sắt, sự giàu có của họ ngang hàng vua một nước.

Ngô Tử La sống nghề chăn nuôi; khi đàn gia súc sinh đẻ đông thêm, ông bán bớt để dùng tiền mua lụa quí và các hóa vật rồi ngầm mang biếu cho vua của rợ Nhung (16). Vua Nhung bèn gửi của biếu trả ông nhiều gấp mười lần tiền ông bỏ ra, và tặng ông thêm gia súc đến khi ông làm chủ được vô số ngựa và bò, nhiều đếm không xuể, chỉ biết chung chung là đầy mấy thung lũng. Vua Tần Nhất Thế (tức Tần Thủy Hoàng) nghe tiếng bèn phong cho Ngô Tử La tước hầu và được phép ngồi ngang với hàng đại phu khi có chầu triều.

Có người góa phụ tên Thanh Thị ở xứ Ba Thục, tổ tiên có để của lại mấy mỏ châu sa mối lợi thu gấp bao đời thành kẻ giàu to. Thanh Thị là góa phụ mà đủ tài đảm đương khuếch trương doanh nghiệp, và dùng tiền của mua được sự bảo vệ an toàn bản thân khiến kẻ khác không xử tệ hay hà hiếp được. Vua Tần Nhất Thế gia phong cho bà là hàng Tiết Phụ, tiếp đãi trọng hậu, lại còn cho xây điện Nữ Hoa Thanh tán dương công lao của bà.

Ngô Tử La chỉ là người nhà quê tầm thường

chăm lo đàn gia súc, Thanh Thị chỉ là hạng góa phụ sống xa nơi kinh kỳ nhưng cả hai được trọng vọng như bậc vương hầu có cả 10.000 xa mã, tiếng tăm lừng lẫy thiên hạ. Há chẳng do nơi sự giàu có của họ đấy ư?

Bẩm tính ham lợi của con người

Xét qua chuyện đã nói, khi giới trí giả lập bày kế sách trong triều, bàn bạc giữa sân chầu, họ giữ liêm sĩ hay sẵn sàng chết vì trung nghĩa, cho đến hàng cao nhân lui ẩn nơi thâm sơn, tu đạo thanh tĩnh, mục đích của họ là gì? Chẳng gì ngoài cái lợi. Vậy các quan lại suốt nghiệp giữ thanh liêm nơi quan trường cuối cùng đạt được phú quý; hạng con buôn mua ngay bán thẳng để sau rốt thành giàu có.

Lòng ham muốn tài lợi, không cần phải được ai dạy cho vì nó là một phần nòng cốt trong bẩm tính con người.

Vậy, khi bọn lính trẻ trong quân ngũ đánh lấy thành, trèo tường, đánh tan hàng ngũ địch, chém tướng đoạt cờ lệnh, xông pha dưới lằn tên hòn đạn, không chùn bước trước dầu sôi lửa bỏng, đó chẳng qua vì ham được trọng thưởng. Cũng thế, khi bọn trai tráng, cướp giết người qua đường, hủy giấu xác thân họ, làm hại người vô tội bằng hành vi độc ác, đào mồ trộm của, đúc tiền giả, lập bè đảng cướp bóc, hè nhau làm loạn, ức chế kẻ khác, đuổi dân ra khỏi làng, coi thường phép nước kỷ cương, mau đưa đầu tới chỗ pháp trường, chính do sự cám dỗ của tiền tài. Cũng thế, lũ đàn bà nước Triệu, bầy con gái xứ Trịnh tô mày vẽ mặt, khãy đàn tấu nhạc, ve vẩy tay áo rộng, lắc lư đôi hài thuê, liếc mắt đưa tình, tất tả đi xa ngàn dặm để tìm khách đàn ông, chẳng nệ già trẻ, vì chúng chỉ tham tiền. Công tử con nhà thế gia nhàn hạ, sửa mũ tô đốc gươm cho đẹp, rong chơi thiên hạ với lũ hầu cận, chỉ để khoe sự giàu sang. Người ra rừng bắn chim bằng cung tên, ra sông biển câu cá, không kể đêm ngày, chẳng nề sương tuyết, rong ruổi lưng ngựa dò nơi hầm bẫy thú vật, khe rãnh vực sâu mà chẳng e ác thú làm hại, chỉ vì mê thú vui đi săn. Lý do có người tụ tập chỗ cờ bạc sát phạt, đua ngựa, đá gà, đua chó, mặt mày đỏ gay, la hét om sòm, đủ trăm lời gấu ó tranh cãi nhau phần được thua, chỉ vì lấy chuyện thua tiền làm trọng. Y sĩ, thầy bói, hạng có tài nghề chuyên môn cũng chỉ bọ bo nhắm đến món lệ phí thu vào. Quan lại nhà nước bẻ cong từng chữ, vặn vẹo từng câu trong tờ chiếu nhà nước, đúc ấn giả, ngụy tạo văn chỉ nhà nước, không hãi sợ mũi kiếm nhọn xẻo thây nếu bị phát giác, bởi vì họ chìm ngập trong của biếu xén đút lót. Và khi bọn nhà nông, nghệ nhân, lái buôn hè nhau đầu cơ tích trữ, giấu giếm hàng hóa để làm giá cao, ta biết chắc rằng họ ham làm giàu, mong kiếm lời to. Thế nên thiên hạ ai ai cũng tận dụng mọi sở đắc khôn ngoan, dốc hết mánh lới khéo léo để tận thu mối giàu có tài lợi. Họ chẳng còn hơi sức thừa đâu nghĩ tới việc ban cho kẻ khác (17).

Kế trăm năm không gì bằng trồng "Nhân" (樹仁)

Tục ngữ có câu: "*Không ai đi xa cả 100 dặm để nhặt củi. Không ai đi tới cả 1000 dặm để đong gạo. Sống chỗ nào một năm, không kế nào hay bằng trồng lúa. Sống chỗ nào mười năm, không kế nào hay bằng trồng cây. Sống ở đâu được 100 năm, không kế nào hay bằng trồng nhân.*" Chữ Nhân này là làm điều tốt cho người khác. (18)

Có loại người không được nhận chức tước do triều đình ban, thế mà họ hưởng phú quý không kém gì những kẻ được ban cho những thứ ấy, họ đáng được tiếng khen là "bậc quyền quí không chức tước." Một công hầu được ăn thực ấp từ thuế mỗi nhà đóng hằng năm 200 bạc, nếu số thực ấp 1000 hộ, tất thu vào 200.000 bạc. Nhưng số thu này hằng năm phải chi ra hai kỳ tuế cống cho triều đình nào là quà cáp biếu phẩm. Hạng thứ dân như nhà nông, nghệ nhân, người đi buôn xa, thương nhân nói chung thu lãi được cỡ 2000 bạc trên số vốn 10.000. Vậy nếu mỗi gia đình bỏ vốn ra làm ăn 1.000.000 bạc, lãi thu được 200.000 bạc. Tiền lãi này trừ ra tiền thuế sưu dịch, thuế của cải và thuế đi lại, nhưng số lời thuần còn lại, họ dư dã sắm sửa chi tiêu các món ngon vật lạ họ thích. (19)

Thế nên người chủ mảnh đất để chăn nuôi, hằng năm sinh thêm được 50 ngựa, hay 100 bò, 500 cừu, 500 lợn con; người làm chủ ao nuôi 1000 cá; chủ rừng trồng 1000 cây lấy gỗ; người trồng 1000 cây táo tại An Ấp; hay 1000 cây dẻ tại Yên hoặc Tần; 1000 cây chanh tại đất Thục, Hàn hoặc Kiến Lăng; hay 1000 cây hoa kiểng ở miền bắc sông Hoài, hay phía nam Trường Sơn miền sông Hoàng Hà và Tế Thủy; người làm chủ 1000 cây sơn mộc ở miền Ảnh và Hạ; 1000 cây dâu mộc và gai tại xứ Tề và Lỗ; hay 1000 khóm trúc mọc dọc sông Vị, và người làm chủ ruộng ở ngoài kinh đô hay thị trấn lớn, sản lượng hằng năm mỗi mẫu là một chung thóc; hoặc ai làm chủ 1000 cây sơn hay cây củ nâu làm thuốc nhuộm; hay 1000 giồng gừng hoặc tỏi, hết thảy các người chủ ấy đều

hưởng đời phú quí chẳng kém gì một chư hầu hưởng thực ấp 1000 hộ. Những sản vật ấy mang lại cho họ nguồn lợi lộc lớn. Những người làm chủ sản vật ấy không cần khổ công mang ra chợ bán hoặc vất vả chở hàng đi xa, chỉ cần ngồi nhà tiền đến ngay trước cửa. Đến lúc lui về hưu dưỡng trong sung túc mà tiền vẫn vô.

Ngược lại với hạng người ấy, là hạng người nghèo khó có cha mẹ già, vợ con nheo nhóc không đủ sống; hạng không có của dư để cúng tế tổ tiên hằng năm, phải nhờ vã chòm xóm, và kẻ không tự nuôi được lấy mình, phường tệ hại đến thế mà không hổ thẹn, quả chẳng đáng làm người. Thế nên khi người ta không có sẵn của, thì phải dùng bắp thịt để kiếm sống; khi nghèo thì ráng xoay xở bằng đầu óc tinh khôn. Rồi đến khi tiền bạc dồi dào, thì họ càng mưu tìm mối lợi lộc hơn thêm. Chuyện đời đại khái như thế cả.

Khi kiếm sống, người khôn thì tìm thứ nghề sinh lợi nào vốn không hại đến bản thân sinh mạng. Nên hay nhất là phải dựa vào nghề nông. Còn các ngành nghề khác thuộc mối lợi đứng hạng nhì. Cái lợi xấu xa nhất là tạo của bất lương. Nếu một người sinh ra không thuộc hạng xuất chúng, thế mà muốn lui đi ở ẩn, kịp đến lúc gần tuổi già chìm trong nghèo khó cô quạnh, cứ bo bo bám víu vào lý hão "nhân nghĩa chính trực," tất kẻ ấy phải tự lấy làm hổ thẹn với mình vậy.

Còn hạng thứ dân phải nộp thuế thân, nếu gặp kẻ nhiều tiền hơn họ gấp 10 lần, họ tỏ ra luồn cúi. Gặp kẻ nhiều tiền hơn họ gấp 100 lần, họ tỏ ra rụt rè kính sợ. Gặp kẻ giàu hơn họ 1000 lần, họ sẵn sàng chịu làm thuê cho người ấy. Gặp kẻ giàu hơn họ 10.000 lần, họ sẵn sàng chịu đi theo làm tôi tớ cho người ấy. Sự đời thường như thế.

Tục ngữ nói: "Muốn siêng năng làm lụng để từ nghèo thành giàu, thì làm nông không bì được với nghề thủ công, thủ công không sánh bằng nghề buôn bán. Ngồi nhà khéo léo thêu thùa không bằng bôn ba nơi cổng chợ." Nghĩa là các nghề thuộc hạng hai là cách làm giàu hay nhất cho hạng thứ dân.

Nay tôi cần kể sơ qua cách thức các đại gia thời nay, làm việc trong vòng một ngàn lý trở nên giàu để đời sau biết cách họ làm giàu, mà chọn lựa cách đem lại cái lợi nhất cho mình.

Tổ tiên nhà họ Trác ở đất Thục, gốc người nước Triệu, làm giàu bằng nghề nấu sắt. Khi nhà Tần chinh phục Triệu, gia đình Trác phải đi đày đến miền khác trong nước. Của cải và tôi tớ bị tước mất, chỉ còn hai vợ chồng, chất hành trang đầy một cỗ xe dắt díu nhau mà đi. Đám bị tội phát lưu nào còn giấu được chút của, tranh nhau đút lót quan sở tại để được đày đến miền gần, nên họ tái định cư ở Giáp Mộng. Nhưng họ Trác nói: "Đất ấy chật và cằn cỗi. Tôi nghe đồn ở chân núi Mân, đất phì nhiêu sanh lắm củ quả, suốt đời không lo đói." Nên ông xin phát lưu về miền xa, được cắt về Lâm Khung. Ông cả mừng, kịp đến nơi ông tìm được quặng sắt trong núi, bèn bắt tay vào nấu quặng và tính toán việc doanh lợi, chẳng mấy chốc đứng đầu nghề buôn trong đám dân Điền và Thục. Ông giàu đến cỡ làm chủ một ngàn tiểu nô, ông phong lưu hưởng thú đồng nội ao hồ trên đất mình làm chủ, săn chim bẫy thú không kém gì hàng đại vương.

Có người tên Trình Trịnh, cũng giống họ Trác, bị tội đi đày từ miền lĩnh đông sang tận miền viễn tây. Ông cũng vào nghề luyện kim và mở việc buôn bán với rợ búi tóc. (2) Gia sản đồ sộ của ông ngang ngửa với họ Trác, cả hai đều dựng nên cơ nghiệp ở Lâm Khung.

Tổ tiên nhà họ Khổng của Uyển quận, vốn gốc người nước Lương, nghiệp nhà mấy đời trong nghề nấu sắt. Khi Tần diệt Lương, nhà họ Khổng đi đày Nam Dương, ở đây họ dựng lại lò nấu sắt rất qui mô, đào ao phát cỏ trồng trọt. Chẳng mấy chốc họ ngồi xe có mã phu cầm cương ung dung ra vào cổng các chư hầu, nhờ mối giao tế ấy mà họ làm giàu to. Tiếng tăm họ đồn xa ở lối rộng tay biếu quà cáp quí giá như hàng trọc phú coi tiền như rơm rác. Lạ lùng thay, cũng nhờ việc ấy mà món lợi nhuận họ thu trở vào càng quá sức lớn, vượt xa biết bao lần số lời thu được của bọn lái buôn làm ăn kỹ lưỡng, keo kiệt bủn xỉn. Và của nhà họ chẳng mấy chốc lên đến mấy ngàn dật vàng. Do đó giới con buôn ở Nam Dương đều cố học đòi theo lối làm ăn vua chúa, vung tiền không tiếc của họ Khổng.

Người nước Lỗ tánh chi li và tằn tiện. Nhưng nhà họ Bân ở Cảo quận thì lại ở tầm quá cỡ. Họ vào nghề nấu sắt đến lúc trở thành giàu có gia sản đến cỡ 100 triệu bạc. Người trong dòng, từ đời cha cho đến anh, xuống đến hàng con cháu, đều dẫn bụng một câu châm ngôn rằng:

Ra đường cúi xuống phải quyết nhặt được cái lợi

Ngẩng đầu lên phải quyết với được cái lợi

Họ lê gót khắp quận ấp và liệt quốc, bán rong hàng chịu, cho vay và đổi chác. Thanh thế họ lừng lẫy đến độ cả dân nước Tào nước Lỗ đua nhau xếp bút nghiên, theo nghiệp thương trường.

Dân nước Tề hầu như khinh rẻ hạng nô tì, duy chỉ có người tên Điếu Hàm coi trọng, đánh giá cao hạng ấy. Phàm thiên hạ ít mấy ai ưa thứ nô tì lẻo mép tinh ranh, nhưng Điếu Hàm đi lùng kiếm gom hết loại ấy về dưới tay mình, để nhờ chúng mà trục lợi, sai chúng đi buôn muối và cá, gom lợi nhuận về ăn chia với chủ. Dù ông ngự trên xe tứ mã, lui tới thân mật với hàng thái thú và thừa tướng ở vương hầu, nhưng phải tựa vào đám tôi tớ, kiếm lợi từ sức lao tác của chúng, để rồi gom góp được gia sản đến hai, ba vạn bạc. Nên miệng đời có câu: "Nhận quan tước làm tôi cho nhà nước, hay làm nô cho Điếu Hàm, bên nào lợi hơn." Nghĩa là ông tạo cơ hội cho đứa nô tì giỏi kiếm chác khá, đồng lúc ông cũng trục lợi nó mức tối đa.

Dân nước Chu đời trước, tính kín đáo trong chuyện tiền bạc. Nhưng Thức Thị quả là người quái lạ. Với một vài trăm cỗ xe, ông lê bánh khắp quận ấp bán rong hàng chạp phô, không bỏ sót một ngách hẻm nào không mò tới. Đô thị Lạc Dương nằm ngay giữa ranh giới các nước cũ Tề, Tấn, Chu, Triệu, nên đám con nhà nghèo chỉ biết tập việc làm tôi tớ trong các nhà quyền quí. Mỗi khi gặp nhau, chúng khoác lác khoe khoan rằng mình đã vào nghề đã thâm niên hãnh diện rằng quá bận bịu đến nỗi mấy lần đi qua nhà cũ không chút giờ ghé vào thăm. Biết cách lợi dụng hàng tôi đòi ấy, Thức Thị rốt cuộc tom góp không dưới 70 triệu bạc.

Tổ tiên họ Nhâm ở Tuyền Khúc, ngày trước làm quan giữ kho lương ở Độc Đạo. Sau khi nhà Tần đổ, các sứ quân thắng trận cùng tranh nhau lùng sục vàng bạc châu báu mà đoạt. Riêng Nhâm lén lút đào hầm chôn giấu hết kho lương dưới quyền. Về sau, quân Hạng Vũ cầm cự với quân Lưu Bang ở Hành Dương, dân không cấy trồng gì được, giá thóc vọt lên tới một vạn bạc một thạch, thế là chẳng mấy chốc đống châu báu các tướng soái từ từ mò về hết trong tay Nhâm. Nhà họ Nhâm từ đó phất lên giàu. Đang lúc các nhà hào phú khác lo ganh đua chưng diện sắm sửa xa hoa, thì nhà họ Nhâm sống đạm bạc, chăm lo cày cấy, nuôi gia súc. Khi thiên hạ đổ xô tìm giá đất rẻ nhất mà tranh mua, thì nhà họ Nhâm chỉ chọn đất nào tốt, giá trị nhất. Nhờ thế mà dòng họ cứ giàu mãi nhiều đời. Ông Nhâm bắt cả dòng thề suốt đời không ai được ăn thịt, mặc áo ngoài loại gia súc, dệt vải bông do đất nhà sinh ra. Không ai được chè chén rượu thịt khi chưa mãn hạn công vụ. Nhờ phép tắc gia đình như thế, họ trở thành người trưởng lại nơi thôn ấp, vừa giàu có vừa được lòng nhà vua.

Đến khi biên cương nước nhà mở rộng thêm, biên ấp mới mọc lên thêm, chỉ có người tên Tiểu Đào biết bắt lấy cơ hội, tậu nguồn lợi cả ngàn con ngựa, gấp đôi số gia súc, một vạn con cừu, một vạn thạch thóc.

Khi Ngô, Chu và bảy chư hầu đồng loạt nổi loạn dưới đời Tĩnh Vương, thì đám chư hầu ở Trường An hè nhau hưởng ứng triều đình bình định cuộc biến, và tìm xoay sở vay nguồn kinh phí việc binh giúp tiễu trừ loạn. Bọn cho vay, nói rằng chư hầu và đất phong của họ nằm xa tận miền đông lĩnh và sự mất còn thật đáng lo, nên ai cũng từ chối cho vay. Chỉ có người là ông Ngô Yển thuận cho vay 1000 dật vàng tính mức lãi gấp mười lần hơn. Mới sang cuối tháng ba, loạn Ngô và Chu được dẹp yên, và trong vòng một năm Ngô Yển nhận lại được số tiền gấp mười lần vốn. Nhờ thế ông trở thành một trong những kẻ giàu nhất xứ.

Đa số những lái buôn và thương nhân giàu nhất nước hầu như thuộc dòng họ Thiên, chẳng hạn như Thiên Tắc và Thiên Lan. Còn có dòng họ Lý ở Vị Giáp và dòng họ Đỗ ở An Lĩnh, và Đỗ cũng có một tài sản lên đến 100 triệu bạc.

Vậy trên đây là những nhà đại phú thương điển hình, không một ai lãnh được chức tước, đất cắt phong từ triều đình, họ cũng chẳng sái luật, phạm pháp trong sự nghiệp làm giàu. Họ chỉ là hạng giỏi đón gió, đoán đúng được thời cơ sẽ đến rồi cứ y theo đó làm theo, mắt đăm đăm canh chờ dịp ngàn năm một thuở, nên vớ được món lãi to. Họ làm giàu nhờ nghề hạng nhì (thương mại) rồi giàu thêm nữa nhờ bỏ vốn khai thác canh nông. Họ gắng làm chủ trong thời loạn, rồi thời bình vẫn làm chủ, thế nên chuyện làm giàu của họ đáng được chép để lại cho đời. Còn có những người cần cù làm lụng trong ngành trồng tỉa, chăn nuôi, thủ công, lâm nghiệp, bán buôn, mậu dịch và biết khai thác thời cơ để tạo sản nghiệp. Người giàu hơn hết thì nắm quyền một quận, kẻ giàu kế đó thì giữ một ấp, kẻ giàu kém nhất cũng giữ được một thôn, con số những người này quá đông bút mực không chép hết được.

Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh

Tiện tặn và cần cù làm lụng quả là cách hay nhất để mưu sinh, thế nhưng có những kẻ đã làm giàu còn tìm tòi xoay sở những phương cách lạ thường khác để lên đến hàng đại phú. Cày ruộng

là nghề vất vả để kiếm ăn nhưng Tần Dương chỉ làm ruộng mà trở thành người giàu nhất huyện. Đào mồ trộm của tất có tội với pháp nước, thế mà Tiện Thúc chuyên nghề đó để tạo của. Cờ bạc là thú vui độc hại, ấy thế Hoàn Phá nhờ thế mà được phú quí. Người trẻ nào cũng chê nghề bán rong đầu làng cuối xóm, nhưng nhờ đó mà Vĩnh La Thanh thu được lắm tiền. Ai cũng xem nghề bán mỡ là nghề hèn, Vọng Ba kiếm được 1000 dật vàng cũng nhờ đó. Đi bán chè ngọt là nghề mọn, nhưng chuyên sống nhờ đó mà gia đình họ Trương thu được 10.000 bạc. Nghề mài dao không cần tài ba, thế mà nhà họ Chí cần cù làm nên dạ dày được ăn uống phủ phê. Nghề buôn lòng dê khô chẳng lấy gì làm sang, ấy nhờ thế mà gia đình họ Trác ra đường có kẻ hầu người hạ đi theo. Làm thầy lang chữa bệnh cho ngựa, tưởng là nghề hèn, nhờ thế mà Trương Lý tậu được một dinh thự đồ sộ, phải đánh chuông mới gọi được đầy tớ.

Do thế ta mới biết muốn làm giàu có trăm phương nghìn cách. Tiền bạc không có người chủ vĩnh viễn. Nó đến với người giỏi như nan bánh xe đều qui tâm về trục bánh xe, nó tuột rơi vỡ nát khỏi tay người đở tựa như gạch ngói. Một gia đình có 1000 dật vàng có thể coi ngang hàng với quan trưởng lại một thị trấn; người có 100.000.000 bạc hưởng phú quí như một ông vua. Như thế há người giàu chẳng xứng được coi là "đại quan không chức tước" ư?

** Nhan đề, tiểu đề và các dòng in nghiêng trong bài này là của người dịch.*

CHÚ GIẢI

(1) Thiên này không thấy có trong bản dịch *Sử Ký Tư Mã Thiên* của Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê (nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1970), và của Nhữ Thành (nxb Văn Học, Hà Nội, 1988). Nguyên văn nhan đề "Hóa Thực Liệt Truyện" (thiên 129): "Truyện về những kẻ làm giàu." *Hóa Thực* là chữ của Khổng Tử nói về đệ tử ngài là Tử Cống, một tấm gương đem của làm giàu ra làm việc nhân nghĩa: "Tử Cống không cam chịu phần số, nên trở thành người giàu có (hóa thực)." *Luận Ngữ*, XI, 17. Trong số 130 thiên của *Sử Ký*, thiên này có nhiều từ chuyên môn nhất khi tả chi tiết và nền kinh tế nhà Hán. Các nhà chú giải như Bùi Ân (đời Lưu Tống, Lục Triều), Tư Mã Trinh, Trương Thủ Tiết (đời Đường) v.v... xem đây là thiên khó đọc nhất của *Sử Ký*, giữa họ với nhau không đồng nhất một số lời chú giải.

(2) Lão Tử. Đạo Đức Kinh, 80.

Ngay ở phần nhập đề, Tư Mã Thiên đã bài bác quan niệm trị nước của Lão Tử, là dẫn chứng cụ thể cho thấy sự nhận xét các nhà chú giải cho rằng tư tưởng trị quốc của ông thiên về Vô Vi của Lão Trang là không chính xác. Lời Lão Tử ở đây tiêu biểu cho chính sách tự cô lập, bế quan tỏa cảng, để đi theo tập tục truyền thống mỗi nước. Như thế xu hướng mở cửa để "toàn cầu hóa" hiện nay có thể truy ngược về Tư Mã Thiên trong thời đại ông.

(3) Thái Sử Công là chức vị viết sử, xem lịch và thiên văn của Tư Mã Thiên trong triều đình Hán Vũ Đế.

(4) Câu này lập lại lời Trang Tử, trong *Nam Hoa Kinh*, nguyên văn: "Phàm tâm tình con người ta, mắt muốn trông thấy sắc thật đẹp, tai muốn nghe tiếng thật hay, miệng muốn ăn vị thật ngon, mũi muốn ngửi mùi thật thơm, lòng muốn thật nhàn rỗi. Năm điều sướng thích ấy, nhân tình ai cũng muốn có.

"Nuôi dưỡng năm điều sướng thích ấy, thì phải có tài năng. Không tài năng thì không đạt được năm điều sướng thích ấy. Cho nên bậc vua hiền, thứ nhất phải yên trị nước mình, rồi sau trăm điều vui thú sẽ được cả."

(5) Sự xếp hạng của tác giả đánh giá các chế độ chính trị theo thứ tự từ hay xuống dở:

* *Thuận theo ý muốn của trăm họ.* Nguyên là chủ trương của Quản Trọng, nhà chính trị lỗi lạc được Tư Mã Thiên ngưỡng mộ, người áp dụng đầu tiên ý niệm "dân chủ" vào việc trị nước Tề, đời Xuân Thu, thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên. Xem thêm *Sử Ký*, thiên 22: "Quản Trọng, Án Tử liệt truyện," tác giả phác họa thuật trị nước của Quản Trọng: "Dân chúng yêu ghét cái gì thì (Quản Trọng) cũng yêu ghét cái đó... Mệnh lệnh ban xuống như nước xuôi dòng, thuận lòng dân - cho nên lời bàn luận không viển vông mà dễ thi hành. Dân chúng muốn cái gì thì cấp cho cái đó, không muốn cái gì thì trừ cho cái đó."

* *Dẫn trăm họ về đường lợi ích.* Có lẽ ám chỉ chữ "lợi" của Lão Tử trong *Đạo Đức Kinh*: "Tuyệt thánh khí dân lợi bách bội" (Dứt sáng suốt, bỏ tài khôn thì dân lợi gấp trăm lần).

* *Dùng "đức" mà giáo hóa dân.* Chủ trương của Khổng, Mạnh theo "vương đạo." Trái ngược với hình pháp của Pháp Gia.

* *Dùng hình pháp mà ràng buộc dân.* Chủ trương của Pháp Gia dưới thời Tần. Tiêu biểu là Thương Ưởng, Hàn Phi Tử, Lý Tư v.v... Chế độ hà khắc Pháp Gia không chấm dứt với sự sụp đổ của nhà Tần mà vẫn tiếp diễn dưới dạng thức khác dưới thời Hán Vũ Đế.

* *Tranh mối lợi của dân.* Đây là chính sách của Hán Vũ Đế, trong thời của tác giả. Xếp hạng chế độ mình đang làm quan vào hàng tệ nhất là một thái độ can đảm, một lời tố cáo của chứng nhân lịch sử. Muốn biết chi tiết nhà Hán đánh tư sản mại bản, tranh mối lợi của tư nhân trên thương trường như thế nào, ta cần lược qua thiên Bình Chuẩn Thư, *Sử Ký*, 30:

Đầu đời Hán Cao Tổ đã ra biện pháp kỳ thị giới thương nhân: Không cho mặc đồ tơ, đi xe tứ mã, đánh thuế thật nặng để làm họ khốn khổ. Đời Hiếu Huệ và Lữ Hậu tiếp đó, nới tay với những nhà đi buôn, nhưng con cháu họ bị cấm làm quan.

Đến đời Hán Vũ Đế, vì cần chiến phí để xâm lăng bành trướng đế quốc Hán ra các nước Triều Tiên, các nước Việt, Hung Nô, và các nước tây nam nên việc đánh tư sản mại bản, giành sự buôn bán của dân vào tay nhà nước càng trở thành quyết liệt: lập bộ đại nông để quản lý tài chánh, tổ chức nền kinh tế quốc doanh. Trước hết giành kỹ nghệ khai thác, buôn bán muối và sắt, vốn thuộc về tư nhân dưới chính thể nhà Tần. Cắt đặt chức "quan phủ" đi khắp trong xứ để bán muối và sắt.

Những người đi buôn nhỏ cũng bị đánh thuế nặng gấp đôi trên vốn ngành nghề thủ công. Đánh các thuế xe, thuyền buôn theo kích thước. Cấm thương nhân không được đứng tên mua ruộng đất. Vì tiền bạc mất giá luôn luôn, nên thương nhân chỉ tích trữ hóa vật. Nhà vua ra lệnh tố cáo những thương nhân nào cất giấu của cải, ra lệnh kê khai tài sản những người buôn trung bình trở lên, che giấu thì bị tội. Vào tù ít được ra. Tài sản tịch thu của thương nhân thì đem về chứa kho tàng Thượng Lâm của vua. Số tiền tịch thu được thì chia bớt cho các quan. Tài sản tịch thu của thương nhân lên đến hàng ức bạc, bắt nô và tỳ của họ hàng vạn, cho đem về lao dịch trong dinh thự các quan. Đặt chức "nông quan" đến các ruộng tịch thu được cày cấy.

Dân chúng tuyệt vọng lo ăn ngon mặc đẹp qua ngày, không còn thiết nghĩ đến việc dành dụm, gây dựng gia sản nữa. Cũng trong thời buổi ấy, Tiền Hán Thư của Ban Cố chép ngành nấu rượu và uống rượu bắt đầu lan tràn khắp Trung Quốc. Nhà nước cũng dành độc quyền việc cất rượu và giao các quan mở hàng rượu quốc doanh (xem hình).

Hậu quả kinh tế tạo ra khắp chư hầu và các quận, cho thấy việc lọc muối, nấu sắt của quốc doanh quản lý quá tệ: đồ sắt xấu, giá quá đắt, dân phải mua vì bị ép buộc. Còn thuyền buôn thì thuế cao, ít người đi buôn, vật giá đắt đỏ. Nhà nước lập chức quan "quân thâu" để các quan đi buôn. Các quan địa phương tự ý lũng đoạn thị trường nên vật giá càng tăng vọt, mà thuế má thu của thiên hạ không đủ bù vào phí tổn chuyên chở. Ở kinh đô, lập chức quan "bình chuẩn" để thu mua vào hàng hóa rẻ ở nơi này, chở đi nơi khác bán lấy lời. Trên danh nghĩa là để điều hòa giá cả, lưu thông hàng hóa (bình chuẩn) nhưng ý đồ chính là tước đoạt mối lợi của việc buôn bán tư nhân. Còn đại đa số dân chúng, tham dự vào chiến tranh, hoặc bị đẩy xuống gốc làm nghề nông (gọi là nghề hạng nhất); để nhà nước nắm cái ngọn thương mãi: gốc của tiền bạc (gọi là nghề hạng nhì). Mô thức này đặt thành kiểu mẫu cho các triều đại quân chủ chuyên chế Trung Quốc đi theo sau đó, cũng như những nước phiên hầu chung quanh. Đồng một lúc với Nho giáo theo kiểu Hán, để yểm trợ mặt tinh thần, coi thương mãi là nghề thấp kém, tán dương cái "nghĩa," thanh bạch không vướng hơi đồng.

Tư Mã Thiên cũng tiết lộ một chi tiết, vô cùng quan trọng đối với tổ tiên ta: "*Vua nhận thấy dù lấy tất cả tô thuế ở đất Ba và Thục cũng không đủ tổn phí, nên mộ những người giàu đến lo việc cày ở đất cực nam di. Họ giao số thóc thu gặt được cho quân (Hán) đóng ở địa phương, rồi nhận tiền trả ở kinh đô Hán từ ban đại nông.*" Thế mà bọn sử quan Hán đời sau ngụy tạo lịch sử cho rằng hai tên thái thú Nhâm Diên và Tích Quang phái sang để "dạy" dân ta cày cấy hòng che giấu việc bắt nông nô Việt cày nuôi bọn lính thú Hán. Đến nỗi ngay trong chính sử ta về sau cũng ca tụng: "Dân ta biết cày cấy, lễ nghĩa là kể từ đời hai quan thái thú đó vậy." Sử liệu ấy của Tư Mã Thiên được củng cố với bằng chứng khảo cổ học các mộ Hán tập trung ở đồng bằng sông Hồng (Giao Chỉ) sông Mã (Cửu Chân), tống táng tượng đất nung gà, lợn, kho lẫm của bọn phú nông Hán giàu có, niên đại khảo cổ từ thời Tây Hán (trước công nguyên) sang thời Đông Hán (sau Công Nguyên.)

(6) Tác giả bàn đến các thành phần thuộc đơn vị sản xuất và phân phối trong nền kinh tế đương thời ở Trung Quốc, cũng là định nghĩa căn bản về yếu tính của nền kinh tế hàng hóa, nay ta gọi là "kinh tế thị trường," được điều động bởi tìm kiếm cái lợi lãi, nhu cầu phổ quát mọi thời đại của xã hội nhân loại:

"*Con người sở dĩ chịu khó làm lụng chỉ vì cái tư lợi của y.*" Adam Smith đã viết như thế y như lời Tư Mã Thiên, trong tác phẩm trứ danh của ông *The Wealth of Nations* (Sự giàu có của các quốc gia), quanh châm ngôn này ông đã xây cơ sở kinh tế học làm nền tảng cho chủ nghĩa kinh tế tư bản hiện đại. Một vấn đề: năm 1776, khi sách này ra mắt, ông chưa hề biết Tư Mã Thiên là ai!

Tư tưởng về kinh tế của Adam Smith (1723-90) rất gần gũi với Quản Trọng, Văn Chủng, Tư Mã Thiên cô đọng trong thiên "Hóa Thực" này. Ông vốn là một giáo sư triết, ông có nhiều sáng tác về đạo đức học thiên về trường phái David Hume, nhưng tác phẩm ông về kinh tế mới xuất sắc, cuốn *The Wealth of Nations*, là nỗ lực đầu tiên khảo cứu về các động lực khác nhau tác dụng ra sao trong guồng máy kinh tế của một quốc gia. Một trong những điều Smith lưu ý là sự phân công lao động, và là người đầu tiên nghĩ ra cách chia việc ra từng khâu chuyên môn, để gia tăng sản lượng lao động, trước thời phương pháp dây chuyền của Taylor.

(7) Sự tăng giảm giá cả trong thị trường cũng được bàn đến trong sách *Quản Tử*, thiên "Khinh, Trọng," từ thế kỷ thứ 7 trước công nguyên. Đọc thêm "Quản Trọng và Án Tử," *Sử Ký*, thiên 22: "Tề Hoàn Công dùng thuật của Quản Trọng nghĩ ra cách thu mua hóa vật khi giá rẻ nhất và bán ra khi giá lên cao." Adam Smith cũng có từ trứ danh *the invisible hand* (bàn tay vô hình) điều động sự lên xuống thị trường. Thuật đầu tư "mua thấp bán cao" (Buy low sell high) trong chợ chứng khoán ngày nay là điển hình.

(8) Câu này không thấy chép trong *Thượng Thư*, tương truyền khi Khổng Tử soạn ra sách này đã loại ra. Sách *Dật Chu Thư* do Khổng Triều đời Tấn tự lục cũng không có câu này.

Dù làm quan nhưng thân phận cũng nghèo như Karl Marx, không vì thế màTư Mã Thiên đưa ra tuyên ngôn: "*Giàu hay nghèo không phải là một món vật được chia bình đẳng, hoặc bị tước đoạt khỏi tay thiên hạ*" bằng kinh

nghiệm quan sát triều đại Hán mà ông làm sử quan: Dân thì nghèo, triều đình giàu. Xin so sánh định nghĩa "giàu nghèo" này với câu nói của Winston Churchill: "*Tư bản là có giàu nghèo chênh lệch; Cộng Sản là đều nghèo... bình đẳng.*"

(9) Cung điện Tam Qui: cao ba tầng, tượng trưng cho ba hạng người qui phục mình "dân, liệt hầu, và man di." Nhưng có nhà chú giải cho rằng cung điện này Quản Trọng dành cho ba bà phi của ông. Khổng Tử chê Quản Trọng Là "nhỏ," không biết đến "Nghĩa," xây Tam Qui, tự coi ngang hàng với bậc đế vương. Còn Tư Mã Thiên bênh Quản Trọng "theo ý dân," theo ông: dù Quản Trọng ngự trong cung điện ấy, dân không xem ông là xa xỉ. (*Sử Ký*, thiên 62).

(10) Câu này nguyên là của Quản Trọng, mở đầu thiên "Khinh, Trọng" sách *Quản Tử*, đại ý bàn về tài sản trong nước, quí của cải, cách làm cho nước được giàu. Tư Mã Thiên lặp lại câu này ở truyện Quản Trọng, *Sử Ký*, 62: "Kho lẫm đầy mới biết lễ tiết; y thực đủ rồi mới biết vinh nhục. Người trên có pháp độ thì sáu người thân (cha mẹ, anh em, vợ con) mới được yên ổn; bốn mối (lễ nghĩa liêm sỉ) không rõ ràng thì nước bị diệt vong."

(11) "Con nhà nghìn vàng không chết nơi chợ búa" (*Thiên kim chi tử bất tử ư thị.*) Có người chú giải rằng con nhà giàu, giáo dục tốt nên tránh phạm luật để bị xử tội chỗ công. Nhưng trong nội dung *Sử Ký*: Con nhà giàu nhờ có tiền đút lót, nên tội lỗi thoát được lưới pháp luật. Thời Hán Vũ Đế của tác giả, cho phép người có tội được dùng tiền chuộc. Một lối hối lộ hợp pháp. Ngoài ra, chuyện Phạm Lãi sai con cả mang nghìn nén vàng đi đút lót để cứu tội giết người của con thứ, có nhắc lại tục ngữ này. (Việt Vương Câu Tiễn Thế Gia, *Sử Ký*, Thiên 41).

(12) Bản thân Tư Mã Thiên là người có thẩm quyền để nói về "cái lợi, cái nghèo": đời ông nghèo, vì không tiền chuộc nên phải bị pháp luật thiến, vì cái tội dám làm nghĩa cử bênh vực cho Lý Lăng việc hàng Hung Nô.

(13) Nước Việt và nước Ngô có mối thù truyền kiếp. Ban đầu Việt Câu Tiễn đem quân đánh Ngô bị bại trận. Sau biết nhịn nhục tu thân, nằm gai nếm mật, lo dân giàu nước mạnh, để quyết chí phục thù là nhờ kế của hai bầy tôi giỏi là Văn Chủng và Phạm Lãi. Sau trả được thù, diệt nước Ngô, giết thái tử Ngô, vua Ngô Phù Sai tự tử.

(14) Đem hai đệ tử của Khổng Tử là Tử Cống và Nguyên Hiến ra so sánh ở đây để sáng tỏ nhận định tác giả về "Nghĩa và Lợi": Khổng Tử nhờ đệ tử có tiền là Tử Cống mà hưởng lây rạng rỡ danh tiếng chứ không phải nhờ Nguyên Hiến, kẻ ăn cám, giấu mình xó hẻm để hành "đạo." Tác giả cổ vũ cho nguyên tắc "có thực mới vực được đạo" và "Phú quí mới sinh lễ nghĩa."

(15) *Y Doãn*: Làm nghề cày ruộng ở Hữu Sằn. Từng chịu nhục vác nồi mang thớt đến nấu nướng cho vua Thang để cầu cạnh. *Lữ Thượng*: tức Khương Tử Nha, bảy mươi tuổi còn bán quán ở Cức Tân. Từng ngồi câu ở sông Vị để chờ thời. Vua Văn Vương nhà Chu đi săn gặp, sau giúp Chu Văn Vương mở nước. *Tôn Tử*: người nước Tề, tên Vũ. Tác giả *Tôn Ngô Binh Pháp*, 13 thiên, nổi tiếng lý thuyết quân sự, dâng sách cho vua Ngô Hạp Lư, được phong tướng. *Ngô Khởi*: người nước Vệ, nổi tiếng tài cầm quân. Làm tướng cho Ngụy, cho Sở đánh nhà Tần, có sách *Binh Pháp*. *Thương Ưởng*: họ là Công Tôn, theo Pháp Gia, giúp Tần Hiếu Công dùng hình pháp nghiêm nhặt để thực hành Bá Đạo. Về sau, đời Tần Huệ Công, mưu phản nên bị xử phanh thây.

(16) *Rợ Tây Nhung*: Các nước ở tây bắc giáp Trung Quốc, nay là miền Trung Á. Đời Tư Mã Thiên những nước thuộc rợ Tây Nhung có tên như Khương Cư, Đại Nhục Chi, Đại Uyển, Ô Tôn, Yên Thái, An Tức v.v... là những giống dân buôn bán với Trung Quốc theo con đường tơ lụa, ngã Đôn Hoàng.

(17) Qua lời mô tả các hành vi tiêu cực của người ham lợi, đồng lúc tác giả cung cấp cho ta bộ mặt phong phú về mặt phong tục địa lý, xã hội sinh hoạt trên đất Trung Quốc vào thời đại bấy giờ. Đây là phương pháp mô tả độc đáo của sử gia, ta thấy lập lại các đoạn khác về các sản phẩm theo vùng địa lý kinh tế.

(18) Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc, thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân.

一年之計莫如樹穀十年之計莫如樹木百年之計莫如樹仁

Chữ *Nhân* (仁) này là đức cao nhất trong câu "*Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.*" Thường đi với: nhân ái, nhân đạo, nhân đức, nhân từ, nhân nghĩa v.v... Mạnh Tử dùng chữ "Nhân chính." Chữ Nhân (仁) này tự dạng và nghĩa khác với chữ Nhân (人) "người", không như ta thường gọi là "trồng người." Chữ "Nhân" này gồm có bộ nhân (người) chữ nhị (số hai). Tức hai người, người với người. Người với người thì phải thương nhau, giúp nhau chứ không phải người ghét người, người hại người. Đó chính là định nghĩa của Tư Mã Thiên về chữ *Nhân*.

(19) Bằng các con số thu chi cụ thể, để so sánh vai trò hai tầng lớp thương nhân và vương hầu, để tôn vinh thương nhân: giới thực sự tạo ra của cải; và ngầm đả phá chế độ phong kiến với giới vương hầu: ngồi nhà mát ăn bát vàng, và dân phải chịu thuế hai lần cho họ và nhà vua.

(20) Rợ búi tóc: Là dân các nước miền tây nam Trung Quốc gồm dân Điền, Dạ Lang, Mi Mạc, Bộc, Cùng, Tác, Nhiễm, Mang, trong đó có cả dân ta. Người Hán phân biệt họ bằng tiếng gọi chung tục búi tóc. Xin đọc thêm *Sử Ký*, Tây Nam Di Liệt Truyện.

(21) Hạng Vũ (Sở) và Lưu Bang (Hán) là hai trong nhóm các phe nổi dậy đánh nhà Tần. Phe Hạng Vũ mạnh nên được phong làm tổng tướng quân của các nhóm. Sau khi nhà Tần đổ, hai phe Hán, Sở quay ra đánh nhau (Hán, Sở tranh hùng). Quân Hạng Vũ đông gấp bốn lần phe Lưu Bang. Nhưng cuối cùng Hán thắng Sở, dựng nên nhà Hán.

(22) Lời ca tụng cuối cùng dành cho các tư nhân trong các lãnh vực nghề nghiệp, cũng là lời vinh danh cho chế độ dân chủ trong một thị trường kinh tế tự do. Họ là một thế lực độc lập với guồng máy triều đình và quan lại, thể hiện đúng lý tưởng "dân giàu nước mạnh."

QUẢNG NAM ĐÃ BỊ CHÚA TRỊNH NHƯỢNG CHO NGƯỜI HÒA LAN

TRẦN GIA PHỤNG

1.- Tương quan lực lượng trong chiến tranh Trịnh Nguyễn

Cuộc tranh chấp quyền lực giữa hai họ Trịnh Nguyễn bùng nổ năm 1627 (đinh mão) vì Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên (cầm quyền ở Đàng Trong 1613-1635) không chịu cho con ra Thăng Long chầu vua Lê và không chịu nạp thuế từ năm 1624 (giáp tý) theo đòi hỏi của chúa Trịnh.

Lúc khởi chiến, vua Lê và chúa Trịnh làm chủ vùng đất từ tả ngạn sông Nhật Lệ (nhìn từ nguồn xuống biển) trở ra bắc (nghĩa là từ Đồng Hới trở ra), còn chúa Nguyễn từ hữu ngạn sông Nhật Lệ xuống tới Phú Yên (nghĩa là từ Đồng Hới vào đến Đèo Cả giữa Phú Yên và Khánh Hòa).(1) Tính về diện tích, lãnh thổ chúa Trịnh rộng từ hai đến ba lần lãnh thổ chúa Nguyễn. Cách biệt về dân số còn lớn hơn. Vào đầu thế kỷ 17, từ năm 1600 đến 1650, dân số ngoài bắc khoảng dưới năm triệu người, trong khi dân số trong nam khoảng nửa triệu,(2) nghĩa là dân số trong nam bằng 10% ngoài bắc. Những số liệu nầy chỉ có tính cách tương đối, vì lúc đó nhiều người dân không vào sổ hộ tịch để tránh sưu thuế và tránh tuyển lính, hoặc ở miền nam mới khai phá nên dân chúng sinh sống tản mác, không kiểm tra được. Dầu sao, dân số ngoài bắc đông hơn trong nam rất nhiều. Dân chúng là những người đóng thuế cho chính quyền. Sự cách biệt lớn lao về dân số miền bắc đối với miền nam cho thấy ngân sách chúa Trịnh ngoài bắc dồi dào hơn chúa Nguyễn ở trong nam. Hơn nữa, tổ chức đời sống ngoài bắc lâu đời, dân chúng giàu có hơn trong nam vì trong nam chưa được mở mang là bao nhiêu.

Quân lực ngoài bắc chắc chắn đông hơn trong nam, nhưng con số không chính xác. Có tài liệu ước tính quân đội ngoài bắc khoảng 100.000 người, 500 voi, 500 chiến thuyền lớn trang bị ba súng thần công mỗi chiếc.(3) Lực lượng trong nam ít hơn vì dân số ít, quân đội lại mới được tổ chức. Sử gia Trần Trọng Kim ghi nhận quân số Đàng Trong khoảng gần 30.000 người.(4) Lúc đầu, quân đội trong nam gồm những người vừa là nông dân, vừa là thợ thủ công, vừa là binh sĩ, và được điều khiển bằng những quan chức là những người bà con thân thuộc theo Nguyễn Hoàng vào nam lập nghiệp. Đội tượng binh của chúa Nguyễn khoảng 200 con voi. Hải quân miền nam có khoảng 200 chiến thuyền, với một đội tuần hải kiểm soát bờ biển. Dọc bờ biển, chúa Nguyễn còn đặt nhiều tháp canh và những trạm tiếp liệu thức ăn, nước uống và sửa chữa tàu thuyền.(5) Theo bộ *Đại Việt sử ký Toàn thư*, khi ra Thăng Long năm 1593 và đem quân đi đánh dẹp loạn lạc, những khẩu thần công của Nguyễn Hoàng (1525-1613) đã tiêu diệt ngay các ổ kháng cự của loạn quân.(6) Sách *Thực lục tiền biên* thì ghi nhận rằng vào năm 1631, Sãi Vương lập ty Nội pháo tượng và hai đội tả hữu pháo tượng gồm 100 người tất cả, làm việc thường xuyên hàng ngày để đúc súng. Mỗi khẩu đại bác dùng 12 khối sắt, 10 cân gang, một cây súng tay dùng ba khối sắt, ba cân gang.(7) Có tài liệu cho rằng lúc đó, chúa Nguyễn có được khoảng 200 súng thần công.(8)

Khi chúa Nguyễn từ chối không chịu đóng thuế và không chịu cho con ra bắc triều yết theo sắc mệnh của vua Lê do sứ bộ Lê Đại Nhậm đem vào tháng giêng năm đinh mão (1627), chúa Trịnh là Thanh Đô Vương Trịnh Tráng (cầm quyền 1623-1657) quyết định tấn công miền nam vào tháng 2 năm đinh mão (1627), rước vua Lê Thần Tông (làm vua lần thứ nhất 1619–1643) vào vùng sông Nhật Lệ trên danh nghĩa là để kiểm tra xem xét các địa phương,(9) nhưng trên thực tế là để đề cao chính nghĩa chính thống của chiến dịch tiến đánh miền nam.

Chiến trường diễn ra ở bắc và nam vùng cửa sông Nhật Lệ. Bắc quân do Trịnh Tráng đốc chiến, Nguyễn Khải trực tiếp điều khiển. Nam quân do cháu của chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Vệ (con của Nguyễn Hán, anh thứ nhì của Sãi

Vương) làm tiết chế, phụ tá là Nguyễn Hữu Dật. Con thứ tư của nhà chúa là Nguyễn Phúc Trung chỉ huy thủy quân tiếp ứng. Những khẩu thần công của nam quân đã chận đứng bước tiến của bắc quân, đồng thời tượng binh nam quân đã làm cho hàng ngũ bắc quân rối loạn. Trong lúc hai bên cầm cự nhau, tướng Trương Công Gia (sau được đổi thành Trương Phúc Gia) cùng tướng Nguyễn Hữu Dật bày kế tung tin nói phao rằng ở Thăng Long có Trịnh Gia và Trịnh Nhạc nổi lên tạo phản. Được tin nầy, Trịnh Tráng rất lo ngại. Bắc quân không phá được phòng tuyến của nam quân mà lại bị cầm chân lâu ngày, nên Trịnh Tráng quyết định rút quân về vào cuối tháng Hai cùng năm.(10) Để canh chừng phương nam, năm 1631 (tân mùi) Trịnh Tráng cử con trai đầu là Trịnh Tạc thống lĩnh xứ Nghệ An, và một người con khác là Trịnh Lệ chỉ huy châu Bố Chính.

Trong nam, sau trận đánh năm 1627, viên khám lý (viên chức ngành thuế) phủ Hoài Nhơn (Quy Nhơn, Bình Định ngày nay) là Trần Đức Hòa ra phủ chúa ở Phúc Yên (thuộc Quảng Điền, Thừa Thiên ngày nay) chúc mừng Sãi Vương đẩy lui được quân Trịnh. Nhân cơ hội nầy, Trần Đức Hòa giới thiệu người con rể của mình là **Đào Duy Từ**. Ngay sau cuộc gặp gỡ nầy, Sãi Vương liền phong Đào Duy Từ làm Nha úy nội tán, tước Lộc Khê Hầu, quản quân cơ trong ngoài, tham lý quốc chính. Đào Duy Từ có người con rể là Nguyễn Hữu Tiến cũng được Chúa Nguyễn trọng dụng (11).

Năm 1629 (kỷ tỵ), Trịnh Tráng dự tính đem quân đánh miền nam. Cận thần là Nguyễn Danh Thế can gián, và đề nghị nên "*Sai sứ vào tiến phong cho* [Nguyễn Phúc Nguyên] *tước quốc công, ủy cho trấn thủ hai xứ, lại khiến đem quân ra đánh Cao Bằng. Nếu vâng mệnh mà đến thì ta lấy rất dễ. Nếu không nghe mệnh thì ta đem quân đánh có danh nghĩa.*" Trịnh Tráng cử Nguyễn Khắc Minh đem sắc chỉ của vua Lê vào nam, làm theo kế nầy. Theo ý kiến của Đào Duy Từ, chúa Nguyễn hậu đãi sứ giả, và xin để trả lời sau.

Để đối phó với chúa Trịnh, Đào Duy Từ đề nghị Sãi Vương xây dựng **lũy Trường Dục** vào mùa xuân năm 1630 (canh ngọ), trong vòng một tháng thì xong, tăng cường phòng thủ Đàng Trong, từ làng Trường Dục đến bãi cát Hạc Hải (huyện Lệ Thủy, Quảng Bình).

Sau khi lũy xong, cũng theo kế Đào Duy Từ, chúa Nguyễn cử Văn Khuông (không biết họ) đi sứ ra bắc. Tại triều đình Thăng Long, Văn Khuông đối đáp trôi chảy, dâng lên Trịnh Tráng một mâm đồng cống phẩm, rồi lẻn trở về nam ngay. Lúc đó, triều đình Thăng Long phát hiện mâm đồng có hai đáy, mở ra xem, liền thấy đạo sắc của vua Lê bị trả lại và một tờ thiếp viết: "*Mâu nhi vô dịch / Mịch phi kiến tích / Ái lạc tâm trường / Lực lai tương địch.*" Trong số các quan của chúa Trịnh, Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan giải thích rằng: "*Đó là ẩn ngữ 'dư bất thụ sắc' nghĩa là ta không nhận sắc.*"(12) (Có lẽ để ám chỉ việc trả lại sắc thư sau khi xây xong lũy Trường Dục, nên lũy nầy còn được gọi là lũy Hồi Văn.)

Trả sắc xong, Đào Duy Từ đề nghị chúa Nguyễn tiến quân qua sông Nhật Lệ, chiếm Nam Bố Chánh ở phía nam sông Gianh, vốn là đất của Thuận Hóa. Tháng 9 năm canh ngọ (1630), chúa Nguyễn cử Nguyễn Đình Hùng, cháu nội Nguyễn Ư Kỷ (cậu của Nguyễn Hoàng), cầm quân vượt sông Nhật Lệ, bất ngờ tấn công quân Trịnh. Nguyễn Đình Hùng giết được viên chỉ huy quân Trịnh là Nguyễn Tịch, chiếm giữ vùng nầy, lập dinh Bố Chính, tổ chức quân đội, lập 24 đội thuyền và giao cho Trương Phúc Phấn (con Trương Phúc Gia) trấn giữ.

Làm chủ được tình hình Nam Bố Chánh, bảo vệ an ninh khu vực tiền phương phía bắc Đàng Trong, Đào Duy Từ đề nghị xây dựng thêm chiến lũy thứ nhì, phía nam Nam Bố Chánh, nhưng phía bắc lũy Trường Dục, từ núi Đầu Mâu ra cửa Nhật Lệ. Thấy khó khăn, lúc đầu chúa Nguyễn ngần ngại, nhưng rồi cũng thi hành kế hoạch của Đào Duy Từ. Lũy nầy được gọi là **lũy Thầy**, còn có tên là Định Bắc trường thành, hay lũy Đồng Hới, lũy Nhật Lệ, lũy Trấn Ninh, xây dựng trong nhiều tháng và hoàn tất vào tháng 8 năm tân mùi (1631).

Cũng trong năm tân mùi (1631), trấn thủ Quảng Nam là người con trưởng và cũng là thế tử của Sãi Vương, Nguyễn Phúc Kỳ, từ trần. Chúa Sãi đặt người con thứ nhì là Nguyễn Phúc Lan làm thế tử, cho người con thứ ba là Nguyễn Phúc Anh vào giữ đất Quảng Nam. Nguyễn Phúc Anh là người hiếu chiến, nhiều tham vọng nên chúa Sãi giao cho người con thứ tám là Nguyễn Phúc Tứ làm phó tướng và bổ thêm một văn chức họ Phạm vào làm ký lục để theo kèm.

Trấn giữ đất Quảng Nam được hai năm, Nguyễn Phúc Anh liên lạc với họ Trịnh ngoài bắc để nhờ giúp đỡ kiếm cách tiếm quyền trong nam. Không biết Nguyễn Phúc Anh bắt đầu liên lạc với chúa Trịnh khi nào? Chỉ biết rằng năm 1633

(quý dậu) chúa Trịnh ở ngoài bắc nhận được thư của Nguyễn Phúc Anh xin quy thuận, hẹn làm nội ứng. Anh ước hẹn với chúa Trịnh rằng một khi quân Trịnh nổ súng làm hiệu lệnh ở vùng ranh giới, thì phía nam sẽ có người của Anh làm nội ứng. Theo Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục*, "*...Trấn thủ Quảng Nam Dương Nghĩa Hầu Phúc Anh mật khải cha nó* [chỉ Sãi Vương] *già yếu, sợ sau nầy chẳng khỏi mang tiếng nghịch tặc, xin quan quân tiến vào, nó sẽ đem quân đến hàng...*"(13)

Nguyễn Phúc Anh vận động với Sãi Vương cho mình được ra làm trấn thủ Quảng Bình, hầu dễ bí mật tiếp xúc với miền bắc. Sãi Vương không biết âm mưu của Anh, liền chấp thuận, nhưng lúc đó vì lỗi lầm của Anh, nên Sãi Vương lại cử người khác.(14)

Thanh Đô Vương Trịnh Tráng tin lời, lần thứ nhì tự mình cầm đại quân và rước vua Lê Thần Tông, tiến qua Nam Bố Chính, vào đóng ở cửa sông Nhật Lệ (Đồng Hới) vào tháng 11 năm quý dậu (1633). Sãi Vương cử hai tướng Nguyễn Mỹ Thắng và Nguyễn Hữu Dật đem quân ra chống giữ.

Hai bên dàn binh đối diện để cầm cự nhau. Quân Trịnh nổ nhiều phát súng lệnh, nhưng đợi hơn mười ngày chẳng thấy có nội ứng bên quân Nguyễn. Trịnh Tráng sinh nghi, lui quân đóng cách xa doanh lũy để chờ tin. Quân Trịnh đâm ra trễ nãi, lười biếng. Quân Nguyễn xuất kỳ bất ý, đổ ra đánh đuổi. Trịnh Tráng liền rút về Thăng Long, để cho Nguyễn Khắc Liệt (hay Loát) ở lại giữ Bắc Bố Chính, phía bắc sông Gianh (Linh Giang).(14)

2.- Chúa Trịnh nhượng Quảng Nam đổi viện trợ

Tuy giàu có hơn, lực lượng đông và mạnh hơn, lại chủ động gây chiến, nhưng sau hai lần đụng độ, rõ ràng chúa Trịnh không thành công trong mưu đồ thôn tính miền nam. Có thể có nhiều lý do:

Về phía Đàng Ngoài, chúa Trịnh gây chiến chỉ vì quyền lợi của tập đoàn lãnh đạo, và nhân danh vua Lê để đưa quân vào đánh chúa Nguyễn. Quân đội chúa Trịnh phải di chuyển xa, vừa khó khăn, vừa tốn kém, lại không quen địa hình, không hạp thủy thổ, dễ bệnh tật, tinh thần chiến đấu không cao. Chúa Trịnh uy hiếp và lấn quyền vua Lê, nên khi đem quân đi đánh đường xa, chúa Trịnh luôn luôn lo ngại người khác mượn danh nghĩa phò Lê cướp quyền ở kinh đô. Hơn nữa, họ Mạc còn hiện diện ở Cao Bằng, có thể tiến về Thăng Long bất cứ lúc nào thuận tiện. Do đó, chúa Trịnh không được yên tâm chinh chiến và dễ dàng rút quân khi được tin hậu cứ bị đe dọa.

Về phía Đàng Trong, dân chúng bỏ đất bắc theo chúa Nguyễn vào nam khai phá, tạo lập ruộng vườn nhà cửa, và xây dựng quê hương mới. Nay quê hương mới lại bị đe dọa, ruộng vườn nhà cửa bị tấn công, nên họ cương quyết chiến đấu chống lực lượng chúa Trịnh, bảo vệ những thành quả của mình. Vì vậy chúa Nguyễn chống đỡ có chính nghĩa và được dân chúng ủng hộ. Lực lượng chúa Nguyễn tuy ít hơn, nhưng tiềm năng kinh tế vững vàng, lại chiến đấu tại chỗ, trên đất nhà, quen biết địa hình địa vật, phong thổ khí hậu, thời tiết, dễ tiếp liệu, dễ bổ sung hay tăng cường, lại xây dựng được các chiến lũy kiên cố để chống đỡ những đợt tấn công của bắc quân.

Trước tình hình khó khăn, Thanh Đô Vương Trịnh Tráng liền nghĩ cách cầu viện người Tây phương, lúc đó mới bắt đầu đến Đại Việt giao thương. Trong số nầy, hai nhóm quan trọng đến trước là người Bồ Đào Nha và Hòa Lan.

Người Bồ Đào Nha chính thức thiết lập trung tâm thương mãi tại Macao (Áo Môn, Trung Hoa) năm 1557 dưới đời Minh Thế Tông (trị vì 1522-1566, niên hiệu là Gia Tĩnh). Từ đây, Bồ Đào Nha gởi các tàu đến các nước Đông Nam Á buôn bán mà không thiết lập các thương cuộc địa phương. Họ đến Chiêm Thành rất sớm. Điều nầy làm cho Sãi Vương lo ngại. Năm 1631 (tân mùi), ông gả người con gái thứ ba là Nguyễn Phúc Ngọc Khoa qua làm vợ vua Poromê (trị vì 1627-1651), và trở thành hoàng hậu Chiêm Thành.(15) Theo tài liệu tây phương, từ năm 1639, cuộc giao thương giữa Chiêm Thành và người Bồ Đào Nha không còn được nghe nói đến nữa.(16) Phải chăng bà Ngọc Khoa đã được chúa Sãi giao nhiệm vụ chận đứng sự liên lạc giữa Chiêm Thành và Bồ Đào Nha? Ngược lại, người Bồ Đào Nha lại kiếm cách liên kết với chúa Nguyễn để cạnh tranh với người Hòa Lan.

Về phần người Hòa Lan, công ty Verenigde Oostindische Compagie, viết tắt là VOC, tiếng Anh là Dutch East India Company (Công ty Đông Ấn Hòa Lan), từ năm 1619 đặt trụ sở ở Á châu tại Batavia (tức Jakarta thuộc Indonesia ngày nay). Năm 1623, VOC chiếm luôn các đảo Java, Sumatra và lập ra Dutch East Indies hay Netherlands East Indies (xứ Đông Ấn Hòa Lan).(17) Đến năm 1641, người Hòa Lan làm

chủ hoàn toàn eo biển Malacca mà trước đây do người Bồ Đào Nha kiểm soát. Do vậy, công ty VOC cũng làm chủ luôn con đường buôn bán hồ tiêu qua eo biển Malacca.(18)

Năm 1637, VOC gởi người qua Đại Việt buôn bán, mở thương cuộc tại Hội An (Quảng Nam) ở Đàng Trong do Abraham Dujoker trông coi, và mở tiệm buôn tại Phố Hiến (Hưng Yên) ở Đàng Ngoài do Karl Hartsingh quản lý. Đặc biệt, công ty đã tặng chúa Trịnh hai khẩu thần công (đại bác).(19)

Trong dịp nầy, chúa Nguyễn cũng như chúa Trịnh đều viết thư cho viên Toàn quyền (Governor General) Công ty Đông Ấn Hòa Lan ở Jakarta, nhưng mỗi bên có một mục đích khác nhau.

Sau đây là bản dịch lá thư Thượng Vương Nguyễn Phúc Lan mời người Hòa Lan đến Đàng Trong giao thương:

"Thư nầy cuả vua nước Quảng Nam gửi vua xứ Jakarta. Ta nghĩ rằng khi thông thương với những xứ xa lạ, việc ấy phải được vua hai bên thương nghị. Vả lại, khi có thương nhân đến một nước để buôn bán, dân nước nầy ắt lấy làm vui thích. Ta được biết rằng trong các nước đến buôn bán ở nước ta, chỉ đức vua xứ Jakarta là đem lại lợi ích cho nhân dân nước ta. Ta lấy làm vui lòng. Ta cũng được biết rằng đức vua muốn thuê một miếng đất trong nước ta để cho người xứ ấy ở. Ta sẵn lòng cho thuê đất, nhưng sợ thương gia ngoại quốc khác không đến buôn bán trong nước ta nữa, như vậy sẽ gây tình thế không tốt cho ta, vì người ta sẽ nói không ai muốn đến nước ta. Xin đức vua xét lẽ ấy và đừng tưởng rằng ta sợ. Trái lại ta rất mong muốn thiên hạ đến doanh thương trong các hải cảng của ta. Nếu đức vua không trách ta thì xin cho người đến buôn bán trong nước ta, ta rất được đẹp lòng, cũng như đối với các nước khác vậy. Xin gởi theo đây nửa cân trầm hương. Năm thứ 3 triều ta [Lê], *ngày 23 tháng giêng*."(19)

Cùng trong năm 1637, ở Đàng Ngoài, Thanh Đô Vương Trịnh Tráng cũng viết thư gởi viên Toàn quyền Công ty Đông Ấn Hòa Lan, nhưng không phải để mời đến giao thương mà để cầu viện. Thư viết bằng chữ Nho nên người Hòa Lan không hiểu. Họ nhờ một thông dịch viên Nhật Bản ở Nagasaki tên là Meison chuyển sang tiếng Hòa Lan. Meison gởi bản dịch cho người Hòa Lan, và giữ nguyên bản lá thư. Nhà nghiên cứu Li Tana đã dịch những ý chính trong lá quốc thư của Thanh Đô Vương Trịnh Tráng qua Anh ngữ như sau:

"[...] *Some beasts in human shape[meaning the Nguyễn] have set up a separatist regime on our southern border and are relying on their tenable defensive position to resist the court [of the Lê in Thăng Long]. We have not yet done anything about them because we are afraid that something unforeseen may happen at sea. Since you intend to be friendly with us, could you give us either two or three ships, or two hundred soldiers who are good at shooting, as proof of your kindness. These soldiers can help us with the cannons. In addition, please send fifty galleys with picked soldiers and powerful guns to us, and we will send some of our trusted soldiers to lead your galleys to Quảng Nam, as our reinforcements. At the same time our army will attack Thuận Hóa [...] After the victory we will give your soldiers twenty thousand to thirty thousand taels of silver as a gift. As for Your Excellency, we will give you Quảng Nam to govern. You can select some soldiers to build and guard the city, and we will order the people there to do corvée for you. You collect the products of the area and give a part of*

it to our court, so both sides will benefit from it. God will punish us if the foregoing is not honest." (20)

Sau đây là phần tạm dịch:

"*[...] Một số súc sinh đội lốt người [chỉ họ Nguyễn] đã thiết lập một chế độ ly khai ở phía nam biên giới chúng tôi và chúng dựa vào vị trí dễ bề phòng thủ để chống lại triều đình [nhà Lê ở Thăng Long]. Chúng tôi chưa làm gì đối với họ vì chúng tôi lo ngại điều gì đó chưa tiên liệu được có thể xảy ra ngoài biển. Bởi vì quý ông có ý thân thiện với chúng tôi, quý ông có thể giúp chăng cho chúng tôi hoặc hai hay ba chiếc tàu, hoặc hai trăm binh sĩ thiện xạ, như là bằng chứng của lòng giao hảo cuả quý ông. Những binh sĩ nầy có thể giúp ích chúng tôi với các khẩu đại bác. Thêm vào đó, xin quý ông vui lòng gởi cho chúng tôi 50 chiếc thuyền với những tuyển binh và những khẩu súng* [có sức công phá] *mạnh mẽ, và chúng tôi sẽ gởi những các binh sĩ tín cẩn để hướng dẫn thuyền quý ông đến Quảng Nam, như sự tăng cường của chúng tôi. Cùng lúc đó quân đội chúng tôi sẽ tấn công Thuận Hóa. [...] Sau khi chiến thắng, chúng tôi sẽ thưởng binh sĩ của quý ông từ hai mươi ngàn đến ba mươi ngàn lạng bạc làm quà. Về phần Ngài, chúng tôi sẽ biếu đất Quảng Nam để ngài cai trị. Ngài có thể tuyển chọn một số binh sĩ để xây cất hoặc bảo vệ thành phố, và chúng tôi sẽ ra lệnh dân chúng tại đó làm xâu cho ngài. Ngài sẽ trưng thu sản vật trong vùng và chia một phần cho triều đình chúng tôi, như thế đôi bên đều lưỡng lợi. Trời sẽ trừng phạt chúng ta nếu không trung tín với những điều hứa hẹn.*" [Câu in đậm của người viết.]

Khi sử dụng Quảng Nam để thương lượng với người Hòa Lan, chúa Trịnh chẳng mất mát gì, vì đàng nào thì Quảng Nam cũng không thuộc quyền kiểm soát của ông, mà thuộc quyền chúa Nguyễn. Chúa Trịnh biết người Hòa Lan đã đặt thương cuộc tại Hội An, nên họ rất rõ giá trị tài nguyên của Quảng Nam, lúc đó là vùng đất kéo dài từ phía nam đèo Hải Vân đến Phú Yên.

Theo như lời viên đại diện Hòa Lan ở Hội An (Đàng Trong) là Abraham Dujoker nói với Karl Hartsingh, viên đại diện Hòa Lan ở Phố Hiến (Đàng Ngoài), thì tất cả những tin tức ở triều đình Đàng Ngoài đều bị tình báo cuả chúa Nguyễn báo cáo vào nam. Do đó, có thể việc chúa Trịnh cầu viện người Hòa Lan đã lọt vào tai chúa Nguyễn nên sau đó chúa Nguyễn không chịu miễn thuế cho người Hòa Lan như đã hứa.(21)

Trong lịch sử, việc sử dụng đất Quảng Nam để trao đổi với ngoại bang tái diễn khi giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine), đại diện cho Nguyễn Phúc Ánh, qua Paris cầu viện và ký kết hiệp ước Versailles năm 1787. Tuy nhiên, lúc đó, khác với chúa Trịnh, Nguyễn Phúc Ánh đang ở thế cùng lực kiệt, gia đình bị giết hại, bản thân phải bôn tẩu khắp nơi, từ Gia Định, ra Phú Quốc, và trốn sang cả Xiêm La (Siam tức Thái Lan ngày nay). Nguyễn Phúc Ánh đành phải ủy thác cho giám mục Bá Đa Lộc đi cầu viện để phục hồi quyền lực; và Bá Đa Lộc đã tự ý đề nghị nhượng Quảng Nam để đổi lấy viện trợ của Pháp. (Xin xem bài "Quảng Nam trên bàn Hội nghị Versailles năm 1787".)

Gần đây, giống với trường hợp chúa Trịnh, đang cai trị đất bắc, mà cố tình thống nhất đất nước bằng võ lực nên phải cầu viện với ngoại bang và nhượng bộ ngoại bang là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Sau hiệp định *Genève* năm 1954, đất nước bị chia hai giống như tình trạng phân chia thời Trịnh Nguyễn, ông Phạm Văn Đồng, thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt), với sự đồng ý của ông Hồ Chí Minh và Bộ chính trị đảng Lao Động Việt Nam (tức đảng Cộng Sản Việt Nam), đã ký quốc thư ngày 14-9-1958 nhìn nhận ranh giới biển 12 hải lý từ bờ biển do Châu Ân Lai, thủ tướng Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, công bố ngày 4-9-1958. Điều nầy có nghĩa là Bắc Việt gián tiếp công nhận chủ quyền của CHNDTH trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, lúc đó do Việt Nam Cộng Hòa (tức Nam Việt) cai quản. Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, và đảng Lao Động làm như thế nhằm mục đích đổi lấy viện trợ cuả CHNDTH để đánh Nam Việt.

Có một điểm khác nhau giữa hành động của chúa Trịnh và của Phạm Văn Đồng là chúa Trịnh nhượng Quảng Nam cho người Hòa Lan; mà người Hòa Lan là người da trắng ở Bắc Âu, khó thích nghi với xứ Quảng Nam, trong khi Trung Hoa là một cường quốc ở sát cạnh nước ta, và luôn luôn nuôi tham vọng bành trướng đế quốc. Thực tế, CHNDTH đã đánh đuổi quân đội Việt Nam Cộng Hòa năm 1974 để chiếm các quần đảo của chúng ta cho đến nay.

Chẳng những thế, một khi đã suy yếu trước những biến chuyển quốc tế mau lẹ sau năm 1975, nghĩa là sau khi thống nhất đất nước bằng võ lực, và để tiếp tục nắm quyền cai trị đất nước, nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội đã ký kết liên tiếp với CHNDTH hai hiệp ước: *Hiệp ước về biên giới*

trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ngày 30-12-1999 và *Hiệp ước phân định lãnh hải*, ngày 25-12-2000, nhượng đất và nhượng biển cho Trung Hoa.

3.- Chúa Nguyễn chiến thắng người Hòa Lan

Dầu biết rằng lực lượng Đàng Trong khá mạnh, chúa Trịnh không đánh nổi nên mới nhờ đến mình, nhưng do đề nghị của Thanh Đô Vương Trịnh Tráng nhượng đất Quảng Nam quá hấp dẫn, Công ty Đông Ấn Hòa Lan liền chuẩn bị lực lượng và chờ đợi cơ hội can thiệp vào Đàng Trong. Thời cơ thuận tiện cho người Hòa Lan xảy đến vào năm 1641vì các sự kiện sau đây:

Thứ nhất, tại Hội An, một người Việt làm công cho tiệm buôn Hòa Lan, bị nghi ngờ lấy trộm hàng hóa và bị chủ nhân Hòa Lan tra khảo đến chết. Dân chúng phản đối dữ dội. Trấn thủ Quảng Nam ra lệnh tịch thu hàng hóa, đốt cửa hiệu, giết bảy người Hòa Lan, đồng thời thả hai người trở về trụ sở trung ương ở Batavia (tức Jakarta, Indonesia), để tường trình sự việc lên thượng cấp. Trước tình thế nầy, người Hòa Lan phải bỏ thương cuộc Hội An và giao cho một người Nhật tên là Risemondono ở Thuận Hóa đại diện cho họ ở Đàng Trong.(21)

Thứ nhì, ngày 26-11-1641, hai chiếc tàu Hòa Lan *Eulden Buis* và *Maria de Medicis* bị tại nạn và mắc cạn ở gần cù lao Chàm (Quảng Nam). Có lẽ vì còn tức giận vụ người Việt bị đánh chết, trấn thủ Quảng Nam ra lệnh bắt tất cả 82 người Hòa Lan sống sót giam ở Hội An và tịch biên tàu chiếc tàu.(22)

Lúc đó, trong khi đưa một sứ giả của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài qua Batavia, vào đầu năm 1642, thuyền trưởng người Hòa Lan Jacob van Liesvelt ghé bến Đà Nẵng và bắt đi 120 người Việt, mà tài liệu Hòa Lan nói rằng theo lời yêu cầu của vị sứ giả Đàng Ngoài. Khi được biết có 82 người Hòa Lan bị giam ở Hội An, Jacob van Liesvelt đề nghị trao đổi tù binh. Trấn thủ Quảng Nam đồng ý, nhưng khi van Liesvelt thả hết người Việt, thì phía Đàng Trong yêu cầu người Hòa Lan phải giao cả sứ giả Đàng Ngoài. Chẳng những không làm theo lời yêu cầu nầy, van Liesvelt bắt luôn vị đại diện Đàng Trong đang thương thuyết cùng viên thông ngôn người Nhật Bản mang tên Francisco, rồi bỏ đi Batavia.(22)

Sau khi Jacob van Liesvelt ra đi, chúa Nguyễn là Thượng Vương Nguyễn Phúc Lan (cầm quyền ở Đàng Trong 1635-1648) ra lệnh thả 50 người Hòa Lan vào tháng 3 năm 1642, nhưng chiếc tàu chở những người nầy bị người Bồ Đào Nha và người Trung Hoa tấn công. Một số người sống sót bơi vào bờ, bị người Chiêm Thành bắt làm nô lệ. (Lúc đó, Chiêm Thành vẫn còn ở phía nam Phú Yên.) Một trong những người nầy, Juriaan de Rode, được người Chiêm gởi tặng vua Chân Lạp (Cambodia). Ông vua nầy thả Juriaan de Rode về đến Batavia ngày 5-1-1643.(22)

Trong khi đó, Công ty Đông Ấn Hòa Lan ở Batavia chưa biết hành động thân thiện trên đây của chúa Thượng, đã gởi năm chiếc thuyền cùng 125 thủy thủ và 70 chiến binh do Jan van Linga điều khiển tiến qua Đàng Trong vào tháng 5-1642. Jan van Linga nhận được lệnh là bắt người Việt dọc duyên hải, và gởi một tối hậu thư cho chúa Thượng buộc phải thực hiện những yêu cầu của người Hòa Lan trong vòng hai ngày; nếu không, người Hòa Lan sẽ giết một nửa tù binh, còn nửa kia chở ra bắc. Ngày 31-5-1642, tàu Hòa Lan vào cửa biển Quy Nhơn, đốt khoảng từ 400 đến 500 ngôi nhà tranh, và bắt được 38 người làm tù binh.

Lúc đó, Jan van Linga không cần đợi lệnh của Batavia, muốn dùng sức mạnh đến Hội An để giải cứu đồng hương của mình. Tiếp tục cuộc hành trình, họ bắt thêm 11 người Việt trong vòng 10 ngày. Để kiếm thêm tù nhân, Jacob van Liesvelt, cùng đi trong chuyến nầy, đề nghị đến Cù lao Chàm (Quảng Nam), giả vờ thân thiện, dự tính dụ người Việt xuống tàu rồi bắt đi. Tuy nhiên, người Việt đã biết tin tức từ Quy Nhơn, nên khi người Hòa Lan đến, người Việt chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Jacob van Liesvelt lên bờ cùng 150 người, liền bị tấn công và bị giết chết cùng khoảng 10 thuộc hạ.

Chủ trương của nhà cầm quyền Đàng Trong là không muốn người Hòa Lan liên kết với Đàng Ngoài, nên trong cuộc nói chuyện sau đó, đại diện nhà cầm quyền Đàng Trong đã nói với Jan van Linga là rất thất vọng về cuộc tấn công của người Hòa Lan, nhưng vẫn chưa chịu trả những người Hòa Lan còn lại.

Ngày 16-6-1642, người Hòa Lan giết thêm 20 con tin người Việt ở Đà Nẵng, rồi bỏ ra Đàng Ngoài. Khi gặp chúa Trịnh, Jan van Linga hỏi về công chuyện tấn công Đàng Trong thì được chúa Trịnh trả lời rằng ông ta đã gởi quân đi đánh Đàng Trong, nhưng đợi không thấy người Hòa Lan xuất hiện, nên đoàn quân nầy phải quay trở về. Không biết sự thật như thế nào, chứ vào năm 1642, hoàn

toàn không có một trận đánh nào giữa hai bên Trịnh Nguyễn được sử sách ghi lại.

Tháng giêng năm 1643, Công ty Đông Ấn Hòa Lan gởi thêm một hạm đội mới gồm năm chiếc tàu, do Johannes Lamotius điều khiển, để phối hợp với Đàng Ngoài tấn công Đàng Trong. Tháng Hai năm quý mùi (khoảng tháng 3-1643), Thanh Đô Vương Trịnh Tráng sai hai con là Trịnh Tạc và Trịnh Lệ cầm đại quân tấn công Nam Bố Chánh (Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày nay). Trong cuộc đột kích, quân Trịnh đã bắt được viên tướng trấn giữ Nam Bố Chánh của chúa Nguyễn là Bùi Công Thắng, rồi quân Trịnh thẳng tiến tới cửa sông Nhật Lệ. Tháng sau (4-1643), Trịnh Tráng rước vua Lê Thần Tông (làm vua lần đầu 1619 – 1643) vào đóng tại xã An Bài (thuộc Bắc Bố Chánh), liệu định quân cơ. Tuy tấn công mạnh mẽ, nhưng quân Trịnh không vượt qua được lũy Thầy. Quân Nguyễn cầm cự kéo dài qua tháng 5-1643. Thời tiết nóng bức làm cho quân Trịnh đau yếu bệnh tật. Trịnh Tráng thấy khó thắng được, ra lệnh rút quân về.

Tháng 6 năm 1643, Công ty Đông Ấn Hòa Lan lại gởi thêm ba chiếc tàu do Pueter Baek chỉ huy. Ông ta cũng nhận được lệnh bắt càng nhiều càng tốt người Việt ở Đàng Trong. Khi đến bờ biển Đàng Trong vào tháng 4 năm giáp thân (khoảng 5-1644), mà theo *Đại Nam thực lục tiền biên* thì ở cửa Eo tức cửa Thuận (Huế), còn theo tài liệu nước ngoài thì ở phía nam sông Gianh khoảng 5 dặm (1 dặm biển tức hải lý (nautical mile) = 1852 m.), ba chiếc tàu Hòa Lan liền bị khoảng 50 chiếc thuyền Đàng Trong bao vây. Hai chiếc thuyền Hòa Lan liền bỏ trốn một cách khó khăn, còn tàu chỉ huy *de Wijdenes* bị trúng đạn, nghiêng qua một bên. Khối súng đạn trên tàu phát nổ, giết tất cả thuỷ thủ đoàn, kể cả viên chỉ huy Pueter Baek.

Theo *Đại Nam Thực lục tiền biên*, người chỉ huy phía Đàng Trong đánh trả tàu Hòa Lan là thế tử Dũng Lễ Hầu Nguyễn Phúc Tần (sau nầy là Hiền Vương). Tuy mô tả trận đánh một cách anh dũng, nhưng *Thực lục tiền biên* không đề cập đến sự thiệt hại của phía Đàng Trong.(23) Theo những tài liệu về phía Hòa Lan thì bảy chiếc thuyền Đàng Trong bị đánh chìm và khoảng từ 700 đến 800 người Việt bị giết.(24) Con số người chết có thể được phóng đại, vì theo sự mô tả của các sách, những chiếc thuyền Đàng Trong nhẹ, lướt nhanh trên mặt biển để tấn công, còn phải tải theo vũ khí đạn dược, không thể chở quá nhiều người, chỉ có thể khoảng 20 tay chèo, cùng khoảng tối đa 20 binh sĩ. Giả thiết nếu bảy chiếc thuyền chìm và chết hết, cọng thêm số tử trận ở các tàu khác thì cũng khoảng từ 300 đến 400 người chết là đã quá nhiều rồi.

Đặc biệt, tin tức về hai cuộc thất bại năm 1642 và 1643, nhất là về chiếc tàu *de Wijdenes* của Công ty Đông Ấn Hòa Lan bị đánh chìm, loan truyền nhanh chóng qua Trung Hoa, đến Nhật Bản, làm cho uy tín công ty nầy bị giảm sút. Người Nhật bắt đầu đánh giá thấp người Hòa Lan và nghĩ rằng họ không có gì phải ngán sợ người Hòa Lan.(24)

Cần nên chú ý thêm là Công ty Đông Ấn Hòa Lan, với một lực lượng hải thuyền khá mạnh, trang bị vũ khí tối tân (vào thời bấy giờ), đã chinh phục được Batavia và vùng quần đảo Indonesia, nhưng không thể chiến thắng được Đàng Trong, chứng tỏ quân lực chúa Nguyễn mạnh không kém. Điều nầy giúp giải thích vì sao chúa Nguyễn đã thắng thế trong cuộc tranh hùng nam bắc vào thế kỷ thứ 17.

Sau trận nầy, Công ty Đông Ấn Hòa Lan không còn gởi tàu bè đến khiêu khích Đàng Trong. Đến năm 1648, khi Dũng Lễ Hầu Nguyễn Phúc Tần, người anh hùng trong trận đánh năm 1643, thay cha cầm quyền tức Hiền Vương (cầm quyền ở Đàng Trong 1648-1687), tỏ ra sẵn sàng nói chuyện với người Hòa Lan, thì Công ty Đông Ấn Hòa Lan gởi đại diện đến Đàng Trong thương lượng. Ngày 9-12-1651 hai bên đi đến thỏa thuận bỏ qua những tranh chấp cũ, trao trả những người bị bắt, người Hòa Lan được tự do ra vào buôn bán ở Đàng Trong, những người của hai bên phạm tội đều sẽ bị hai bên xét xử, hai bên sẽ giúp đỡ nhau khi thuyền bè bị đắm... Dầu vậy, người Hòa Lan cho rằng công việc buôn bán của họ vẫn tiếp tục bị trở ngại nên tự ý rút lui và đóng cửa thương cuộc ở Đàng Trong năm 1654.(25)

CHÚ THÍCH

1.Từ năm 1570 (canh ngọ) Nguyễn Hoàng cai quản hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. **Thuận Hóa** gồm hai phủ: phủ Tân Bình (ở phía bắc) và phủ Triệu Phong (ở phía nam). Phủ Tân Bình gồm một châu (Bố Chánh) và ba huyện (Phong Lộc, Lệ Thủy và Minh Linh). Châu **Bố Chánh** nằm ngay phía nam Hoành Sơn (Đèo Ngang), được chia thành **Bắc Bố Chánh** (Bình Chánh, Minh Chánh ngày nay) và **Nam Bố Chánh** (Bố Trạch ngày nay). Giữa Bắc và Nam Bố Chánh là sông Gianh (Linh Giang). Trên danh nghĩa, châu Bố Chánh thuộc phủ Tân Bình, và thuộc xứ Thuận Hóa, nằm dưới quyền quản lĩnh của Nguyễn Hoàng. Tuy nhiên, khi chiến tranh Trịnh Nguyễn xảy ra (1627), thì

các viên quan cai trị phía bắc sông Nhật Lệ, nghĩa là từ Động Hải (Đồng Hới) trở ra bắc, kể cả Nam Bố Chánh, tùng phục vua Lê và chúa Trịnh, còn phía nam sông Nhật Lệ, tức từ huyện Lệ Thủy trở vào, về theo chúa Nguyễn.

2. Li Tana, *Nguyễn Cochichina, Southern Vietnam in the Seventeenth and Eighteenth Centuries* [Chúa Nguyễn ở Đàng Trong, Nam phần Việt Nam vào các thế kỷ 17 và 18], New York: Cornell University, 1998, tt. 159-160, 171. Tác giả Li Tana dựa vào số hộ mà các sách từ Dương Văn An (*Ô Châu cận lục*), đến Lê Quý Đôn và các bộ chính sử ghi nhận được về hộ tịch, nhân trung bình mỗi hộ năm người để ra dân số trên đây. Việc nầy chỉ cho một hình ảnh khái quát tương đối mà thôi, vì lúc đó việc kiểm tra chưa được chính xác, nhất là ở miền nam mới khai phá, tổ chức còn lỏng lẻo.

3. Charles Maybon và Henri Russier, *Lectures sur l'histoire d'Annam depuis l'avènement des Lê* [Những bài viết về lịch sử Việt Nam từ thời nhà Lê], Hà Nội: xuất bản lần thứ ba, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1919, tr. 30.

4. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Sài Gòn: Nxb Tân Việt, in lần thứ 7, 1964, tr. 326.

5. Li Tana, *sđd.* tt. 41-42.

6. Đại Việt sử ký toàn thư, Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, 1998, bản dịch tập 3, tr. 185.

7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Hà Nội: bản dịch của Nxb. Giáo Dục, 2002, tập 1, tr. 48.(Viết tắt *ĐNTL*)

8. Li Tana, *sđd.* tt. 44-45.

9. ĐNTL, bản dịch tập 1, *sđd.* tr. 43. Sông Nhật Lệ ở Động Hải (Đồng Hới), Quảng Bình, nằm về phía nam Đèo Ngang khoảng dưới 60 cây số. Theo tài liệu của giáo sĩ Alexandre de Rhodes, thì vua Lê Thần Tông chỉ vào đến Thanh Hoa mà thôi. (Phạm Văn Sơn trích dẫn lại, *Việt sử tân biên, quyển 3, Nam Bắc phân tranh*, Sài Gòn: 1959, tr. 121.)

10. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, viết tắt *Cương mục*, Hà Nội: Nxb. Giáo Dục, 1998, bản dịch tập 2, tr. 246.

11. **Đào Duy Từ** (1572-1634): Người huyện Ngọc Sơn, Thanh Hoa, con ông Đào Tá Hán, làm nghề xướng ca, nên Đào Duy Từ không được dự thi Hương. (Ngày xưa, theo quan niệm "xướng ca vô loại," người theo nghề hát xướng không được xem là công dân thông thường.) Đào Duy Từ bỏ vào nam, giúp việc chăn trâu cho một phú ông ở xã Tòng Châu (phủ Hoài Nhơn, Bình Định ngày nay). Thấy Đào Duy Từ giỏi chữ nghĩa, phú ông giới thiệu với quan Khám lý phủ Hoài Nhơn là Trần Đức Hòa. Đức Hòa mời về nhà dạy học, rồi gả con gái. Đào Duy Từ sáng tác bài "Ngoạ long cương," tự ví mình với Khổng Minh đời Tam Quốc bên Trung Hoa. Sau khi được Sãi Vương tín nhiệm giao chức vụ, Đào Duy Từ giúp Sãi Vương bảo vệ miền nam, chống đánh chúa Trịnh rất hữu hiệu. (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên* (bằng chữ Nho, soạn xong năm 1852), Huế: bản dịch cuả Nxb. Thuận Hóa, 1993, phần tiểu truyện Đào Duy Từ, tt. 83-87.)

12. ĐNTL, bản dịch tập 1, *sđd.* tr. 44, 46. Chữ "mâu" không có phảy nách (dịch) là chữ "dư" (ta); chữ "mịch" không có chữ "kiến" là chữ "bất" (không); chữ "ái" rơi mất chữ "tâm" thành chữ "thụ" (nhận, chịu), chữ "lực" và chữ "lai" ghép lại thành chữ "sắc" (sắc chỉ). Góp lại là "Dư bất thụ sắc" nghĩa là "Ta không nhận sắc."

13. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Hà Nội: bản dịch của Nxb. Khoa học Xã hội, 1977, tr. 53.

14. ĐNTL, bản dịch tập 1, *sđd.* tt. 50-53. Lúc đó, khi Sãi Vương cho người mang giấy tờ vào Quảng Nam điều động Nguyễn Phúc Anh ra Quảng Bình, thì Anh bỏ dinh Thanh Chiêm, đi săn một tuần chưa về. (Theo cách tính ngày xưa, một tháng có ba tuần: thượng, trung, và hạ tuần, nên một tuần là 10 ngày.) Người nầy về trình lại cho Sãi Vương. Ông nổi giận đổi ý, cử Nguyễn Phúc Kiều làm trấn thủ Quảng Bình. Nguyễn Phúc Kiều là chồng của Nguyễn Phúc Ngọc Đỉnh, con gái út của Nguyễn Hoàng.

15. Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, viết tắt là *Thế phả*, Huế: Nxb. Thuận Hóa, 1995, tr. 126.

16. Pierre Bernard Lafont, "On the Relations Between Champa and Southeast Asia," [nguyên văn bằng Pháp ngữ, giáo sư Huỳnh Đình Tế chuyển qua Anh ngữ], trình bày tại cuộc hội thảo quốc tế về Chiêm Thành tại Đại học Copenhagen (Đan Mạch) ngày 23-5-1987, đăng trong *Proceedings of the Seminar on Champa*, California: Southeast Asia Community Resource Center, 1994, tr. 73.

17. Vùng tự trị nầy về sau thuộc chính phủ Hòa Lan khi Công ty VOC phá sản năm 1798. Khi Hòa Lan bị hoàng đế Pháp là Napoléon I (trị vì 1802-1813) xua quân chiếm đóng năm 1811, thì Anh Quốc chiếm Dutch East Indies.

18. Jennifer Mulherin, *Spices & Natural Flavourings*, Tiger Books International, London, 1992, tr. 10. Maguelone Toussaint Samat, *Histoire naturelle et morale de la nourriture*, Bordas, Paris, 1987; bản dịch tiếng Anh: *History of Food*, dịch giả Anthea Bell, Blackwell, London, 1992, chương 15 (Gia vị với bất cứ giá nào), tt. 480-545.

19. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong* [Sài Gòn], Houston: Nxb. Xuân Thu tái bản không đề năm, quyển hạ, tt. 546-547. Tác giả Phan Khoang cho biết ông trích dịch trong *Dagh, Registe, 1637* của Công ty Đông Ấn Hòa Lan, nhưng ông không cho biết ai đã dịch nguyên bản chữ Nho của chúa Nguyễn, và ông đã dịch từ bản chữ Pháp hay bản chữ Anh? Câu "Năm thứ 3 triều ta," là năm thứ 3 niên hiệu Dương Hòa (1637) của Lê Thần Tông, vì lúc đó các chúa Nguyễn vẫn lấy niên hiệu vua Lê để ghi năm tháng. (Điều nầy thấy rõ trong các bộ sử nhà Nguyễn như *Cương mục* hay *ĐNTL*.) Vua Lê Thần Tông làm vua hai lần. Lần thứ nhất từ 1619 – 1643. Trong lần nầy, ông có ba niên hiệu: Vĩnh Tộ (1619-1628), Đức Long (1629-1634), Dương Hòa (1635-1643).

20. Li Tana, *sđd.* tr. 176.

21. Phan Khoang, *sđd.* tt. 547-548.

22. Li Tana, *sđd.* tr. 177.

23. ĐNTL, bản dịch tập 1, *sđd.* tt. 55-56.

24. Li Tana, *sđd.* 178-179.

25. Phan Khoang, *sđd.* tt. 549-550.

NGUYỄN VĂN TƯỜNG CÓ TƯ THÔNG VỚI BÀ HỌC PHI VÀ GIẾT VUA KIẾN PHÚC KHÔNG?

NGUYỄN QUỐC TRỊ

Nguyên Viện trưởng Học viện Quốc Gia Hành Chánh, Sài Gòn.

Tác giả giữ BẢN QUYỀN. Bài này là một thành phần của cuốn sách tác giả đang soạn về nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường.
Mọi sử dụng, bất kỳ dưới hình thức nào, cần có sự đồng ý của ông Nguyễn Quốc Trị.

Trong bài "Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn" đăng trong báo Thế Kỷ 21, số 169, 170, và 171 năm 2003, người viết, dựa vào những tài liệu mới khám phá, đã chứng minh rằng Nguyễn Văn Tường (NVT) đã trung kiên giúp triều Nguyễn thực hiện sách lược "hoà để mưu chiến" và "châm chước thời cơ" để chống lại cuộc xâm lăng của người Pháp. Với sách lược đó, Việt Nam đã bảo toàn được chủ quyền nội bộ hầu thực thi các kế hoạch tự cường, như sơn phòng, chế tạo và nhập cảng súng đạn, nhằm chống lại người Pháp trong trường kỳ. Từ 1868 cho đến 1885, ngày NVT bị Pháp đày đi Tahiti, Triều Nguyễn đã dùng ngoại giao để gìn giữ chủ quyền qua các hiệp ước NVT ký vào 1874, 1884 cọng với sự khai thác các mâu thuẫn giữa Pháp và Trung Hoa. Đến khi thế của Tàu không còn, và người Pháp quyết tâm đem quân tiêu diệt Triều Đình, toan tính bắt vua quan chống Pháp, NVT đã lập kế hóa giải âm mưu đó của Pháp bằng cách để cho Tôn Thất Thuyết đánh úp Pháp trước và đem vua Hàm Nghi đi Tân Sở, trong lúc đó NVT ở lại, dùng hậu thuẫn của phe Cần Vương do ông Thuyết cầm đầu, để mặc cả với Pháp một thế hòa mới, nếu được, và nếu không, dùng chính thực lực của mình để kháng chiến. NVT đã thất bại. De Courcy, một tên tướng võ biền, đã không điều đình, và bắt ông đi đày ở Côn Lôn và Tahiti. Ông mất sau một thời gian ngắn bị tù đày, nhưng phe chống Pháp, do vua Hàm Nghi và ông Thuyết lãnh đạo, cũng như sau này bao chiến sĩ quốc gia khác, đã kéo dài cuộc tranh đấu dành lại độc lập mãi cho đến ngày toàn thắng, ngày mà đại quân Pháp phải cuốn gói ra đi. Nhận thấy NVT là một địch thủ quá lợi hại, người Pháp rất khâm phục tài đức của ông, nhưng cũng đồng thời, vì mục tiêu chính trị, tìm cách xuyên tạc, bôi lọ ông nhiều không kể xiết. Một trong những chuyện, mà họ dựng ra, việc NVT giết vua Kiến Phúc để che dấu sự tư thông với bà Học Phi, mẹ nuôi của vua, sẽ được bàn trong bài này. Các chuyện xuyên tạc khác sẽ được xét trong một dịp sau.

I. Cái chết bình thường vì bệnh của vua Kiến Phúc

A. Theo chính sử nhà Nguyễn

Vua Kiến Phúc, sinh ngày 12-2-1869, lên ngôi thay Vua Hiệp Hòa ngày 2-12-1883, lúc 15 tuổi và mất ngày 31-7-1884 sau 8 tháng tại vị. (Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc Tộc, *Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả*, [sẽ gọi tắt: Thế Phả] Nhà Xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1995, 383-4) Về cái chết của ngài, chính sử của nhà Nguyễn viết:

"Vua không khỏe, tháng tư trước, ngọc thể vi hòa, đình thần đã xin vua tĩnh dưỡng, và chia nhau đi cầu đảo các linh từ, sau đó đã khỏe, nhưng chưa được bình phục như cũ, đến ngày mồng bảy tháng này, ngày kỷ mão mới ngự điện Văn Minh. Chịu lễ chầu mừng, ban thưởng lụa hoa cho các bầy tôi có sai bậc, rồi sau lại không được khỏe. Thái y tiến thuốc, không thấy công hiệu. Ngày mồng mười nhâm ngọ, bệnh kịch, giờ ngọ hôm ấy vua mất ở chính tẩm điện Kiền Thành." (Đại Nam Thực Lục Chính Biên [ĐNTL], XXXVI, 150-1) Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội Hà nội, 1962-1978)

B. Theo nhân chứng trong Triều Nguyễn

Hạnh Thục Ca của tác giả Nguyễn Nhược Thị, bí thư của Thái hoàng Thái hậu Từ Dũ, mẹ Vua

Tự Đức, cũng có tường thuật việc Vua Kiến Phúc mất vì bịnh như sau:

. . . Nào ngờ nhiều nỗi chẳng may,
Trị vì sáu tháng bệnh rày lại mang,
Hết lòng khấn vái thuốc thang,
Gẫm âu số mệnh đành khôn cải trời.
Nương mây phút sớm tếch vời,
Năm thân tháng sáu rụng rời cành xuân....

(Nguyễn Nhược Thị, *Hạnh Thục Ca*, Trần Trọng Kim phiên dịch và chú thích, Sài Gòn, Tân Việt, 1950, 30-1)

C. Theo Khâm sứ Pháp Rheinart

Hôm 1-8-1884, một ngày sau khi Vua Kiến Phúc băng hà, Khâm sứ Rheinart ghi chú rằng vua mất vì bệnh một cách bình thường như sau:

"*Vua Kiến Phước mất ngày hôm qua lúc đứng bóng sau khi cơn bệnh trở lại trong một thời gian rất ngắn. Tôi đã đánh điện đi Paris và Hà Nội để báo tin. Vị vua trẻ tuổi, theo tôi tưởng, đã bị một bệnh về óc não hay tủy xương sống [maladie du cerveau ou de la moelle épinière].* [1] ct. của Sogny, NQT ct. [ ]

*Cha của vua đã mất vì bịnh điên. **Cái chết của vua là một cái chết tự nhiên [mort naturelle], nhưng nó đã đến một cách quá bất ngờ làm cho mọi người kinh ngạc.** Đứa trẻ đáng thương đã làm vua một cách miễn cưỡng: nó sống trong sự kinh hoàng, luôn luôn lo sợ bị một số phận như người tiền nhiệm, buồn bực, trầm mặc, trốn tránh mọi người. Trong một thời gian khá lâu nó không dậy nổi, tôi không biết nó có thể đứng lên mà không cần người đỡ không, từ lúc bị bịnh, nghĩa là từ ba tháng nay..."* (M. *Rheinart, premier chargé d'affaires à Hué*, Journal, notes, et correspondance, *Bulletins des Amis du vieux Hué [BAVH], số 1 & 2, 1943, 173; NQT dịch và nhấn mạnh).*

Lời ghi chú này của Rheinart, một viên chức thuộc địa rất kiên cường trong việc tìm cách dựng lên một ông vua làm tay sai cho Pháp, dù chứa đựng nhiều thiên kiến và sai lạc, đã công nhận là cái chết của vua Kiến Phúc không có gì là mờ ám. Trước đó gần hai tháng, khi Patenôtre cùng Rheinart đến Huế để ký Hiệp ước 6-6-1884, hai ông đã biết là Vua bị bệnh sắp chết, nên đã cùng nhau duyệt qua [passer en revue] độ 30 vị hoàng thân có cơ thừa kế ngôi vua, như Patenôtre đã kể. (Jules Patenôtre, *Souvenirs d'un diplomate*. Paris, Ambert, 1913-14, tome 1, 103).

Cái chết của vua Kiến Phúc là một sự thiệt hại lớn lao cho phe chống Pháp, do NVT và Tôn Thất Thuyết lãnh đạo, sau khi lật đổ vua Hiệp Hòa đã âm mưu đi với Pháp. Nhưng đối người Pháp Thực dân thì đó là cơ hội tốt để họ tìm cách bôi lọ NVT.

II. Bộ máy tuyên truyền Pháp và cái chết của vua Kiến Phúc

A. Theo ông Chánh Sở Mật Thám An Nam

Thật vậy, trong phần trích dẫn nói trên về lời ghi chú ngày 1-8-1884 của Rheinart, L. Sogny, Chánh sở Mật thám An nam và là người bình giải cuốn nhật ký của Rheinart đăng trong BAVH năm 1943 vừa kể, đã không ngần ngại đánh một chú thích 1 nói rằng: "*Các giới An nam thạo tin nhất không hề do dự rằng* [cái chết đó, NQT ct.] *là do một sự đầu độc. Lúc đó vua 14 tuổi.*" (*M.* Rheinart..., Ibid.) Trong một chú thích ở một chỗ khác trong bài đó, Sogny nói rằng NVT, mà thiên hạ đồn là có tư thông với bà mẹ nuôi của vua, đã cho lệnh giam Kiến Phúc ngay trong lúc ông này làm vua, hầu đưa con mình lên thay; đồng thời cũng nói rằng, bằng cách thủ tiêu Kiến Phước, các phụ chính muốn hủy bỏ hiệp ước 1884 đã được vị vua trẻ ký (Ibid., 128, ct. 1). Rồi ở một chú thích khác, ông Chánh sở Mật thám thêm rằng vua Kiến Phước bị đầu độc "theo lệnh của một phụ chính" (Ibid., 194, ct. 1).

B. Theo LM Adolphe Delvaux với ba tin khác nhau

Vào 1941, Delvaux viết trong BAVH rằng, theo tin đồn, Vua Kiến Phúc bị đầu độc. Sau khi nói rằng bà Học Phi, vợ thứ ba của Tự Đức, đã nhận vua làm con nuôi và dạy dỗ ngài, nên rất được ngài tín nhiệm, tác giả kể tiếp:

"*Nguyễn-Văn-Tường đã có biết bà Học-Phi từ một thời gian nào; những kẻ xấu miệng kể thì thầm rằng ông có đối với bà nhiều hơn là chỉ một sự tôn kính.* [de mauvaises langues racontaient même tout bas qu'il avait pour elle plus que des égards]. . .*[ ] Ông không quên một cơ hội nào để gặp bà, và khi vua bị bịnh đậu mùa [petite vérole], Tường càng chuyên cần gấp bội trong việc đến gần vua và gần người đàn bà săn sóc vua. **Vua đã nhiều lần để ý thấy ông phụ chánh trao điếu thuốc đang cháy cho bà mẹ nuôi mình; nhưng ngài không nói gì cả.** Một đêm nọ vua có vẻ thiêm thiếp ngủ, ngài đã có thể nghe được câu chuyện giữa hai người. Sau khi để cho Tường nói một lúc, ngài bỗng hét lên: 'Tao lành, tao chặt đầu cả ba họ' [Une fois que je serais remis, je vous ferais couper la tête, à vous et à vos fils [litt: à trois*

générations]. [ ] Vị phụ chính cảm thấy mình bị nguy khốn. Thay vì bỏ trốn, phải chăng nên thủ tiêu kẻ địch của mình? Ông đi xuống viện Thái Y, nhà thuốc của hoàng gia: thuốc đã sắc sẵn cho vua; nhận thấy thuốc đó không tốt, ông chế theo kiểu của ông. Theo lời khuyên của bà Học-Phi, vua uống thuốc mới, và, sáng mai lại, người ta thấy vua chết một cách đột ngột." (Adophe Delvaux, "Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam." BAVH, số 3, 1941, 251; NQT dịch và nhấn mạnh)

Một điều đáng lưu ý là tác giả Delvaux, trong một bài khác, viết về cái chết của NVT, có nói rằng vị phụ chính này đã bóp cổ vua Kiến Phúc chết, chớ không phải đầu độc như chính tác giả đã kể theo tin đồn trong bài nói trên. Ở đây, tác giả nhớ lộn rằng vua là rể của NVT và nói rằng "*. . . người con rể bất hạnh của ông, vua Kiến Phúc, bị chính người cha vợ bóp cổ. . .[. . . son infortuné gendre, le roi Kiến-Phúc, étranglé par son propre beau père. . .]*". (*'La mort de Nguyen-Van-Tuong Ancien Régent d'Annam.' BAVH, số 4, 1923, 430; NQT dịch và nhấn mạnh).* Về việc vua bị NVT bóp cổ chết này, tác giả Delvaux chỉ xác quyết như thế mà không nói nguồn tin ở đâu, nên việc phối kiểm có phần khó khăn vì không thấy sách vở nào nói như vậy. Chỉ có thể suy đoán là vị linh mục đã dựa vào sách của Bouinais và Paulus, (L'Indo-Chine francaise contemporaine, 2v.. Paris, Librairie maritime et coloniale, 1885) một công trình rất phong phú về tài liệu xuyên tạc, mà sử gia Tiến sĩ Charles Maybon đã minh thị xác quyết rằng mình cố ý loại ra khỏi các sách tham khảo. (Histoire moderne du pays d'Annam [1592-1820]. Paris, Plon, 1920, xii, ct. 1) Trong sách này, Bouinais, một sĩ quan hải quân Chánh võ phòng của Thống đốc Nam kỳ Thomson, có nói, theo tin đồn sai lạc, rằng NVT đã bóp cổ Vua Hiệp Hòa, (Tập 2, t. 274) nhưng có lẽ LM Delvaux nhớ lộn là bóp cổ Vua Kiến Phúc. Rồi có thể vì chị ruột của Vua Kiến Phúc và Vua Đồng Khánh, bà Công Tôn Nữ Như Khuê là dâu của NVT, vị linh mục nhớ lầm lẫn thành ra Vua Kiến Phúc là rể NVT. Đó chỉ là sự phỏng đoán của người viết, có thể không đúng sự thực. Dù sao, khi đưa ra một lời tố cáo khác thường như vậy mà không cho biết xuất xứ, thì quả thật tác giả đã không tôn trọng các qui tắc sưu khảo.

Hơn nữa, trước đó, vào 1916, trong một bài sưu khảo về tòa sứ Pháp ở Huế và các vị sứ giả đầu tiên, tác giả Delvaux lại đưa ra một tin khá ngộ nghĩnh về cái chết của Vua Kiến Phúc, khác hẳn với các tin mà chính mình nói ở trên - đầu độc hay bóp cổ. Theo luận cứ này thì NVT và Tôn Thất Thuyết đã triệt hạ Vua Kiến Phúc để ngăn ngừa quân Pháp vào đóng ở Mang Cá theo Hiệp ước 1884, vì, theo tác giả, các phụ chính nghĩ rằng văn kiện này đã được ký nhân danh vua Kiến Phúc, vậy nếu nay vua mất thì hiệp ước tất cũng không còn. Thật vậy, sau khi kể rằng một Đại đội Thủy quân lục chiến Pháp đến Huế vào giữa tháng 6, 1884 để trở thành đoàn quân bảo vệ vị Tổng trú sứ ở Huế và đóng ở Mang Cá, chiếu theo Hiệp ước 6-6-1884, tác giả nói tiếp:

"*Hai phụ chánh Tường và Thuyết dùng mọi cách để ngăn cản sự chiếm đóng đó, nếu không trực tiếp, thì ít nhứt cũng bằng một cách vòng vo. Theo họ, cần phải thủ tiêu hiệp ước, và, để đi đến chỗ đó, các ông chỉ thấy còn một cách: thủ tiêu Kiến Phúc vì hiệp ước đã được ký kết nhân danh vị vua này. Vào những ngày đầu tháng Tám, người ta nghe rằng vua đã mất trong đêm 31 tháng Bảy, 'sau một cơn bệnh lâu dài' và ngay ngày sau đã được em ngài là Ưng Lịch [Hàm Nghi] thay thế." (Delvaux, 'La légation de France à Hué et ses premiers titulaires [1875-1893]', BAVH, số 1, 1916, 52-3, NQT dịch và nhấn mạnh).* Tác giả đưa ra luận cứ này dựa theo cuốn La guerre du Tonkin, không biết tác giả (titre perdu), Sceaux, imp. Charaire et fils, trang 367.

Tóm lại, chỉ theo một mình tác giả Delvaux, NVT đã giết vua Kiến Phúc bằng ba cách khác nhau: trong bài viết năm 1916, tác giả cho rằng NVT đã cùng ông Thuyết "thủ tiêu" [faire disparaitre] vua để vô hiệu hóa Hiệp ước Bảo hộ 1884; trong bài viết năm 1923, tác giả lại nói rằng NVT giết vua bằng cách bóp cổ; rồi trong bài viết năm 1943 thì kể rằng NVT âm mưu với bà Học Phi để đầu độc vua. Như vậy, các tin này đương nhiên triệt tiêu và vô hiệu hóa lẫn nhau. Một người mà ra tòa tố cáo một người khác sát nhân trong ba trường hợp trái ngược nhau như thế, thì không những người bị cáo không có tội mà nguyên cáo còn phải phạm tội cáo gian. Ngoài ra, các bài viết của vị linh mục này trong tạp chí BAVH còn chứa đựng không biết bao nhiêu là loại tin tức xuyên tạc tương tự. Do đó, tưởng không có gì đáng ngạc nhiên khi ông Rheinart, một sĩ quan hải quân chuyển sang ngạch thanh tra hành chánh rồi làm đại diện cho chính quyền Pháp trong rất nhiều năm tại sứ quán Huế, đã ghi trong nhật

ký của ông như sau, để đánh giá nguồn tin của các nhà chức sắc Công giáo Pháp:

"Các tin tức do các vị thừa sai cung cấp không bao giờ chính xác và thường không đúng sự thật. [Les renseignements donnés par les missionnaires ne sont jamais précis et sont souvent inexacts.]" ("M. *Rheinart..." BAVH, số 1 & 2, 1943, 33, NQT dịch).*

Còn các tin của vị chánh sở mật thám Trung Kỳ, L. Sogny đưa ra, thì có thể được hiểu là thuộc phạm vi nghề nghiệp của ông. Nói tiếng Huế như người bản xứ và rất thông thạo chữ nho, ông Sogny đã nắm giữ vai trò quan trọng trong Hội Đô Thành Hiếu Cổ và cung cấp tài liệu từ sở Mật thám và tòa Khâm sứ cho các hội viên khác viết bài. Riêng ông cũng đã viết nhiều khảo luận, nhứt là về các nhân vật thân Pháp. (Xem Association des amis du vieux Hué, Collection du Vieux Hué; Le Bulletin des Amis du vieux Hué, 1914-1923. Hanoi: Imprimerie d'Extrême-Orient, 1925; và báo BAVH, passim).

C. Cái chết của Vua Kiến Phúc và các tác giả Thực dân Pháp khác

Thuyết "vô hiệu hóa Hiệp ước Bảo hộ," mà Delvaux đã dựa theo, được phần đông các tác giả Pháp đề ra căn cứ vào lý luận, mà họ gán cho các ông phụ chính, là nếu vua Hiệp Hòa đã bị thủ tiêu là vì đã công nhận sự bảo hộ của Pháp qua Hiệp ước Bảo hộ 1883, thì nay vua Kiến Phúc phải chịu chung số phận vì Hiệp ước Bảo hộ 1884. Thật vậy, theo tác giả Huard thì về "cái bệnh tình

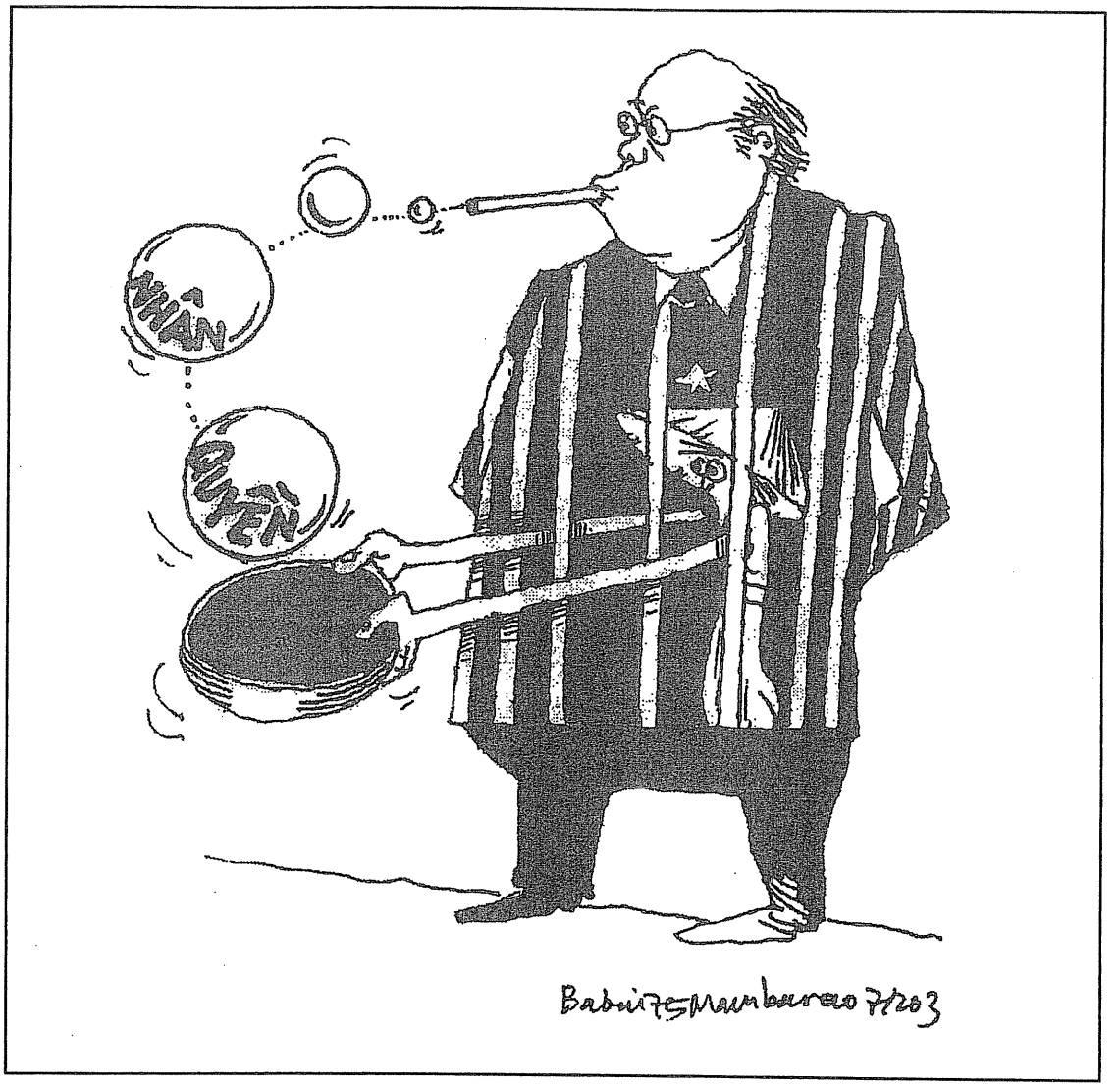

ấy của vua, không có gì lầm lộn khó hiểu cả, đó chính là cái bệnh đã cướp đi Hiệp Hòa và có thể cả Tự Đức nữa; đó là nền đô hộ Pháp." (Lucien Huard, La guerre illustrée: Chine, Tonkin, Annam. Paris, Boulanger, s.d., 367; do Nguyễn Văn Phong dẫn trong La société vietnamienne de 1882 à 1902 d'après les écrits des auteurs francais. Presses universiraires de France, Paris, 1971, 245, ct. 4; NQT dịch). Vial, cựu Thiếu tá Hải quân và Thống sứ Bắc kỳ, cũng nói theo một đường hướng tương tự rằng: "Có lẽ đúng là các ông phụ chính không chấp nhận trách nhiệm về các sự nhượng bộ dành cho nước Pháp, và đổ lên đầu một hoàng thân trẻ vô hại và suy nhược.... *Có tin đồn rằng Hội đồng Phụ chính đã thủ tiêu ổng. . .*" (Paulin Vial, Nos premières années au Tonkin. 1889, 169; do Phong dẫn, ibid., ct. 5; NQT dịch). Các nguồn tin kể trên đã được LM Nguyễn Văn Phong tổng hợp một cách tài tình gọn ghẽ như sau: ". . . *Sự háo hức của Hiệp Hòa, vì cảm thấy bị hăm dọa trầm trọng, đã thỉnh cầu sự giúp đỡ của Pháp với những lời lẽ dụng ý mơ hồ [theo Picard Destelan và J.* Masson, ct. 6], đã phải thúc dục cái chết của ổng. . . *theo lệnh hai phụ chính. Cái chết, dù cho là tự nhiên [theo Rheinart, ct.* 7] *hay cưỡng bách* [theo Masson, ct. 8], *của Kiến Phước, đã bị giam giữ sẵn trong cung theo lệnh của Tường, không những được dùng làm duyên cớ để thủ tiêu hiệp ước 1884, chiếu theo 'một giả tưởng ngoại giao của Á đông cho rằng một hiệp ước không có giá trị gì hết khi mà người ký nó chết gần như là liền sau đó'* [theo Pouvourville, ct. 9], *mà còn ăn khớp hoàn toàn với ý muốn của Tường, người đã bị tai tiếng là đã có liên lạc thân mật với một bà vợ hầu của vua* [theo Rheinart, ct. 7]." (Phong, op. *cit.*, 247; NQT dịch và tóm các chú thích).

Khi đưa ra cái tố cáo quá ngây ngô này, các tác giả quên rằng chính NVT đã ký Hiệp ước 1884, chớ đâu phải Vua Kiến Phúc mà giết ngài. Ngoài ra, ở đây, có một điểm đáng lưu ý, về phương diện phương pháp ghi chú tài liệu, là Rheinart, như đã nói trên, trong nhật ký của mình, không hề đả động gì đến việc NVT đầu độc Kiến Phúc, mà chính Sogny, Chánh sở Mật thám An nam và là người bình giải nhật ký ấy (do con của Rheinart cung cấp cho báo BAVH), đã thêm vào bằng một chú thích số 1 ở chỗ Rheinart ghi rằng cái chết của vua là một cái chết tự nhiên. Trong chú thích 1 đó, Sogny nói rằng vua bị đầu độc, dựa theo "giới thạo tin An nam" để đính chính sự xác nhận của Rheinart. Trong sách của Cha Phong có ghi ở chú thích 7, trang 247: "Rheinart, Journal, notes, op. *cit., pp. 128, n. 1, 173", nhưng quên ghi rõ là người bình giải, Sogny chớ không phải Rheinart nói.* Do đó, sử gia Vũ Ngự Chiêu, mặc dầu là người đã viết sử dựa rất nhiều vào tài liệu gốc và đầu tay, và đứng về phương diện quyền lợi quốc gia Việt Nam, và bênh vực hai ông phụ chính nhiều hơn các sử gia khác, đã dựa vào sách Cha Phong, trang 247 mà viết lầm rằng: "Khâm sứ Rheinart, qua hệ thống tình báo riêng, cho rằng Kiến Phước đã bị Phụ chính Tường hạ độc, không những vì Nguyễn Văn Tường tưởng rằng hiệp ước 1884 sẽ trở thành vô giá trị nếu người ký kết từ trần, mà còn do lòng dục vọng muốn duy trì những liên hệ mật thiết với một vương phi." (Vũ Ngự Chiêu, *Các Vua Cuối Nhà Nguyễn*, Tập 1. Văn Hóa 99, 353). Tuy nhiên, sau đó trong phần chú thích số 75, trang 361, tác giả lại tự hỏi: "Có nguồn tin cho rằng Nguyễn Văn Tường giao du thân mật với mẹ nuôi Kiến Phước. *Chẳng hiểu chi tiết này xuất xứ từ đâu."*

III. Nguyễn Hữu Độ và việc Vua Kiến Phúc chết

Để trả lời câu hỏi này tưởng nên xem thêm câu chuyện về phía sử Việt nam. Khoảng một năm sau khi vua Kiến Phúc mất, trong một bức thư gởi Đại tướng de Courcy, ông Nguyễn Hữu Độ, một vị quan thân Pháp ở Bắc kỳ, có nói ám chỉ rằng Vua nghe chuyện gian díu giữa NVT và bà Học Phi nên uất ức mà chết. Ông Độ không nói vua chết vì bị NVT đầu độc, hay duyên cớ mờ ám nào khác. Ông Độ đã nói nguyên văn như sau trong thơ:

"Chúng tôi thân hào sĩ xứ Bắc hà kính bẩm Đại nguyên soái thống xuất Bắc kỳ quân vụ toàn quyền đại thần các hạ:

. . .

Vua Kiến Phúc lên ngôi, tính người trong sạch, thiên tư khôn sáng, bọn nghịch thần ấy [NVT và Tôn Thất Thuyết, NQT ct.] e rằng không lợi cho mình, cùng nhau thông mưu với Nội đình, ngầm chu cuộc phế lập. Thêm nữa, những tiếng [buông khe] không tốt, truyền bá ra ngoài, cho đến vua Kiến Phúc cũng tức giận mà chết. Than ôi! Thảm thay!" (Phan Trần Chúc, *Vua Hàm Nghi.* Nhà Xuất bản Thuận Hóa, 1995, 89, NQT nhấn mạnh. Rất tiếc là tác giả Chúc, cũng như phần đông các sử gia Việt, không cho biết xuất xứ bức thư, cũng như tài liệu dùng để tham khảo, nhưng thiết tưởng bức thư phải có thực ở đâu đó, mà người viết

chưa tìm ra được).

A. Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Hữu Độ

Về tương quan giữa NVT và ông Độ, tác giả cuốn Vua Hàm Nghi cho biết là:

"Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết xét biết rằng Nguyễn Hữu Độ đã ngầm giao thiệp với người Pháp để gây thế lực riêng cho mình nên muốn triệu về để giữ mối họa về sau. Nhưng Độ là người rất giảo quyệt néo riết lấy người Pháp. Và không những không theo mệnh lệnh của triều đình, Độ lại còn dụng tâm mượn thế lực của Pháp để trừ cho kỳ được Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết." (*Chúc, op. cit.,* 88) Những lời này bình luận này rất phù hợp với những gì chính sử nhà Nguyễn là *Đại Nam Thực Lục* đã nói. (ĐNTL, XXXVI, 234, 236, 237). Ngoài ra, còn nhiều lý do khác khiến ông Độ âm mưu ám hại NVT. Một trong những câu chuyện thường được kể lại, là vụ dân Hà Nội dựng đền sinh từ Nguyễn Hữu Độ, lúc ông làm quyền Tổng đốc tỉnh đó. Chuyện vỡ lở lên đến tai Triều đình, ông Độ đã dâng sớ cáo lỗi, viện cớ là dân chúng thương ông và tự động làm, và ông không ngăn họ được. Quan Khoa đạo Bùi Hữu Tạo điều tra và hặc tội, vì lẽ rằng ông Độ đã nghe lời nịnh hót của bang biện và đề đốc tỉnh đó, gởi thân hào phủ huyện chia nhau góp mỗi người 200 lạng để xây sinh từ lên đến hàng vạn. Việc được điều tra lại thì lại nói là sinh từ chỉ do dân một thôn làm, và một môn thuộc của ông Độ là Võ Văn Hoạt nhận lãnh một mình tự ý làm tất cả. Hai ông phụ chính Tường và Thuyết thấy chuyện vô lý, vì một tiểu dân như tên Hoạt làm sao mà có thể đủ sức một mình đảm đương một việc to lớn hơn vạn bạc như vậy được, nên cho điều tra kỹ càng lại. Trong lúc cuộc tái điều tra đang tiếp diễn thì đến hè năm sau nội vụ được tạm xếp vì kinh thành thất thủ. (ĐNTL, XXXVI, 213-4) Một chuyện khá ngộ nghĩnh liên quan đến vụ này, là sau khi theo lệnh người Pháp dựng vua Đồng Khánh lên ngôi, việc trước tiên mà ông Độ làm là khiến vua ra dụ ân xá cho những người ở trong trường hợp như của mình. Sử chép:

*"Vũ hiển điện đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần là Nguyễn Hữu Độ tâu nói: Quốc triều lập phép, hình phạt có đủ điều lệ, kỹ càng đến nhường nào.... Từ sau khi tiên đế chầu trời, quyền thần giữ chính nước, khinh thường bỏ cả điển hình.... Trừ các tội danh phạm phải từ ngày 16 tháng 6 năm Tự Đức 36 trở về trước đều theo án trước xử lý ra, còn tự ngày 17 trở về sau, không cứ là can khoản gì, phạm tội gì... **đều làm danh sách tâu lên đợi chỉ cho khoan xá và truy trả lại chức hàm, khiến cho khỏi bị can lạm. Vua y cho."*** *(ĐNTL, XXXVII, 26; NQT nhấn mạnh)*

B. Nguyễn Hữu Độ và Vua Đồng Khánh

Dưới Triều Đồng Khánh, ông Độ hầu như nắm toàn quyền, dưới sự điều khiển trực tiếp của người Pháp. Trong giai đoạn đầu, một mình ông kiêm quản luôn sáu bộ, một việc trái hẳn với điển lệ nhà Nguyễn. Khi chính ông Độ tự thấy ái ngại và xin chỉ trông coi bộ Binh mà thôi, Vua Đồng Khánh không cho, vì sợ không đủ khả năng tự đảm đương công việc các bộ kia. Vua cũng không thấy thẹn thùng mà xác nhận rằng "*... khanh theo nước Pháp đón trẫm vào nối ngôi vua...," và yêu cầu ông Độ tiếp tục giúp vua như vậy trong một thời gian vài năm nữa.* Ông Độ, vì muốn chuẩn bị đi làm thêm chức Bắc kỳ Kinh Lược Sứ, tức trong thực tế là vua xứ Bắc kỳ, trực tiếp dưới quyền người Pháp, nên cố nài nĩ, dựa theo tiền lệ là các đại thần như Trương Đăng Quế, Trần Tiễn Thành trước kia cũng chỉ kiêm quản có một bộ Binh là tối đa, vua mới chịu y cho. (Ibid., 194-5) Đến năm Đồng Khánh thứ 3 [1888], mặc dầu đã làm chức Kinh Lược ở Bắc, ông vẫn kiêm nhiệm chức Cơ Mật Viện đại thần ở kinh, nên Triều đình phải xây nhà riêng cho ông, và thành tài sản riêng của ông, dựa theo tiền lệ xa xưa ở bên Tàu và ở đời Minh Mạng. Chính sử chép rằng:

"Vua nghĩ các công thần khi xưa, xét trong sử truyện, cũng có ban cấp nhà riêng; Nguyễn Hữu Độ đã phong tước công, thì nhà riêng cũng nên ban cấp; duy hiện nay gỗ chưa được dư dụ, thợ thuyền cũng thiếu, nếu nhà nước xây dựng cho, hơi có chưa tiện. Bèn chuẩn cấp cho 1.000 lạng bạc, giao cho nhà viên ấy thuê làm. [ ] [Quách Tử Nghi đời Đường có công lao lớn, giữ yên nhà vua, đức tôn, cho ruộng tốt, đồ dùng đẹp, vườn đẹp, nhà chứa sách, chép không xiết được; Ngụy Liễu Ông đời Tống tặng thái sư, cho nhà cửa. Đời Minh, Vu Khiêm, tài lược nhanh nhẹn, lo nước quên mình, cho nhà ở cửa Tây Ba; Thang Hóa phong Tín quốc công, Thái tổ cho tiền làm nhà. Bản triều, khoảng năm Minh Mệnh, nguyên trung hưng công thần là Trịnh Hoài Đức, không có nhà riêng, vì tuổi già xin trí sự, vua không cho, cho 2.000 quan tiền cùng gỗ, gạch, ngói, để làm nhà ở ngay kinh]. (ĐNTL, XXXVIII, 84)

C. Nguyễn Hữu Độ và người Pháp

Sở dĩ ông Độ được giao quyền lớn chưa từng có như vậy là vì từ lâu trước đó, ông đã lập được

nhiều công trạng với người Pháp, và được họ hoàn toàn tin dùng. Một trong những thành tích phục vụ Pháp khá nổi tiếng hồi đó của ông Độ là việc giúp Đức Cha Puginier xây nhà thờ trên chùa Bảo Thiên ở Hà nội. Công sứ Pháp ở Hà Nội hồi bấy giờ là Bonnal đã khen ngợi tinh thần hợp tác của ông Độ và kể lại một bằng chứng, như việc chiếm hữu đất chùa một cách "hợp pháp," như sau:

"San bằng cái chùa và tịch thu miếng đất, thật không có gì dễ bằng trong thời gian chiếm đóng..., tuy nhiên, công bình mà nói, tôi cảm thấy ít nhiều ái ngại trong việc phạm một sự lạm quyền kiểu đó, nên thấy nên nhờ ông Tổng đốc, Nguyễn Hữu Độ. Ông rất tâm đầu ý hiệp với vị Giám mục [Puginier, NQT ct.] và muốn làm vừa lòng ngài cũng như tôi vậy. Thoạt tiên, ông cho điều nghiên xem có ai là hậu duệ của người sáng lập ra chùa, đã chết hai thế kỷ trước, và, lẽ dĩ nhiên, không tìm ra ai. Thứ đến, ông chỉ thị cho các công dân lãnh đạo trong phường, được chọn lựa có vẻ như là do sự may rủi giữa các người Công giáo, đến thẩm lượng mức độ kiên cố của ngôi chùa; họ không ngần ngại xác quyết rằng ngôi chùa đã mục nát có thể sập gây nguy hiểm cho những người qua lại. Bây giờ, mọi việc đã đâu vào đấy. San bằng ngôi chùa và tịch thu miếng đất vô chủ vì lợi ích quốc gia là những biện pháp chính đáng theo tập tục An nam, và không thể bị ai phản đối được... [Ông Tổng đốc] cũng lãnh luôn trách nhiệm chuyển nhượng vô thường khu đất bị sung công cho giáo phận, và lấy làm thỏa thích được chính thức dâng trình mãnh bằng khoán khu đất cho đức giám mục..." (André Masson, The Transformation of Hanoi, 1873-1888. Madison, WI: Center for Southeast Asian Studies, University of Wisconsin-Madison, 1983, 51, NQT dịch)

Lịch sử Pháp Thực dân, nói chung, không những bỏ lơ không nói đến những hành vi tham nhũng hay bê bối của ông Độ, mà còn giải thích những hành vi thân Pháp của ông như là do lòng ái quốc của ông thúc đẩy. Trong một bài biên khảo về ông Độ (L. Sogny, "Les familles illustres de l'Annam: S.E. Nguyễn-Hữu-Độ." *BAVH, no.* 2, 1924, 169-204), ông Sogny, Chánh sở Mật thám Trung kỳ, cho rằng ông Độ là giòng dõi Nguyễn Trãi, và là người duy nhất trong lịch sử nước An nam, sau khi kinh đô Huế rơi vào tay Pháp, đã được thăng từ chức thị lang, hàng chánh tam phẩm, lên chánh nhứt phẩm, và đứng đầu triều (t. 190); là một ông quan rất hiếm có đã tận tâm với nước Pháp theo lời của Jean Dupuis (t.189); là bạn của nước Pháp trong mọi trường hợp, và đã có nhiều thiện cảm với Dupuis từ khi làm phủ thần ở Quảng Yên, theo lời của Ernest Millot, bạn thân của Dupuis (t. 190-1). Sogny kể thêm rằng sau khi hai ông Tường và Thuyết truất phế vua Hiệp Hòa, thì ông Độ giận đến khóc lên, và tố cáo các tội ác của các phụ chính với người Pháp (t.187); rồi khi nghe vua Hàm Nghi rời kinh thành với ông Thuyết thì ông Độ khóc nức nở, và đề nghị với Pháp cho mình về kinh giúp lập lại trật tự; và trước khi chết vì bịnh, ông Độ đã gởi thơ cho toàn quyền và khâm sứ Pháp có đoạn như sau:

"Trong ba năm qua nước chúng tôi bị suy đồi. Uy quyền quốc gia lọt vào tay bọn phản quốc đã vì tham vọng riêng, mang lại tai họa cho đất nước chúng tôi. Ngôi báu đã bị khuynh đảo. May mắn thay, Chính phủ Pháp vĩ đại đã không lìa bỏ chúng tôi. Họ đã hạ cố ban cho tôi lòng tin của họ, và tôi đã được cái ân trạch giao tiếp với những viên chức cao cấp của chính phủ ấy để giải quyết các vấn đề quốc gia, và tái tục, bằng những hiệp ước, mối giây liên lạc thân hữu giữa hai chính phủ. [ ] Nếu nước chúng tôi được như ngày nay, đó là nhờ ở lòng nhân đức của chính phủ Pháp. Tôi xin mang cái kỷ niệm êm đềm đó xuống nấm mồ và truyền nó vào thân xác của tôi. Than ôi! Tôi không thể nào bày tỏ tất cả lòng tri ân nồng nhiệt và chân thành của tôi..." (t. 202, NQT dịch).

D. Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình

Đó là tấm lòng của ông đối với nước bảo hộ. Còn đối với đồng nghiệp cùng chí hướng cọng tác với mình, ông Độ đã đối xử thế nào? Chính sử ghi rằng vào 1887, dưới triều Đồng Khánh, ông Độ đã tìm cách ám hại ông Phan Đình Bình, bằng cách mật tấu cho vua biết rằng ông Bình trước kia đã vận động đưa con ông Dục Đức là giòng trưởng, và cũng là cháu ngoại của mình, chớ không phải hoàng tử Chánh Mông [Đồng Khánh], lên ngôi. Ông Bình là một vị quan cao cấp hơn ông Độ, đã theo lệnh người Pháp, từ Bắc cùng về kinh một lần với ông, và giữ một chức vụ xấp xỉ như ông. Đồng Khánh là một ông vua rất đa nghi, vì sợ bị các phe phái trong Triều ám hại, nên phản ứng rất dữ dội. Thật vậy, theo *Đại Nam Thực Lục* (XXXVIII, 23-7) thì "Bấy giờ Nguyễn Hữu Độ từ Bắc kỳ mật tâu: Đình Bình khi ở Bắc kỳ đề xướng... *lập hoàng tôn [con vua Dục Đức, giòng trưởng, NQT ct.], còn suy tôn nhà vua [Đồng*

Khánh, NQT ct.], không phải là ý chính... Vua lấy làm giận, bèn giải chức Đình Bình, giao cho tôn nhân, đình thần xét rõ." (Ibid., 23) Sau khi nội vụ được điều tra xong, đình thần đề nghị Đình Bình và vợ phải tội chém, nhưng giam đợi lệnh. Được vua giao xét lại, ông Độ nói: "Việc Đình Bình can phạm là việc trọng đại, trị bằng tội phải chịu, thực không phải là oan uổng, kính thảy nhà vua xử đoán, pháp lệnh nghiêm minh, may cho tôn xã, và may cho thần dân lắm." [ ] [Vua] 'bèn chuẩn cho theo như nghĩ định. *Đình Bình rồi sau ở trong nhà giam uất ức mà chết.' (t. 27) Chính sử đã tổng kết nội vụ như là một trường hợp 'đồng nhi bất hòa' giữa hai ông quan Việt thân Pháp: 'Nhà vua được lập lên là do quan Pháp và Nguyễn Hữu Độ bàn định. Đình Bình từ ngoài Bắc về, nương tựa vào người khác mà danh vị ngang nhau, nhận chức không nghi ngờ, Hữu Độ để tâm không bằng lòng, sau nhân làm việc quan có ý kiến bất đồng, nên mới bị nạn.' (t.* 27) Ông Baille, Công sứ Pháp ở Huế thời đó, có tường thuật vụ này và nêu ra khá nhiều thắc mắc, nhưng cũng như sử sách thực dân nói chung, không ai chỉ trích ông Độ là 'chuyên quyền' hay là độc ác gì cả. (Baille, Souvenirs d'Annam [1886-1890]..Paris, Nourritt et Cie, 1891, 107-114)

E. Nguyễn Văn Tường nhường lương cho Nguyễn Hữu Độ

Ngoài ra, việc NVT đã xin vua cho được nhường một phần lương của mình cho ông Độ lúc hai ông cùng làm việc tại Thương bạc viện cũng không mấy ai nhắc đến. Sự việc xảy ra vào mùa thu năm 1875 khi vua Tự Đức:

"Cấp thêm cho biện lý bộ Lại sung tham biện thương bạc Nguyễn Hữu Độ 200 quan tiền. Khi ấy Nguyễn Văn Tường tâu nói: Thần sung làm việc ở viện bạc [thương bạc, NQT ct.], ngoài số lương thường, hàng năm được thêm tiền bổng 600 quan, [viện Cơ Mật, NQT ct. - thêm được 300, thương bạc thêm 300] Hữu Độ chưa dự hàng đại thần nhưng việc công cùng giúp đỡ lẫn nhau, đều có san sẻ khó nhọc. ***Thần xin vâng lãnh tiền viện 300 quan, còn tiền bổng 300 quan thương bạc thêm cho, xin chờ chỉ chuẩn cho chia cấp cho tham biện Hữu Độ. [ ]***

Vua không nghe, cấp thêm cho Độ hàng năm 200 quan." (ĐNTL, XXXIII, 258)

F. Nguyễn Hữu Độ và nhóm Hà Nội

Dù sao, việc ông Độ phao ra tin Vua Kiến Phúc uất ức mà chết, vì nghe tin đồn bà hoàng mẫu mẹ nuôi mình tư thông với NVT, không những là do lòng căm thù cá nhân đối với NVT, mà còn ăn khớp với kế hoạch của một phe thực dân mà các sử gia Pháp ngày nay gọi là "nhóm Hà Nội" [Clan de Hanoi]. Nhóm này gồm những nhân vật như là Đức Cha Puginier, Tướng Brière de l'Isle, Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp, ông Silvestre, Giám đốc Chính trị và Dân sự vụ, mà chính sử ta kêu là thượng thư bộ Lại của bên phía Pháp, và Đại tá Pernot, chỉ huy đồn Mang Cá ở Huế. Họ chủ trương tiêu diệt Triều đình Huế, và trước khi Huế thất thủ một năm, họ đã dự trù thay thế vua Hàm Nghi và hai phụ chính Tường, Thuyết bằng vua Đồng Khánh [sau này], cùng các ông Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình. Nhóm Hà Nội, theo lời của chính ông Lemaire, Tổng trú sứ tại Huế trước khi kinh thành rơi vào tay Pháp, đã dùng mọi thủ đoạn để buộc tội Triều đình, như tố cáo rằng tất cả những thất bại, bất lợi, rắc rối xảy ra cho phía Pháp, từ Lạng Sơn cho đến Cao Mên, đều là do Triều đình, tức hai ông phụ chính, gây ra. (Thư Lemaire gởi Freycinet, 7/4/1885. S.H.A.T. 10H3 [ex carton 3], do Charles Fourniau dẫn trong *Annam-Tonkin, 1885-1896: lettrés et paysans vietnamiens face à la conquête coloniale.* Paris: l'Harmattan, 1989, 29). Tướng Brière, chẳng hạn, đã buộc tội triều đình thông đồng với Tàu để đánh Pháp bằng cách trưng ra một tài liệu bằng chữ nho, mà ông Lemaire, giỏi Hán ngữ, xem lại chỉ là một văn kiện trưng thu gạo. (S.O.M. A30 [72] 2/1885, do Fourniau dẫn, Ibid., 29, ct. 31). Mặt khác, Đại tá chỉ huy đồn Mang Cá ở Huế thì cùng quân lên thành triệt hạ các đại bác và bịt ngòi hơn 200 khẩu; tập trận giả sát bờ thành Huế, cho lính dạo chơi ngay chung quanh cấm thành, đánh đập lính gác, chọc phá những quan lại ra vào, và tìm kế bắt cóc hai ông phụ chính Thuyết và Tường. (Thơ Lemaire gởi bộ Ngoại giao 9-4-1885. S.O.M. A30 [72], do Fourniau dẫn, Annam, 30; Thơ Pernot gởi Brière de l'Isle. S.H.A.T. 10H6 [ex carton 9]; sự kế thừa Tướng de Courcy. Thư tín Pernot-Brière - 4-5/1885; do Fourniau dẫn, ibid., 30; "Thơ: Lại Bộ Thượng Thư Nguyễn Văn Tường gởi Nguyên Soái Pháp tại Tahiti." *Tiếng Sông Hương 1994, 126-7).* Khi de Courcy từ Pháp sang với toàn quyền quân và dân sự, nhóm Hà Nội tìm cách thuyết phục ông Tướng này thực hiện kế hoạch, mà họ đã dự trù, là triệt hạ triều đình Huế và hai ông Phụ chánh.

(Còn tiếp)

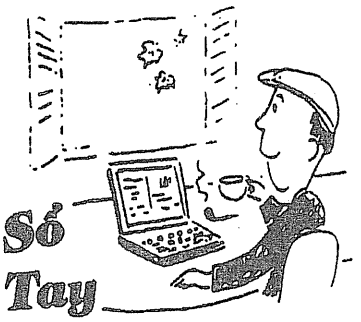

NGÔ NHÂN DỤNG

MÁI NHÀ DỘT...Ở SACRAMENTO

Một hôm trời mưa, bà vợ bảo ông chồng: Anh coi, nước mưa chẩy tong tong giữa nhà thế này, anh lên sửa cái mái nhà đi chứ? Ông chồng nhìn lên cái mái nhà: "Đang mưa thế này, ai leo lên mái nhà làm gì, họ cười cho mình là đồ ngu!"

Mấy hôm sau, trời quang mây tạnh, bà vợ nhắc: Hôm nay không mưa, anh lên sửa cái mái nhà đi! Ông chồng lại nhìn lên cái mái nhà: "Trời không mưa không gió, biết nó dột ở đâu mà lo sửa mái nhà?"

Đại khái, chính quyền tiểu bang California, gồm cả Hành pháp và Lập pháp, giống cái ông chồng trong chuyện trên. Tiểu bang Cali có một lỗ hổng lớn trong ngân sách. Hơn 38 tỷ mỹ kim trong hai năm. Nhưng ông thống đốc và quốc hội, đảng Dân Chủ cầm quyền và đảng Cộng Hòa đối lập, không lo giải quyết cho đến khi guồng máy chính quyền hầu như đang tê liệt. Trong khi đó, các nhà chính trị lo vận động trong cuộc bỏ phiếu bất ngờ nhằm truất phế ông thống đốc Gray Davis.

Nếu đứng riêng ngoài nước Mỹ, California sẽ là một lãnh thổ với Tổng Sản lượng Nội địa đứng hàng thứ sáu trên thế giới. California cũng nổi tiếng là tiểu bang thường dẫn đầu nước Mỹ về các phong trào cải cách trong xã hội Mỹ, như gây ý thức về các vấn đề môi trường sống cũng như quyền của người dân quyết định mức thuế phải đóng. Cuộc vận động truất phế thống đốc Gray Davis sẽ cho cả nước Mỹ thấy dân California đang hành sử quyền "dân chủ trực tiếp," nhưng cũng cho họ thấy các định chế chính trị của tiểu bang này tự nó tạo ra những vấn đề khiến guồng máy cai trị ở Sacramento bế tắc.

Năm 1911 hiến pháp California ghi thêm ba biện pháp "dân chủ trực tiếp." Thứ nhất, các "đề án" hoặc "sáng kiến" để cho dân chúng bỏ phiếu thẳng chấp thuận các đạo luật hay không. Thứ hai, có thể trưng cầu dân ý tiểu bang. Và thứ ba, quyền đòi tổ chức bầu cử trước hạn kỳ để dân truất phế thống đốc đương nhiệm. Nếu có 12% số cử tri (trong cuộc bầu cử sau cùng) đòi hỏi, thì ông Bộ trưởng Nội Vụ (ở cấp tiểu bang gọi là Secretary of State, cho nó rắc rối!) phải tổ chức bỏ phiếu. Hiện nay chuyện đó đã xong rồi. Lá phiếu sẽ có hai phần. Phần đầu hỏi dân có muốn truất phế ông thống đốc bây giờ hay không? Phần sau hỏi, nếu đa số bãi chức ông ta thì chọn ai trong danh sách sau đây.

Ông Gray Davis được bầu làm thống đốc tiểu bang tháng 11 năm ngoái. Đến ngày 7 tháng 10 này dân California sẽ đi bỏ phiếu, coi còn tín nhiệm ông hay không. Phe ủng hộ ông Gray Davis tố cáo phe đòi truất phế ông là làm tốn công quỹ 30 triệu mỹ kim trong việc tổ chức bầu cử. Nhưng 30 triệu mỹ kim là nhỏ. Trong cùng ngày ông Phó thống đốc loan báo tin California sẽ bầu lại, California đã mất điểm trong thị trường trái phiếu. "Mức độ tín nhiệm" (rating) của tiểu bang khi đi vay nợ đã giảm mất 3 điểm, xuống hạng BBB là hạng thấp nhất trong số các tiểu bang ở Hoa kỳ. Mất tín nhiệm, nghĩa là bây giờ California đi vay nợ sẽ phải trả lãi nhiều hơn. Trong 30 năm tới California sẽ tốn thêm một tỷ mỹ kim tiền lãi. Vì ngay trong năm nay tiểu bang sẽ phải đi vay ngay hơn 10 tỷ mỹ kim để bù đắp vào lỗ hổng ngân sách. California là một trong hai tiểu bang ở Mỹ có một điều khoản bắt phải có 2 phần ba hai viện quốc hội mới thông qua được ngân sách. Và trong mấy tháng qua đảng đối lập chờ kết quả vận động chữ ký truất phế ông thống đốc nên cũng trì hoãn việc biểu quyết ngân sách. Khi trong quốc hội tiểu bang cãi cọ nhau thì những công ty thẩm định mức tín nhiệm cắt điểm của California ba bực!

California có một nền kinh tế lớn hơn kinh tế cả nước Pháp, nếu tiểu bang có thâm thủng ngân sách 38 tỷ trong 2 năm tới thì cũng không đến nỗi nặng lắm. Nhưng khác với nước Pháp, chính quyền tiểu bang này không có quyền để thâm thủng. Chính phủ của tiểu bang cũng có rất ít quyền hành trong việc chi tiêu, vì gần 70% các món chi trong ngân sách đều đã được định trước, không ai thay đổi được. Thí dụ: Không thể cắt chi tiêu về giáo dục nhiều được vì theo đề án số 98 mà dân chúng bỏ phiếu thông qua năm 1988, tiểu bang phải dành 40% ngân sách chi cho các trường tiểu học và trung học. Cho nên, khi số thâu của tiểu bang giảm đi thì lúng túng ngay lập tức.

Kinh tế thoái trào làm ngân sách hụt

Số thâu trong ngân sách

California cạn theo cơn thoái trào kinh tế trên toàn nước Mỹ. Nhưng California bị nặng hơn các tiểu bang khác vì các ngành kỹ thuật cao tập trung ở đây, mà đó là ngành xuống rất nhanh rồi lên rất chậm. Từ cuối năm 2000 đến nay, chỉ riêng trong các ngành kỹ thuật cao, California đã mất 220,000 "jobs," vì nhu cầu trên cả nước và cả thế giới xuống. Năm nay trong năm tháng đầu California mất 54,000 công việc, bằng một phần năm số công việc bị mất trên toàn quốc - trong khi dân số tiểu bang chỉ bằng một phần tám cả nước. Khi số người thất nghiệp tăng lên như vậy thì ngân sách tiểu bang vừa thất thu vừa tăng chi. Chính phủ tiểu bang cũng lo cắt bớt nhân viên, gia tăng quân số đội ngũ những người thất nghiệp. Trong năm tháng đầu năm, chính quyền tiểu bang và các thị xã đã cho 27,900 người nghỉ việc. Trong kỹ nghệ điện ảnh và truyền hình, vốn không đông nhân viên, cũng sa thải 2,400 người. Công ty Boeing mới tuyên bố sa thải người, ngành sản xuất vệ tinh viễn thông của công ty nằm ở nam California rất đông, sẽ cắt giảm nhân viên vì thiếu khách hàng.

Ông Gray Davis là thống đốc trong cơn thoái trào kinh tế đó, cho nên khi ngân sách khiếm hụt thì ông chịu hết tai tiếng. Một dân biểu ở miền San Diego, ông Darrell Issa đã bỏ ra hơn một triệu mỹ kim vận động chữ ký đòi truất phế ôngthống đốc. Kiếm chữ ký là một nghề đang lên ở California, kể từ khi tiểu bang này nổi lên phong trào đưa ra các đề án và sáng kiến cho dân bỏ phiếu trực tiếp. Năm 1978 có phong trào người dân tự nguyện đi lấy đủ chữ ký để đề án số 13 (cắt thuế) được ghi vào trong cuộc bầu cử. Từ đó đến nay nhiều tổ chức đã thuê người đi xin chữ ký cho các kiến nghị của họ. Có những công ty quảng cáo nhận đi lấy chữ ký cho bất cứ ai có một đề án nào muốn dân California bỏ phiếu, bảo đảm lấy đủ số chữ ký cần thiết, với tiền công từ 1 đến 2 triệu mỹ kim nếu đề án thuộc cấp tiểu bang.

Hiện nay danh sách ứng cử viên mới chỉ có mấy người thuộc đảng Cộng Hòa. Đảng Dân Chủ hiện chưa ai tỏ ý muốn thay thế ông Davis. Người chưa tỏ ý muốn ứng cử nhưng được nhắc tới nhiều nhất là tài tử điện ảnh Arnold Schwarzebegger (xin lỗi quý vị nếu tên viết không đúng.) Những người chắc chắn sẽ ghi tên là ông Issa, ông Simon (ứng cử viên đảng Cộng Hòa năm ngoái,) một nghị sĩ tiểu bang và mấy người ít nổi tiếng khác. Một nhân vật đảng Cộng Hòa nổi tiếng và có triển vọng là ông Richard Riordan, cựu thị trưởng Los Angeles, nhưng ông hiện tuyên bố ủng hộ tài tử Arnold Schwarzebegger (vẫn xin lỗi quý vị nếu tên viết không đúng.) Ông Arnold có thể gặp một trở ngại: Bà xã không hài lòng. Bà là cháu ngoại gia đình Kennedy mà ông cậu là nghị sĩ Edward Kennedy đã hứa nếu cháu rể ra tranh cử thì ông sẽ bay qua đây chống đến cùng! Phía đảng Dân Chủ thì vẫn "đoàn kết sau lưng" ông thống đốc. Nhưng nếu vào phút chót thấy ông Davis thua chắc chắn thì họ có thể đưa ra một người ứng cử. Hai nhân vật được nhắc tới là bà nghị sĩ Feinstein và ông Phó thống đốc Cruz Bustamente.

Tòa Bạch ốc đang chờ coi sự thể ra sao. Trước đây Tổng thống Bush đã tuyên bố sẽ không can thiệp, "để nhân dân California quyết định." Vì nếu ông Gray Davis bị truất phế để một vị thống đốc thuộc đảng Cộng Hòa lên thay, ông Bush chưa chắc đã được lợi trong cuộc bầu cử sang năm. Ông muốn sang năm 2004 ông thắng phiếu ở tiểu bang này, bằng cách tấn công vào thành tích của ông Davis. Mất ông Davis, là mất một mục tiêu rất để tấn công! Mà một người thuộc đảng Cộng Hòa lên thay chắc vẫn phải giải quyết những vấn đề ngân sách thâm thủng, nợ nần cao lên, như ông Davis bây giờ. Mà nếu kinh tế cả nước và cả thế giới chưa tăng thì kinh tế California cũng khó chuyển!

Ngân sách California thiếu hụt không phải là điều lạ. Trong 50 tiểu bang ở nước Mỹ, chỗ nào cũng thâm thủng cả. Ngân sách liên bang thiếu 455 tỷ năm nay, sang năm chắc thủng to hơn. Nền kinh tế California lớn bằng 13% tổng sản lượng cả nước, nếu tính tương đương thì ngân sách phải thiếu hơn 80 tỷ trong 2 năm. Nhưng khi kinh tế cả nước Mỹ (và thế giới) cùng xuống thì California còn xuống mạnh hơn. Vì trong những thập niên 1990 California là một trung tâm phát triển công nghiệp tin học, mà trong ba năm qua đó là ngành xuống mạnh nhất. Đến bây giờ vẫn chưa thấy triển vọng kinh tế toàn quốc hồi phục trong sáu tháng tới. Mà nếu có hồi phục thì riêng California sẽ hồi phục chậm hơn, vì các ngành tin học, viễn thông lên chậm hơn các ngành khác. Ở vùng công nghiệp điện tử giữa tiểu bang, tại thành phố Milpitas, công ty Solectron hiện đang chuẩn bị sa thải 16% trong số 75,000 công nhân của họ. Đây là một công ty chuyên ráp máy móc về tin học, cung cấp cho những công ty như Cisco Systems và Sun

Microsystems. Thành phố Pleasanton phía bắc thung lũng điện tử đang trải qua một cơn khủng hoảng, vì công ty PeopleSoft đang bị đe dọa sẽ sáp nhập vào công ty Oracle nếu họ tranh mua thành công. Và nếu việc đó xẩy ra thì nhiều hãng xưởng của PeopleSoft sẽ đóng cửa hoặc di chuyển đi nơi khác. Nhiều người ở Pleasanton đang lo mất việc, các cơ sở thương mại từ tiệm ăn, cửa hàng quần áo, đến tiệm hớt tóc, tiệm nail sẽ mất một số lớn khách hàng, có khi phải đóng cửa. Ngân sách thành phố sẽ khiếm hụt vì số thuế thâu sẽ bớt đi.

Thực ra cái mái nhà bị giột của tiểu bang California nằm trong những định chế chính trị. Có rất nhiều lỗ hổng cần được sửa chữa. Một lỗ hổng là quy tắc phải có "siêu đa số" hai phần ba mới thông qua được ngân sách; cả nước Mỹ chỉ có 2 tiểu bang theo cái quy tắc này. Đây là một quy tắc rất đẹp, để ép các phe trong quốc hội phải thỏa hiệp với nhau, và không cho phe đa số trên 50% bắt nạt những phe thiểu số. Nhưng hiện nay California là một tiểu bang đa tạp và hai đảng lớn không thể nào thỏa thuận với nhau được. Nếu bảo họ biểu quyết buổi trưa nay ăn pizza hay ăn phở, ăn chay hay ăn mặn, chưa chắc đạt được 2 phần 3 số đại biểu đồng ý với nhau!

Một quy tắc nữa chắc sắp đến ngày phải sửa là giới hạn nhiệm kỳ các đại biểu quốc hội. Đề án số 140 được dân California thông qua cho phép các dân biểu Hạ viện tiểu bang chỉ được làm việc 6 năm và các nghị sĩ được tối đa 8 năm. Một hậu quả là các nhà chính trị coi quốc hội như chỗ tạm dừng chân. Thường các đại biểu chưa nhậm chức đã lo vận động tranh cử lại, làm 2 năm thực sự chỉ lo việc nước được nửa năm. Bây giờ mới làm 6 năm đã phải bỏ việc, kinh nghiệm lập pháp chưa có là bao mà đã phải vứt hết đi không dùng nữa. Đa số các đại biểu sẽ là tay non cả. Và họ coi quốc hội là chỗ tạm dừng chân nên cũng không tính chuyện củng cố vai trò của mìn, tìm hiểu và thân cận với dân, cũng như tăng gia hiểu biết các vấn đề chung. Và trong thời gian "phục vụ" ngắn ngủi mà thiếu hiểu biết tinh tường đó họ rất dễ chịu ảnh hưởng của các nhóm vận động hành lang đầy kinh nghiệm cũng như các nhóm góp tiền vận động.

Trong khi các đại biểu quốc hội làm việc kiểu bán thời gian như vậy thì dân chúng California đã thay đổi rất nhiều, với số di dân mới tới ngày càng đông. Trong mười năm qua có 11 triệu người dân mới ở California. Những di dân từ các nước khác tới nhiều khi không quan tâm đến chính trị, họ ít khi đi bầu. Các đảng cầm quyền lại tìm cách chia địa giới các khu vực bầu cử sao cho cho phe mình nắm chắc đa số, người dân càng lơ là với lá phiếu. Có lẽ đó là lỗ hổng lớn nhất và muốn chữa phải mất thời giờ nhất trên mái nhà California. Người dân nào, chính phủ đó.

Cái loa của Đảng

Việt Nam đã thoát được nạn bệnh SARS sớm nhất trong số các nước Á châu, nhờ có một bác sĩ của Tổ chức Y tế Quốc tế có mặt tại Hà Nội ngay lúc con bệnh đầu tiên được chẩn đoán, đó là Bác sĩ Carlo Urbani. Nhưng còn một người mắc thứ bệnh trầm trọng khác vẫn chưa chữa trị được, đó là bà Phan Thúy Thanh. Báo Nhân Dân loan tin rằng ngày 16 tháng Bẩy, "người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố ..." Biết ngay là căn bệnh của bà Phan Thúy Thanh vẫn chưa thuyên giảm.

Báo chí trong nước gọi bà Phan Thúy Thanh là "người phát ngôn." Từ này nửa Hán, nửa Việt. Trước đây ở Việt Nam chúng ta vẫn nói "phát ngôn bậy bạ" để mắng mỏ những kẻ hay nói mà không nghĩ. Những chữ "phát ngôn" là chữ Hán, nên khi ghép với những chữ thuần túy Việt như "bậy bạ" nghe có vẻ hài hước hơn. Nếu dùng tất cả chữ Hán có thể gọi bà Phan Thúy Thanh là "phát ngôn nhân." Nhưng nói như vậy lại khiến người ta liên tưởng, nghĩ đến một chất độc, là "nhân ngôn," thường dùng để đánh bẫy chuột. Cho nên báo chí thời Việt Nam Cộng Hòa hay dùng chữ "phát ngôn viên." Nếu muốn dùng tiếng Việt thuần túy nôm na thì phải nói bà Phan Thúy Thanh là "người nói thay cho" đảng Cộng Sản Việt Nam. Hay là nôm na luôn thể, gọi bà là "cái loa của đảng," hoặc "cái miệng của đảng."

Trong tháng qua, bà Phan Thúy Thanh phê bình Dự luật Nhân quyền Việt Nam mà Hạ viện Mỹ mới thông qua một lần nữa, để chuyển lên Thượng viện. Bà nói dự luật này "xuyên tạc trắng trợn" tình hình thực tế ở Việt Nam.

Thực tế ở Việt Nam nó thế nào mà lo bị người ta xuyên tạc? Bọn nào xuyên tạc thì lôi cổ nó tới, dí cái thực tế vào mặt cho nó coi, sợ gì? Muốn cho nó thấy rõ trắng đen, tại sao đảng Cộng Sản Việt Nam không mời ngay các đại biểu quốc hội Mỹ sang thăm các nhà tù ở Việt Nam?

Mời họ gặp các ông bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Phạm Hồng Sơn, các học giả Trần Khuê, Phạm Quế Dương, vân vân, họ đang ở trong tù cả, tìm địa chỉ rất dễ. Hỏi chuyện họ thì biết nhân quyền có được tôn trọng ở Việt Nam hay không. Tại sao không làm như vậy mà lại cãi lấy cãi để làm gì?

Bà Phan Thúy Thanh còn nói dự luật nhân quyền này "xúc phạm lòng tự trọng của nhân dân Việt Nam." Nhưng chính bà Thanh đang xúc phạm đức tính tự trọng của dân tộc Việt Nam. Vì bà đã vạch áo cho người ta xem lưng! Bà cho thấy một thí dụ cụ thể, dưới chế độ cộng sản người dân Việt Nam đã phải chịu đựng lối nói mồm loa mép giải đó hơn nửa thế kỷ rồi. Đảng nói trắng thành đen, cả vú lấp miệng em, nói không cần bằng chứng. Không những thế, còn không cho người ta tới tận nơi tìm bằng chứng nữa. Một dân tộc sống dưới một chế độ như vậy mà cứ răm rắp chịu đựng mãi, không dám ngóc đầu lên phản đối, như vậy có phải là nhục nhã hay không? Những người tranh đấu cho dân chủ như Nguyễn Xuân Tụ, Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang, Nguyễn Đan Quế, Thích Quảng Độ, vân vân, hễ cất tiếng lên là bị tù đầy, vu cáo cho tội này tội khác. Tại sao cái đảng của bà Phan Thúy Thanh không dám cho thế giới vào tự do điều tra cho rõ để nghe họ nói gì?

Can Thiệp Thô Bạo

Và bà Phan Thúy Thanh không quên lên án quốc hội Mỹ là "can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của Việt Nam." Nhưng nhân quyền là một vấn đề của cả loài người, ai cũng phải quan tâm. Quyền làm người không phải của riêng một đảng nào chiếm hữu mà Đảng Cộng Sản tính đem phân phối theo tem phiếu. Khi chế độ quân phiệt ở Myanmar vi phạm quyền làm người, bắt giam bà Aung San Suu Kyi, ngoại trưởng các nước ASEAN đã can thiệp, yêu cầu trả tự do cho bà. Chính phủ cộng sản ở Việt Nam cũng dự trong việc này. Đó không phải là can thiệp nội bộ nữa, vì quyền sống tự do, quyền có ý kiến chính trị khác với chế độ bạo quyền là một quyền cần thiết, để một dân tộc giữ được lòng tự trọng.

Vả lại, trong cơ bản, Dự luật Nhân quyền Việt Nam là một chuyện nội bộ của nước Mỹ, giữa Lập pháp và Hành pháp. Nó không đòi hỏi gì khác là đòi chính phủ Mỹ mỗi khi cấp tiền viện trợ cho đảng Cộng Sản Việt Nam thì phải tự kiểm điểm, đừng có đem cho vung vít. Quốc hội Mỹ yêu cầu chính phủ chỉ đem cho tiền khi nào thấy đảng cầm quyền ở Việt Nam tôn trọng quyền làm người. Họ đã khoan nhượng lắm, chỉ đặt điều kiện đó cho các món viện trợ "ngoài các khoản viện nhân đạo, từ thiện" thôi. Thí dụ, nếu có nạn lụt khiến dân Việt Nam bị đói thì chính phủ Mỹ có thể nhắm mắt bỏ qua. Dù đảng Cộng Sản có cấm đoán tôn giáo đi cứu trợ (Thầy Quảng Độ đã bị bắt về tội đi cứu người,) hay là cộng sản cho công an bắt giam các nhà văn, chính phủ Mỹ cũng cứ được phép đem tiền gạo sang cứu trợ. Vì người dân đang đói không chịu trách nhiệm về ách độc tài của đảng Cộng Sản. Nhưng các khoản viện trợ khác thì chính phủ Mỹ phải theo ý quốc hội của họ, chỉ đem cho sau khi đã coi kỹ tình trạng nhân quyền.

Đây là quốc hội Mỹ đặt điều kiện cho chính phủ Mỹ. Ở nước Mỹ, quốc hội giữ hầu bao, giữ cái bóp tiền; quốc hội có cho phép thì chính phủ mới được chi tiền. Khi cho chính phủ được phép dùng đồng tiền do dân Mỹ đóng thuế, quốc hội Mỹ có quyền đặt ra các điều kiện. Thí dụ, chính phủ Mỹ chỉ được đem tiền cho các trường đại học chi tiêu nếu các trường đó không kỳ thị chủng tộc, đây là một điều kiện đã được ghi vào luật từ bao nhiêu năm qua. Có hàng ngàn đạo luật đặt điều kiện mỗi khi chính phủ liên bang Mỹ muốn dùng tiền do dân đóng thuế. Quốc hội Mỹ là đại diện của dân chứ không phải của đảng Cộng Hòa hay dảng Dân Chủ, họ cho nhà nước tiêu tiền thì họ đặt điều kiện. Đó là một vấn đề hoàn toàn có tính cách nội bộ của nước Mỹ. Tiền viện trợ cũng vậy. Các đại biểu quốc hội Mỹ cũng có quyền đặt ra các điều kiện khi chính phủ muốn viện trợ cho các nước khác. Như khi viện trợ để chống bệnh Aids hay kế hoạch hóa gia đình, họ cũng buộc người nhận phải theo nhiều thứ điều kiện lắm. Họ đặt điều kiện về các khoản viện trợ cho Việt Nam là họ cốt ràng buộc chính phủ Mỹ của họ.

Bây giờ bà Phan Thúy Thanh, phát ngôn cho đảng Cộng Sản Việt Nam, chửi quốc hội Mỹ; tức là bà không cho phép họ làm bổn phận đại diện cho dân Mỹ nữa hay sao? Cái quốc hội của bà thì bà bảo sao cũng được, nhưng cái quốc hội nước Mỹ bà xía vô làm gì? Có phải là bà "can thiệp thô bạo" vào việc nội bộ của nước Mỹ hay không?

Bầu Cử ở Cam Bốt

Bà Phan Thúy Thanh thế nào cũng tuyên bố phản đối các thành phố, các tiểu bang về quyết định công nhận cờ Việt

Nam Cộng Hòa là biểu tượng của cộng đồng người Việt Nam ở các địa phương đó. Nhưng tại sao cái miệng nói thay cho chế độ cộng sản ở Việt Nam lại phản đối rùm beng chuyện cờ quạt ở bên Mỹ này làm gì trong khi không nói một lời bênh vực đồng bào chúng ta ở Cam Bốt?

Tháng trước mục này đã nêu lên mối đe dọa mà các lời lẽ chống đối người Việt của đảng Funcipec và đảng của ông Sam Rainsy tung ra trong mùa bầu cử, nhằm chống thủ tướng Hun Sen, một lãnh tụ do Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh và các cán bộ cộng sản Việt Nam dựng lên ở Nam Vang từ xưa. Tháng trước, chúng tôi đã cảnh báo rằng nếu không ai phản đối một cách mạnh mẽ và hữu hiệu thì có ngày các luận điệu có chiều hướng "cáp duồn" này có thể dẫn tới các cuộc tàn sát người Việt Nam ở Cam Bốt. Năm 1993, 1998, đã có nhiều người Việt Nam bị giết trong các mùa tranh cử. Dù nhờ may mắn không xẩy ra các vụ tàn sát người Việt Nam trong lúc ông Hunsen tổ chức bầu cử để củng cố quyền hành, nhưng bà Phan Thúy Thanh, cái máy phát thanh của chính quyền cộng sản ở Việt Nam vẫn không nói một lời phản đối nào về thái độ và hành động bài Việt này là coi thường mạng sống của đồng bào. Trước ngày bầu cử hàng tuần, đài phát thanh Pháp RFI đã tường thuật cảnh hàng ngàn người Việt Nam sống ở Cam Bốt tìm đường chạy trốn vì làn sóng kỳ thị người Việt đang dâng cao ở xứ Chùa Tháp.

Trong khi đó, Bộ Ngoại giao chính quyền cộng sản đã cử phái đoàn Phạm Quang Vinh sang Phnom Penh để quan sát cuộc bầu cử, vớt vát chút tình "hữu hảo" đối với người anh em cộng sản Hun Sen. Hành động đó không ích lợi gì cho dân Việt Nam, nhất là cho đồng bào chúng ta ở Cam Bốt, vì ngày nay ông Hun Sen đã quay chiều rồi. Tổ chức Mậu dịch Thế giới ở Genève sắp cho Cam Bốt chuẩn bị gia nhập, với các điều kiện dễ dãi. Đây là một phần thưởng cho chính sách ngoại giao khôn ngoan của Hun Sen. Vì sau khi đã cho con trai sang học trường Võ Bị Westpoint, cậu công tử trở về chờ ngày điều khiển quân đội Cam Bốt theo lối Mỹ, ông Hun Sen đã chứng tỏ là một người rất tận tụy với những quyền lợi của Mỹ cũng như của Trung Quốc. Tất cả công phu xây dựng Hun Sen của Lê Đức Thọ đã tan theo mây khói. Với cái giá phải trả là xương máu của hơn 50 ngàn thanh niên Việt Nam, đảng Cộng Sản đã dâng con cá Hun Sen dọn sẵn cho Trung Quốc và Mỹ thưởng thức.

Nhân nói chuyện cá, các nhà đánh cá Ba sa ở Việt Nam vẫn bị đánh tơi tả với các đòn pháp luật, trong quốc hội cũng như trong bộ Thương Mại Mỹ. Trong vụ này các cán bộ ngoại thương của đảng Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn chịu trách nhiệm. Vì họ không nghiên cứu để biết thị trường cá bên Mỹ cũng như cách vận động bên trong chính trường địa phương và liên bang ở Mỹ. Lúc đầu các cán bộ ngoại thương định giở trò gian lận quảng cáo cá ba sa là catfish như cá Mỹ nhưng thất bại. Đành đổi tên loại cá này về tên cũ là ba sa hoặc cá tra. Nhưng sau vụ toàn thắng đó, các nhà đánh cá Mỹ thừa thắng xông lên, tố cáo cá tra Việt Nam bán phá giá, bán dưới giá thành, đáng bị đánh thuế nhập cảng nặng.

Bộ Thương mại Mỹ đứng về phía các nhà đánh cá, họ cho là cá tra bán "phá giá" với lý do duy nhất là "Việt Nam không theo đúng qui tắc kinh tế thị trường." Mà điều này thì không ai cãi được.

Bình thường, muốn đổ tội cho ai bán phá gía người ta phải kiện cáo nhau lâu lắm. Phải cãi cọ, đưa ra đủ thứ chứng cớ về chi phí sản xuất, về giá thành sản phẩm, vân vân. Tòa án quốc tế sẽ phân xử coi có thật "giá bán thấp hơn giá thành" khi sản xuất hay không. Nhưng trong một chế độ kinh tế không theo quy luật thị trường thì khó mà định giá thành. Vì nhà nước chiếm đủ thứ độc quyền, từ độc quyền bán xăng đến độc quyền mua hàng để xuất cảng, vân vân, cho nên không ai biết chắc giá nào là giá thị trường, còn giá nào là giá do nhà nước định lấy. Thế là chỉ cần một kết luận rằng "Nước Việt Nam chưa theo kinh tế thị trường" là đủ làm bao nhiêu ngàn gia đình người đánh cá ở Việt Nam mất mối làm ăn. Vì tình trạng "dốt đặc cán mai" của cán bộ cộng sản và lập trường ngoan cố theo chủ nghĩa Xã hội của họ cho nên chịu thua. Thế là chỉ vài ngàn nhà nuôi cá, đánh cá catfish ở Mississippi cũng dư sức đánh bại nửa triệu người dân Việt Nam sống nhờ đánh cá ba sa. Chỉ vì chiến trường luật pháp và chính trị phức tạp của nước Mỹ mà các cán bộ cộng sản chưa từng tìm hiểu trước khi hô hào bà con đánh cá xuất khẩu.

Lá Cờ Biểu tượng

Nhưng các cán bộ đảng Cộng Sản Việt Nam không lo lắng về số phận các nhà đánh cá ba sa đang lỗ vốn ở Việt Nam, cũng không lo về số mạng các đồng bào đang lo chạy trốn nạn cáp duồn ở Cam Bốt. Sau khi tiểu bang Lousiania đã công nhận lá

cờ Nam Việt Nam, cộng sản lo ngăn cản một quyết định công nhận lá cờ Việt Nam Cộng Hòa của Hội đồng thành phố San Francisco. Từ lâu họ vẫn yêu cầu các cơ quan chính quyền tiểu bang hoặc thành phố ở Mỹ không được coi cờ Việt Nam Cộng Hòa là biểu tượng của cộng đồng dân Việt ở Mỹ.

Một lần nữa, chính quyền Cộng Sản lại "xâm phạm thô bạo" vào chuyện nội bộ của nước Mỹ nói chung, và nói riêng là nội bộ của một số thành phố và tiểu bang ở Mỹ.

Tại sao chuyện treo cờ lại là một vấn đề không liên hệ gì đến và ngoài thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam? Vì mỗi thành phố, mỗi tiểu bang, ngay cả mỗi khu phố, mỗi trường học, đều có quyền công nhận những biểu tượng của các thành phần dân chúng tham dự. Nếu những người gốc Việt Nam trong thành phố Garden Grove, California, hay toàn thể tiểu bang Louisisana muốn chọn lá cờ Việt Nam Cộng Hòa làm biểu tượng, thì các đơn vị hành chánh có quyền công nhận biểu tượng đó. Nước Mỹ có rất nhiều chủng tộc, và ở mỗi địa phương, mỗi chủng tộc đều được vinh danh, được biểu dương, với các dấu hiệu tượng trưng của họ.

Nếu bây giờ một nhóm phụ huynh học sinh ở một trường tiểu học, một nhóm sinh viên đại học yêu cầu nhà trường công nhận lá cờ Việt Nam Cộng Hòa tượng trưng cho dự có mặt của họ, thì nhà trường cũng sẽ đồng ý dễ dàng, chẳng mất mát gì cả. Vì đó là nguyện vọng của người dân. Đảng Cộng Sản Việt Nam có thể bất chấp nguyện vọng của dân, nhưng các chính quyền các cấp ở Mỹ thường do dân bầu cử, họ không thể theo lời khuyên của bà Phan Thúy Thanh được! Nếu phe cực tả, phe phản chiến cũ ở thành phố San Francisco làm áp lực với các nghị viên, họ có thể lật ngược thế cờ!

Nhưng ở nước Mỹ, hơn trăm năm sau cuộc nội chiến Nam Bắc, các tiểu bang miền Nam thua trận vẫn còn treo lá cờ Liên hiệp, tượng trưng cho những đoàn quân miền Nam từng chống lại cánh quân miền Bắc Hiệp Chúng Quốc. Không ai cấm đoán được hành động đó vì đó là do nguyện vọng của nhiều người dân. Và tinh thần bao dung trong xã hội khiến người ta dễ chấp nhận các ý kiến bất đồng, dù hơn 100 năm sau.

Tại sao nhiều người dân các tiểu bang miền Nam nước Mỹ vẫn còn lưu luyến lá cờ cũ đó? Một phần vì họ vẫn tin ở chủ đích chính trị của các tiểu bang miền nam nước Mỹ, coi sự ly khai là hợp lý. Nhưng đó là thiểu số. Đại đa số những người còn lưu luyến với lá cờ miền Nam nước Mỹ là vì tình cảm. Vì họ vẫn kính trọng những người chiến sĩ đã chết dưới lá cờ đó, những người tin ở một lý tưởng và sẵn sàng chết cho lý tưởng đó, dù sau này họ đã thất trận.

Người Việt Nam tị nạn ở Mỹ vẫn tôn kính và bảo vệ quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa vì đó là tượng trưng của những lý tưởng của miền Nam trong thời nội chiến. Và nhiều chiến sĩ đã bỏ mình dưới lá cờ vàng ba sọc đỏ vì các lý tưởng đó. Cuộc thắng trận của đảng Cộng Sản Việt Nam gây hậu quả tang thương cho đất nước, kinh tế lụn bại, tham nhũng lan tràn, công an đè nén từng người dân, cho thấy những người chiến đấu chống các đạo quân miền Bắc xâm lăng là có lý. Nền chính trị, kinh tế của đảng Cộng Sản khiến hàng trăm ngàn người chạy trốn chết trên biển, càng làm cho những lý tưởng của các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa sáng rõ hơn. Lá cờ đó là một di sản của những người đã chết, nhắc nhở chúng ta biết rằng những lý tưởng tranh đấu cho tự do, dân chủ là có thật, những người đã chết đều đã sống thật.

Có gia đình người Việt Nam nào ở miền Nam không có một người cha, người mẹ, người anh hay em, đã hy sinh dưới ngọn cờ, hoặc được phủ dưới lá cờ đó khi an táng hay không? Những người đã tử tiết dưới lá cờ, như các Tướng Nguyễn Khoa Nam ở Cần Thơ, Đại tá Hồ Ngọc Cẩn ở Chương Thiện có phải là những con người đáng kính trọng, đáng tôn thờ dưới bất cứ một chế độ nào, và mọi người theo bất cứ một tôn giáo, một chủ nghĩa nào cũng phải kính ngưỡng họ hay không? Lá quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa là biểu tượng của những anh hùng liệt sĩ đó. Không những chúng ta phải bảo vệ và tuyên dương mầu cờ đó ở nơi mình sống, mà còn muốn lá cờ đó được treo cao trên bàn thờ, bên ngôi mộ những người lính cũ của Việt Nam Cộng Hòa, ở ngay trong nước Việt Nam. Bao giờ các đảng viên cộng sản Việt Nam chấp nhận được điều đó, thì nước Việt Nam mới thật sự thống nhất.

Đó là ý nghĩa đằng sau cuộc vận động cho các địa phương ở Mỹ và khắp thế giới công nhận lá cờ Việt Nam Cộng Hòa. Chế độ cộng sản ở Việt Nam nếu không biết tôn kính những người đã chết thì cũng không có quyền xúc phạm tới tấm lòng tôn kính các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa của mấy triệu đồng bào ở hải ngoại.

VÉ MÁY BAY ĐIỆN TỬ TIỆN DỤNG NHẤT

THANH THẢO

Đầu tháng Bảy vừa qua loay hoay chuẩn bị đưa con cái đi nghỉ hè Thanh Thảo đã không tránh khỏi sự trễ nãi, đến phi trường Los Angeles, Califorina chỉ trước khi chuyến bay cất cánh có 45 phút. Dù chỉ bay nội địa sang miền Đông nước Mỹ nhưng cần gửi hành lý và nhìn thấy hàng dài người xếp hàng chờ lấy vé Thanh Thảo nghĩ kiểu này có thể trễ chuyến bay.

Vậy mà sau khi đợi gửi hành lý qua máy X-ray, và phải qua trạm kiểm soát an ninh, Thanh Thảo vẫn còn được ung dung ngồi đọc tạp chí và uống cà phê ngoài phòng đợi hãng hàng không Delta vì... chưa đến giờ lên phi cơ. Lý do nào giúp Thanh Thảo du lịch trong thời đại hậu 9-11 mà được thoải mái thế này?

Vì cần mua vé máy bay trong dịp Lễ Độc Lập Hoa Kỳ, một dịp lễ hội lớn của người Mỹ, Thanh Thảo đã ngẫu nhiên chọn mua vé máy bay của hãng hàng không Delta Airlines. Mua qua mạng lưới điện toán, Thanh Thảo chỉ nhận một thư điện tử xác nhận mình đã trả tiền mua những vé máy bay đi và về trên những chuyến bay ghi trong thư, nhưng không có vé máy bay bằng giấy bìa cứng như trước đây.

Thú thật vì chưa sử dụng vé máy bay điện tử bao giờ Thanh Thảo cũng hơi lo không biết khi ra phi trường mình có gặp phải trở ngại nào không.

Lúc đến phi trường, trong khi còn đang ngao ngán nhìn thấy hàng người nối dài kéo lê thê những túi hành lý chờ đợi lấy vé máy bay tại quầy của hãng hàng không Delta Airlines, Thanh Thảo đã được một nhân viên hãng Delta hỏi xem mua vé dưới hình thức nào.

Biết được là vé điện tử, Thanh Thảo được hướng dẫn đến một dãy máy tự động (hãng Delta gọi là kiosh) có trang bị máy điện toán in vé. Chỉ cần dùng một thẻ có nam châm điện tử như bằng lái xe hay một thẻ tín dụng để máy điện toán nhận biết người sử dụng máy, Thanh Thảo có thể xem chuyến bay có trễ hay không, chọn đổi ghế ngồi trên phi cơ theo ý thích, tự mình in vé và in mẫu giấy dùng cho hành lý phải đem gửi. Nhờ con phụ dán mấy giấy gửi hành lý, Thanh Thảo hoàn tất mọi thủ tục trong vòng năm phút không cần nhờ đến nhân viên của hãng hành không. Thời đại kỹ thuật tân tiến có khác!

Không phải hãng hàng không nào cũng áp dụng kỹ thuật mới như hãng Delta.

Mặc dù nhiều hãng hàng không khác sử dụng một vài kỹ thuật mới, hiện chỉ có hãng Delta đang quảng cáo việc du lịch bằng đường hàng không hoàn toàn thoải mái.

Đầu tháng Năm 2003 công ty Delta là công ty hàng không đầu tiên trên nước Mỹ công bố chấm dứt in và gửi vé máy bay cho người mua qua mạng điện toán.

Tạp chí *BusinessWeek* cho biết công ty Delta đã bỏ ra ba năm nghiên cứu và $200 triệu Mỹ kim nhằm thay đổi cách khách hàng sử dụng phi trường.

Ông Richard W. Cordell, Phó Giám Đốc kỳ cựu về Thị Trường của hãng Delta tuyên bố "Chúng tôi đang đi tiên phong trong việc thay đổi quan niệm của người tiêu thụ về cách dùng phi trường và theo chúng tôi dự kiến trong vòng hai năm nữa 80% khách hàng của hãng Delta sẽ in vé từ những nơi không phải là quầy nhận và in vé ở các phi trường."

Delta Airlines hy vọng kỹ thuật tân tiến sẽ giúp mang hành khách cho công ty hàng không đang bị những đối thủ khác chi phối mạnh trên nhiều lãnh vực.

Delta bị những hãng hàng không nhỏ hạ giá vé chiếm mất khách. Những hãng hàng không lớn như United Airlines hoặc U.S. Airways Inc. hoạt động với phí tổn rẻ hơn Delta nhờ điều đình giảm lương của tất cả các nhân viên từ phi công, tiếp viên hàng không, đến những công nhân khác thuộc nghiệp đoàn. Nhờ nghiệp đoàn điều đình, hãng hàng không American Airlines Inc. đã giảm chi phí trả lương nhân công đến $1.8 tỉ Mỹ kim trong năm vừa qua.

Sau biến cố 9-11, các công ty hàng không đều mất khách vì lý do an ninh, và cũng vì thời giờ hành khách phải đến chờ tại phi trường đã tăng đáng kể. Nhưng từ khi nhận được kết quả thăm dò cho thấy người tiêu thụ sẵn sàng chi thêm tiền nếu giảm được giờ chờ đợi ở phi trường,

công ty Delta Airlines quyết định mở kế hoạch đầu tư vào kỹ thuật in vé điện tử nhằm rút ngắn thời giờ hành khách đợi lấy vé ở phi trường.

Đây là một kế hoạch đòi hỏi nhiều tiền đầu tư và mang theo nhiều yếu tố rủi ro. Liệu số máy in vé tự động có giúp mang sự hài lòng cho hành khách không? Và những nhân viên làm việc ở các quầy in vé sẽ phải được dời đi đâu?

Đến năm ngoái, sau khi thua lỗ $1.3 tỉ Mỹ kim trên tổng số tiền thu vào $13.3 tỉ Mỹ kim, Delta quyết định phải giảm chi phí để sống còn. Hãng Delta chỉ có nghiệp đoàn phi công nên không thể áp dụng việc giảm lương mọi tầng lớp nhân viên như các hãng đối thủ.

Nhưng cũng nhờ không có nghiệp đoàn nào khác, Delta mới có cơ hội áp dụng kỹ thuật tân tiến không dùng đến nhân viên tại các quầy hành khách ở phi trường. Không ngại sự can thiệp của nghiệp đoàn nên Delta chuyển các cựu nhân viên bán vé thành các nhân viên hướng dẫn hành khách sử dụng máy điện toán in vé tự động.

Thêm vào đó, vì là công ty hàng không "chắc ăn" vào hàng đầu trong ngành, giữ đến $2.5 tỉ Mỹ kim tiền mặt trên bản báo cáo lợi tức tháng Ba năm 2003, công ty Delta có cơ hội bỏ vốn đầu tư vào kỹ thuật điện tử nhằm hoàn tất những kế hoạch giảm chi về nhân dụng khi cần thiết.

Sử dụng máy in vé tự động nằm trong kế hoạch giảm chi chung vì khi bán một vé máy bay điện tử Delta chỉ tốn có 50 xu đến $1 Mỹ kim nhưng khi bán một vé máy bay in bằng giấy, gửi thư bưu điện theo lối cũ, Delta phải tốn từ $6 đến $8 Mỹ kim.

Trong năm 2003, công ty Delta dự trù sẽ chi khoảng $30 triệu Mỹ kim vào việc chỉnh trang máy in vé tự động và tăng thêm số máy tại các phi trường lên thành 850 máy thay vì chỉ có 440 máy như hiện nay.

Sự hưởng ứng của người tiêu thụ cho thấy kế hoạch của Delta đang trên đà thành công. Tổng số tiền bán vé máy bay điện tử của hãng Delta trong năm 2002 đã lên đến $1 tỉ Mỹ kim, không xa bao nhiêu so với con số $1.2 tỉ của công ty chiếm ngôi vị "Vua" bán vé trên mạng điện toán Southwest Airlines.

Trong vòng 18 tháng vừa qua, khoảng 14 triệu hành khách hãng Delta đã sử dụng máy in vé máy bay tự động và theo bản thăm dò, nhiều người thích dùng máy in vé tự động tại các phi trường hơn là phải đợi gặp nhân viên tại các quầy vé.

Với người viết, quả thật vé in máy tự động là một "cứu tinh" đáng khen thưởng.

Chuyến về, vì không quen đường xá tại Florida, và vì phải lái xe ra phi trường từ 5 giờ sáng, bị lạc mất đường lên xa lộ I- 95 đang được tân trang đóng lối vào, Thanh Thảo lại loay hoay vừa lái xe vừa hát (cho giảm căng thẳng tinh thần) đến phi trường còn đúng 35 phút trước khi máy bay cất cánh.

Lần này đã biết cách sử dụng máy in vé tự động, Thanh Thảo thoải mái đến quầy in vé, gửi hành lý vừa kịp thời hạn tối thiểu 30 phút trước giờ bay, đợi một chút tại máy kiểm soát an ninh, rồi lại... ngồi đọc báo tiếp trong khi những hành khách khác còn bận xếp hàng chờ được nhân viên hàng không in vé.

Kỹ thuật tân tiến quả thật tiện lợi! Kỳ du lịch tới chắc quí vị cũng đoán được Thanh Thảo sẽ mua vé máy bay dạng nào rồi.

HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG MỚI

Đầu tháng Tư 2003, trong lúc cả thế giới chú tâm đến chiến cuộc đang sôi động tại miền Nam Iraq, phóng viên những đài truyền hình như CNN, MSNBC, ABC, CBS, hoặc Fox... làm việc quên giờ giấc để tường thuật tin tức mới tại chỗ cho khán giả.

Xem Ti Vi hoặc nghe đài phát thanh tuy mang lại tin tức nhanh nhất nhưng thường thiếu chiều sâu. Thêm vào đó, thông tin trên làn sóng điện hoặc kênh truyền hình không cho người nhận tin cơ hội đọc lại và suy ngẫm, vì vậy những tờ báo lớn như New York Times, USA Today, Washington Post, TIME hoặc Newsweek... bán chạy như tôm tươi. Các vị trí điện toán của các cơ quan truyền thông vừa nêu cũng được độc giả chiếu cố tận tình. Tuy vậy, mỗi tờ báo và vị trí điện toán thường có lập trường và chủ trương riêng, độc giả muốn nhận tin tức trung thực nhất phải tìm nơi đâu?

Một trong những phương pháp nhận tin tức trung thực trong thời đại này là... trả tiền trực tiếp cho phóng viên riêng tường thuật tại chỗ qua vị trí trên mạng lưới điện toán toàn cầu. Nghe có vẻ khó tin quá vì lương phóng viên đâu phải rẻ, và người muốn biết tin tức trung thực đâu phải là những đại công ty tư bản (những công ty tư bản đã tung hàng triệu Mỹ kim tài trợ quảng cáo trên các đài lãnh vực truyền thông lớn rồi).

Nhưng chiến cuộc Iraq đã tạo cơ hội cho một cựu phóng viên thông tấn xã AP thực hiện điều vừa nêu, tường thuật tin tức chiến cuộc Iraq cho những độc giả góp tiền trực tiếp tài trợ chuyến công tác (à quên đáng

lẽ phải gọi là..."tư tác") của anh.

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành 28 tháng Bảy 2003, cựu phóng viên AP Christopher Allbritton (hiện là phóng viên tự do) đã nhận được trên $14,334 Mỹ kim từ 320 độc giả trung thành với vị trí điện toán Back-to-Iraq.com của anh.

Nhiều tháng trước khi xảy ra chiến cuộc Iraq, Christopher Allbritton đã thông báo trên mạng điện toán rằng anh muốn sang Iraq tường thuật những diễn biến chiến sự tại đây nếu độc giả muốn đóng góp trả chi phí và thù lao cho anh để nhận được những "thông tin trung thực và độc lập."

Khi tiền độc giả đóng góp ngày càng tăng, Christopher đã chuẩn bị sang Iraq mang theo máy điện toán lưu động, điện thoại lưu động và nhiều khi phải dùng đến các tiệm cà phê Internet để gửi về độc giả những tin tức cùng những hình ảnh mới.

Chuyến đi không kém gian nan của anh bao gồm việc phải mướn một người Kurd dẫn đường thành thạo với giá $3,000 Mỹ kim để đưa anh vào Iraq qua ngả ranh giới Thổ Nhĩ Kỳ mạn Bắc Iraq vì biên giới vào Iraq bằng ngả Syria và Iran đã đóng cửa.

Sau 36 giờ gian khổ, Christopher vào được quê hương của Sadam Hussein, tường thuật đầy đủ ngày thành phố Tikrit thuộc quyền kiểm soát của đồng minh cùng những mâu thuẫn lâu đời của các sắc tộc chung sống ở Iraq. Lưu lại Iraq trong ba tuần lễ, Christopher Allbritton ghi nhận sự thù hận giữa những người thuộc các sắc tộc Kurds, Arabs, Turkomen và Assyrians. Trong một số bài tường thuật, anh so sánh sự mâu thuẫn của những sắc tộc này với sự hận thù dị biệt của các sắc dân Nam Tư (Yugoslavia).

Những độc giả đóng tiền tài trợ chuyến đi của anh được liệt kê trong danh sách hạng A, nhận những tin sôi động kèm hình ảnh và những bài tường thuật sớm nhất. Sau đó một số tin tức này mới được chuyển sang vị trí điện toán thông thường của Christopher. Nhiều độc giả đã đóng góp ý kiến cho Christopher để anh tường thuật về những khía cạnh khác nhau của cuộc chiến và cũng đôi lần một số độc giả phê bình bài viết của anh dùng nhiều ẩn dụ quá khích. Còn Christopher cho biết anh thích thú được làm việc tự do và gọi những độc giả tài trợ trực tiếp cho mình là những chủ bút.

Không thể thay thế được những tổ chức truyền thông kỳ cựu như các báo lớn, nhưng hình thức thông tin do độc giả tài trợ trực tiếp giống như chuyến làm phóng sự Iraq của Christopher Allbritton hứa hẹn sự phát triển của một hình thức truyền thông mới. Thay vì nhắm vào đại chúng, những phóng viên độc lập theo tinh thần những phóng sự của *The Village Voice* này nhắm vào một vài ngàn độc giả, khán giả đặc biệt. Những bài viết của họ không chỉ là những bài tường thuật tại chỗ những điều mắt thấy tai nghe mà thường là những loạt bài đào sâu thêm nguyên nhân hoặc bàn rộng thêm nhiều khía cạnh khác nhau của các vấn đề đơn giản cũng như phức tạp.

Theo ông Charles Lewis, người sáng lập Center for Public Integrity, một cơ quan bất vụ lợi chuyên gây quỹ tài trợ những thông tin phục vụ công cộng, hiện nay "môi trường điện toán toàn cầu cho phép những phóng viên trẻ trung tài năng cơ hội thực hiện những bài tường thuật giá trị. Và đó là điều đáng mừng."

Tuy chưa có con số chính xác về những vị trí điện toán thông tin do độc giả trực tiếp tài trợ nhưng vẫn theo tạp chí *BusinessWeek*, hiện nay có khoảng vài chục vị trí tương tự đang hoạt động. Những vị trí này tiếng Mỹ gọi là Web logs, hay blogs.

Nhiều vị trí blogs thuộc các cơ quan truyền thông hoặc do một nhóm người thực hiện. Chẳng hạn như The Blogging Network tính tiền người đọc $5.95 Mỹ kim hàng tháng để nhận tin tức và các bài tường thuật, phóng sự về kinh doanh và tôn giáo. Ông Mihail S. Lari, một cựu chuyên viên mạng lưới điện toán, người thành lập Blogging Network cho biết từ khi lập ra vị trí điện toán này hồi tháng Giêng 2003 ông đã thu được trên $40,000 Mỹ kim tiền góp của độc giả. Ông dự tính sẽ chia tiền lời với các phóng viên có bài viết được chuộng nhất.

Ngoài các nhóm người hoặc các cơ quan truyền thông, những cá nhân tự do cũng thành công trong việc kêu gọi người đọc đóng tiền để giúp mình trả chi phí sinh hoạt hàng ngày hầu đủ sức phục vụ người đọc bằng các bài viết giá trị. Ông Andrew Sullivan, cựu chủ bút tờ *New Republic* là một trường hợp điển hình. Ông cho biết từ ngày yêu cầu độc giả đóng góp trực tiếp, ông đã nhận được trên $100,000 Mỹ kim. Số tiền này chắc không thua lương một chủ bút báo Mỹ bao xa và có lẽ phải cao hơn lương chủ bút báo Việt ngữ nhiều!

Một số chuyên gia các ngành thực hiện vị trí điện toán để thỏa mãn nhu cầu nghiên cứu của mình. Nếu nhận được tiền tài trợ thì đúng là gặp cảnh "dùng một hòn đá ném hai con chim." Một trong những vị trí đó do phóng viên tự do David Appell thực hiện. Ông David Appell là một Tiến Sĩ Vật lý đã viết bài cho tạp chí *Nature*.

Thấy phóng viên Christopher

Allbritton có đủ tiền thực hiện chuyến làm phóng sự Iraq, ông Appell liền thử kêu gọi mọi người vào thăm vị trí điện toán của ông đóng góp tiền, mỗi người góp $20 Mỹ kim, để ông thực hiện cuộc nghiên cứu về kỹ nghệ Đường. Lúc đầu ông phỏng đoán chắc chỉ cần nhận được $50 Mỹ kim là ông đủ sở hụi. Ai ngờ, tính đến nay tiến sĩ Appell đã nhận được $425 Mỹ kim tiền tài trợ từ độc giả. Ông Appell cho biết bài nghiên cứu về kỹ nghệ Đường sẽ được gửi đến những người đóng tiền tài trợ ông trong khoảng một tuần lễ.

Tại những quốc gia tự do như Hoa Kỳ, đọc tin trung thực theo ý mình chỉ là một chọn lựa dành cho những người chuộng hình thức thông tin này. Mãnh lực của hình thức trả tiền trực tiếp để nhận thông tin thực sự được chứng tỏ tại những quốc gia thiếu thông tin trung thực trên thế giới chẳng hạn như tại châu Á.

Bằng chứng hùng hồn nhất là vị trí OhmyNews.com tại Nam Hàn. 80% tin tức và tường thuật trên vị trí thông tin điện toán này là do sự đóng góp của hơn 25,000 phóng viên độc lập. Những phóng viên này được trả thù lao dựa trên sự đánh giá của các chủ bút. Vị trí này thu vào hàng năm khoảng $1.7 Mỹ kim và 8% nguồn lợi tức do độc giả đóng góp. Với số độc giả lên đến hàng triệu, vị trí điện toán hoạt động chỉ lời khít khao này được cho là một trong những yếu tố đưa vị luật sư nhân quyền ít ai biết đến tên Roh Moo Hyun lên ngôi vị Tổng Thống Nam Hàn trong kỳ bầu cử vừa qua.

Chà, vừa được đi đây đi đó làm việc mình yêu thích mà còn được trả tiền để tường thuật những bài viết khác người còn gì thích bằng. Không biết trong cộng đồng người Việt hải ngoại nhu cầu tìm đọc bài viết trung thực hoặc khác thường có đủ cao để người đọc chịu tài trợ phóng viên chưa? Có lẽ chỉ có thử mới biết được. Những độc giả có ý kiến đóng góp và các anh chị phóng viên nào muốn cộng tác với Thanh Thảo trong chương trình thử thời vận này và xin thư về tawnithanhthao@hotmail.com. Vị trí điện toán sẽ được thực hiện sau khi nhận được ý kiến đóng góp của quí vị.

GIỠN MẶT TỬ THẦN

TRẦN QUÁN NIỆM

Một cuộc hành trình nguy hiểm

Tại Hoa Kỳ, xe hơi là phương tiện di chuyển hàng ngày tương tự xe gắn máy tại Việt Nam. Nhà nào cũng có tối thiểu là một chiếc nhưng thông thường thì nhiều hơn. Chồng, vợ, con cái đi làm, đi chợ, đi học, mỗi người có một nhu cầu khác biệt, giờ giấc lại không giống nhau. Đất đai tại Mỹ rộng rãi, đường xá tiện nghi, người dân cư ngụ cách xa trung tâm thành phố, tại những vùng ngoại ô với cây cối thiên nhiên cho thoải mái, yên tĩnh, do đó đời sống gắn liền vào chiếc xe hơi để di chuyển đó đây. Thậm chí tại các tiệm bán thức ăn nhanh, gọn như McDonald, khách hàng có thể ngồi trong xe gọi món ăn, trả tiền, nhận thức ăn và sau đó vừa lái xe vừa ăn. Giá xăng tương đối rẻ nhất thế giới, so với các nước kỹ nghệ khác. Xe lại tốt, chạy êm như ru trên xa lộ phẳng lì.

Sau biến cố 11 tháng 9, một phần dân chúng sợ đi máy bay nên nhiều người dùng xe để đi nghỉ hè tại những chỗ gần. Một buổi sáng đẹp trời nào đó, vợ chồng con cái vui vẻ lên xe, với đồ la đầy ắp trong túi, với viễn ảnh những ngày giải trí rộn rã vui tươi đâu đó. Vali hành lý đã chất đầy hầm xe, chồng ngồi trước tay lái, đề máy xe, máy chạy êm như ru, toả hơi lạnh mát rượi, thơm tho. Vợ ngồi thoải mái kế bên, mở nút nhạc. Tiếng hát của các ca sĩ hàng đầu phát ra dìu dặt. Các con nô đùa ríu rít nơi ghế sau, giành đồ chơi la chí choé. Xe lùi khỏi driveway, tiến ra đường và chỉ ít phút sau chạy như bay trên xa lộ, lẫn trong giòng xe cộ tấp nập với tốc độ trên 70 miles/giờ (khoảng 100 cây số/giờ). Cả gia đình có cái cảm giác thoải mái, tiện nghi quen thuộc như đang ngồi trong phòng khách. Không ai mảy may suy nghĩ là họ đang bắt đầu một cuộc hành trình nguy hiểm, kề cận với tử thần.

Thật thế, sự sống và sự chết chỉ cách nhau một nháy mắt. Chỉ cần một chút lơ đễnh của người lái, một hư hỏng của bánh xe, tay lái hay máy móc là xe mất kiểm soát lao như bay vào lề đường hay vào xe khác. Những bất trắc này sẽ gia tăng gấp bội vì dù xe bạn tốt, bạn lái xe cẩn thận nhưng ai bảo đảm rằng những xe chạy bên cạnh không có những trục trặc vừa kể để lao vào xe bạn. Ấy là chưa nói đến tài xế bị xỉu bất ngờ, buồn ngủ, say thuốc v.v. Rồi tình trạng đường xá trơn trượt vì mưa, tuyết, bão tố. Rồi thời tiết xấu, tạo sương mù, chói mắt. Với tốc độ cao, chiếc xe tưởng chừng chắc chắn, đẹp đẽ, dưới sức va chạm mạnh sẽ bẹp dúm như xe bằng giấy. Kim loại, sắt thép còn thế huống gì da thịt con người mong manh yếu đuối.

Bảng thống kê

Cơ Quan An Toàn Trên Xa Lộ (The National Highway Traffic Safety Administration-NHTSA) cho hay năm 2002 mức thương vong vì tai nạn xe hơi cao nhất. Tổng cộng có 42,815 người chết (gia tăng

1.5% so với năm 2001) và 2.92 triệu người bị thương (giảm từ 3.03 triệu năm 2001). Như vậy là trung bình hàng ngày có 117 người chết và 8,000 người bị thương. (Một con số khủng khiếp so với 1 quân nhân Mỹ chết và vài quân nhân bị thương mỗi ngày tại Iraq hiện nay).

Cơ quan NHTSA cho biết sở dĩ số người bị thương giảm là vì có khoảng 75% người lái xe cột dây lưng an toàn, trong khi đó 59% số người chết vì không thắt đây an toàn. Số người chết tăng vì bây giờ vận tốc trên xa lộ được nâng cao tới 65 mile/giờ.

Cũng theo cơ quan này, từ ngày có các loại xe thể thao SUV (Sport Utility Vehicle), xe thường bị lật và năm 2002 có 10,666 người chết, 14% cao hơn năm 2001.

Chạy trời không khỏi nắng

Nhưng không phải cứ lái xe trên xa lộ mới gặp tai nạn. Giới chuyên viên về tai nạn cho hay, nhưng cuốc lái xe ngắn trên đường lộ địa phương lại thường xẩy ra tai nạn hơn cả. Lý do, vì ở trong môi trường địa dư quen thuộc lại lái chậm nên người lái xe thường ỷ y, lơ đễnh. Thật ra tai nạn có thể xẩy ra bất cứ nơi đâu, ngay cả khi bạn vừa lùi xe khỏi drive way, nhưng dĩ nhiên trên xa lộ tốc độ di chuyển cao nên dễ gây chết chóc hơn.

Kể cả người bộ hành cũng không tránh khỏi. Theo NHTSA năm 2002 có 4,808 bộ hành bị xe đụng chết.

Gần đây nhất ngày 17 tháng 7, 2003 tại Santa Monica tiểu bang California, ông George Weller, 86 tuổi đã phóng xe vào một chợ rau trái bán trên đường phố. Xe chạy ở vận tốc cao suốt ba block đường, như một hỏa tiễn hạng nặng lao đi với sức tàn phá ghê hồn, khiến 10 người chết và chừng 50 người bị thương.

Tuổi già và lái xe

Thử máu cho thấy ông Weller không bị ảnh hưởng bởi thuốc an thần hay rượu hoặc nha phiến. Sau khi tai nạn xẩy ra, ông bước khỏi xe, chỉ bị trầy sát nhẹ, nhưng ngơ ngẩn, mất hồn. Ông cho hay, chắc ông đạp nhầm chân ga thay vì đạp thắng. Vì ở tuổi cao niên, nên dư luận và nhà chức trách không khỏi nêu lên câu hỏi: phải chăng vì quá già nên khả năng lái xe cuả ông Weller bị suy giảm trầm trọng trong phản ứng cũng như sự điều khiển chiếc xe.

Tai nạn tại Santa Monica đã làm sôi động trở lại việc tranh luận về khả năng lái xe của người già trên 75 tuổi. Tại California năm 1999 những nhà làm luật đã đưa ra dự luật đòi hỏi những người trên 75 tuổi muốn được tái cấp bằng lái xe, phải qua một kỳ thi lái (road terst) vì năm 1964 cậu Brandi Mitock 15 tuổi đã bị xe hơi do ông già 96 tuổi lái cán chết.

Nhưng dự luật đã chết non vì gặp sự chống đối của những người già. Họ cho hay đời sống nơi ngoại ô không phương tiện di chuyển công cộng, bắt buộc họ phải lái xe đi đây đó.

Bonnie Dobbs, giáo sư thuộc University of Alberta, chuyên nghiên cứu về các người lái xe cao tuổi, cho hay cần lưu tâm đến các dấu hiệu báo nguy (red flag) do bệnh tật, thuốc men, nhưng không nên ấn định một mức tuổi mà người cao niên không được lái xe. Bà cũng đồng ý là tuổi càng cao, phản ứng của cơ thể và trí óc thường chậm chạp, gây nguy hiểm khi lái xe.

Lời kết

Dù muốn, dù không, dù thích, dù ghét, trong xã hội này chúng ta vẫn phải xử dụng xe như một phương tiện di chuyển cần thiết và lái xe đi đây đó là điều bắt buộc. Một số điều chúng ta có thể làm để giảm thiểu tai nạn là tu bổ tình trạng cơ khí của xe một cách toàn hảo, cẩn thận tối đa khi lái xe trên đường lộ, tuân theo vận tốc ấn định và áp dụng các biện pháp an toàn như thắt dây an toàn, lái xe cách xe khác một khoảng an toàn, nghỉ ngơi đầy đủ trước khi lái xe để tránh mệt mỏi hay buồn ngủ, không uống rượu say, không lái xe khi thời tiết quá xấu và tốt nhất là nếu có thể, chỉ lái xe khi thật cần thiết.

Thiết tưởng đó là điều chúng ta có thể thi hành, còn sau đó đành phó mặc số phận rủi may.

BÀ THƯỢNG CLINTON RA MẮT SÁCH

Tháng 6, 2003 dư luận sôi nổi trước tin bà Hillary ra mắt cuốn hồi ký của đời bà đặc biệt là khoảng thời gian tám năm là vị đệ nhất phu nhân có ông chồng lăng nhăng mất nết.

Tại NewYork, 250 người xếp hàng sớm nhất trước tiệm sách sẽ được mua sách với chữ ký của bà. Tại Philadelphia cũng vậy, những người hiếu kỳ đã xếp hàng từ sáng tinh mơ chờ đợi và 500 người may mắn đã nhận được phiếu và sẽ được bà Hillary ký tên trên sách họ mua.

Là vợ của Tổng Thống nên kinh nghiệm chính trị của bà không nhiều và không đủ hấp dẫn để lôi cuốn độc giả và các nhà viết sử. Người tò mò bỏ ra $30 mua cuốn hồi ký trên 500 trang với hy vọng bà tâm sự nhiều hơn về phản ứng của bà trước những lục đục gia đình giữa hai vợ chồng, và đó là lý do chính để họ mua sách. Nhưng họ sẽ thất vọng vì là một nhà chính trị với rất nhiều cố vấn, bà Hillary chắc chắn sẽ không nói gì ngoài và phản bác lại những điều mọi người đã biết qua báo chí dạo nào.

Nhưng dù sao đi nữa tâm lý

thích nghe chuyện ái tình tay ba, tay tư, chuyện cãi cọ trong gia đình luôn luôn hấp dẫn những người ưa chuyện "ngồi lê đôi mách" từ Đông sang Tây, trong mọi xã hội. Đó là lý do nhà xuất bản cho in một triệu cuốn bán ra với giá $28 một cuốn. Họ hy vọng họ sẽ thâu về khoảng 20 triệu MK trong đó tiền nhuận bút trả cho bà Hillary là tám triệu. Không hiểu bà có nhớ chia tiền cho Monica Lewinsky, Paula Jone hay Gennifer Flower và vô số các nàng kiều nữ khác, vì đúng ra nhờ họ mà sách bà mới bán chạy để nhà xuất bản chi cho bà một số tiền nhuận bút lớn như vậy. Nhà sách cho biết ngày đầu đã có 40,000 cuốn được tiêu thụ. Năm tới đến lượt ông Clinton ra hồi ký với số tiền nhuận bút là năm triệu MK.

Năm 2002 ông Clinton được mời nói chuyện 60 lần, thu về 9.5 triệu MK. Giá thù lao cao nhất là 400 ngàn MK khi ông nói chuyện tại Mito City Political Research Group bên Nhật tháng 11, 2002. Tuy nhiên ông cũng nói chuyện 70 lần miễn phí trong năm 2002. Ông Clinton đã trả một số tiền luật sư cãi cho ông trong vụ Monia, nhưng hiện nay ông vẫn còn nợ từ 1.7 triệu đến 6.5 triệu tiền luật sư.

THƯ PARIS

TỪ NGUYÊN

FALL IN LOVE

Let's fall in love. Đây là câu chuyện tình, không phải giữa hai người - mà là giữa hai nước. Đã có vấn đề, nên nước Pháp, như bạn đọc đã biết, muốn làm lành với nước Mỹ. Nhân ngày lễ độc lập của nước Mỹ năm nay, đại lộ Champs-Elysées và chừng 100 khách sạn lớn tại thủ đô đã treo cờ sao và sọc, mở champagne mời khách Mỹ để... chia xẻ niềm vui.

Du khách Mỹ tới Paris ngày này được tặng nước hoa, mỹ phẩm, được mời ăn trưa, ăn tối hay đi du thuyền trên sông Seine, một chuyện trước đây không hề có! (Chừng 1,7 triệu du khách Mỹ đã tới Pháp năm 2002, năm nay con số bớt xuống thấy rõ «vì lý do chính trị và kinh tế, » theo Sở Du lịch của Paris). Người chết cũng được tưởng nhớ: bông hồng được đặt trên một số nấm mồ của 60 000 lính Mỹ chôn trên đất Pháp.

Một câu biểu ngữ đã được giăng lên: *Let's fall in love – again !* làm mọi người không giấu được vẻ ngạc nhiên. Fall in love một lần thì nghe được, fall in love thêm một lần nữa, không phải là dễ! Ai cũng biết rằng một ra đi là... không trở lại. Kinh nghiệm này là của người bán rượu chát đỏ Pháp cho các nước ở Bắc Âu. Năm 1995, các nước này tẩy chay nước Pháp để phản đối hành động của Pháp thử bom nguyên tử. Người các xứ này tẩy chay rượu Bordeaux và uống qua các thứ rượu khác. Từ đó, họ không trở lại nữa.

Cuối tháng sáu có một hội chợ rượu chát tại thành phố Bordeaux. Quang cảnh vắng vẻ lạ thường, mặc dầu hai ông đầu nước đã bắt tay nhau tại Evian đầu tháng sáu. Trong bốn tháng vừa qua, số rượu xuất cảng sang Hoa kỳ giảm xuống 21%. Mỗi năm Pháp xuất cảng sang Mỹ tới trị giá 1 tỉ $, theo con số năm 2002. Hầu hết những vụ quảng cáo cho rượu Pháp đều đã bị ngưng lại sau vụ Iraq.

Thêm một chuyện không may xảy ra cho rượu Bordeaux. Nhà phê bình người Mỹ về rượu, luật sư Robert Parker, tác giả bộ sách *The Wine Advocate*, giới thiệu và xếp hạng các thứ rượu ngon của Bordeaux. Người tiêu thụ nước Mỹ nghe theo đó mà mua. Năm nay ông đã bỏ chuyến bay, không đi Bordeaux nếm rượu.

"Sự vắng mặt của ông Parker sẽ ảnh hưởng lớn đến số tiêu thụ rượu năm nay," lời của Todd Hess, chủ hiệu nhập cảng rượu tên là Sam's Wines & Spirits ở Chicago, một trong những công ty nhập cảng lớn nhất nước Mỹ, theo *The New York Times*.

Ông Hess đã bay qua Pháp dự hội chợ này. Ông nói rằng hối suất giữa euro và đô la hiện nay thêm một trở ngại cho rượu Bordeaux. "Thật khó mà giải thích cho người tiêu thụ tại sao một món hàng trước đây chỉ trả có 6.99$, nay phải trả 8.99$," ông nói.

Đang viết về «chuyện tình,» không thể bỏ qua *Love parade* mà nay được gọi là *Gay Prides*. Paris diễn hành cùng một ngày với San Francisco, Toronto, Calcutta và nhiều nơi khác nữa. Chuyện đó như sau :

GAY PRIDES, 2003

Cho tới nay thì như là một cái lệ. Cứ vào cuối tháng S

áu tại nhiều thủ đô trên thế giới, những người đồng tính luyến ái tổ chức những cuộc diễn hành hấp dẫn và vui nhộn. Xe hoa, ca nhạc, nhảy múa trên đường phố cả buổi chưa hết. Càng ngày, số người tham gia càng đông, có cả những người không đồng tính luyến ái cũng tham gia phái đoàn để ủng hộ. Dẫn đầu cuộc diễn hành năm nào cũng có các chính trị gia từ tả sang hữu.

Cuộc diễn hành tại Paris vẫn được gọi là *Gay Prides* như các nơi khác nhưng ba năm sau này, họ còn thêm tên dài hơn : *Marche des Fiertés lesbienne, gay, bi et trans* (Bước hãnh diện của nữ, nam, song tính và chuyển tính - LGBT). Năm nay số người lên tới nửa triệu theo Cảnh sát, 700 000 theo ban tổ chức. Người đi coi hai bên

đường, chụp hình, hoan hô đông không kém.

Nhân viên của nhiều công ty tham gia bằng những xe hoa với những tên đặc biệt. *Les Affranchis*, của nhân viên bưu điện, *Homobus*, của công quản ô-tô-buýt RATP, *Personn'ailes* của Air France, *Gare !* của Sở Hỏa Xa SNCF và *Flag !* của Cảnh sát.

Họ đòi điều gì ? Đông đảo như vậy khiến những người đi coi phải kinh ngạc, họ đòi xã hội này xóa bỏ đầu óc kỳ thị, chống đối. Cho đến nay luật pháp công nhận hai người đồng tính sống với nhau (theo thủ tục PACS) có thể khai thuế như hai người phối ngẫu. Họ đòi được nuôi con như những gia đình khác.

Họ cảnh giác về nạn AIDS. Xe của Trung tâm thông tin và phòng ngừa bệnh AIDS (CRIPS) và trưng những biểu ngữ lưu ý về bệnh quái ác này và phân phát bao cao su cho người hai bên đường.

Trong số những người dẫn đầu cuộc diễn hành lần thứ 13 này tại Paris thấy có Đô trưởng Bertrand Delanoe người từng xuất hiện nhiều năm nay, Laurent Fabius, nhân vật số hai của đảng Xã hội và Jean-Luc Romero của đảng UMP cầm quyền. Sự tham gia của phe hữu vào địa bàn nhiều người cho là của phe tả, đang còn ít, chỉ thấy vài biểu ngữ viết rằng : *Cùng với Jacques Chirac chống lại nạn kỳ thị !*

Laurent Fabius trong tháng Năm đã dành cho Nguyệt san (gay) tên là *Têtu* cuộc phỏng vấn trong đó ông thúc đẩy việc thừa nhận vấn đề nuôi con của gia đình LGBT này. Trong cuộc diễn hành, ông đề nghị nhà nước nên có một thái độ tích cực hơn, bằng cách sửa điều 1 của hiến pháp nước Pháp, để «tôn trọng sự bình quyền của mọi người, không kể xu hướng về tình dục. »

Tờ *Le Monde* khi viết mấy dòng trên đây lưu ý độc giả rằng thời còn làm bộ trưởng Kinh tế tài chánh, Laurent Fabius đã không chịu bỏ thời hạn ba năm bắt buộc những cặp đồng tính luyến ái sống với nhau để được hưởng quyền lợi về thuế vụ.

Một người tham gia cuộc diễn hành nói với nhà báo : Tôi vẫn phải giấu kín gia đình chuyện tôi đi theo đoàn người diễn hành.

PARIS, VÀO HÈ

Trong số các bờ biển nổi tiếng mà các bạn đã biết tới, Malibu, Copacabana, Kuta Beach, hay Bora Bora, từ nay xin thêm: *Paris Plage*.

Từ ngày 20.7 cho đến 17.8, con đường ven sông Seine phía hữu ngạn dài hơn hai dặm (3 kms) biến thành bãi... biển. Có cây kè che nắng, cát trắng và cỏ xanh. Năm ngoái đã làm rồi, năm nay bổn cũ soạn lại với một vài cải tiến. Biết rằng bạn không Âu du năm nay, tôi xin kể bạn nghe.

Đầu tiên là có nước... nhiều hơn năm ngoái. Có quầy hàng bán nước, với cô hàng chắc chắn là ăn mặc phong phanh rồi đó. Ở đây chỉ có nước trắng, không có thứ chi khác, giúp du khách trong ngày nắng lớn biết rằng không đem theo chai nước cũng không sao. Trẻ em có thể dầm mình dưới những vòi phun nước ngang mức Pont Neuf, Notre Dame và Pont de Change. Một *mê cung* có vòi nước và sáu phông tên (uống được) mọc lên dọc theo bờ.

Dòng sông Seine cũng đóng góp vào sự vui thú của khách đi thuyền. Thuyền trên sông, khi thì có ca nhạc, khi thì là chở người đi thăm cảnh. Những người không đi thuyền, không đi dạo ngắm người thì nằm dài phơi nắng trên bờ.

300 ghế xếp, 250 ghế bố nằm dưới 250 cái lọng, tính ra nhiều hơn năm ngoái. Năm nay có thêm 40 cái võng xuất hiện dưới những gốc cây dừa. Sáng kiến mới của ban tổ chức: Thư viện của *Livre de Poche* (tên riêng của nhà xuất bản loại sách bỏ túi) được đặt gần mấy cái võng này. Sách được cho thuê hay cho mượn? Nhà sách cho mượn, bạn cứ mặc sức mà chọn lựa. Nhưng chậm là hết võng, 40 cái cho cả mấy triệu con người!

Năm ngoái có tới 2 triệu 3 trăm ngàn người đã lê gót hay nằm dài dọc theo bờ sông Seine này. Năm nay chắc chắn đông hơn, tiếng lành đồn xa mà! Miễn là ông trời đừng mưa và đừng bỗng dưng trở lạnh, một chuyện, than ôi, rất có thể xảy ra.

Mỗi năm, hai tháng hè

Tháng bảy, tháng tám, với nước Pháp, là hai tháng nghỉ hè. Tuy rằng mỗi người chỉ nghỉ một tháng thôi nhưng vì chia nhau: người đi tháng bảy về, người nghỉ tháng tám bắt đầu đi cho nên việc gì cũng phải chờ đến tháng chín. Cùng với học trò nhập học, cả nước lúc đó mới trở lại công việc.

Trong hai tháng hè vì vậy mọi việc hầu như là ngưng trệ. Người chưa đi lẽ dĩ nhiên cảm thấy mỏi mệt nôn nóng chờ đi hè. Người đi về cũng mệt, rất chán nản khi nghĩ rằng cũng phải 11 tháng nữa mới được đi. Bèn làm việc tà tà, chờ tới tháng chín mọi người đều về, cùng làm luôn.

Cả thành phố được xây dựng, thiết bị cho mùa lạnh nên mỗi khi trời nóng lên là có vấn đề. Phòng ốc nhiều nơi không có máy điều hòa không khí, ánh nắng chiếu vào, nóng quá hết làm việc nổi. Xe buýt hay xe điện hầm (lộ thiên) như là những lò lửa. Xe lửa nhiều khi bị chậm trễ: đường rầy nóng quá bị kẹt cứng.

Thế vận hội đặc biệt

Đặc biệt cho mùa hè năm nay lần đầu tiên thành phố Nancy, đông bắc nước Pháp, đứng ra tổ chức World Transplant Games, thế vận hội của những lực sĩ có cơ quan trong người thay thế (ghép) lần thứ 14, từ ngày 19 đến 26.7. Hai năm một lần, thế vận hội đặc biệt này quy tụ hơn 1 500 lực sĩ thuộc 54 quốc gia để tranh rất nhiều giải : chạy, bơi, liệng, xe đạp, đánh golf, giữa các lực sĩ không hạn tuổi.

Đặc biệt là những lực sĩ này ai cũng có chuyện mới lạ trong người : ghép, thay một bộ phận trong cơ thể. Nhưng vẫn mạnh và bằng chứng là cũng đua tranh không kém người thường. Như lần họp tại Kobe, Nhật bản, lực sĩ Canada chạy 100 thước bằng với kỷ lục thế vận !

Người không tham gia như Larry Hagman, nổi tiếng trong vai JR của loạt phim truyện truyền hình Dallas, ghép thận, có mặt tại Nancy để ủng hộ các lực sĩ đặc biệt này. Số người ghép thận thường là đông đảo nhất. Trong số 1 500 người tham dự tại Nancy kỳ này, có đến 1 100 người được ghép thận, 80 ghép tim, những người khác là phổi, gan, lá lách. Những lực sĩ thường bị trặc tay, trẹo xương, sưng bắp thịt... nhưng không bao giờ bị đau nơi cơ quan ghép vào người.

Qua ngày 23, Thế vận hội này bị một tai nạn. Một cầu thủ badminton người Anh, ghép thận bị tim ngừng đập sau hiệp thứ tư của trận đấu. Mặc dầu trước mỗi trận đấu như là quy luật chung, ai cũng qua một cuộc thử nghiệm về tất cả các bộ phận trong người.

Thế vận hội này còn là nơi để mọi người có những hiểu biết về chuyện ghép cơ thể để giúp vận động tặng các bộ phận cho những người đang cần. Trong năm 2002, hơn 10 000 tại Pháp đang chờ đợi để được ghép. (Nhiều nhất là thận : 5 227 người đã ghi vào danh sách cho đến 31.12.2002 và con số tới nay chắc chắn nhiều hơn vậy. Tiếp theo là gan (438 người ghi tên), tim (355) lá lách (193) và phổi (158).

Bao giờ thì Thế vận hội này cũng bắt đầu bằng vòng chạy Audrey, mở rộng cho tất cả mọi người. Audrey là tên của một thiếu nữ 14 tuổi khi từ trần, bị một chiếc xe máy dầu đụng phải cách đây đã chín năm. Không do dự, bố mẹ của em Audrey đã đồng ý cho bệnh viện Toulouse, miền nam nước Pháp lấy tim, gan, phổi, lá lách, thận, võng mô (mắt) và ngay cả da để dùng về sau. Tại Nancy, bà Elisabeth Totaro, mẹ của Audrey hãnh diện vì đã làm được điều ý nghĩa. Bà nói với báo chí : Nhờ Audrey mà có ít nhất bảy hay tám người khác tiếp tục sống.

Lần Thứ Hai Trong Hơn 100 năm

CHÁY TRÊN ĐỈNH EIFFEL

Một tối đầu tuần này, du khách nhìn lên Tháp Eiffel bỗng thấy khói bốc lên tầng trên cùng rồi tiếp theo là máy bay trực thăng bay tới. Paris đang ở trong mùa hè, cả miền nam nước Pháp rừng cháy chữa không kịp. Bây giờ tới lượt Tour Eiffel ! Lúc đó là 19 giờ 20 ngày 22.7, một buổi chiều trời quang mây tạnh. Sau này người ta mới biết vụ cháy là vì «chạm giây điện » xảy ra trong phòng dành cho máy móc kỹ thuật phía trên tầng bốn. May thay chỉ chốc lát rồi dập tắt được liền.

Phòng này rộng chừng 40 m2, chứa máy móc giây cáp không phải là chỗ lai vãng của du khách. Số du khách đang thăm viếng chừng 3 000 người đã được nhân viên an ninh, lính chữa lửa hướng dẫn xuống bằng thang thường và thang máy. Có bác sĩ theo dõi nên biết rằng không một ai bị thương tích gì, chỉ có sợ hãi một chốc lát thôi. Báo Pháp phỏng vấn cặp vợ chồng trẻ người Pháp lần đầu tiên lên tầng thứ ba chiều hôm đó để rồi phải chạy xuống 1 665 bậc thang.

Không thấy có ai nhắc đến vụ khủng bố tại New York để liên tưởng hay so sánh. Có phải là vì thời gian trôi qua cũng đã lâu hay khung cảnh khác hẳn nên không có sự sợ hãi tương tự ?

«Chúng tôi biết cách di tản du khách vì đã tập dượt hằng tuần,» lời của người điều khiển đội lính chữa lửa. Đây không phải là lần đầu tiên có vụ chạm giây điện như thế này trên tháp Eiffel dựng lên từ năm 1889 trong cuộc đấu xảo quốc tế. Năm 1956, một vụ cháy, cũng vì chạm giây trong phòng máy làm cho hư hại hệ thống tiếp vận truyền thanh. Từ đó đến nay, quá lâu để nói tới chuyện... rút tỉa kinh nghiệm.

Vụ cháy lần này không ảnh hưởng gì đến hệ thống tiếp vận truyền thanh và truyền hình trong vùng Ile de France (Paris và phụ cận). Hơn một giờ sau, các phòng bán vé lại mở cửa, du khách được mời lên tháp, tầng một và tầng hai, tầng thứ ba còn đang chùi rửa vết cháy. 20 000 bóng đèn lại nhấp nháy trong mười phút đầu mỗi giờ kể từ 20 giờ, chuyện mới có kể từ ngày 21. 6, cũng như luồng ánh sáng chiếu rọi tới 80 cây số vòng quanh tháp.

Đô trưởng Bertrand Delanoe đã tới thăm viếng, phủ dụ. «Chỉ có sợ chứ sự thực không có gì nguy hại xảy ra,» lời của đô trưởng. Ông hứa nhân cơ hội này soát xét lại tất cả hệ thống an ninh của tháp.

HỒ HỮU TƯỜNG
(1910-1980)

THỤY KHUÊ

(tiếp theo và hết)

Hồi ký và tiểu thuyết

Tiểu thuyết là thể loại sáng tác phong phú nhất của Hồ Hữu Tường, có thể chia làm hai loại: xã hội và trào phúng.

- Khuynh hướng xã hội (đấu tranh) có những bộ *Gái nước Nam làm gì?*, gồm hai quyển: *Thu Hương* và *Chị Tập* (Nxb Sống Chung, 1949), *Thuốc trường sanh*, ba cuốn: *Xây mộng, Phúc đức* và *Vẹn nguyền* (Huệ Minh, 1964); *Hồn bướm mơ hoa*, bốn cuốn: *Mai Thoại Dung, Ông thầy Quảng, Tam nhơn đồng hành* và *Bủa lưới người* (Nam Cường, 1966) và những tác phẩm khác như *Kế thế*, tiểu thuyết dã sử, (Huệ Minh, 1964), *Người Mỹ ưu tư* (tác giả xuất bản tại Pháp, 1968) viết về bối cảnh và thân phận những đứa con lai Mỹ-Việt.

- Khuynh hướng trào phúng có bộ *Ngàn năm một thuở* hay *Một thuở ngàn năm*, gồm bốn quyển đã in *Phi Lạc sang Tàu* (Sống Chung, 1949), *Phi Lạc náo Hoa Kỳ* (Vanay, Paris, 1955), *Tiểu Phi Lạc náo Sàigòn* (Nam Cường, 1966) *Diễm Hồng xuất giá* (Nam Cường, 1966).

Tự truyện và hồi ký: *Thằng Thuộc con nhà nông*, tự truyện (An Tiêm, 1966) và cuốn hồi ký *Bốn mươi mốt năm làm báo* (Trí Đăng, Sài Gòn ; Đông Nam Á, Paris, 1984). Ngoài ra còn một cuốn hồi ký tiếng Pháp, *Un fetu de paille dans la tourmente* (Cọng rơm dập vùi), viết tại Paris năm 1969, chưa in.

Hồ Hữu Tường là một trong những nhà văn có cách viết tự thuật và hồi ký vô cùng duyên dáng, hóm hỉnh, mà lại phản ảnh được cuộc đời thăng trầm đầy sôi động của một người làm cách mạng bằng ngòi bút. Nhờ hai cuốn *Thằng Thuộc con nhà nông* và *Bốn mươi mốt năm làm báo* mà người đọc không những có thể biết rõ tiểu sử, tâm sự, con đường đấu tranh và xuất xứ mỗi tác phẩm của Hồ Hữu Tường, mà còn thấy được chân dung và tâm tình của những nhà ái quốc khác như Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu... trong bối cảnh hoạt động của họ, liên hệ đấu tranh, tư tưởng, tương quan lực lượng giữa những cá nhân hay đoàn thể đã hoạt động cùng thời với họ.

Với *Thằng Thuộc con nhà nông*, Hồ Hữu Tường vừa muốn xác nhận nguồn gốc nông dân, vừa muốn bác bỏ tính duy vật mà chủ nghĩa Mác Lê gán ghép cho họ: Hồ đề cao tính duy linh trong tâm hồn Việt như một cá tính độc đáo không thể loại trừ: tin tướng số, quỷ thần, sấm trạng, điềm, vận... Hồ không hề đứng ở địa vị nhà khoa học để phán xét nhân dân, ông luôn luôn đứng về phía quần chúng bình dân để nhìn đời. Toàn bộ triết lý sống của Hồ Hữu Tường dường như nằm trong mấu chốt đó, ông sống và viết như một nông dân chính hiệu. Muốn được như vậy, trước tiên, ông phải «*là*» nông dân (mặc dù có học). Hồ đã thành công trong sự «*là*» ấy. Từ lúc chưa ra đời, Hồ đã là «nông dân» trong lòng mẹ: sinh trong điềm và sấm. Hồ tự «*khai sinh*» cho mình trong lòng dân tộc, từ dân tộc tính Việt Nam.

Họ Hồ thật, gốc nông dân thật, ở Hồ không có dấu vết giả dối nào, từ nguồn gốc đến danh hiệu, có lẽ để đối chiếu với một sự giả mạo họ tên khác của người cùng thời trong lịch sử.

Gia đình họ Hồ, khi Tây Sơn thua, chạy đến miệt Cái Răng là đã kiệt quệ lắm. Hồ Hữu Tường thuật lại rằng: «*Tía tôi, Hồ Văn Sây, lớn lên trong cảnh nghèo nàn, thất học từ nhỏ, ông được cả làng chú ý vì tánh tình ngay thẳng, cương trực, hiền lành*» (*Thằng Thuộc con nhà nông*, trang 14-15). Mẹ Hồ Hữu Tường, bà Võ Thị Nữ, tuy con nhà giàu nhưng mồ côi cha năm mười hai tuổi, mẹ tái giá để con lại cho bà cô (giàu) nuôi; cô gả

Nữ cho Sây (người làm công) vì muốn cháu gái có chồng họ Hồ, «họ của ba vua» (Quý Ly, Thái Đức, Quang Trung).

Ngoài cha mẹ, Hồ Hữu Tường còn nhắc đến một nhân vật khác, khá huyền bí là Thầy Quảng (gọi là Thầy Quảng vì có giọng nói Quảng Nam). Thầy Quảng, người đỡ đầu, vừa là thầy bói, vừa là đạo sư, và là đảng trưởng đảng Bửu Sơn Kỳ Hương, đã ảnh hưởng sâu xa đến cha con Hồ Hữu Tường. Khi Hồ ra đời, Thầy Quảng bói một quẻ: *«Năm Canh Tuất, tháng ba, ngày hai mươi chín, giờ dần thì tốt lắm, mà cũng xấu lắm. (Nếu) Không có «Tuần» và «Triệt» thì số này là số Đế vương...»* (trang 24). Rồi Thầy Quảng đặt tên: *«... đặt tên cho nó là Hồ Hữu Tường, nghĩa là họ Hồ có điềm lành. Nó có «văn xương», «văn khúc» thì ắt không phải là nông dân như ông cha. Ít nữa cũng là một văn sĩ. [...] Vậy tôi đặt cho nó cái tự là Khổng Cưu, ứng vào câu «khổng cưu đắc hữu tường.» Khổng là to, cưu là bói, Khổng Cưu Đắc Hữu Tường là bói một cái bói to mà được điềm lành.»* (trang 26). Thầy Quảng còn đặt tên hiệu là Bửu Liên (vì hôm sanh Tường, tía nằm mộng thấy có người đem tặng một đóa sen quý). Tất cả những «điềm», «số» và «sao» như vậy đã «vận» vào Tường từ lúc ra đời: Tường mang «mệnh đế vương,» chào đời với "sứ mạng hưng vượng dòng họ" «tân tạo quốc gia», «giải phóng dân tộc.» Rủi thay, cái tên chữ «Hữu Tường» đang gánh những kỳ vọng «hay ho» như vậy, lại bị kỵ húy đúng tên ông dượng ghẻ (chồng thứ nhì của bà ngoại), Hữu Tường bèn bị tía đổi tên là thằng Thuộc cho gọn, bởi nó đọc đâu thuộc đấy !

Hồ Hữu Tường

Đó là thủ pháp «kể chuyện» của Hồ Hữu Tường: đem xuất xứ dòng họ đặt lên đỉnh, có lẽ muốn giải thích thái độ cao ngạo của mình, rồi đùng một cái, lật ngược đỉnh xuống đáy bằng chính «nội dung» lời kể: Thằng Thuộc lật nhào Hữu Tường, chữ nôm đánh đổ chữ Hán, nguồn gốc nông dân đánh đổ nguồn gốc đế vương... Nghệ thuật ở đây là hạ bệ. Sự hạ bệ này còn có nhiều lối hành ngôn khác không kém phần thâm thúy, cao ngạo và hóm hỉnh: ví dụ về cuộc gặp gỡ chính trị với nhân vật đệ tam là Tôn Quang Phiệt. Sau khi gặp Hồ Hữu Tường và Tạ Thu Thâu, Tôn Quang Phiệt kể lại với Đào Duy Anh rằng: *«Hai đứa nó là kỳ tài phải lắm. Tạ Thu Thâu tướng con vượn. Hồ Hữu Tường tướng con khỉ đột. Con vượn yểu tướng, e Tạ Thu Thâu chết sớm. Con khỉ đột sống dai hơn. Đào Duy Anh thuật lại lời ấy rồi, thì vài tháng sau, tôi nghe Tạ Thu Thâu bị giết ở Quảng Ngãi»* (sđd, trang 45). Ở đây ông đặt hai cặp phạm trù đối cực: kỳ tài-khỉ vượn, chuyện tếu-bị giết, trong một câu, khiến hai «đối cực» ấy tự triệt tiêu nhau, một cách tương đối hóa, hài hước hóa những chuyện không hài hước (ám sát, thủ tiêu...). Hồ Hữu Tường tạo cho cuộc đời một chiều kích mới: tất cả đều có thể nhìn dưới con mắt khoan dung, độ lượng, nếu ta coi sống, chết, như những cuộc chơi, mà sự « mất», «còn», đáng cười hơn đáng khóc. Chỉ với nhân sinh quan như thế, Hồ Hữu Tường mới có thể sống còn trong những cuộc thanh trừng, các trại tù mà Côn Lôn khét tiếng là mồ chôn người yêu nước.

Hồi ký *Bốn mươi mốt năm làm báo*, viết vào khoảng năm 1971, do Trí Đăng xuất bản tại Sài Gòn, và Đông Nam Á in lại ở Paris năm 1984, là một tác phẩm giá trị về hai mặt tư liệu lịch sử và nghệ thuật viết hồi ký. Đây là một thiên phóng sự đầy tính phóng túng và hài hước về suốt giai đoạn từ 1930 đến 1971, trong cuộc đời hoạt động

cách mạng và làm báo của Hồ Hữu Tường cùng với những nhà cách mạng khác, các bậc đàn anh như Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền hoặc những bạn đồng hành như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, v.v... một thế hệ thông minh xuất chúng, coi ngục tù, cái chết như không, loại những bi thảm bằng tiếng cười, và trên tất cả là lý tưởng giải phóng quê hương và niềm tự hào dân tộc.

Với nghệ thuật kể pha trộn cả bi lẫn hài, giao thoa ký ức và tư liệu lịch sử, Hồ Hữu Tường đã vẽ được những chân dung cực kỳ sống động của Nguyễn Thế Truyền, Phan văn Trường, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Trịnh Hưng Ngẫu, Phan Văn Hùm... với những giai thoại lý thú như: nguồn gốc cái tên Nguyễn Ái Quốc, làm báo "nhẩm" Thiên Thu, mối tình Bruxelles, Nguyễn An Ninh bán dầu cù là, Phan văn Hùm dậy Hồ Hữu Tường viết văn Việt....

Tiêu biểu cho tác phong hài hước hoá những chuyện nghiêm chỉnh, có thể kể màn Nguyễn An Ninh dạy thanh niên phân biệt đệ tam với đệ tứ:

«- Mấy em còn nhỏ, chưa biết vợ con. Thế nào ra đời rồi cũng phải cưới vợ. Vậy để qua dậy cho em học làm chồng có lẽ có ích lợi hơn là học làm cách mạng với mấy anh đó, nói cái gì mà mấy em không hiểu. Đây qua hỏi các em vậy chớ l... có mấy lỗ? Đừng có cười chớ! Các em làng chàng, không học bài căn bản nầy, rủi làm bậy vợ nó chết thì làm sao?

Mấy cậu thanh niên ngơ ngác nhìn nhau, thì Ninh dạy:

-L... có ba lỗ, một cái lỗ để đái, một lỗ để đẻ và một lỗ để đ... các em phải thuộc cái đó bằng không thì không được đa!

Bọn trẻ cười lăn, nhưng cũng nghe Ninh kết luận:

-Ừ thì Đệ tam một lỗ, Đệ tứ một lỗ, và con đường dân tộc cũng một lỗ. Các em làng chàng đi sai đường, thì không khác nào cưới vợ mà đ... sai lỗ vậy (...)

-Ừ thì các em cứ cười cho đã đi, rồi nghe qua nói một câu nầy. Tất cả con trai cưới vợ, nào để nhìn nó đái ? Nhà nghèo, thêm sợ nó đẻ. Chỉ muốn cưới vợ vì cái chuyện vợ chồng mà thôi. Thì Đệ tam hay Đệ tứ gì thì cũng ví như đái và đẻ. Chớ toàn dân thảy đều muốn cuộc cách mạng dân tộc, giải phóng dân tộc mình khỏi gông cùm ngoại bang. Có phải vậy không?» (*Hồi Ký*, trang 99-100)

Lối tái tạo chân dung Nguyễn An Ninh trên đây đã làm sáng tỏ một lúc hai nhân cách: Một Nguyễn An Ninh hóm hỉnh tuyệt vời, đi vào lòng quần chúng qua ngả tư biện hài hước, dùng thực chứng để giải thích những lý thuyết khô khan về chính trị, dùng tục để đáp với thanh. Một Hồ Hữu Tường xuất sắc trong nghệ thuật: không «tả» Ninh mà «kể» Ninh, nhưng sự «kể» của ông cũng là «tả»: ông đồng hóa nghệ thuật kể và tả. Từ lời nói hóm hỉnh của Nguyễn An Ninh toát ra lòng yêu nước của người anh hùng, nhưng nét đặc biệt ở người anh hùng này, Ninh là «người» trước và «hùng» sau, hoặc ít ra «người» đi đôi với «hùng», khác những thần tượng thường được suy tôn: chỉ có «hùng» hết là «người».

Nguyễn An Ninh, qua lời kể của Hồ Hữu Tường là một nhân vật anh hùng phản anh hùng, pha trò, nói tục, cám dỗ thanh niên bằng tâm hồn trào phúng, bằng biện chứng phản biện chứng, bằng ngôn ngữ gợi hình độc đáo, ý nhị. Cái tục ở Nguyễn An Ninh-Hồ Hữu Tường là tục đắc địa, tục của những người có bản lãnh, tục mà vẫn giữ được đạo theo nghĩa Bồ Đề Đạt Ma: siêu tục, siêu tục dẫn đến những nụ cười Xuân Hương, Duy Tốn... rất thế tục, khác hẳn với cái dung tục tầm thường, không nghệ thuật, tục để mà tục, ít khi phản ảnh một thực tại sống thật nào.

Trào phúng đối với Hồ Hữu Tường trở thành một liều «thuốc trường sanh,» chữa bách bệnh, là dưỡng khí nuôisống người tù. Ký ức tù của ông khác với nhiều người, không chứa khổ đau, không gây căm phẫn, hờn oán. Dường như , những điều ấy không có gì đáng nói, đáng kể; điều đáng ghi lại là những trầm tư của một «tên tội tư hình,» nghĩ về tương lai dân tộc hoặc những giây phút hạnh phúc của đời tù: kể chuyện Tàu, làm báo nhẩm, sự «bột phát» của tác phẩm nhẩm: Phi Lạc hoài thai từ nền văn chương nhẩm với những tiểu thuyết đã «có màu Tự Lực Văn Đoàn lắm.»

Tất cả những hình thức sáng tác nhẩm này, là để chữa căn bệnh biệt giam «bị nhốt với người khác còn trò truyện mà trí khuây khoả (...) Chớ bị nhốt một mình, thì mình luôn luôn nói chuyện với mình, mệt trí không tưởng tượng nổi. Có khi câu chuyện mình nói với mình khuya rồi mà chưa dứt, thì tiếp tục nói hoài, sanh ra bịnh mất ngủ. Mà hễ mất ngủ luôn, thì dễ sang qua điên.» (*Hồi Ký*, trang 54).

Toàn bộ tập hồi ký là một giọng coi thường cái chết, tương đối hóa khổ đau, hài hước hoá những trầm trọng, bi kịch; coi tất cả chỉ là đùa chơi, không có gì quan trọng. Từ những kinh điển,

những «tư tưởng lớn,» đến những lý tưởng, lập thuyết, cái gì cũng có mặt trái của nó. Hồ Hữu Tường vạch mặt trái của tất cả kể cả chính mình, vì vậy mà ông chiếm được lòng tin của độc giả qua những điều tự thuật, rất có thể «có chỗ bịa» nhưng bịa y như thật, điều mà ông không mấy thành công trong địa hạt tiểu thuyết xã hội.

Tiểu thuyết của Hồ Hữu Tường thường dài dòng và hay giải thích, phần tâm lý nhiều khi sơ sài, giả tạo, nhưng ông có óc hiện thực xã hội, óc tưởng tượng và óc trào phúng rất cao.

Ở loại xã hội, Hồ Hữu Tường dùng tiểu thuyết như một phương tiện tuyên truyền, xác định lập trường yêu nước; ở loại trào phúng, tiểu thuyết của ông phủ định tất cả: chế giễu chính trị, phê phán xã hội, đả phá những "trịnh trọng" của lập thuyết, coi tất cả là chuyện tiếu lâm, hài hước, tán dóc, tán nhảm. Hai khuynh hướng này đối lập nhau, tiêu biểu hai nét tương phản trong con người Hồ Hữu Tường: Có một Hồ Hữu Tường nghiêm chỉnh, ưa lập thuyết và một Hồ Phi Lạc trào lộng, đánh đổ tất cả những gì có tính cách lý trí, biện luận.

Hai cuốn tiểu thuyết xã hội đấu tranh đầu tiên của ông là *Thu Hương* và *Chị Tập*.

Chị Tập và *Thu Hương*, viết năm 1949, trong bộ *Gái nước Nam làm gì?* là kết quả của một thử nghiệm "tiểu thuyết mới" mà ông cho biết là đã bàn bạc với Khái Hưng ở Hà Nội năm 1945, và trao đổi thêm với Đông Hồ ở Sài Gòn. Chị Tập và Thu Hương tiêu biểu cho hai từng lớp đấu tranh trong giai đoạn đầu cách mạng. Tập xuất thân từ quần chúng lao động, Thu Hương trí thức, tiểu tư sản, thành thị. Thu Hương được mô tả qua hình ảnh cô *Cúc*, sau này là nha sĩ, kiêm điêu khắc gia Điềm Phùng Thị, mà thời ấy, tác giả có quan hệ tình cảm. Ông viết *Thu Hương* theo lời "yêu cầu" của "người đẹp" và lại ký bút hiệu Duy Cúc. Thu Hương trong truyện là sinh viên trường thuốc Hà Nội, đảng viên một đảng cách mệnh bí mật, một cô gái đẹp và gan dạ, dám cướp sân khấu để tuyên truyền, dám ám sát giữa thành phố, ... Chị Tập, con nhà nghèo, bị cha mẹ đem bán, trải bao khổ đau, tù tội, sống chung với trộm cướp và những người làm cách mạng. Được thả, Tập trở thành đảng viên đắc lực, nhận những công tác nguy hiểm, cổ động tuyên truyền, đình công bãi thị, buôn lậu, làm thổ phỉ, cướp khí giới Nhật, xây dựng chiến khu ... Hai phụ nữ, hai giai cấp, hai trình độ, gặp nhau trong kháng chiến, tạo ra những mẫu người lý tưởng, huyền thoại mà thời đó rất cần.

Viết *Thu Hương*, *Chị Tập*, Hồ Hữu Tường đã dùng tiểu thuyết để tuyên truyền cho lý tưởng cách mạng, ông đặt vấn đề làm sao kết hợp các thành phần xã hội khác nhau, các đảng phái khác nhau? Làm sao đánh động lòng yêu nước? Làm sao củng cố lực lượng du kích? Làm sao khắc phục những khuyết điểm để đi đến thành công? Đó là thời kỳ Hồ Hữu Tường còn trẻ, còn tin vào sứ điệp cách mạng.

Trong thời kỳ ở Côn Đảo lần thứ nhì, ông viết hai bộ trường thiên khác, nói lên sự chán nản của mình trước các trường tranh đấu. Bộ *Thuốc trường sanh* in năm 1964, lấy bối cảnh kháng chiến Nam Bộ những năm 50-52. Nhân vật chính là Tuyết Lê và bác sĩ Tâm, những người trí thức không cộng sản, từ thành vào bưng, theo kháng chiến. Họ có nhiệm vụ phải tìm cho ra một thứ "thuốc trường sanh," như một phát minh khoa học tân kỳ, đem uy tín cho cách mạng. Muốn bào chế thuốc trường sanh, thì phải lấy được chân con cọp Mun, nổi tiếng chúa tể vùng Hậu Giang. Cuối cùng, Tuyết Lê và Tâm hạ được cọp, nhưng cũng lại sa vào nanh vuốt của cọp.

Thuốc trường sanh nói lên sự mất mát niềm tin, nói đến sự cô đơn tập thể, những chán nản hầu như tuyệt vọng về những nẻo đường kết hợp dân tộc. Tất cả chỉ là nghi ngờ và thủ đoạn, là cô đơn và chia rẽ. *Thuốc trường sanh* là tâm sự của những người "ngoại đạo," muốn nhập vào dòng chính thống cách mạng, nhưng không thể được. Kết quả là phải đào thải, chia lìa.

Tập *Hồn bướm mơ hoa* cũng là một trường thiên tiểu thuyết phiêu lưu, tranh đấu, có tính chất "ngự lâm pháo thủ," viết về những người thân quyến hoặc còn lưu luyến nhà Tây Sơn, lưu lạc vào Nam, quyết dựng nên tổ chức Bửu Sơn Kỳ Hương, chống Nguyễn, nhưng việc không thành. *Hồn bướm mơ hoa* có những trang rất hay về đời sống sông lạch miền Hậu Giang, cảnh tù vượt Côn Đảo, tâm trạng của con người trong "xã hội Nam Kỳ" theo đuổi ngấm ngầm lý tưởng, hoài bão "tự trị," nhưng chưa thực hiện được. *Hồn bướm mơ hoa* ấp ủ giấc "mơ hoa" của "cánh bướm" Hữu Tường: muốn chọn con đường thứ ba cho đất nước, nhưng không ai theo, không ai tin, tất cả chỉ là thất bại.

Tiếc rằng phần lớn truyện dài của Hồ Hữu Tường đều dựa trên những cốt truyện quá "tiểu thuyết," những nhân vật quá giả tạo, bởi ông luôn luôn muốn thổi phồng người đàn bà. Không kể Ngọc Mân trong tiểu thuyết dã sử *Kế thế*, thuần

tính huyền thoại, từ Thu Hương, chị Tập đến Tuyết Lê, Mai Thoại Dung, Lệ Dung-Mỹ Dung trong *Hồn bướm mơ hoa* hay Loan, Phượng trong *Người Mỹ ưu tư*... đều là những mẫu người khó tìm thấy trong cuộc sống, vì họ giỏi quá hoặc cao thượng quá. Họ không thật. Ngoài ra, những cảnh huống mà Hồ đẩy nhân vật vào, thường gượng ép. Ví dụ Tuyết Lê và bác sĩ Tâm tìm cách "sáng chế" thuốc "trường sanh" trong bưng biền. Ai tin được? Rồi hai người lại tự sống chung như một cặp vợ chồng "giả". Việc Mai Thoại Dung đem tất cả gia sản của mình cúng cho thầy Quảng (anh hùng phái nam, hiếm hoi trong truyện của Hồ Hữu Tường) để xây dựng đảng Bảo Hương Kỳ Sơn, bỏ con, bỏ cái theo "lý tưởng". Rồi cặp bài trùng "Lệ Dung-Mỹ Dung" cũng là những tay «quái kiệt»; Lệ Dung vừa đẹp, vừa thông minh, mưu lược (cỡ Tuyết Lê), Mỹ Dung võ nghệ cao cường, tâm hồn tuyệt vời cao cả, "gả" chồng mình cho Lệ Dung vì "đại sự". Những chi tiết này làm giảm sút giá trị bộ *Hồn bướm mơ hoa*, có lẽ là hay nhất trong loạt tiểu thuyết xã hội phiêu lưu của Hồ Hữu Tường, vừa có những tình tiết ly kỳ, hấp dẫn kiểu Dumas, vừa vạch ra được những nét đạo đức và lý tưởng Bửu Sơn Kỳ Hương của người Nam Bộ.

Cuốn *Người Mỹ ưu tư* viết tay, tác giả tự xuất bản tại Paris năm 1968. Khởi đầu in hàng ngày trên nhật báo Sống, theo Hồ Hữu Tường cho biết ở trang đầu, thì bác sĩ Trần Ngươn Phiêu đã kêu gọi được gần mười ngàn người ký tên đề cử *Người Mỹ ưu tư* tranh giải thưởng Nobel. *Người Mỹ ưu tư* muốn đưa ra một vấn đề thời sự xã hội rất thương tâm : vấn đề con lai Mỹ-Việt và đòi hỏi một sự công bằng trong lương tâm tòa án. Để "thay lời tựa," Hồ Hữu Tường viết năm lá thư gửi văn hào J. Steinbeck , những bức thư này nhắc nhở tác giả *Chùm nho uất hận* đến thực tại phũ phàng của những đứa con lai Mỹ-Việt, đặt câu hỏi với lương tâm của một người đã từng cảm thông nỗi bất hạnh của những kẻ bị áp bức, khốn cùng. Ngày hôm nay, trong lương tâm ấy còn sót lại giọt nước mắt nào cho những người đàn bà lỡ làng bụng mang dạ chửa đứa con lai:

"Ông cởi phản lực mà đi vào chiến trường [...] Nhưng tôi cũng tin rằng ông không làm sao vào những xóm tồi tàn nhà lụp xụp làm bằng các hộp bỏ mà nghe những câu chuyện thương tâm của những bà mẹ bóp mũi con chết, chỉ vì hài nhi có mắt đục, tóc hoe và không cha." (trang 42-43)

Tiếc rằng cuốn *Người Mỹ ưu tư* tiếp đó lại rơi vào hướng khác. Hướng của một truyện dài trinh thám với những chi tiết éo le, những nhân vật chính đều có những hành tung ly kỳ và nhất là Loan Phượng có những nét «phi phàm,» khó chiếm được lòng tin của độc giả.

Sở trường của Hồ Hữu Tường là tiểu thuyết trào phúng. Phi Lạc là một trong những nhân vật nổi tiếng của tiểu thuyết Việt Nam thế kỷ XX. Chính Hồ Phi Lạc đã làm "thành danh" Hồ Hữu Tường. Bộ *Ngàn năm một thuở* gồm bốn cuốn đã in, nhưng chỉ cuốn đầu, *Phi Lạc sang Tàu* là thành công hơn cả. Những cuốn sau, viết vội, viết nhiều, đâm nhàm, làm giảm giá trị toàn bộ.

Là một thứ Ngộ Không made in Việt Nam "thời mới," Phi Lạc làm nổi bật những nét "đặc thù" trong "dân tộc tính" Việt Nam: dốt nát, khoác lác, thấy người sang bắc quàng làm họ, tự cao tự đại nhưng lại ranh vặt và ưa nịnh hót ... Những nét "đặc thù" này, không chỉ nằm trong "bản chất" Phi Lạc mà dường như chúng là "nội dung tư tưởng" của toàn thể nhân quần xã hội: từ thằng mõ đến ông tiên chỉ, từ ông tiên chỉ đến các vị bác học, anh hùng, đời trước, đời này, thảy đều rất tuồng,rất rỗng, khôi hài và bi đát.

Bi hài kịch của Phi Lạc bắt đầu từ... nguồn cội: Nó vốn là thằng mõ làng Phù Ninh, vô học, nhưng trót giả danh dòng dõi họ Hồ, có bà con với Hồ Thơm Nguyễn Huệ. Sự phét lác của nó đến tai thằng mõ Cổ Nhuế, một tên bịp bợm khác. Nhân muốn trả thù mõ Phù Ninh, Cổ Nhuế bèn "bán đứt" Phù Ninh cho sư Hồng Hạc, một vị chân tu người Tàu, được sứ mệnh xuôi Nam, tìm đến "thảo lư" rước Khổng Minh hiện đại về làm thánh sư, với nhiệm vụ phò Minh đuổi Thanh, phục quốc. Câu chuyện đưa ta vào một thế đồ bát quái, một thứ tiểu thuyết chiêu hồi lối Tàu, mà chống Tàu, trong đó tất cả những địa danh, tên người như Phù Ninh, Cổ Nhuế, Hồ Thơm, Hồ Thích, Phi Phúc, Phi Lạc... đều có những ẩn nghĩa trào phúng, dây mơ rễ má với nhau, đều có thể đảo lộn trật tự chính-tà, thật-giả, nhanh như chớp.

Tại sao sư Hồng Hạc lại có sứ mệnh đi Nam tìm thánh? Ấy bởi bốn câu *sấm* đồ rằng của Minh Thành Tổ. Tại sao tìm đến mõ Phù Ninh? Bởi làng Phù Ninh (quê Ngọc Hân) ắt hẳn phải "sản xuất" ra con cháu... Hồ Thơm. Tại sao Hồng Hạc lại tin lời mõ Cổ Nhuế? (làng Cổ Nhuế vừa nổi tiếng buôn phân vừa chuyên sản xuất nhân tài, Cổ Nhuế xứng danh với Hồ Thơm) vì Hồng Hạc "tham khảo" ý kiến cụ Bác Cổ Viễn Đông Nguyễn

Văn Tố và chính cụ Tố "giới thiệu" mõ Cổ Nhuế cho Hồng Hạc như một sư phụ chuyên trị "cái biết" mà chẳng cần dựa vào *"sách nào, trang mấy, tờ a hay tờ b, dòng thứ mấy"*...

Tất cả những vòng vo rất tam quốc này, nói lên tính chất lằng nhằng, bòng bong của cuộc sống, nhưng đồng thời cũng bộc lộ tính hú họa, mà người ta thường gọi là "ngẫu nhiên" của cuộc đời: Sai một ly, đi một dặm. Một sự nói láo có thể dẫn đến hậu quả hy mã lạp sơn hay tai ương chín tầng địa ngục. Nhất là khi những cái "hú họa" ấy lại được các vị bác học kim cổ như Hồ Thích đem ra phân tích và cho nó một "chứng từ" (trường hợp cái tên Hồ Phi Lạc) thì phải biết là uyên bác.

Phi Lạc sang Tàu là một tác phẩm phản kháng toàn diện. Một sự nổi loạn chống lại tất cả các hình thức từ chương, khuôn mẫu bào chế tư tưởng, chế nhạo những sự "mượn nhầm họ" mà họ Hồ là "nạn nhân" thời đại. Sự phản kháng của Phi Lạc có nguồn gốc sâu xa từ tự ái dân tộc, từ tình yêu dân tộc, nằm trong máu-óc Hồ Hữu Tường. Ông dùng một nhân vật cùng đinh, cùng khổ: thằng mõ (Cổ Nhuế hay Phù Ninh), cho nó làm đảo lộn trật tự tiên chỉ, làng xã; nó được thỉnh sang Tàu, sang Mỹ, sang Nga, như một cố vấn, một vị phu tử; nó làm "khuynh đảo" những "nền văn minh vĩ đại" bằng sự... tán dóc, nói láo. Sự đại náo của Phi Lạc, cũng như sự đại náo của Ngộ Không, tiêu biểu cho cuộc cách mạng thường trực của tư tưởng: luôn luôn phải đặt lại vấn đề, chống lại những trật tự có sẵn của những bậc thánh hiền hoặc giả hiền.

Trong *Phi Lạc sang Tàu*, Hồ Hữu Tường tấn công vào vạn lý trường thành của một ngàn năm đô hộ: Người Việt đã trở thành một thứ con nuôi của nhà Hán, sách vở *"mở ra thì nếu không phải là 'Tử viết' thì cũng là một anh ba Tàu nào đó viết, chớ không có ai trích lục tư tưởng của một người Việt nào đó để mà viết."*

Đối với Hồ Hữu Tường, sự thần phục người Tầu trên hơn hai ngàn năm, phát xuất trên núi từ Khổng Tử, Mạnh Tử, rồi hạ san xuống đến Mao, hậu Mao... như một feuilleton hồi đoạn, một sự xuống dốc ăn theo độ trượt không phanh của nước Tàu.

Để chống lại sự leo thang xuống dốc ấy, Phi Lạc như một con rối, đứng ngã ba đường, huơ tay, huơ chân, đáng trống, khua chuông, hú hồn những nhà tư tưởng Việt Nam như Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, như Đức Phật Thầy Tân An, như Cống Quỳnh... về nhập thế. Họ nhập vào Phi Lạc, nói ra những điều "minh triết" trong tư tưởng Việt.

Hình thức truyện nhại Tây Du, có chia hồi như Tam Quốc Chí. Cuộc *Tàu du* của Phi Lạc gần giống như cuộc Tây Du của Ngộ Không và Hồng Hạc là hiện thân của Đường Tam Tạng. Tại sao lại đi Nam? Vì *"xét ra không đâu mà Phật giáo được thịnh hành như ở cõi đất Nam này."*

Hồng Hạc, muốn phiêu du, bèn vào trong một cái liêu để nhập thiền. Đang phiêu phiêu thì thấy một đứa trẻ ngâm mấy câu thơ, làm người giật mình tỉnh dậy, té ra là nó đang đọc *Sấm Trạng Trình*... Người bèn theo hướng sấm dẫn dắt mà đi ra khỏi Sài Gòn, đến Đa Kao gặp Cầu Bông, qua cầu tới một nơi khói hương nghi ngút. Hỏi ra là đền thờ Tả quân Lê Văn Duyệt. Tả quân thương tình, gọi sư Hồng Hạc ra mà giới thiệu với nhà khảo cứu nổi tiếng nhất nước Nam là Ưng Hòe Nguyễn Văn Tố, và chính nhờ sự bác học của cụ Tố mà sư Hồng Hạc tìm được thánh nhân Hồ Phi Lạc, đưa về Tàu tôn lên làm cố vấn.

Hồ Hữu Tường đã thay Huyền Trang bằng Hồng Hạc, Ngộ Không bằng Phi Lạc và Tây Trúc bằng làng Phù Ninh. Một sự Việt hóa điển tích và chế biến kinh điển thành chuyện tiếu lâm hài hước, trong một thế giới mà Tả quân Lê Văn Duyệt đối thoại với Ưng Hòe Nguyễn Văn Tố mà thằng mõ Cổ Nhuế, Phù Ninh, trò truyện chính chị, triết lý, văn chương với Khổng Minh, Hồ Thích. Phi Lạc sang Tàu quảng bá cho đảng Bửu Sơn Kỳ Hương, cho nó một ý nghĩa lịch sử chính trị trong sự chế giễu xã hội và các biện chứng của lý trí: đưa *Điềm* và *Sấm* ra như một ý thức dân tộc (duy linh) chống lại cái duy vật vô thần.

Phi Lạc sang Tàu còn là tiếng cười cay đắng của người dân nhược tiểu, biết mình kém thua đủ đường nhưng vẫn muốn nổi loạn, tìm chỗ đứng *cao nhất* trong lòng một cộng đồng nhân loại mà phi lý và bất công phủ trùm lên tất cả. Đây là một sự phản kháng toàn diện của những người thấp cổ bé miệng, của những trí thông minh xuất chúng, không tháo gỡ được thân phận mình ra khỏisự gò ép của những cơ chế cứng nhắc mà tựu trung chỉ là những trò hề lập nghiêm. Phi Lạc đã đi vào lòng người và sẽ ở lại lâu dài bởi nó đã cười lên được cái bi đát của những thân phận cùng khốn, những kiếp mõ làng trong lòng những dân tộc nhược tiểu.

Paris, tháng 6/2003

CHỐN CŨ

SONG THAO

Trời hoe nắng. Từ cửa sổ khách sạn, tôi nhìn thấy những sợi nắng óng ả ngơi nghỉ trên những tàn cây bàng trụi lá. Hà Nội đang trở rét, cái rét đậm đà người ta nói là mấy chục năm nay mới thấy lại. Dưới đường, khách bộ hành co ro trong những tấm áo dày mà kiểu cách hình như chỉ là chuyện phụ. Trên những chiếc xe gắn máy xuôi ngược nhộn nhạo, người lái xe che chắn kỹ lưỡng với mũ len, khăn choàng, găng tay ấm áp. Những bà già bán hàng, người cắp thúng, người đội, người gánh, khăn vuông chùm kín đầu, vừa te tái rảo bước vừa lớn tiếng rao hàng. Những tiếng rao mất hút bên kia lớp cửa kính.

Tôi trở vào nằm dài trên giường, lười biếng. Bộ bàn ghế, tủ áo quần, chiếc bàn phấn, tất cả đều bằng gỗ mun khảm xà cừ, cho tôi một cảm giác lạ. Trên bàn phấn, nằm xộc xệch như muốn rơi khỏi góc bàn tờ tạp chí đang đọc dở tối qua tôi vất đại lên khi giấc ngủ tới làm ríu mắt. Lẽ ra phải có Diệu trong căn phòng này. Mặt bàn phấn trơ trẽn nhắc tôi sự thiếu vắng tưởng như không thể có được. Mọi khi, trong mỗi chuyến đi, trong mỗi phòng khách sạn, mặt bàn phấn bao giờ cũng ôm đầy những chai lọ làm đẹp của Diệu. Chuyến đi vội vã, bất chợt lần này của tôi đã khiến Diệu không theo kịp. Diệu vẫn mơ một chuyến ra Hà Nội, với tôi, cùng tôi đi lại những con đường thơ ấu của thời tôi non yếu cắp sách tới trường. Em muốn biết Hà Nội của anh, muốn cùng anh sống lại những xúc động khi anh trở về chốn cũ, thời anh chưa có em. Giọng Huế nói về Hà Nội mà cũng tha thiết như giọng Hà Nội.

Chiếc điện thoại cầm tay nằm vất vưởng nơi nào đó trên giường reo lên từng chập hối hả. Tôi lật chăn mền, tìm kiếm một hồi mới lôi ra được.

"Allô!"

"Em Phương đây anh. Hôm nay anh muốn đi đâu? Nửa giờ nữa em tới đón nhé."

Tôi ngần ngừ.

"Chắc sáng nay em khỏi tới. Anh muốn thả bộ một mình, loanh quanh coi thành phố. Nhẩn nha như một người Hà Nội dư thừa thời giờ."

"Ái chà! Anh lên cơn mơ mộng hồi nào vậy?"

Tiếng cười khanh khách rộn ràng bên tai tôi.

"Ở giữa Hà Nội mà không biết mơ mộng một chút thì mắc cở chết."

"Anh, dân Hà Nội không nói mắc cở. Anh phải nói xấu hổ."

Phương sửa lưng tôi. Mấy hôm nay tôi cứ bị sửa lưng hoài vì cái giọng Hà Nội mà dùng chữ Sài Gòn. Vậy mà mấy bà bán hàng, khăn nhung quấn nghiêm chỉnh trên đầu, ở các con đường có đội chữ Hàng đằng trước, cứ xoắn xuýt khen lấy khen để cái giọng Hà Nội tôi đã vác đi ta bà thế giới trong ngót năm chục năm qua là đúng giọng Hà Nội xưa. Giọng Hà Nội nay có khác. Nghe lượn lờ như có thêm múi chanh trên môi.

"Anh ơi, hôm nay rét lắm đấy. Mười hai độ, em vừa mới nghe đài loan báo như vậy. Anh thả bộ có được không?"

Giọng tôi nhuốm vẻ bỡn cợt.

"Mười hai độ lận!"

"Anh bỏ dùm chữ lận đi được không?"

"Ừ thì bỏ! Em rắc rối quá! Lưng anh bị sửa hoài, cứng ngắc, đi bộ ngoài đường người ta dám tưởng là hình nộm lắm đấy!"

Phương cười rúc rích bên kia đầu dây.

"Mười hai độ! Bên xứ anh, âm ba mươi, bốn mươi. Cái rét Hà Nội của em ăn nhằm gì."

"Thôi, anh đừng nói nữa, em rùng mình. Anh ở cái nơi chốn gì mà kỳ quái. Chắc con người co rút lại chẳng nhìn thấy nhau nữa nhỉ?"

Câu nói vô tình mà hữu ý của Phương làm tôi khựng lại. Quả thật, từ khi về lại trên mảnh đất này con người tôi như trải rộng ra. Máu mủ tôi rần rần trong châu thân những người chung quanh. Tôi mềm lòng với những con người bên tôi. Tôi thương cả những cái ranh mãnh, mánh mung vặt vãnh của những con người mà đời sống đã dậy họ phải lắt léo với chút lợi lộc còm cõi.

Cái rét tháng chạp của Hà Nội chỉ vừa đủ làm tôi tỉnh táo hơn khi bước chân ra khỏi khách

sạn. Ngõ Bảo Khánh nằm chen chân với những con phố cổ. Tôi chọn đại một bên đầu ngõ dẫn ra một ngã ba. Quẹo phải hay trái đây? Tôi mường tượng ra đường quẹo của chiếc xe gắn máy bụi đời của Phương. Tôi theo con đường và ngơ ngẩn trước ngã tư kế tiếp. Hàng gì đây chẳng biết? Tôi nhìn lên bảng tên đường. Hàng nào cũng đánh đố bước đi của tôi. Tôi quẹo mặt ngã tư kế tiếp. Người đi như hội. Ngoại kiều dập đìu lên xuống. Phố mang tên Hàng rất chuyên môn nhưng Hàng nào cũng toàn những cửa tiệm bán cho du khách. Cái trật tự cũ đã quá lỗi thời. Những rươi, mắm, đường, than, trống chẳng thể ngang nhiên đi vào kinh tế thị trường được. Tôi nhởn nhơ sánh vai với các khách bộ hành khác mà đầu chẳng có một ý niệm gì về phương hướng. Đi một hồi chẳng thấy tới đâu, tôi dừng bước hỏi một bà bán hàng đường đi tới nhà thờ Lớn. Cậu đi xuống hai ngã tư nữa rồi rẽ tay trái là thấy nhà thờ. Lại đi lộn lại. Phương mà biết tôi vừa ngơ ngáo ra khỏi khách sạn đã lạc lung tung, chắc cô nàng cười phải biết. Hồi sáng, Phương đã dặn đi dặn lại là nếu lạc thì gọi điện thoại ngay. Dân Hà Nội chẳng lẽ đi lạc ngay giữa Hà Nội, tôi đã vênh váo trả lời. Dại gì mà điện thoại, tôi phải cố giữ cái vênh váo vài chục phút trước. Bà bán hàng tài tình thiệt, vừa quẹo một cái là hai cái tháp chuông cổ lỗ đen đủi đã đập vào mặt!

Tôi đứng trên bực cấp nhà thờ, bên trái tôi là trường Dũng Lạc cũ. Trường vẫn còn đó, với một cái tên mới, trường Hoàn Kiếm-Tân Trào. Hàng rào đã được xây lại, cửa sắt cao kín mít. Ngày xưa, giờ ra chơi, bàn tay tôi đã muôn lần vất vả chen lấn thọc qua những song sắt của chiếc cửa, tờ bạc một đồng kẹp giữa hai ngón tay, tranh nhau mua cây kem mát rượi. Tôi đảo mắt qua vạt đất trước hàng rào trường. Không một bóng người. Những tủ gánh thịt bò khô, bánh tôm loẹt xoẹt tiếng kéo rao hàng đã trốn đi đâu tất cả? Tôi như nhìn thấy ông thịt bò khô hai tay hai chai xì dầu pha đường và chai dấm lợn cợn ớt có những tép tỏi trắng hấp dẫn thi nhau dốc xuống những đĩa đu đủ thịt bò bầy xúm xít trên mặt gương, bà bánh tôm má hồng trên lửa cuống quít với những tiếng lao xao đòi hỏi của bày trẻ háu ăn. Chợt nhớ tới cái mánh mua một cái bánh tôm mà lợi dụng lúc bà hàng bối rối lấy được tới hai ba đĩa rau muống chẻ ăn kềnh bụng, tôi mỉm cười một mình. Thằng nhỏ khoảng mười tuổi mặc chiếc áo len sọc xanh sọc nâu ngơ ngác nhìn tôi cười góp. Tôi như thấy lại tôi mấy chục năm trước. Tôi giơ chiếc máy hình rủ chụp hình chung, thằng nhỏ lắc đầu bỏ chạy một mạch.

Tôi quẹo mặt theo phố Nhà Thờ. Phố xá ngày xưa yên tĩnh với những dãy nhà ở kín đáo nay nhộn nhịp những cửa hàng. Ngôi trường bà sơ giữa con phố hẹp vẫn nết na cửa đóng then cài. Ngày xưa, giờ chúng tôi tan học về cũng là giờ bầy con gái trong ngôi trường này túa ra. Cái tên trường chạy đâu mất tiêu trong ký ức tôi. Tôi dừng lại trước cánh cửa sắt nhỏ xíu của ngôi trường Tây kín cổng cao tường, đứng ngẩn ngơ chôn mắt như muốn soi thấu vào bên trong. Có một thời tôi quá nhỏ trước bầy con gái mượt mà sang cả, liếc mắt thích thú nhìn những anh lớn học đòi làm những con trống, những con trống vụng về tội nghiệp!

Đường Tràng Tiền hiện ra thênh thang xe cộ lên xuống. Tôi quẹo trái ra phía Bờ Hồ. Hồ Hoàn Kiếm tôi đã làm quen lại ngay buổi chiều ngày tôi đặt chân xuống phi trường Nội Bài. Anh tắc xi chạy văng mạng đưa tôi về tới khách sạn vào buổi trưa, vất chiếc va ly vào một góc, tôi gọi ngay cho Chí. Chí là anh của bạn của Hoàng. Hoàng mới là bạn tôi. Khi tôi vất vả về được tới Saigon, điện thoại cho Hoàng, hắn hốt hoảng. Sao ông về bất thần vậy? Tôi đang ở Hà Nội, mai tôi trở lại Saigon, tôi sẽ hú ông. Vừa tới Saigon, hình như vẫn còn say Hà Nội, Hoàng hỏi tôi có rảnh được vài ngày không? Làm chi vậy? Ông phải ra Hà Nội. Thế là tôi phải đi Hà Nội. Chỉ nội trong một buổi sáng, Hoàng lấy vé máy bay, đặt phòng khách sạn, gọi anh Chí nhờ hướng dẫn tôi ở Hà Nội, và không quên đưa cho tôi chiếc điện thoại cầm tay để dễ liên lạc. Chí tới ngay khách sạn sau cú điện thoại của tôi. Chuyện trò một hồi cũng ra được một điểm chung. Chúng tôi cùng học ở Dũng Lạc ngày xưa, Chí trên tôi hai lớp. Nhìn Chí râu ria sợi đen sợi trắng, da mặt xếp nếp, tàn nhang vất vưởng trên má, tôi khó tưởng tượng được tôi hai năm sau.

"Thời thế cả anh ạ. Anh sa chân vào chỗ mát mẻ, người ngợm cũng mát mẻ. Tôi bị cột chân vào nơi bức bối, mặt mũi như bị thiêu đốt, trông chẳng ra làm sao cả."

Tôi với tay lấy ly bia Halida cao cao trên chiếc bàn mây. Bia lạnh không đá. Ly của Chí sóng sánh hai cục đá vuông. Chí cũng nhấc ly, nhìn tôi, cụng.

"Bỏ qua mọi chuyện đi. Mừng gặp anh, hai thằng Dũng Lạc của cha Nguyễn Huy Mai."

Chí hớp vội một hụm bia, khề khà.

"Cha Mai về sau làm Giám Mục. Cha Trịnh Văn Căn, anh còn nhớ không, người kế chức Hiệu Trưởng sau cha Mai, làm tới Hồng Y. Các Ngài đã về với Chúa hết rồi."

Tôi cười khan với Chí.

"Thì anh như vậy, tôi như thế này. Các Ngài đã tới lúc đi hết cũng là phải. Mình còn lạo đạo muốn đi nữa là."

Tháp Rùa dưới nắng chiều như gần gũi trước mắt tôi. Liễu lê thê rũ bên bờ sạch sẽ. Ngày xưa, lúc về học, tôi vẫn cùng lũ bạn cắm cần câu bên bờ đất bắt mấy chú cá lòng tong dại dột. Chung quanh bờ bây giờ đã cẩn gạch thoai thoải, chỗ đâu mà cắm cần câu.

"Anh ở xa về lại chốn cũ, cũng ngót nghét nửa thế kỷ chứ ít gì, nghe mà thấy khiếp, anh thấy ra sao?"

"Tháp Rùa coi nhỏ quá anh ạ. Tôi có cảm tưởng với tay ra là đụng được."

Chí cười, pha trò.

"Chắc tại bây giờ anh lớn hơn."

"Già hơn chứ, tuổi mình hết lớn rồi anh ạ! Mà không hẳn như vậy. Tôi nghĩ cái gì trong kỷ niệm cũng vạm vỡ hơn trong thực tế. Mình thường phóng đại, tô hồng chuốc lục cho những kỷ niệm. Còn anh, ngồi lại với tôi trong khung cảnh cũ, anh thấy sao?"

Chí ngả người. Người anh lọt thỏm trong chiếc ghế mây rộng rãi. Mắt anh lim dim.

"Tôi thấy cái thiệt thòi của mình. Anh nhìn lại Tháp Rùa bằng con mắt khác, tôi nhìn Tháp Rùa bằng con mắt khác. Nó như cái gông trí trá, không những kìm giữ tôi lại, nó còn tước đi cuộc sống của tôi mỗi ngày, cho tới khi tôi phải tự cảm thấy tôi không còn cuộc sống nữa."

Tôi cố không nhìn thẳng vào mặt Chí. Có nỗi buồn nào đáng cho người ta muốn nhìn đâu. Tôi hất đầu ra phía bờ hồ.

"Hồi xưa anh có bao giờ ăn bánh mì ba tê của những anh nhí bán hàng chỗ này không?"

"Không, nhà tôi ở phía trên phố cổ nên ít la cà ở chỗ này. Hồi đó anh ở đâu?"

"Gần chợ Hôm."

"Vậy thì đi học anh phải ngang qua đây hàng ngày rồi."

"Chỗ này là đất của tôi mà! Để tôi kể anh nghe. Chỗ này là chỗ buổi sáng tôi thường mua bánh mì ba tê. Ngày xưa, nơi đây chỉ có cỏ với cây, làm gì có quán giải khát như thế này. Thằng nhỏ móc chiếc bánh mì nhỏ bằng bàn tay con nít ra khỏi chiếc bao tải. Nóng hôi hổi. Một lát dao rạch dọc, nhét vào một lát ba tê mỏng như lá lúa, xục xục chiếc lọ muối tiêu. Vậy mà ngon thấu trời anh ạ. Nhất là những bữa trời lạnh như ngày hôm nay."

"Thú nhỉ! Tôi chỉ biết những hàng nổi tiếng hơn. Như ông Tàu bán phát xa ở phía bờ bên kia."

Tôi theo ánh mắt của Chí bắt gặp chiếc cổng gạch vuông vức. Giọng tôi như reo.

"Tôi vẫn còn nhớ mặt mũi ông ta! Nếu bây giờ ông ấy đi ngang đây, tôi có thể ra nắm áo ông ấy mà không sợ nhầm. Cặp kính gọng đen xộc xệch, đôi mắt hấp háy kèm nhèm, cái miệng lúc nào cũng nhe ra như cười mà không phải cười, hàm răng cải mả có mấy chiếc răng cửa to bản, cái dáng ngồi co ro và bàn tay gian xảo. Anh có nhớ cái bàn tay ra tiền đó không? Bàn tay thọc vào túi lạc rang nóng ròn một cách mạnh bạo, tưởng như có thể rút hết lạc ở bên trong, nhưng khi rút ra thì chỉ có mấy hạt lạc dính theo mấy đầu ngón tay chụm hờ vào nhau. Nhả vội mấy hạt lạc vào chiếc sâu kèn quấn bằng giấy báo kín mít. Ba cái bốc như vậy, ấn tay cho kín cái đầu sâu kèn, trao cho khách và xòe rộng bàn tay nhận tiền. Có nài nỉ thêm thì cái bốc bất đắc dĩ còn tệ hại hơn nữa. Vậy mà cứ xúm nhau vòng trong vòng ngoài chờ tới lượt mua."

Chí rung đùi cười khoái chí.

"Cái mùi húng lìu thấm vào từng hạt lạc bất hủ thật!"

Tôi nuốt nước miếng.

"Nhất là những ngày trời mưa lạnh, ông Tàu ngồi vào trong chiếc cổng gạch bốn bề hở toang để trốn mưa và gió, mình đứng run run chờ gói lạc, nắm được chiếc sâu kèn, hơi ấm tỏa ra trong lòng tay, đã cách gì đâu!"

Tôi lang thang qua chiếc cổng gạch rêu phong. Nó có cũ thêm chút nào không? Tôi sờ tay vào lớp vôi sứt mẻ. Tôi mường tượng ông già Tàu ngồi trong đó. Chiếc cổng như vẫn vậy. Nó đã rêu phong tới mức không thể rêu phong thêm. Tôi đang chạm tay vào quá khứ. Nỗi tê dại làm tôi ngây ngất. Tôi quay người lại khi nghe tiếng đằng hắng vọng lên từ phía sau.

" Đổi tiền không anh?"

Chị đàn bà mặc chiếc áo dạ dài phủ gần hết chân nhìn tôi chờ đợi. Nụ cười vẽ vội ra trên môi nằm cứng trên mặt. Tôi lắc đầu.

" Không, chị ơi."

"Em đổi giá nới hơn ở ngân hàng mà anh."

Tôi lại lắc đầu.

"Anh đổi giùm em đi. Từ sáng tới giờ chưa

được mối nào."

Tôi lắc đầu, rảo bước, lòng phân vân không hiểu sao chị đổi tiền lại biết tôi có đô la. Tôi phì cười nhìn xuống quần áo mình. Chúng đã mách lẻo nhiều chuyện. Liếc nhìn thấy nhà Gô Đa cũ nay đã lột xác thành Trung Tâm Thương Mại Tràng Tiền ở phía bên trái, tôi thẳng bước. Phố Huế đây rồi. Xuôi xuống tới chợ Hôm là nhà tôi. Phố phường rộ ra buôn bán. Ngày xưa đâu có lắm cửa hàng như thế này! Cảnh vật có lạ nhưng tôi thấy rõ ràng thiếu một cái gì rất thân quen. Lặng nghĩ một hồi, tôi mới nghiệm ra chiếc xe điện xưa leng keng kéo chuông giữa lộ nay đã biến đâu mất chẳng còn dấu tích. Ngày xưa, hai buổi đi học về học, chiếc xe điện vẫn là trò chơi thú vị của chúng tôi. Khi nhẩy đổi tầu từng trạm dừng, khi luồn lách từ toa này qua toa khác, lũ học trò chúng tôi thích thú chơi trò cút bắt với mấy ông soát vé. Những đôi chân thoăn thoắt nhanh như sóc của chúng tôi bao giờ cũng làm tức giận các ông đội mũ kê pi mặc áo trắng. Có bao giờ mấy ông ấy thu được tiền vé của chúng tôi đâu!

Chiếc điện thoại trong túi quần quần quại rung lên. Tôi bấm nghe. Tiếng Hoàng vang vang.

" Ông đang ở đâu vậy?"

"Tôi đang đi trên phố Huế."

"Ông đi đâu vậy?"

"Tôi tìm về nhà cũ của tôi."

"Ông đi với anh Chí hả?"

"Không, tôi đi một mình."

"Vậy anh Chí đâu?"

"Anh ấy bị cái rét Hà Nội đánh gục rồi. Mới đi với tôi một buổi, anh ấy lạnh quá không chịu nổi."

"Rồi làm sao?"

"Ông khỏi lo. Anh Chí của ông đàng hoàng lắm. Anh ấy sang tôi cho cô cháu con người bạn của ông ấy rồi."

"Số ông lạ nhỉ!"

"Lạ là sao?"

"Là hay hay. Kỳ này ông về lại Saigon, tôi phải vạch tay ông ra coi cái chỉ tay ông nó chạy loạng quạng ra sao mà cứ chỗ nào có hoa đào là tấp vào như vậy!"

"Nói bậy nào! Cháu chắt ấy mà!"

"Ông thì cháu chắt chồng chất! Thôi, không tán nhảm nữa. Tôi sẽ gọi ông sau."

Bỏ chiếc điện thoại nhỏ xíu vào túi lại, tôi nhớ cái giọng nhẽo nhẹt thảm khổ của Chí. Mới bảy giờ sáng, còn nằm nướng trên giường, tôi đã choàng tỉnh với cú điện thoại sớm sủa.

"Allô!"

"Tôi Chí đây anh. Đêm qua anh ngủ ngon không?"

"Ngủ được anh ạ. Cám ơn anh. Di chuyển suốt ngày mệt nên nằm xuống là làm một giấc chẳng biết trời trăng chi cả."

"Anh khỏe thật. Tôi bết bát hơn nhiều. Tôi bệnh rồi anh ơi."

Mấy tiếng ho phụ họa cho cái giọng khàn khàn đục đục.

"Chết chửa! Chắc tôi lôi anh đi nên anh bệnh. Trời lúc này đang lạnh, gió máy độc địa."

"Không phải tại anh đâu. Tại cái thân rệu rạo của tôi đấy. Chắc tôi lết đi với anh không nổi rồi. Nhưng tôi đã nhờ được cô cháu của một anh bạn đưa anh đi. Anh muốn đi đâu cứ nói với cháu. Con bé làm ở một công ty du lịch nên chắc biết nhiều hơn tôi. Chút nữa con bé sẽ tới gặp anh nhé. Chúc anh vui với Hà Nội. Của anh!"

Con bé cao như một người mẫu. Tôi đã thuộc loại cao mà Phương chẳng chịu nhường tôi phân nào. Mà không hề ăn gian nghe! Giầy đế phẳng, tóc không uốn rẽ ngôi giữa nằm sát sạt trên đầu. Người kín bưng trong chiếc áo giả da nâu, áo len tím cao cổ, khăn choàng nửa nâu nửa đen kéo sát lên tới miệng, đôi găng len sậm mầu và chiếc mũ len chỉ để ló ra mái tóc dài. Dân Hà Nội phòng thủ kỹ thật!

Vượt qua tấm cửa kính rộng của khách sạn, Phương nhìn tôi đang ngồi chờ. Cười gượng. Vừa run vừa nhẩy nhẩy chống rét. Chờ cho bài nhẩy vãn, tôi mới hỏi.

" Cô Phương phải không?"

"Vâng ạ. Để em xếp chương trình đi với anh nhé. Anh đã đi được những đâu rồi?"

Thật là chuyên nghiệp! Nhưng cách nói và cử chỉ của Phương cho tôi cái cảm tưởng không phải mới biết nhau lần đầu. Chẳng cứ Phương. Dân Hà Nội bây giờ hình như ít hình thức hơn. Cứ em em anh anh vô tư. Có lần Phương nói chuyện với một anh lái xe hợp đồng với công ty du kịch nơi Phương làm việc. Phương tự nhiên em anh. Anh lái xe cũng anh em mềm mỏng. Khi anh lái xe đi, hỏi Phương, Phương tự nhiên. Không, em gặp anh ấy lần đầu đấy chứ! Tôi cứ phân vân không hiểu tại sao người ta có thể phí phạm lối xưng hô thân mật thường chỉ dành cho những người thương đến như vậy.

Tôi ngơ ngáo trên những thước vỉa hè cũ. Nhìn lên bảng tên đường tôi giật mình. Phố Hàng Bài. Mình đi lạc rồi sao? Tôi nhìn quanh. Chỗ này phải

là rạp chiếu bóng Ciro's chứ. Chẳng có dấu vết gì của một rạp chiếu bóng! Cửa hàng vẫn san sát chen lấn nhau. Chắc lạc thật rồi. Tôi hỏi bà cụ bán hàng bên lề đường. Đây là Phố Hàng Bài, cậu cứ đi thẳng xuống, không rẽ chỗ nào hết, là tới Phố Huế. Tôi cám ơn mà lòng vẫn phân vân. Cái tên Hàng Bài không có chỗ trong ký ức của tôi. Con đường này tôi đã hai buổi đi về trong bao nhiêu năm, làm sao mà lầm được. Đi một quãng, tôi gặp một trại lính. Ký ức tôi bừng dậy. Trại lính Bảo Chính Đoàn rồi Đệ Tam Quân Khu ngày xưa đây. Những buổi sáng đi học, tôi thường gặp ban quân nhạc từ cổng trại này ra đường đi tập. Cả trăm người hàng ngũ nghiêm chỉnh, kèn trống rền trời mà lũ chúng tôi chỉ hứng thú đi theo hai hàng cuối, nơi có những chiếc kèn đồng bóng loáng to lớn che kín mít ông lính thổi kèn. Những tiếng ùm up phát ra từ những chiếc kèn ngoại khổ giữ nhịp cho ban nhạc làm thích chí đám con nít chúng tôi. Mộng ước của chúng tôi lúc đó giản dị lắm: lớn lên đi lính thổi kèn to. Thổi như thế mới là thổi chứ!

Ngôi trường Nguyễn Trãi xưa nay vẫn là trường học. Nhưng bên kia đường, rạp chiếu bóng Majestic nay đã được xây lại mang tên Rạp Tháng 8 đang chiếu phim The Quiet American. Tôi đứng lặng nhìn qua. Lũ nhóc chúng tôi ngày xưa lăng xăng chạy đi kiếm cho được những tờ chương trình phim đang chiếu để bỏ vào bộ sưu tập. Xin ở quầy bán vé, ai mà cho. Phải len lỏi xin những khán giả đã đọc xong lơ là cuộn tròn trên tay hay lượm những tờ người ta vứt dưới đất. Tôi nhớ tới Trần, với cái trán to qua khổ mà chúng tôi thường gọi xách mé là quái thai, người có trí nhớ tuyệt vời. Chỉ đọc qua truyện phim trên tờ chương trình một lần là Trần có thể gấp lại, đọc thuộc lòng vanh vách không sai một chữ.

Bảng tên đường trên ngã tư kế tiếp làm tôi thở phào. Rõ ràng chữ Phố Huế. Con đường cắt ngang: Phố Hàm Long. Gần tới nhà tôi rồi. Hiệu sách Bình Minh thân quen, nhỏ xíu ngày xưa với bà bán sách đẹp kiêu sa, hình như là bà Hồ Dzếnh, nay chói chang ánh đèn của một tiệm bán kính đeo mắt thời trang. Hiệu kem Cẩm Bình kế đó đã mất dấu. Những que kem còn thở khói rút từ những chiếc khuôn lạnh ngắt ra còn làm nước miếng tôi kéo kín miệng. Kem đậu xanh đã ngon mà kem xúc cù là cũng tuyệt diệu không kém!

Chân tôi như có động cơ. Càng gần tới nhà, đôi chân càng cuống quít. Chợ Hôm bên kia đường không gợi được một nét quen thuộc nào ngôi chợ Hôm của tôi. Đâu còn chiếc hàng rào chợ cũ rích, đâu còn những gánh hàng lê lết trên vỉa hè trước chợ, đâu còn những chú bé len lỏi chào mời mua thơ Nguyễn Bính, đâu còn những đôi chân khẳng khiu thoăn thoắt di chuyển của những em nhỏ bán báo Cậu Ấm Cô Chiêu, Khỏe hay những tập truyện kiếm hiệp 16 trang ra hàng ngày.

Ngã tư Trần Xuân Soạn. Mắt tôi như mờ đi. Tôi đang đứng trước rạp chiếu bóng chuyên chiếu phim Tàu. Tên rạp là gì nhỉ? Trí nhớ tôi lại loạng quạng. Chỉ nhớ được là tôi đã từng xốn xang đếm từng ngày rạp sẽ khai trương với phim Hỏa Thiêu Hồng Liên Tự có cảnh các hiệp sĩ đằng vân. Mây trôi, gió cuốn ào ào, áo quần các hiệp sĩ bay phất phới mà ông quay phim lại lỡ tay quay xuống quá thấp làm khán giả thấy cả bức tường mà các hiệp sĩ đang đứng vững vàng trong khi đằng vân! Rạp nay đã thành tiệm bán áo cưới rộng mênh mông. Các hiệp sĩ ngày nhỏ của tôi nay đã di tản đi đâu?

Tôi như người mộng du rẽ trái theo đường Trần Xuân Soạn. Xe cộ tấp nập, vỉa hè kín mít người. Tôi chong mắt nhìn về phía trước. Nhà tôi đó, nằm ngay góc ngã ba Phùng Khắc Khoan. Chân tôi như muốn vấp ngã. Tôi đã quá gần nơi chốn ấu thơ vẫn đậm nét trong trí tôi những ngày xa Hà Nội. Tôi len lỏi giữa dòng người lên xuống tấp nập. Mắt tôi choáng lên với những cửa hàng vải. San sát nhau toàn cửa hàng vải. Vườn trước nhà tôi nay cũng đã rào dậu thành hai cửa hàng vải. Tôi đứng lặng trên ngã ba đường. Cả con đường Phùng Khắc Khoan nay là chợ vải. Vải tràn lan trên hai lề đường. Tôi nhớ lại hai bên vỉa hè đất ngày xưa vắng lặng, nơi chúng tôi mải mê suốt ngày bắn bi, đánh đáo, đánh khăng, chơi quay... Đất thánh của tuổi thơ tôi. Mắt tôi hoa lên vì tức. Người ta đã ăn cắp vỉa hè của tôi. Tôi ngậm ngùi trước nhà cũ. Ngót nửa thế kỷ lưu lạc, tôi mới trở về. Tôi có phải khóc không nhỉ? Mắt tôi khô đi vì xúc động. Tôi đứng lặng người. Hình ảnh những ngày cũ quay mòng trong chiếc đầu đã hai thứ tóc, những sợi tóc bạc mầu nhung nhớ nằm lấn lướt những sợi tóc ngày xanh.

Thấy cánh cửa bên hông nhà để ngỏ, tôi bước vào. Ba cửa phòng cũng ba chiếc khóa to bè bè. Chiếc cầu thang lên lầu nhớp nháp. Những lớp đất lưu cữu bám chặt vào từng bậc thang mà mầu xanh đá mài còn bóng loáng trong tôi. Tôi bước lên thang không dám vịn vào tay cầm. Khoảng tiền sảnh rộng rãi trên lầu dẫn vào cửa ba căn phòng khác cũng nhớp nhúa. Những viên gạch

bông nhiều mầu sắc nay chỉ còn một mầu xỉn ảm đạm. Lại ba chiếc khóa nằm lủng lẳng trên ba cửa phòng. Tôi theo hành lang cạnh cầu thang xuống nhà sau. Sân chơi trên nóc nhà để xe đã được xây kín mít thành một căn phòng khác. Tôi lặng người, nhìn lên, nhìn xuống. Đứng mãi cũng chẳng thấy bóng người. Chẳng có ai để tôi hỏi han. Đứng chán, tôi quay ra cửa. Nhà để xe ngày xưa nay cũng là một tiệm vải. Tôi hỏi thăm mới biết nhà nay có tới mười hộ chia nhau ở, mỗi hộ một phòng. Cửa nẻo, cầu thang, hành lang nay là chốn công cộng chẳng ai ngó ngàng tới. Ông chủ tiệm vải vui tính, biết tôi ngày xưa ở đây, đã dẫn tôi vào góc nhà, nơi đặt đồng hồ điện, bảo tôi nhìn kỹ đi. Tấm bìa ghi số điện tiêu thụ treo bên cạnh đồng hồ vẫn còn mang tên ba tôi. Ông cười trước bộ mặt ngẩn ngơ của tôi. Đồng hồ nước cũng vẫn còn để tên ông cụ đấy!

Ra trước nhà, tôi bâng khuâng ngó quanh, lòng rối bời. Có thực tôi đang dẫm lên những thước đất của thằng bé ham chơi nhếch nhác ngày xưa vẫn chạy nhẩy không? Chiếc điện thoại trong túi lại lồng lộn như cá quẫy.

"Em, Phương đây anh. Anh đang ở đâu vậy?"

"Anh đang đứng trước nhà cũ."

"Chết cha! Em phôn anh có được không? Sợ anh đang bận cảm động!"

Tiếng cười bong bong trong tai tôi. Phương có tiếng cười xổng xểnh. Chữ "xổng xểnh" tôi mới nghe được ở Hà Nội, chẳng biết dùng có đúng chỗ không. Tôi thích chữ này vì âm thanh tượng hình của nó. Nghe như lơi lỏng, buông rơi. Chờ cho Phương dứt tiếng cười, tôi mới nói.

"Này, cô bé, không ai có quyền cười trên sự cảm động của người khác đấy nhé!"

"Mà em lỡ cười rồi, thu lại làm sao được. Em đến đón anh nhé?"

"Ừ. Em đến đi. Anh chờ em trước cửa nhà."

"Anh vẫn còn đang cảm động phải không? Nhà anh chứ có phải nhà em đâu mà em biết. Nhà anh ở đâu mới được chứ?"

Tôi ngớ ra, cười trừ.

"Em tinh quái quá đi! Nhà anh ở góc đường Trần Xuân Soạn và Phùng Khắc Khoan. Em tới cứ vạch vải ra là thấy anh."

"Sao lại vạch vải? Thế anh nai nịt kỹ càng lắm à?"

"Không, chung quanh anh toàn tiệm bán vải. Anh đang đứng trên lề đường chen vai thích cánh với vải đây này."

"Ồ, chỗ chợ vải! Em biết chỗ đó rồi. Con gái mà anh! Vậy mà từ sáng tới giờ em cứ sợ anh đi lạc, hao mất mấy cân thịt rồi đó!"

"Ối dào! Em cũng biết điêu ra phết đấy nhỉ!"

"Ối giời ơi! Ai ngờ anh nói được đúng tiếng Hà Nội như thế! Anh ơi, còn sớm, em tới đón anh rồi mình đi thăm Lăng bác anh nhé."

Lần này là lần thứ ba, Phương dục tôi đi thăm Lăng. Lần đầu, khi Phương chở tôi đi ngang qua. Đang từ phố cổ chật chội, đi ngang Lăng thấy nghênh ngang chiếm nhiều chỗ quá. Lần thứ hai, khi tôi mua tượng Chùa Một Cột bằng đá trong khu bán đồ kỷ niệm nơi Đền Ngọc Sơn, cầm tượng Chùa trên tay, tôi chợt muốn đi thăm Chùa. Phương vội bảo muốn đi thăm Chùa phải vào qua Lăng. Tôi lơ đi. Tôi nhìn thẳng vào mắt Phương. Làm sao có thể nói cho em hiểu là con người không thể nên thánh bằng cách mạnh bạo đẩm mình theo con đường trần tục, rất trần tục.

"Thôi, để khi khác. Anh muốn đi tìm vài người bạn cũ ở quanh đây."

Tiếng Phương lỏng le.

"Vậy cũng được. Tùy anh."

Phương tới khi tôi vẫn còn nghểnh cổ nhìn vào ngôi nhà cũ. Chắc đã lâu, tòa nhà không biết mùi vôi vữa gì. Hai tấm hoa văn trắng chạy dọc từ trên xuống lấy gió và ánh sáng cho cầu thang nay đen đủi thảm hại. Chấn song sắt trên các cửa sổ nhìn ra đường vẫn là chấn song xưa nay đã bị thời gian gậm nhấm lồi lõm. Những cánh cửa vênh váo, sứt mẻ, tróc sơn không biết có còn đóng kín lại được không?

Phương đứng bên tôi, ngắm tòa nhà, giọng e dè.

"Nhà anh đấy hả?"

Tôi gật đầu không nói gì. Phương dựa tay lên vai tôi, ghé sát tai nói nhỏ.

"Anh là con địa chủ!"

Tôi quay phắt người lại. Phương buông tay khỏi vai tôi, đứng sững. Tôi nhìn chằm chặp vào mặt Phương. Khi chiến tranh kết thúc, Phương còn chưa tượng hình trong bụng mẹ. Em học ở đâu được cái danh từ tưởng đã phải bị chôn vùi với thời gian từ lâu rồi. Mắt tôi chắc lạ lắm. Tôi thấy vẻ sửng sốt trên mặt Phương. Khắp người tôi ớn lạnh trước giọng nói nhởn nhơ của em. Mặt Phương bỗng giãn ra. Miệng em nhếch lên bày ra một nụ cười bằng hai hàm răng muốt mát. Cũng may! Phương có nụ cười hiền, thật hiền.

2/200

LÁ SỐ TỬ VI

PHẠM THÀNH CHÂU

Bạn tin có số mạng không? Người tin thì bảo "Giày dép còn có số, huống gì con người." Người không tin, quạt lại "Mấy thầy tướng số có biết được tương lai bản thân mấy thầy không? Hay chỉ nói phét kiếm tiền?" Người tin với người không tin, cãi nhau, có bao giờ ai chịu thua ai! Nay tôi xin kể, một chuyện về chính bản thân tôi, để nhờ bạn phán xét, rằng con người có số phận hay không?

Ông nội tôi là người cựu trào. Sách chữ nho ông để đầy một tủ. Ông là người nghiện sách nên suốt ngày cầm quyển sách trên tay. Khi về hưu, ông tôi làm thầy thuốc nam, thuốc bắc kiêm cố vấn cho bà con chòm xóm trong các vụ quan hôn tang tế. Ai bịnh hoạn đến mời ông tôi bắt mạch, hốt thuốc, người nào có ý xây dựng gia đình cho con cháu cũng đến nhờ ông tôi xem tuổi có hạp không, hậu vận có khá không? Hoặc có người thân vừa qua đời cũng đến thỉnh ý về ngày giờ động quan, xem hướng mồ mả. Ngay cả khi sinh con, họ cũng đến nhờ ông tôi một lá số để biết tương lai đứa bé ra sao? Dĩ nhiên con cháu trong nhà, ông tôi đều chấm cho mỗi người một lá số, hễ người nào gặp một biến cố gì lớn trong đời, ông tôi lại đem lá số đó ra chứng minh. Ngay cả chuyện bố tôi mất tích, ông tôi cũng đã phân tích sẵn trong lá số của bố tôi nhưng không nói ra trước mà thôi. Bố tôi là con út của ông tôi, tôi lại là con út của bố tôi, là đứa cháu trai nhỏ nhất trong gia đình nên trong nhà, tôi được coi như ông hoàng con, muốn gì được nấy. Thời Pháp thuộc, bố tôi làm "Jeunesse," là làm việc làng nhàng gì đó ở ty thanh niên, thể thao của thị xã. Đến thời kháng chiến chống Pháp, bố tôi theo kháng chiến và mất tích. Khi kháng chiến bùng nổ thì mọi người phải tiêu thổ và tản cư về vùng nông thôn, ít lâu sau hồi cư về lại thành phố. Đó là một thị trấn miền biển, cách Nha Trang không xa lắm. Khi lên trung học, tôi ra Nha Trang học đệ Nhị và đệ Nhất trường Võ Tánh, vì thị trấn tôi ở không có trường trung học đệ nhị cấp.

Trở lại cái lá số của tôi, ông tôi chấm rất kỹ, nhưng hình như có điều gì khác lạ nên thỉnh thoảng ông lại đem ra chiêm nghiệm, rồi giở sách ra nghiên cứu với vẻ trầm ngâm, suy tư lung lắm. Hễ nghe ai có tài chấm tử vi thì ông tôi lại đem lá số của tôi, tìm đến, nhờ xem giùm, rồi hai người lại bàn cãi, lý luận rất sôi nổi nhưng rốt cuộc cũng chịu thua, không biết có trục trặc ở chỗ nào mà tìm không ra?! Sở dĩ tôi biết được như thế là vì mỗi lần có bạn bè đến, khi bàn chuyện sách vở đông tây, kim cổ, ông tôi thường đem lá số của tôi ra làm đề tài về sự huyền bí của văn minh cổ của người Tàu. Tôi vốn không tin ở số mạng nên chẳng bận tâm. Đến năm tôi lên trung học thì ông tôi đã trên tám mươi, tuy là người tri thiên mệnh, nhưng ông tôi vẫn bồn chồn, ưu tư cho thằng cháu út, nên một hôm, ông gọi riêng tôi và bảo "Ông đã chấm cho con một lá số, theo như lá số, sau nầy, con có thể làm đến nhất phẩm triều đình, xưa gọi là tể tướng, tướng quốc, nay thì tệ ra cũng làm thủ tướng chính phủ, nhưng ông vẫn thấy có sự bất thường nào đó trong lá số?!" Tôi đáp cho vui lòng ông tôi "Không thủ tướng thì bộ trưởng cũng được, ông đừng lo cho con." Ông tôi cười "Người ta nói, số phận an bài, đâu có kèo nài, thêm bớt được." Tôi hỏi "Như vậy tương lai của con ra sao?" Ông tôi trầm ngâm "Cái số của con thì luôn luôn được may mắn, đi thi là phải đậu, có dịp là làm lớn ngay, không phải leo lên từng cấp bậc một. Giống như thời Chiến Quốc bên Tàu, mấy ông nho sĩ, từ cùng đinh nhảy lên tướng quốc vậy. Nhưng lá số của con có điểm mờ ảo nào đó mà ông vẫn chưa tìm ra. Dù sao thì cổ

nhân có dạy "Đức năng thắng số" sau nầy, con nên nhớ, phải cố mà giữ cho vững cái đạo của người quân tử..." Tôi tò mò "Con thấy, chỉ cần học giỏi là làm lớn. Phải không ông?" Ông tôi lại cười "Người xưa nói rằng 'Nhất mệnh, nhì vận, tam âm công, tứ phong thổ, ngũ độc thư'...Ý là số phận con người còn phụ thuộc rất nhiều vào mồ mả và phước đức ông bà, tổ tiên để lại, chứ còn chuyện học hành, cố cho lắm mà không gặp thời vận thì cũng chỉ là tên cuồng nho, mọt sách mà thôi. Xưa nay có biết bao người dốt mà làm nên sự nghiệp." Chuyện dốt mà làm lớn, sau nầy tôi mới thấy, nhưng lúc đó tôi không tin, nhưng tôi vẫn hỏi để tỏ vẻ chú ý lời ông tôi dạy bảo "Vậy nhà mình có âm công phong thổ gì không ông?" Ông tôi có vẻ hào hứng lắm "Về mục âm công, phong thổ thì ông đang tiến hành đây. Ông đã tìm được một cuộc đất rất tốt. Ông đã xây sẵn một sinh phần (huyệt mộ), hễ ông nhắm mắt thì đem quan tài đến đó, bỏ xuống, lấp đất lại là xong, và cứ thế mà chờ cho đến khi mộ ông kết phát..." Mấy hôm sau, ông tôi dẫn tôi đi xem cuộc đất, là nơi ông sẽ yên giấc ngàn thu. Huyệt mộ nằm trên một sườn đồi, hướng ra biển. Ông tôi rất vui khi giải thích cho thằng cháu nội sáng giá của ông nghe nào long chầu, hổ phục ra sao, đặc biệt, huyệt mộ nằm ngay hàm của con rồng, chỉ chờ bão tố hoặc sóng thần, nước tràn lên, đất sẽ sụp lở, đổ ụp lên mộ, vậy là coi như con rồng đã ngậm miệng lại, lúc đó, con cháu mặc sức mà phát vương, phát tướng. Tôi làm như chăm chú và thích thú lắm để ông tôi vui lòng chứ sự tin tưởng chẳng có bao nhiêu.

Từ nhỏ đến lớn, việc dạy dỗ, học hành của anh chị em tôi trong nhà đều do ông tôi lo. Mẹ tôi phải buôn bán, làm ăn, không có thì giờ, vả lại bà rất thương yêu, chìu chuộng chúng tôi, chẳng nặng lời bao giờ nên khi ông tôi mất thì tôi như ngựa không cương, mặc sức lêu lổng, chẳng ai quản lý được cả. Đi học về là vất sách vở, nhào ra sân đá banh, đá banh chán, xuống sông tắm. Buổi tối, ăn xong là xách cây đàn guita đến nhà mấy đứa bạn hát hò, rên rỉ, nỉ non mấy bài hát mà Duy Khánh, Chế Linh thường hát. Đến khi đi thi tú tài một thì trong bụng tôi không có một chữ để làm "hành trang ứng thí." Sách vở, từ đầu niên học cho đến cuối năm, bài nào tôi cũng thấy mới tinh! Con người khi gặp khó khăn, không biết giải quyết cách nào mới nghĩ đến những đấng vô hình, năn nỉ cầu xin quí vị đó cứu giúp. Tôi tuy không tin những chuyện mơ hồ, nhưng sẵn có lá số tử vi mà ông tôi chấm cho nên tôi giao trách nhiệm thi cử cho ông tôi đảm trách, dù ông tôi không còn trên cõi đời nầy nữa. Tôi vẫn tiếp tục lười biếng, tiếp tục ca hát một cách vô tư như con "Ve sầu kêu ve ve, suốt mùa hè..." trong thơ ngụ ngôn của ông La Fontaine. Nhưng đến nhà bạn bè thì đứa nào cũng bận học thi và cha mẹ chúng thường đuổi khéo tôi, nên tôi về nhà hát một mình, đi cà lơ thất thểu ngoài đường phố, đến khuya, về nhà lăn ra ngủ...Thực tâm, tôi cũng muốn học như bạn bè, nhưng bài nhiều quá, học sao cho xuể? Thế là tôi đem tất cả sách vở, tài liệu để lên bàn thờ ông nội tôi, thắp nhang rồi quì xuống, long trọng khấn vái "Ông nội chỉ cho con bài nào sẽ ra trong đề thi, con không có thì giờ học hết." Khi ngẩng lên, nhìn ảnh ông tôi, quả nhiên tôi thấy hình như ông tôi mỉm cười, vậy là tôi yên tâm. Mỗi môn học, tôi lấy quyển sách hay quyển vở, vái ông tôi mấy vái và giở ra, độ năm bài, theo kiểu tình cờ và tôi chỉ học có năm bài đó thôi. Môn học nào tôi cũng làm như thế. Vậy mà đi thi, tôi trúng tủ, đậu bình thứ. Bạn bè thán phục. Chúng biết tôi đã dốt lại lười, mà đậu bình thứ, trong khi có nhiều đứa thức khuya dậy sớm, học ngày, học đêm, mặt mũi xanh lè vì mất ngủ mà vẫn rớt!? Chúng thắc mắc, tôi phét lác "Sang năm, tú tài hai, tao sẽ đậu tối ưu cho tụi bây coi." Năm sau, thi tú tài hai, tôi vẫn mừng đó mà làm. Tôi tin ở lá số tử vi của ông tôi đã chấm cho tôi – thi đâu đậu đó - và tin nhất là ông tôi vẫn ở bên tôi, phù hộ tôi, dù tôi không thấy được ông. Thi tú tài hai gồm hai đợt, đậu thi viết mới vào thi vấn đáp. Thi viết thì tôi vẫn trúng tủ, nhưng thi vấn đáp, môn vạn vật, tôi bị kẹt. Số là, khi vào vấn đáp, giám khảo thường để sẵn một số câu hỏi trong hộp nhỏ, thí sinh bốc trúng câu nào trả lời câu đó. Ông giám khảo môn vạn vật nầy nghe nói khó tính lắm. Lạng quạng là ông ta đuổi ra và nói "Anh về học lại, sang năm đi thi. Tôi cho anh không điểm." Buổi sáng đó, tôi để cho mấy đứa vào thi trước. Đứa nào thi xong, bước ra, mặt cũng méo xẹo, khiến tôi mất tinh thần, bụng đánh lô tô, miệng cứ lẩm bẩm kêu cứu ông nội tôi phù hộ, độ trì. Tôi giở mấy bài tủ ra coi lại, kiểu nhứt chín nhì bù. Đến khi không còn đứa nào nữa tôi mới rón rén bước vào. Ông giám khảo nầy trẻ nhưng coi bộ hắc ám. Mặt hầm hầm như sắp bợp tai thằng thí sinh ngồi đối diện. Tôi trình thẻ học sinh, ông không thèm nhìn, chỉ tay vào cái hộp nhỏ đựng câu hỏi. Tôi thò tay bốc một câu, mở ra thấy "Tại sao ban đêm, không nên ngủ dưới tàng

cây?" Tôi trình câu hỏi cho ông ta. Ông ta bảo "Nói đi!" Tôi lặng người! Câu hỏi, tôi nghĩ, không có trong sách vạn vật chứ đừng nói trong những bài tủ của tôi. Trong đầu tôi, hoàn toàn không có một chút ý niệm về chuyện đó, nó sạch bóc như tờ giấy trắng. Tôi biết rõ là vong linh ông nội tôi đang ngồi bên cạnh, nhưng chắc chắn ông tôi cũng lắc đầu, thở dài vì vô phương! Thấy tôi cứ ngồi đực ra, ông giám khảo lại nhắc "Nói đi!" Tôi khiếp quá, tự nghĩ nên nói một câu gì đó cho không khí bớt căng thẳng, chứ hột vịt thì chắc chắn tôi đã có sẵn rồi. Bỗng nhiên tôi liên hệ bản thân và nói "Thưa thầy, ban đêm không nên ngủ dưới tàng cây, vì khi ngủ dậy người uể oải, khó chịu!" Ông ta ngẩn lên nhìn tôi "Sao anh biết?" Tôi phấn khởi "Thưa thầy, buổi tối, em thường đem ghế bố ra sân ngủ, dưới mấy cây vú sữa, sáng dậy, thấy hơi mệt mỏi trong người" Ông ta lại nhìn tôi, mặt lạnh tanh "Đây là khoa học thực nghiệm chứ không phải khoa học huyền bí. Anh phải chứng minh bằng công thức đàng hoàng. Anh biết khí ốc xi không? Anh biết cạt bô níc là gì không? Viết công thức ra xem?" Tôi gãi đầu, ốc xi thì tôi viết được, cả đến khí cạt bô níc tôi cũng viết được nữa, nhưng công thức viết thế nào? Thấy đã mớm ý cho mà tôi vẫn ngồi ngẩn ngơ như người thất tình, ông giám khảo mở to mắt, ngạc nhiên, có lẽ nghĩ rằng ông đang gặp phải người ngoài hành tinh, gì cũng không biết! Ông cầm thẻ học sinh của tôi lên, đó là cách đuổi lịch sự. Bỗng nhiên ông nhìn vào thẻ học sinh và hỏi "Anh học vạn vật với thầy nào?" "Thưa thầy, em học với thầy Đồng Đen." Nói xong tôi mới biết mình hớ, biệt danh của các thầy cô là chỉ bọn học trò dùng với nhau để phân biệt thầy cô nầy với thầy cô khác, đây lại đem ra nói với ông giám khảo của mình, đúng là tội phạm húy! Ông giám khảo trao tôi thẻ học sinh và bảo "Gặp thầy Đồng thì thưa với thầy là thầy Bình gửi lời thăm. Tôi cho anh bảy điểm. Còn người nào ngoài kia thì bảo họ vào ngay. Gần hết giờ rồi!" Tôi thưa "Thưa thầy, em là người chót" Ông giám khảo nhìn lại danh sách và gật đầu. Tôi cúi chào ông ta và đi thụt lùi ra khỏi phòng. Bạn thử tưởng tượng xem, tôi như một người đang bị đày xuống hỏa ngục, đời đời bị lửa đốt, đau đớn mà không thể chết được, rồi thình lình có ông Phật, ông Thánh nào đó cứu ra khỏi hỏa ngục, còn cho lên thiên đường ở nữa. Trước đó, chỉ năm phút thôi, tôi thấy ông giám khảo sao ác ôn quá, ngay sau đó lại thấy ông ta hiền từ như ông Phật! Sướng sao đâu! Tôi sướng đến độ cứ tưởng mình đang bay lơ lửng, tưởng như mình nằm mơ. Năm đó tôi đậu tú tài hai, mà đậu vớt mới đã! Đúng như ông tôi nói "Thi đâu đậu đó!"

Cũng chưa hên bằng kỳ thi vào trường Hành Chánh của tôi sau nầy. Tôi vào Sài Gòn học Luật và học cả Văn Khoa nữa. Sau thấy trường Hành Chánh tuyển sinh viên ban Đốc Sự, tôi cũng nộp đơn, nghĩ rằng sau nầy mình làm lớn (?!), phải thông thạo luật lệ và rành về hành chánh. Muốn thi vào trường nầy, tối thiểu phải biết luật Hiến Pháp. Bài bình luận chính trị có đủ điểm, trường mới chấm đến các môn thi khác. Vì tin tưởng ở lá số tử vi của mình nên tôi chả thèm để ý đến chuyện bài vở. Một buổi tối, đi coi xi nê về, tiện tay, tôi mua tờ báo Chính Luận, về nằm đọc chờ giấc ngủ. Khi giở trang trong, tôi thấy bài Hành Pháp của giáo sư Nguyễn Văn Bông. Không biết xui khiến sao, tôi lại học thuộc bài báo nầy, thuộc từ dàn bài đến từng chữ một. Quả nhiên, mấy hôm sau đi thi, tôi lại trúng tủ, tuy đề thi có hơi khác. Bạn nào học khóa 14 ban Đốc Sự, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh ắt còn nhớ rõ đề thi đó. Mà bạn biết thi vào trường Hành Chánh khó cỡ nào không? Năm tôi thi tổng số hơn sáu nghìn sĩ tử, chen nhau một trăm chỗ ngồi, trong một trăm chỗ đó lại ưu tiên lấy mười sinh viên sắc tộc, mười sinh viên nữ, còn lại chỉ có tám mươi chỗ. Nếu tính tỉ lệ thì còn khó hơn thi tiến sĩ thời xưa nữa. Hên cỡ đó bảo sao tôi không tin tưởng vào lá số tử vi của mình được?

Sau bốn năm đèn sách, tôi ra trường, nhưng học dốt quá nên đội sổ (đứng chót). Khi chọn nhiệm sở, mấy đứa học giỏi chọn trước, còn lại mấy tỉnh khỉ ho cò gáy ở miền giới tuyến và trên cao nguyên cho mấy thằng cầm đèn đỏ, cỡ như tôi. Tôi về địa phương lãnh một chức phó quận ở một quận miền núi. Ngồi trong quận đường nhìn ra chỉ thấy đồng bào Thượng, nhìn xa hơn nữa là núi cao rừng rậm, thỉnh thoảng nghe vọng về tiếng máy bay, tiếng bom đạn...Vì tin tưởng ở lá số tử vi của mình nên tôi không bao giờ buồn chán. Tôi rất cẩn thận trong cuộc sống cũng như trong công vụ. Tôi đóng đúng vai một ông quan thanh liêm, luôn thương yêu, giúp đỡ đồng bào trong quận. Nói "ông quan thanh liêm" cho oai chứ chức phó quận đâu có quyền hành gì, hơn nữa bọn trẻ chúng tôi đều có lý tưởng, chỉ nghĩ đến hai tiếng tham nhũng đã xấu hổ với mọi người rồi. Tôi còn nghiêm khắc với chính mình. Tôi không bao giờ nhìn đàn bà, con gái dù các cô gái thượng đã đẹp

lại để ngực trần, căng cứng, nhởn nhơ đi trước mặt. Tôi cũng không rượu chè, cờ bạc bao giờ. Chẳng phải tôi thánh thiện gì, nhưng nghĩ đến tương lai sáng lạn (!?) tôi chả dại mà để cho bọn đối lập sau nầy mang đời tư của tôi ra mà bêu riếu.

Thời gian trôi qua, tôi bắt đầu sốt ruột, không hiểu phải bao lâu nữa tôi mới ngồi vào cái ghế tể tướng (thủ tướng)? Nếu cứ làm việc ở nơi hẻo lánh nầy mãi, thiên hạ làm sao biết tôi mà mời

HỒNG KHẮC KIM MAI

TIỂU THUYẾT

Hằng ngày tôi vẫn bày hàng ra và dọn vào
Như trâu đi cày buổi sáng hừng đông
Tối lê thân già vô chuồng đánh giấc
Tưởng như ngủ
Nhưng chắc gì trâu đã ngủ?

Tôi không sống trong công việc hằng ngày
Với đám khách hàng khó tính
Với sổ sách lời lỗ
Này danh sách liệt kê chi thu
Này thuế má điên đầu
Bao nhiêu thứ phân tâm sầu não
Ban ngày
Con người máy
Làm làm làm theo mệnh lệnh áo cơm
Rất đúng chỉ tiêu

Thú vị nhất khi đắp chăn tận cổ
Nhắm mắt quên hết muộn phiền
Sống riêng cho mình

Ở đó có con tàu mùa xuân bồng bềnh trên sóng nước
Tiếng đàn nỉ non lời ru êm mật rót
Rất khẽ
Ai nói câu yêu thương vời vợi tình xưa
Gió hiu hiu hay nắng rám da
Hây hây đôi má đỏ
Lâng lâng con nước dâng

Ở đó có chim bằng vỗ cánh bay
Nền trời cao mùa hạ nóng trần gian
Em xõa tóc bay theo cùng mây
Biển cát ông ánh bóng trăng say và bóng em ngây
Dãi hờn mùa ghen
Xanh lơ vũng nhớ
Gọi từ chốn rất mơ hồ rất ư xa
Tên anh bằng những nét hoa
Phấn tiên
Mù sa
Bàn tay nạm ngọc
Đôi môi cong mời mọc một chiếc hôn

Hãy cùng em đi vào Thái Bình Dương
Đào sâu con đường thủy cung
Rong rêu vương miện
Hải sa lóng lánh tình ca
Những đại khúc vô tiền khoáng hậu
Tài hoa cự phách Mozart
Lả lướt đường tơ Debussy
Rưng rưng Chopin
Sướt mướt chàng Beethoven
Dương cầm em rơi từng giọt mộng
Ướt gối san hô

Hãy cùng em nương bóng phù điêu
Nở cánh dù muôn thuở
Cây đổi lá như trăn thay da
Và em
Trẻ hoài trẻ mãi như cây như trăn
Cùng anh mây mưa đêm tuyệt tối tháng mười
Vũ bão tình si
Vân vân và vân vân

Từng đêm
Tôi ngu si sống nhiều vai trong tiểu thuyết
Và mỗi bài thơ
Dù ngắn
Là một trường thiên tiểu thuyết

tôi ra chấp chính?! Rồi thì tôi được lệnh đi học lớp sĩ quan Thủ Đức. Tôi rất hài lòng khi nghĩ rằng, khi tốt nghiệp sĩ quan quân đội, tôi là người "văn võ toàn tài," sẽ không mặc cảm khi (làm lớn) phải chỉ huy mấy ông tướng lãnh. Mãn khóa sĩ quan, tôi được trả về nhiệm sở cũ. Tỉnh điều tôi về làm trưởng ty công vụ tòa hành chánh tỉnh, là ty chuyên việc quản lý hồ sơ, điều động cán bộ, nhân viên trong tỉnh. Tôi nghĩ bộ máy huyền bí của định mệnh bắt đầu chuyển động và con đường công đanh, sự nghiệp của tôi đã mở ra một cách thênh thang đây rồi. Không ngờ ngồi chưa nóng đít ở cái ghế trưởng ty thì xảy ra vụ sập tiệm năm bảy lăm, tôi chạy thẳng một mạch vô tới Sài Gòn rồi chui vô cái rọ tù cải tạo của việt cộng.

Khi có thông cáo tập trung cải tạo, ủy ban quân quản Sài Gòn ghi rõ là đem một tháng tiền ăn. Ai cũng tưởng học tập một tháng rồi về nên hăng hái xin đi học tập, chen nhau vô cổng (tù) đến độ bộ đội phải bắn súng để giữ trật tự. Đến chiều hết giờ, nhiều người ở ngoài cổng, chưa vào kịp, phải trải chiếu nằm ngủ, chờ sáng mai được vô tù sớm! Nơi trình diện học tập, cải tạo là các trường học Gia Long, Trưng Vương, Don Bosco (?)...Ai cũng tưởng sẽ học ở đó, không ngờ mấy hôm sau, lúc nửa khuya, bộ đội dựng đầu dậy, lùa ra xe tải, chở đi. Xe nào cũng có bộ đội, sát khí đằng đằng, súng lăm lăm chỉa vào mấy cậu ngụy, khiến mấy cậu chới với. Xe tụi tôi được đưa lên làng cô nhi Long Thành, có tên mới là trại cải tạo 15 NV. Trước đây, làng cô nhi nầy nuôi bọn trẻ mồ côi, khi tụi tôi lên thì bọn trẻ biến đâu mất cả, có lẽ đã cho tan hàng. Trại gồm hai dãy nhà dài, mỗi dãy có sáu căn, giống như sáu dãy trường học. Bọn tù được nhốt mỗi dãy khoảng trên ba trăm tù. Lúc đông nhất, cả trại có trên bốn nghìn tù. Giai đoạn đầu, tù được thong thả, ăn xong thì làm bản tự khai, nghĩa là khai gia phả ba đời, khai làm chức vụ gì cho Mỹ, Ngụy, đã phạm tội ác gì với cách mạng và nhân dân... Khai xong nộp cho đội trưởng, đội trưởng (cũng là tù) nộp cho nhà trưởng, nhà trưởng (cũng là tù) nộp cho cán bộ quản giáo phụ trách. Ngoài việc tự khai còn lên hội trường nghe cán bộ chửi Mỹ, Ngụy rồi về làm thu hoạch, nghĩa là tù cải tạo cũng chửi Mỹ, Ngụy, càng giống cán bộ càng tốt. Buổi tối thì học hát, những bài hát cách mạng, cũng chửi Mỹ, Ngụy... Mấy cậu ngụy ngồi hát say sưa, tưởng như bọn Mỹ, Ngụy nào đâu chứ không phải mình! Hát bài "Chiếc Gậy Trường Sơn," bài "Bác đang cùng chúng cháu hành quân" cũng hả họng hát một cách vô tư, cũng căm thù, cũng tình cảm lai láng như mình là bộ đội, cán bộ việt cộng vừa chiếm được miền Nam và đang làm thịt quân dân cán chính miền Nam để trả thù... Mấy tên tù nầy đóng kịch, ra điều ta đây giác ngộ cách mạng để đánh lừa cán bộ coi tù, vì biết ngoài cửa nhà tù làm gì cũng có cán bộ rình. Đúng y bon, một lần bọn tù chúng tôi hát bài "Giải phóng miền Nam," đến câu "Vùng lên, nhân dân miền Nam anh hùng..." thì cán bộ Hai Sự, phụ trách dãy A, thình lình xuất hiện ngoài cửa, nạt vào "Dẹp, không được hát bài ấy nữa. Miền Bắc không anh hùng sao? Cấm hát. Ai hát bài ấy, tôi cùm đầu!"

Vào nhà tù, tôi chưng hửng! Tể tướng, thủ tướng đâu chẳng thấy mà làm thằng tù không biết ngày nào ra? Khổ nổi, cán bộ cộng sản lại bảo "Ty Công Vụ" là công an, mật vụ, kết tội nặng, đày ra Bắc cho chóng chết.

Tháng đầu tiên trong trại cải tạo 15 NV được coi là thời sướng nhất trong đời thằng tù cộng sản. Ăn uống đã có nhà thầu Chợ Lớn lo, vì đã đóng một tháng tiền ăn. Bữa nào cũng thịt cá ngon miệng, lại sẵn căn tin, cậu nào có lận theo tiền thì mua cà phê, kẹo bánh... Buổi chiều kéo nhau ra bên hông nhà, nấu cà phê, nhâm nhi, tán phét, tự coi như đi nghỉ hè một tháng. Nhiều cậu còn bàn chuyện sau một tháng về nhà sẽ làm gì sinh sống, vì cách mạng vô thì coi như bị thất nghiệp!? Ngây thơ đến thế là cùng! Riêng tôi thì hoàn toàn thất vọng. Cái lá số mà ông tôi đã chấm cho tôi, trước giờ rất đúng, nay bỗng nhiên lại xảy ra chuyện kỳ cục nầy?

Trong trại cải tạo nầy có rất nhiều tay rành tử vi, đẩu số. Những người có học mà nghiên cứu một vấn đề gì, tất phải rộng rãi, sâu sắc lắm. Thế nên, nhân một lúc các tay tổ tử vi họp nhau sau hè, nói chuyện tướng số, tôi mới đem cái lá số của tôi ra và thắc mắc. Ai cũng hỏi tôi có chắc là đúng ngày sinh, tháng đẻ, có đúng giờ chào đời của tôi không? Sau khi xác nhận là đúng y trăm phần trăm, họ bấm tay như mấy thầy bói mù, có người đem tờ giấy ra, vẻ ngang, vẻ dọc... Rồi ai cũng ngớ ra, lá số tôi quả có chuyện lạ! Họ lại xúm nhau bàn tới bàn lui, cãi nhau như mổ bò, cuối cùng một ông hỏi tôi, từ trước đến giờ có đóng kịch, hát bội, cải lương lần nào chưa? Có đóng vai thừa tướng, tướng quốc, thủ tướng lần nào chưa? Tôi quả quyết là chưa. Ông ta bảo, sau nầy tôi nên theo gánh hát và đóng vai thừa tướng thì xuất sắc lắm. Một ông khác, lớn tuổi, hỏi tôi

một cách nghiêm trang "Cậu biết hiện nay cậu làm chức vụ gì trong trại nầy?" Tôi bảo "Tôi làm đội trưởng." "Cậu có biết, dưới tay cậu có những ai không?" Tôi kể tên mấy ông trại viên trong đội tôi...Ông A, ông B, ông C... Ông ta lại hỏi "Mấy ông đó, vì sao vô đây cậu có biết không?" "Thì ông A làm thẩm phán, ông B làm dân biểu, ông C làm giám đốc nha..." Ông bạn tù giải thích "Thủ tướng chỉ làm xếp ngành hành pháp thôi. Đây cậu quản lý cả ba ngành hành pháp, lập pháp, tư pháp, lớn hơn thủ tướng. Vậy là cậu làm tướng quốc, tể tướng đúng với cái lá số của cậu rồi, còn phàn nàn gì nữa!?" Tôi nổi xùng "Các ông đó đâu còn làm quan chức gì?" "Cậu thấy, thông báo tập trung cải tạo từ phó quận đến tổng thống. Họ nhốt chức vụ vào đây chứ có nhốt tên A, tên B nào đâu. Cậu làm đội trưởng, là làm xếp mấy quan chức đó, vậy cậu không phải tướng quốc thì làm gì?" Cả bọn cười vang, nhưng tôi không cười. Cái thằng cha lốc cốc tử nào bên Tàu, ngày xưa, đã chơi cho tôi một cú đau điếng. Hay là con rồng chưa khép miệng để nuốt ông tôi vô bụng cho con cháu phát vương, phát tướng? Lúc đầu tôi nghĩ như thế, cho đến khi bị đày ra Bắc tôi mới hoàn toàn thất vọng. Sau một tháng, đã hết tiền ăn mà tù đã nộp, chúng tôi bắt đầu ăn "cơm" tù để hiểu thế nào là thằng tù cải tạo cộng sản. Từ trại tù Long Thành, chúng tôi lần lượt, mỗi đứa được lãnh một cái bao bố, nghe cán bộ bảo để đựng vật dụng cá nhân, nhưng có mấy đứa lại bảo để có sẵn mà cho thằng tù vô bao bố, thả xuống biển cho mò tôm được nhanh gọn, hoặc khi đày lên núi rừng, nếu có biến động, cứ bắt tù ngồi vào bao bố và bắn chết và khiêng bỏ xuống hố, tiện việc nhà nước, vì thực sự, chúng tôi có đem gì theo đâu mà phải dùng bao bố? Chúng tôi xuống tàu thủy, ra miền Bắc. Lúc lên bờ, bị đồng bào đứng chờ sẵn mắng nhiếc và ném đá nữa, nhưng khi tù lên vùng rừng núi, đi lao động, gặp đồng bào họ lại bảo "Nhân dân miền Bắc chờ các ông ra giải phóng, không ngờ các ông ra làm thằng tù!" Tôi chẳng bao giờ để ý đến những chuyện đó, cũng chẳng suy nghĩ, lo lắng cho tương lai bản thân. Nhưng có điều lạ là đi đến trại tù nào, tôi cũng bị cán bộ chỉ định làm đội trưởng, từ chối có thể bị gán cho tội ngoan cố và bị cùm cũng nên, mà dưới quyền tôi, bao giờ cũng là các ông, trước đây là quan lớn trong các ngành hành pháp, tư pháp, lập pháp... đủ cả. Gần mười năm tù, tôi được thả về. Ở Sài Gòn, tôi đạp xích lô, bán vé số, sửa xe đạp... sống qua ngày. Tôi cố quên cái lá số tử vi của mình, tôi cũng rất cảnh giác, tuyệt đối không bao giờ thay mặt cho ai, không trưởng toán, tổ trưởng nào cả. Tôi sống một mình, và cũng nghĩ rằng cái lá số tử vi của tôi chỉ là những chuyện rắc rối mà mấy chú ba tàu đặt ra mục đích lừa phỉnh, dọa nạt những người ngu dốt, kém hiểu biết để kiếm tiền mà thôi.

Thế rồi có vụ HO, tù được đi Mỹ. Tôi nghĩ, giỏi lắm tôi làm thằng cu ly. Tiếng tây, tiếng u tôi nói như thằng ngọng thì chỉ huy được ai, nên tôi yên trí. Thị trấn tôi ở, thuộc vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, tuy không đông lắm nhưng rất xô bồ. Đủ thứ người. Da đen cũng có, Mễ cũng có, Á Châu cũng có. Lộn xộn, bát nháo. Tôi ở trong một chúng cư đông người Việt, dơ bẩn, nhiều tệ đoan xã hội. Trộm cắp, hút xách, đánh lộn... ngày nào cũng xảy ra. Đậu xe, khóa cẩn thận, nhưng chúng thấy trong xe có gì vừa ý là đập kiếng xe, lấy đi. Đôi khi chúng ăn cắp xe để chở những thứ quốc cấm như xì ke, súng đạn hoặc để đi ăn cướp, bắt cóc... Nhà có con gái, khuya chúng đập cửa kiếng vô mò con người ta, bọn nhỏ la lên, cha mẹ chạy ra, mở đèn, chúng ngang nhiên mở cửa chính đi ra, chẳng ai dám làm gì vì sợ chúng trả thù. Bọn chúng cùng sắc tộc với nhau thì mặc kệ, nhưng vì người Việt hiền lành, chúng quậy luôn cả người Việt. Thấy thế tôi nổi xùng, vận động đồng bào người Việt tổ chức thành một cộng đồng nhỏ, có gì binh vực, giúp đỡ nhau. Bọn bất lương động đến người Việt là tất cả đồng lòng chống trả hoặc gọi cảnh sát đến chỉ tận mặt. Kết quả là từ đó, chúng chừa người Việt, không quấy phá nữa. Các chúng cư quanh đấy, người Việt cũng theo gương mà đoàn kết lại. Rồi nhân những dịp lễ Tết, cộng đồng người Việt họp nhau tổ chức chợ Tết, tổ chức các ngày kỷ niệm truyền thống... Sau cùng thành lập một cộng đồng lớn, bầu cử Hội Đồng Quản Trị rồi bầu Ban Chấp Hành, xin giấy phép lập hội để đủ tư cách liên lạc với chính quyền địa phương. Đến đây thì tôi tự động rút lui. Tôi không muốn đại diện hay chỉ huy ai cả. Tôi ngán chức tước lắm rồi, thứ chức tước "ảo" như đội trưởng, tổ trưởng trong tù. Nhưng nhiều người lại tín nhiệm tôi, họ nằn nì tôi tham gia Hội Đồng Quản Trị vì biết tôi rất nhiệt tâm với đồng bào. Tôi cự nự như muốn gây lộn, họ vẫn cứ nằn nì, tôi đành chấp nhận, cứ nghĩ mình sẽ không đến họp, không làm gì cả tất họ sẽ chán, thế nên, khi họ bầu tôi vào Ban Chấp Hành, tôi cũng không phản đối. Nhưng rồi vì một nguyên nhân mà tôi lại bon chen, cố

cho được chức chủ tịch Ban Chấp Hành. Số là trong Ban Chấp Hành có một người đẹp. Với người khác, có lẽ cô không đẹp lắm nhưng với tôi, chỉ mới thấy là đã ngớ người ra, hồn vía lơ lửng đâu trên mây xanh! Người đẹp có đôi mắt và chiếc miệng đúng là "đẹp không thể tả!" Mắt cô một mí, khi cô cười thì như nhắm lại, nhưng dưới hai làn mi đó là cả "một hồ nước mùa thu" long lanh, nếu tôi được cô nhìn và cười thì tôi "chết mê chết meat," mặt cứ thộn ra, ai cũng thấy rõ. Thế là từ "lần đầu gặp gỡ," hình ảnh cô, giọng nói, đôi mắt, nụ cười của cô cứ hiện ra rõ rệt trong đầu tôi, khiến bụng dạ tôi cứ lộn xộn, lúc nào cũng náo nức muốn gặp được cô. Nói theo văn chương là tôi yêu cô, yêu theo kiểu mối tình đầu! Sở dĩ mấy ông bà mời cô ta vào hội vì cô ta rành tiếng Anh, trước đây, khi còn ở việt Nam, cô là giáo sư Anh Văn, hơn nữa cô rất thiện chí. Mấy người đi HO qua đều được cô giúp đỡ, hướng dẫn đi xin trợ cấp, xin việc... Cô được bầu làm phó chủ tịch ngoại vụ, lo liên hệ với chính quyền và các cộng đồng bạn. Cô còn độc thân, là con gái của một ông trung tá, gia đình cô có một nhà hàng, rất đông khách. Ban ngày hơi vắng khách nên cô có thì giờ lo việc cộng đồng. Từ khi lên chức chủ tịch, tôi xin thằng xếp trong tiệm (tôi làm cu li, sai gì làm nấy) làm buổi tối để có dịp cùng cô làm chuyện thiên hạ. Chở người nầy đi khám bịnh, đưa người khác đi xin việc, xin trợ cấp... Đi đâu tôi cũng năn nỉ cô đi theo, viện lí do là không rành tiếng Mỹ. Cô thì lúc nào cũng vui vẻ, nhưng khi chỉ có mình tôi với cô trên xe, cô lại nghiêm trang, mắt luôn nhìn phía trước, không cười khi tôi pha trò! Coi bộ cô không có cảm tình với tôi, nhưng khi đã yêu thì kể sá gì chuyện có được yêu lại hay không! "Ai chiến thắng mà không hề gian khổ? Nghĩa là cứ nhào đại vô mà tỏ tình, không được thì cũng chả chết ai." Nghĩ thế nên tôi tìm dịp cho cô biết tình cảm của tôi đối với cô. Nhưng phải làm cách nào mà nếu cô có cảm tình với tôi, cô sẽ hiểu ngay, ngược lại cô sẽ nghĩ rằng chuyện đó không liên can đến cô. Nghĩ mãi tôi mới sáng tác ra được một chuyện tình để tìm cách kể cho cô nghe. Thường thì sáng nào tôi cũng đến nhà hàng của gia đình cô để uống một ly cà phê. Cô mang cà phê ra cho tôi, ngồi đối diện, nói vài câu xã giao hoặc bàn đến chuyện cộng đồng, độ mươi phút cô mới đứng lên, vào bên trong lo việc bếp núc. Một lần tôi đề nghị cô ngồi nán lại để nghe tôi "kể chuyện nầy, hay lắm!" Cô tươi cười ngồi xuống. Tôi kể vắn tắt "Cô có còn nhớ, tuần trước tôi và cô ra phi trường đón một gia đình HO, gồm năm người, trong đó có một cô gái đẹp và có duyên đến độ tôi mới gặp mà đã đem lòng thương yêu. Cô ta có đôi mắt lá răm, miệng lúm đồng tiền, nói năng dịu dàng, vui vẻ. Tôi thường gặp cô ta mà không biết làm cách nào để tỏ tình. Yêu thầm cũng được nhưng rủi cô ấy lấy chồng thì có lẽ tôi sẽ chán đời hoặc thành người điên mất. Theo ý kiến cô, tôi phải làm gì cho cô ấy hiểu được tình tôi? Tôi có nên nói ra cho cô ấy biết không?" Cô lặng yên một lúc rồi nói "Chuyện tình yêu của anh, anh nên hỏi một người đàn ông khác, bọn phụ nữ chúng tôi làm sao có ý kiến được, hơn nữa, phải gặp gỡ cô gái đó mới biết được ý nghĩ của cô ta..." Nói xong cô đứng lên. Tôi không hiểu cô có biết lời tỏ tình gián tiếp đó của tôi không, nhưng sáng hôm sau, tôi đến nhà hàng của gia đình cô uống cà phê, cô không ra tiếp. Tôi đoán cô không ưa tôi, không muốn bị tôi làm phiền. Tôi buồn chán quá, thấy đời vô vị, và cô ta, trong đầu tôi, cô vẫn còn đẹp nhưng rất xa lạ, đến độ tôi ngượng, không dám gặp cô. Công việc đón tiếp, giúp đỡ đồng hương mới đến xứ Mỹ, chúng tôi cũng đi chung nhưng tôi không cảm thấy hăng hái chút nào, cô ngồi bên cạnh mà như người chưa gặp lần nào. Nhiều khi tôi đi một mình, không rủ cô đi theo. Tôi có ý định sang tiểu bang khác.

Cái Ban Chấp Hành Cộng Đồng, thấy thì đủ các ủy viên, năm bảy người, nhưng công việc, họ giao hết cho hai đứa tôi rồi lặn đâu mất tiêu. Trước đây, tôi bon chen cho được cái chức chủ tịch là để được dịp gặp người đẹp, nay thì tôi đã chán rồi, muốn rút lui. Thế nên nhân dịp Việt Cộng đưa mấy ca sĩ tân nhạc, cổ nhạc qua Miền Đông nước Mỹ làm công tác văn hóa vận, cả Hội Đồng Quản Trị với Ban Chấp Hành họp lại, tìm cách tẩy chay. Buổi họp có vẻ sôi nổi lắm. Lên kế hoạch, chương trình rất kỹ lưỡng, nhưng cuối cùng lại giao cho Ban Chấp Hành làm cả! Tôi họp mọi người để phân công. Mấy ông trong ban chấp hành lại giao cả cho hai đứa tôi. Tôi quyết liệt phản đối thì các vị đó lại cười "Tụi tôi biết anh quá mà! Lúc trong tù, trực diện với cai tù, anh còn thành công, bây giờ vận động đồng bào không đến coi hát của văn cộng việt cộng, là chuyện nhỏ..." Tôi ngạc nhiên "Sao quí vị biết tôi đi tù cải tạo?" Các ông ấy nhao nhao lên "Anh quên tụi nầy, chỉ biết có người đẹp thôi, chứ tụi nầy vẫn còn nhớ anh. Đi chung một chuyến bao bố (Tù bị đày ra Bắc, được phát bao bố), ra ngoài

Bắc, đi đâu anh cũng làm đội trưởng tụi nầy." Lúc đó nhìn kỹ, tôi mới nhớ, đó là mấy ông bạn tù ngày trước, thời gian quá lâu, hơn mười năm rồi, các ông ấy qua Mỹ lại thay đổi, nên không nhận ra, vả lại, có người đẹp bên cạnh thì tôi chẳng nhìn thấy ai khác nữa!

Lại mấy ngài quan lớn, hành pháp, lập pháp, tư pháp... ngày xưa! Và tôi vẫn lại làm xếp họ! Tôi đâu khác gì quan tể tướng? Lúc trong tù tôi không dám từ chức, nhưng ngoài đời, ở xứ Mỹ, tôi chỉ cần nói "bye!" một tiếng là xong ngay. Trước kia thì cho rằng số mệnh an bài, nay tôi cãi lại số mệnh để xem cái chức tể tướng có còn theo làm phiền tôi nữa hay không? Còn mấy vị quan quyền nầy, trước giờ cứ bắt bí tôi, gài tôi vào với người đẹp để tôi phải làm chủ tịch, thì nay tôi sẽ chơi lại họ. Tôi sẽ qua tiểu bang khác, để xem con rắn mất đầu cựa quậy ra sao? Thế nên tôi vẫn vui vẻ sắp xếp công việc, kêu gọi quí vị ấy tiếp tay, liên hệ với các hội đoàn bạn cùng phát động chiến dịch thêm rầm rộ, hiệu quả. Dự định xong vụ nầy tôi sẽ "lặng lẽ ra đi với một quả tim nặng trĩu buồn phiền!" Chiều hôm đó, họp xong, tôi xin cô phó chủ tịch, người đẹp của tôi, nán lại ít phút để bàn công chuyện. Tôi vào đề ngay "Cô thấy nhiệm vụ của chủ tịch ban chấp hành có khó khăn, vất vả gì không?" Cô nhìn tôi dò xét "Tôi thấy anh giải quyết chuyện gì cũng ổn thỏa cả, nên nghĩ là không khó khăn bao nhiêu." Tôi hỏi "Thế cô có thể thay tôi làm chủ tịch được không? Tôi thấy cô đã có ít nhiều kinh nghiệm trong nhiệm vụ nầy." Cô ngạc nhiên "Anh định làm gì mà trao nhiệm vụ nầy cho tôi?" Tôi nói "Tôi sắp đi tiểu bang khác." "Vì sao vậy? Có ai làm phiền anh? Hay là vì cô gái mà anh đã kể cho tôi nghe?" Tôi làm ra vẻ suy tư "Đúng rồi, tôi thất tình cô ta nên muốn đi xa....Tôi hi vọng, cô làm chủ tịch, sẽ được mọi người giúp đỡ." Cô lắc đầu "Tôi không muốn chức vụ gì cả. Tôi chỉ muốn giúp đỡ đồng bào trong lúc mới đến xứ Mỹ xa lạ, để họ ổn định cuộc sống trong giai đoạn đầu mà thôi..." Tôi đành nói "Thôi được, tôi sẽ tính sau. Dù sao thì tôi cũng nhất quyết đi khỏi nơi nầy. Ở đây, lúc đầu thì vui nhưng bây giờ tôi chán rồi. Tôi có người bạn ở tiểu bang khác, hắn đã xin sẵn cho tôi một việc làm ở đó." Lúc đứng lên cô cười hỏi "Sao lối rày anh không đến uống cà phê nữa? Không có tiền thì tôi cho ghi sổ." Tôi cũng cười bảo "Khi thất tình thì đến đâu cũng chẳng thấy vui, uống cà phê cũng hết ngon. Nhưng sáng mai tôi sẽ đến, thưởng thức cà phê do cô pha lần cuối trước khi lên đường." Sáng hôm sau tôi đến nhà hàng của cô. Cô đích thân mang cà phê ra cho tôi còn ngồi đối diện, cười nói vui vẻ "Tôi mang đến anh một tin vui đây." Tôi nghi ngờ "Đang rầu thúi ruột, vui gì nổi!" "Vui chứ! Như thế nầy. Tôi có đến nhà cô gái mà anh trồng cây si. Phải đó là cô Bé Ni không? Tôi hỏi "Bé có thương chú Vỹ không?' Cô bé trả lời "Dạ thương!" Tôi hỏi "Thương nhiều hay ít?" Cô bé nói "Dạ thương nhiều!" Vậy anh vừa lòng chưa? Bây giờ hết thất tình rồi phải không?" Tôi kêu lên "Trời đất! Cái con bé năm tuổi đó thì tôi làm sao thất tình được!?" Cô nhìn tôi hóm hỉnh "Chính anh nói yêu cô ta. Bị cô ta từ chối, anh thất tình, đòi đi nơi khác. Nay tôi hỏi lại, cô ta nói thương anh nhiều thì anh còn đi đâu nữa?" Tôi lắc đầu, vừa chán vừa ngượng "Đó là tôi nói ví dụ vậy thôi chứ tôi yêu người khác, nhưng cô ta không ưa tôi nên tôi..." Cô nhìn tôi đăm đăm như chờ đợi. Tôi không dám nhìn cô, nhưng biết rằng lúc đó mà tôi không nói thì không còn dịp nào khác nữa "Bây giờ, tôi sắp đi tiểu bang khác nên tôi liều mạng. Cô có ghét tôi, khinh tôi, cũng không làm gì được. Hôm trước tôi nói quanh co như thế, chứ thực ra tôi muốn nói là tôi yêu cô. Nhưng tôi biết cô không ưa tôi, mà tôi không nói, cứ để trong bụng, ấm ức, không chịu được. Bây giờ nói xong rồi... Chỉ xin cô đừng cho ai biết lý do tôi đi tiểu bang khác. Tôi xin lỗi cô nếu tình yêu của tôi làm cho cô bực mình..." Cô cúi xuống, chấm ngón tay vào li nước, vẽ linh tinh trên bàn, một lúc mới nói "Ai cũng lớn cả rồi, đâu còn con nít mà phải nói quanh. Nếu anh có tỏ tình với em mà em không đáp lại thì có gì xấu hổ cho anh đâu? Tư cách anh đàng hoàng, lại có lòng vị tha, yêu thương đồng bào... Ai cũng mến phục anh. Hôm trước, nghe anh nói, lúc đầu em tưởng anh nói thật, cứ tự hỏi. Có cô nào mắt lá răm, miệng núm đồng tiền giống mình? Em đi tìm gia đình HO mới qua, thì chỉ có con bé Ni. Em biết ngay là anh muốn nói về em. Em cảm động lắm, nhưng ngượng quá, vừa muốn gặp anh vừa sợ anh..."

Bao năm nay, quí ngài "cựu" quan lớn đó vẫn cứ bầu tôi làm chủ tịch, làm xếp họ. Hễ kiểm phiếu, thấy tôi đắc cử, làm gì họ cũng hô lên "Hoan hô chủ tịch gia đình trị!" Chỉ vì vợ tôi vẫn lại là cô phó chủ tịch ngoại vụ năm nào.

Bây giờ thì mời bạn cho biết ý kiến "Con người có số mạng không?"

THUNG LŨNG IA DRANG

HÀ KỲ LAM

Hollywood đã dựng lại một trận đánh nổi tiếng giữa lực lượng của Sư Đoàn 1 Không Kỵ Mỹ (1st Cavalry Division) và lực lượng chính qui Bắc Việt năm 1965 tại thung lũng Ia Drang, Cao Nguyên Trung Phần Việt Nam, qua phim "We Were Soldiers," dựa trên cuốn hồi ký chiến trường của Cựu Trung Tướng Harold G. Moore và phóng viên chiến trường Joseph L. Galloway, cuốn "We Were Soldiers Once... and Young." Có điều đáng tiếc là người làm phim đã không thực hiện được cảnh trí thật sự của vùng Cao Nguyên Trung Phần, bãi chiến trường xưa. Khán giả nào đã từng biết ít nhiều về cùng cao nguyên đó hẳn dễ thấy cảnh trí một nơi nào khác - có thể là Thái Lan, Phi Luật Tân v.v. - đã được lồng vào phim; vài cựu chiến binh Mỹ cũng đã có cùng nhận xét đó. Kẻ viết bài này đã từng có cơ duyên "gặp gỡ" núi rừng đó xin sơ lược đôi điều về "chốn xưa."

Thung Lũng Tử Thần nổi tiếng cả nước Mỹ

Năm 1965, lúc tình hình chiến sự sôi động tại Cao Nguyên Trung Phần, thì tôi đang vất vả với những tháng ngày hành quân tại Khe Sanh, Lao Bão, vùng biên giới của tỉnh Quảng Trị với vùng Tchépone của Lào. Thời gian đó tôi nghe tin trại Lực Lượng Đặc Biệt Đức Cơ bị quân chính qui Bắc Việt vây hãm hai tháng trời (từ tháng 8 đến tháng 10), rồi đến phiên một trại Lực Lượng Đặc Biệt khác, trại Plei Me phía nam Đức Cơ, bị một lực lượng đông đảo quân Bắc Việt tấn công năm ngày liên tiếp vào cuối tháng 10, tức cuối mùa mưa Cao Nguyên. Lực lượng giải vây cho Plei Me, một cuộc hành quân cấp trung đoàn phối hợp bộ binh và thiết giáp của QLVNCH, với yểm trợ của phi pháo đã lọt vào trận địa phục kích của địch dài bốn cây số trên tỉnh lộ 5, phía nam tỉnh lỵ Plei Ku. Nhưng lực lượng hành quân đã phản kích hiệu quả, bẻ gãy kế hoạch đả viện của đối phương.

Tưởng mọi sự của chiến trường Cao Nguyên như vậy đã được "dàn xếp" ổn thỏa, và đối phương sẽ chờ mùa mưa năm sau mới giao đấu lại! Nhưng không phải thế. Tôi lại nghe tin các đơn vị của sư đoàn 1 Không Kỵ Mỹ trong chiến dịch lùng tìm "tàn quân" Bắc Việt đang rút về hướng tây của trại lực Lượng Đặc Biệt Plei Me đã chạm địch nặng tại thung lũng Ia Drang, và báo chí Mỹ đã mô tả cường độ giao tranh là đẫm máu nhất từ đầu cuộc chiến tới giờ. Lúc bấy giờ tôi chỉ biết đại khái như thế, và địa danh "Ia Drang" lọt vào tai mình một cách mơ hồ, lạ lẫm như nghe nói đến một vùng đất xa xôi nào mà mình chẳng hề nghĩ sẽ có ngày đặt chân đến. Còn đối với đa số người Việt có lẽ thung lũng Ia Drang lại còn xa lạ hơn nữa, một cái tên chưa hề nghe bao giờ. Nhưng oái oăm thay, dường như cả nước Mỹ trong những ngày cuối thu năm 1965 ấy đều nghe nói đến "Ia Drang," bởi vì đó là thời sự nóng bỏng nhất hồi đó, và một số con em họ đã bỏ mình ở đó.

Mặc dù khuôn khổ bài này là trình bày đôi điều về thung lũng Ia Drang, không phải về trận đánh tại nơi ấy, nhưng thiết nghĩ cũng cần đề cập ngắn gọn đôi giòng về chiến trận tại Ia Drang để người đọc có thể thấy vì sao thung lũng được mệnh danh là Thung Lũng Tử Thần. Vào ngày 14-11-1965 một tiểu đoàn 450 người, do Trung Tá Harold G. Moore chỉ huy, đã đổ bộ bằng trực thăng xuống một mảng rừng trống với ngụy danh là bãi đáp X-Ray (landing zone X-Ray) trong thung lũng Ia Drang, dưới chân núi Chu Pong về phía tây nam thị xã Plei Ku khoảng sáu mươi cây số. Lập tức khoảng hai nghìn quân chính qui Bắc Việt đã bao vây đánh tiểu đoàn Mỹ. Lực lượng Mỹ nhờ hỏa lực của pháo binh, không quân, và nhờ tinh thần chiến đấu, sau ba ngày đêm chống trả với nhiều đợt xung phong biển người của đối phương đã đẩy lui địch. Cả hai bên đều tổn thất nặng. Cuốn phim "We Were Soldiers" trong đó tài tử Mel Gibson đóng vai người hùng Harold G. Moore đã dựng lại cảnh chiến trường này. Ba ngày sau, cách xa bãi chiến trường X-Ray khoảng sáu cây số, tại một khoảnh rừng trống với ngụy danh bãi đáp Albany (landing zone Albany) cũng trong thung lũng Ia Drang, một tiểu đoàn khác của Mỹ bị đối phương "đánh không còn một manh giáp." X-Ray và Albany là hai trận đánh tàn bạo nhất trong chiến tranh Việt Nam đã cho thung lũng Ia Drang

cái tên hoàn toàn trái ngược với vẻ đẹp tự nhiên của nó: Thung Lũng Tử Thần (Valley of Death).

Thung Lũng Hoàng Hôn

Vào tháng Ba năm 1966 tôi rời vùng núi rừng Khe Sanh, A Shau, A Lưới của Vùng I Chiến Thuật, trôi nổi theo nhịp đời quân ngũ từ duyên hải Nha Trang, Cam Ranh, đến Dak To, Dak Sang của vùng Kon Tum. Rồi định mệnh đưa đẩy, khoảng đầu năm 1967 tôi được điều động đến Plei Me với cương vị trưởng trại Lực Lượng Đặc Biệt này. Hơn một năm trước tôi đã nghe nói đến Plei Me, tôi đã nghe nói đến thung lũng Ia Drang phía tây nó. Và bây giờ tôi sắp đặt chân lên vùng đất huyền thoại này. Vừa đến thành phố Plei Ku tôi đã "choáng ngợp" vì hai chữ "Plei Me" và "Ia Drang." Một trường học ở đây mang tên "Trường Trung Học Plei Me," doanh trại bộ tư lệnh Quân Đoàn II mang tên "Thành Plei Me," chiếc máy bay C-47 của vị tư lệnh Quân Đoàn II mang chữ "Plei Me" đỏ chói bên hông, và một bệnh viện ở Plei Ku mang tên "Dân Y Viện Ia Drang." Nếu tôi nhớ không lầm, người ta bảo đây là sáng kiến độc đáo của Trung Tướng Vĩnh Lộc, vị tư lệnh Quân Đoàn II lúc bấy giờ. Chắc vị tướng xuất thân từ binh chủng thiết giáp kia đã hãnh diện biết bao vì hai chiến trường Plei Me và Ia Drang xảy ra trong thời gian ông cầm vận mạng Quân Đoàn II!

Ngay ngày đầu tiên đến Plei Me tôi đã đi một vòng quanh tuyến phòng thủ trại để có một cái nhìn khái quát địa thế - một hành động hầu như đã trở thành bản tính thứ hai của mình sau bao năm tháng ở các đơn vị tác chiến. Và cái biển rừng cây mênh mông phía tây trại đã đập vào mắt tôi. Đã vẹt gót giày ở những khu rừng già miền Trung, ở vùng tam biên Kontum, tầm nhìn chỉ quen với lũng sâu tiếp nối đỉnh cao, tôi chưa từng thấy một cánh rừng phẳng lì đến chân trời như thế. Thực ra, xa tít tắp trong sương khói tôi vẫn thấy dãy núi Chu Pong mờ ảo ở chân trời, nhưng đó là rặng núi cao độc nhất chế ngự cả một biển rừng cây thấp mênh mông phía tây trại Plei Me chạy đến tận biên giới Việt-Miên, và phía nam đến tận miệt bắc Ban Mê Thuột. Nhưng phải mấy ngày sau đó tôi mới khám phá ra rằng đặc điểm của bình nguyên bao la phía tây Plei Me không phải là biển lá rừng mênh mông mà là ánh hoàng hôn trên đó. Tôi đứng ngắm ánh chiều tà lộng lẫy về phía tây trại lần đầu tiên một chiều nọ và nghĩ chưa có nơi nào đẹp hơn. Nếu là một biển nước mênh mông thì cảnh sắc hoàng hôn sẽ đơn điệu, nhàm chán, tầm thường. Ánh mặt trời đỏ rực rọi trên mặt phẳng lá xanh chập chùng trải đến mút tầm nhìn, với những áng mây muôn màu ở chân trời, với sương khói lung linh như mưa bụi ngũ sắc rơi trên những ngọn núi xa xa thật khó tả bằng lời. Vả chăng tôi cũng đã cố gắng vẽ lại bức tranh ấy cách đây bảy năm - năm 1996 - trong truyện ngắn "Hoàng Hôn Trên Thung Lũng Ia Drang," và bây giờ chả lẽ lại lặp lại điệp khúc ấy. Với lại, viết về thung lũng Ia Drang hôm nay, tôi chỉ muốn làm một bài ký sự ngắn, xoay quanh sự kiện nhiều hơn. Một điều thú vị là chả riêng gì tôi bị mê hoặc vì vẻ đẹp của thiên nhiên kia, mà viên sĩ quan trưởng toán cố vấn Mỹ, Đại Úy Scott, cũng đã từng say sưa ngắm nhìn hoàng hôn phía tây trại. Mỗi lần nhìn cảnh đẹp ấy ông ta đều thốt lên "sunset on Ia Drang Valley," một sự việc đã khiến cả toán Mỹ làm đề tài hài hước mỗi hoàng hôn vắng mặt ông. Đại để, một anh lính bưng ly rượu hoặc lon bia đến bên cửa sổ nhìn ra thung lũng tắm nắng chiều và lặp lại câu nói, "sunset on Ia Drang Valley" để cả nhóm cười ầm lên.

Vị Trí Địa Dư của Thung Lũng Ia Drang

Dãi đất về phía tây nam tỉnh lỵ Plei Ku là rừng thấp, chằng chịt suối, trải hằng mấy chục cây số đến tận biên giới Việt-Miên, và đến tỉnh Ban Mê Thuột kế cận. Trong toàn vùng chỉ có rặng núi Chu Pong là chi tiết địa hình nổi bật, tuy cao độ khoảng dưới một nghìn thước. Đó là một dãy núi chạy từ đông sang tây dài khoảng hai mươi lăm cây số, mà phần nằm trong đất Miên chiếm khoảng bảy cây số. Chiều nam bắc của dãy núi đo khoảng hai mươi cây số. Chu Pong là một tập hợp những hang động, những vách núi, những vực sâu, những thác nước, những thung lũng - một căn cứ địa rất tốt. Trong hai cuộc chiến tranh đã qua - chiến tranh Đông Dương 1945-1954, và chiến tranh Việt Nam 1965-1975 - Hà Nội đã dùng núi Chu Pong để trú quân và chứa kho tàng cho các chiến dịch ở Cao Nguyên Trung Phần. Dọc theo sườn phía bắc của dãy Chu Pong - từ chân núi đổ về mạn bắc - là một thung lũng khá rộng. Con sông Ia Drang, phát nguyên từ vùng gần đồn điền trà Catecka phía nam thị xã Plei Ku, cắt đôi thung lũng đó, lượn khúc qua thác ghềnh, chảy về tây, đổ vào đất Miên. Trải dài dọc đôi bờ con sông ở đoạn gần chân núi Chu Pong là thung lũng Ia Drang. Thung lũng này nằm

về hướng nam-tây-nam tỉnh lỵ Plei Ku, và ở cách xa độ sáu mươi cây số. Đối với vị trí trại Lực Lượng Đặc Biệt Plei Me, nó nằm ở hướng chính tây, và cách xa khoảng trên hai mươi cây số. Như vậy, để chính xác hơn, cái biển rừng cây mênh mông phía tây cứ điểm Plei Me gồm nhiều thung lũng họp lại, và xa tít trong sương khói ở chân trời với dãy núi Chu Pong xanh lơ làm nền mới chính là thung lũng Ia Drang. Nhưng người ta quen gọi cái biển lá rừng trùng điệp phía tây trại là Thung Lũng Ia Drang, vì dòng Ia Drang là con suối quan trọng trong vùng.

Vẻ Đẹp của Thiên Nhiên Ia Drang

Tôi "đến" với thung lũng Ia Drang trong một chuyến bay không thám (visual reconaissance). Chiếc L 19 chỉ có hai người, tôi và anh chàng phi công Mỹ. Cất cánh từ phi trường Plei Me, chúng tôi hướng về phía biên giới Việt-Miên, lướt trên một bề mặt rừng xanh thẫm khi thì bằng phẳng, khi thì lượn sóng, điểm xuyết bằng những con suối bạc lấp lánh, bằng những mảng rừng trống. Nhưng tuyệt nhiên không có một bóng người, hay một túp lều. Trong thời chiến bộ mặt rừng núi càng thêm hoang vu và bí hiểm!

Vùng mục tiêu quan sát là một đoạn của thung lũng Ia Drang mà tọa độ đã được xác định trên bản đồ. Phi cơ bay dọc theo con sông Ia Drang một đoạn rồi đánh nhiều vòng trên thung lũng tràn ngập ánh nắng, và bay trên các đỉnh núi lân cận. Thảo mộc hai bên bờ sông phần lớn là loại lau lách cao trên một thước, và vài nơi chỉ toàn một thảm cỏ xanh. Thỉnh thoảng những cây cổ thụ mọc ven sông nghiêng cành đến tận mé nước. Nhìn tổng quát, khung cảnh thật thanh thoát. Vẳng bên tai tôi qua cái headset giọng anh phi công khen phong cảnh đẹp. Tôi nhớ đại khái anh nói rằng đất nước này đẹp thật. Tôi nhớ lúc bấy giờ mình đã liên tưởng đến khúc nhạc "Suối Mơ" của Văn Cao:

Suối mơ, bên rừng thu vắng
Dòng nước trôi lửng lờ ngoài nắng

Nhân nhắc đến lời của anh phi công Mỹ, tôi muốn trích lời của hai người nữa, là đồng bào của anh, khi họ nói về thung lũng Ia Drang. Người thứ nhất là vị sĩ quan đã dự trận đánh ở Thung Lũng Ia Drang năm 1965, kể lại trong cuốn hồi ký chiến trường của Tướng Harold G Moore và Joseph L. Galloway. Cựu Đại Úy John Herren kể lại cảm nhận lúc ngồi trên trực thăng để ra trận: "Việt Nam đẹp thật, thậm chí trong chiến tranh, với rừng xanh, đồi rậm, với suối nguồn hoang dã chẳng chịt." (Vietnam, even in war, was scenic, with the green jungle, heavy forested mountains, and wildlooking rivers crisscrossing the terrain). Người thứ hai chính là Cựu Trung Tướng Harold G. Moore, tác giả của thiên hồi ký chiến trường "We Were Soldiers Once... and Young" vừa nêu trên. Tướng Moore, qua mấy dòng thư riêng cho kẻ viết bài này, cho biết ông đã trở lại thăm chiến trường xưa, thung lũng Ia Drang, hai lần, vào năm 1993 và 1997. Ông mô tả: "Hoa dại bây giờ phủ đầy thung lũng của những cái chết tức tưởi ngày xưa. Vùng Ia Drang từ phía tây Plei Me không có người ở, ngoại trừ một số ít người Thượng đang được di dân về hướng đông, gần Plei Ku. Vùng núi rừng Ia Drang/Chu Pong bây giờ được gọi là 'rừng oan hồn', vẫn bí hiểm và đẹp." (Wild flowers now grow in those places of violent death. The Ia Drang from Plei Me west is uninhabited except for a few Montagnards who are/have been driven out to the east near Plei Ku. The Ia Drang/Chu Pong area is now known as "The forest of Screaming Souls" and remains mysterious and beautiful). Không biết nhóm chữ "Forest of Screaming Souls" do chính tướng Moore nghĩ ra để dịch ý tưởng của người Việt hay do một thông dịch viên/hướng dẫn viên du lịch người Việt dùng để thuyết trình với du khách, nhưng dù sao thì hiển nhiên thung lũng Ia Drang đã đi vào lịch sử chiến tranh của nhân loại, lưu danh thiên cổ một trận chiến, và một nét đẹp của thiên nhiên. Có lẽ điều sau mới trường tồn hơn...

Triển Lãm

KỶ NIỆM 40 NĂM
CẦM CỌ
của Họa sĩ NGUYÊN KHAI

Tại nhật báo **Viễn Đông**,
14891 Moran Street,
Westminster CA 92683
Trong các ngày
13, 14 và 20, 21 tháng Chín 2003

Với khoảng 30 bức gồm tranh sơn dầu và tranh hỗn hợp, do họa sĩ Nguyên Khai sáng tác từ năm đặt chân đến đất Mỹ (1981) cho đến bây giờ (2003).

Phỏng Vấn

Luật Sư LÊ TRỌNG QUÁT

tác giả
"Việt Nam đi về đâu?
Huyền thoại và sự thật 1930-2002"*

TỪ NGUYÊN, Paris

Được tin Luật sư Lê Trọng Quát vừa in xong cuốn sách nhan đề là *«Việt Nam đi về đâu ?Huyền thoại và sự thật 1930-2002 »*, một công trình biên soạn từ nhiều năm nay, Từ Nguyên đã gặp và nói chuyện với tác giả tại tư gia ở Cergy, thành phố nằm về phía tây bắc Paris.

Tác giả từng là giáo sư trường Trung học Nguyễn Tri Phương và Quốc Học Huế từ năm 1951, luật sư từ năm 1955, chủ nhiệm kiêm chủ bút Nhật báo *Công Dân*, 1959-1962, Dân Biểu Quốc Hội, Trưởng Khối Liên Minh Xã Hội, Chủ tịch các Ủy Ban Nội vụ và Quốc Phòng, đại diện Tổng thống Ngô Đình Diệm trong cuộc bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ 2, năm 1961. Thứ trưởng Thông tin đặc trách Thông tin Quốc ngoại và Báo chí, 1969-1970 và là Quốc vụ khanh trong Chính phủ Việt Nam Cộng hòa bàn giao cho Chính phủ Dương Văn Minh ngày 28.4.1975. Ông là đồng sáng lập Đảng Nhân Xã năm 1967 và Lực Lượng Nhân Dân Kiến Quốc, 1970. Nội dung câu chuyện được ghi lại như sau :

Từ Nguyên: Thưa anh, «Việt Nam đi về đâu?» là một hồi ký hay là khảo luận về Việt Nam? Hay là cả hai, và nếu vậy, tại sao anh chọn hình thức hỗn hợp đó ?

LS Lê Trọng Quát : Phần hồi ký của tôi chỉ là lời của một nhân chứng, có lúc là lời tường thuật của một người trong cuộc, để mang lại linh hồn cho một sử liệu quan trọng về những biến cố đang di lụy đến hiện tại và tương lai của dân tộc. Anh đã nhận xét đúng về thể tài hỗn hợp mà tôi đã lựa chọn để làm cho giai đoạn lịch sử vật đổi sao dời này trở nên sống động. Hồi ký đã được lồng trong lịch sử, và những sự kiện có ý nghĩa đã được phân tách, nhận định trong bối cảnh của thời bấy giờ.

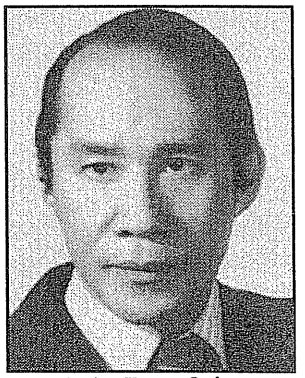
Luật Sư Lê Trọng Quát

Hỏi: Đối với một cuốn hồi ký, có phải tác giả muốn viết lúc nào thì viết? Sự chọn lựa về thời điểm của anh có phải là một sự cân nhắc không ?

Đáp: Tôi khởi sự viết cách đây bảy năm. Tôi đã không nghĩ rằng phải mất nhiều thì giờ như vậy để hoàn tất cuốn sách. Khi mới rời Việt Nam năm 1975, sang Hoa Kỳ rồi sang Pháp, nhiều bạn muốn tôi viết hồi ký vì họ nghĩ rằng tôi biết khá nhiều chuyện cần cho độc giả rõ để soi sáng những biến cố xảy ra trên quê hương. Tôi đã không viết được vì bận lo sinh kế, gia đình còn bị kẹt ở nhà, tâm thần còn dao động. Mặt khác, tôi muốn chờ xem sự diễn tiến của tình hình trong nước, các chính sách mà Cộng sản sẽ áp dụng sau khi thôn tính Miền Nam, các phản ứng của cộng đồng quốc tế đặng có thêm những dữ kiện mới và cần thiết để thực hiện một *tác phẩm bao gồm một giai đoạn cực kỳ quan trọng dính liền với hiện tại và ảnh hưởng nặng nề đến tương lai.* Chính vì vậy mà tôi đã cân nhắc nhiều khi lựa chọn thời điểm khởi công bộ sách này.

Hỏi: Tên sách còn có phụ chú mấy chữ : «Huyền thoại và sự thật, 1930-2002.» Tại sao vừa huyền thoại vừa sự thực? Tại sao tác giả không lấy một mức thời gian khác, như năm 1945 để bắt đầu và năm 2000 để chấm dứt?

Đáp: Cũng như các đảng Cộng sản anh em khác, Cộng đảng Việt Nam đã *dựng lên nhiều huyền thoại làm chất liệu tuyên truyền đánh lừa dư luận quần chúng,* huyền thoại về người, huyền thoại về chủ nghĩa, huyền thoại về sự việc, như tôi đã trình bày trong sách. Trước 1975, chúng ta đã đánh đổ một số huyền

thoại nhưng vẫn còn những người cả tin, ở trong cũng như ở ngoài nước Việt Nam. Ngay bây giờ, một số người gọi là trí thức ở Tây phương, đặc biệt trong đám tả khuynh và Cộng sản còn sót lại, vẫn chưa thoát ra được huyền thoại Hồ Chí Minh, huyền thoại chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân của Võ Nguyên Giáp, huyền thoại xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, một lần nữa, với sự soi sáng của những sự việc diễn tiến trong ba thập niên qua, *chúng ta phải phát hiện sự dối trá và phục hồi sự thật, không phải bằng những quyết đoán đơn giản mà bằng những bằng cớ cụ thể, những lý luận và chứng minh xác đáng.*

Tôi lựa chọn thời khoản 1930-2002 là vì *năm 1930 được đánh dấu bởi hai sự việc quan trọng và nhiều ý nghĩa:*

1. *Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Yên Bái* và vụ hành quyết lãnh tụ Nguyễn Thái Học cùng một số đồng chí. Một phần dư luận thế giới đã bị xúc động mạnh trước biến cố này. Cuộc tranh đấu công khai dành độc lập tự do của những người quốc gia yêu nước đã đánh động dư luận trong và ngoài nước Việt Nam trong thời kỳ toàn thịnh của Đế Quốc Pháp.

2. *Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam* ở Cửu Long (Hong Kong), tuy âm thầm kết hợp một nhóm nhỏ nhưng đáng chú ý vì được kể là một bộ phận quốc tế do Mạc Tư Khoa lãnh đạo với chiến lược trường kỳ và toàn cầu của nó. Năm 1945 mà anh nhắc đến đành là quan trọng nhưng những biến cố xảy ra trong năm ấy bắt nguồn từ những năm trước mà tôi thấy cần phải làm sống lại để cho chúng ta hiểu rõ hơn nguyên nhân và nguồn gốc của sự việc.

Về năm 2000, tôi chỉ thấy một ý nghĩa... và thật đáng buồn: Quê hương của chúng ta vẫn còn được xếp vào hạng khốn cùng nhất của thế giới về kinh tế, xã hội và chính trị trong lúc một thiên niên kỷ mới đang mở ra cho nhân loại với những tiến bộ kỳ diệu và những triển vọng không giới hạn. *Vì vậy tôi đã đưa ra một dự phóng về tương lai của Đất Nước vượt quá thiên niên kỷ vừa qua.*

Hỏi: Trong phần tiểu sử, anh cho biết từng là đại diện trung ương của Liên Danh Ngô Đình Diệm – Nguyễn Ngọc Thơ nhiệm kỳ 2, 1961. Tại sao anh được Tổng Thống Diệm giao phó nhiệm vụ này?

Đáp: Tổng thống Diệm không nói với tôi vì sao ông nhờ tôi làm đại diện trung ương của liên danh Ngô Đình Diệm – Nguyễn Ngọc Thơ nhưng tôi dự đoán rằng ông đã nhận xét về tôi một cách nào đấy có phần thuận lợi qua những cuộc tiếp kiến mà ông đã dành cho tôi và đặc biệt qua buổi tiếp chung ba ông bộ trưởng đã góp ý soạn thảo bản dự luật bầu cử tổng thống và tôi. Số là tôi đã đề nghị tu chính một số điều khoản của dự luật tại Ủy Ban Nội Vụ của Quốc Hội mà tôi là Chủ tịch năm 1960 – 1961. Tổng Thống Diệm muốn trực tiếp biết rõ quan điểm của Chính Phủ và của Ủy ban chúng tôi. Ít lâu sau buổi tiếp chung này, Tổng thống cử tôi làm đại diện và tôi tìm người đại diện cho liên danh ở mỗi tỉnh, thị trên toàn quốc, một thứ directeur de campagne électorale présidentielle bây giờ. Liên danh đối lập Nguyễn Thế Truyền – Hồ Nhật Tân cử ông Nghiêm Xuân Thiện, cựu thủ hiến Bắc Việt làm đại diện.

Khi được ông Quách Tòng Đức, Đổng lý Văn Phòng Phủ Tổng thống báo tin cho tôi hay, phản ứng của tôi là thoái thác vinh dự này vì lý do tôi đang làm Trưởng Khối Liên Minh Xã Hội, khối thiểu số ở Quốc Hội qui tụ hơn 40 Dân biểu trên tổng số 130 Dân biểu. Khối LMXH gồm những nhân vật thuộc nhiều màu sắc và khuynh hướng chính trị khác nhau, từ độc lập đến Cao Đài, Hòa Hảo, Cộng đồng người Chàm, các Liên đoàn Lao động v.v.. Trong lúc ấy, Khối Cộng Đồng Nhân Vị, đa số, gồm các Dân biểu thân chính rõ rệt như Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, Tập Đoàn Công Dân v.v.. Mặt khác, tôi vừa được 30 tuổi, quá trẻ đối với nhiệm vụ.

Ông Đức không dám trình lên tổng thống sự thoái thác của tôi khiến tôi phải trình bày sau đấy với Ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu trường hợp tế nhị này. Ông Nhu thông cảm và họp vài nhân vật lãnh đạo các đoàn thể và tôi để tìm một người khác thay tôi trong các giới trí thức, độc lập, có uy tín, không bị tai tiếng, v. v..

Có lẽ vì khó tính quá, không tìm được ai, và cũng không dám cưỡng lại quyết định của ông Diệm nên ông Nhu khuyên tôi nhận lời. Việc này chứng tỏ một điều mà tôi đã trình bày rõ trong sách, là ông Diệm không để ý đến đảng phái ủng hộ ông, không đặt vấn đề tôn giáo khi dùng người. *Theo tôi nhận xét, ông quyết định nhiều việc theo lương tri và quan niệm của ông về giá trị con người và theo trực giác chính trị của ông.* Trong những trường hợp này, gia đình của ông kể cả Đức Cha Ngô Đình Thục và ông Nhu cũng *không ảnh hưởng gì đến quyết định của ông.*

Hỏi: Lúc đó anh có nghe những lời chỉ trích chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa? Phản ứng của anh

lúc đó (và bây giờ) như thế nào ?

Đáp: Tôi có nghe nói và tôi đã kể lại trong sách nhiều trường hợp. Có những lời chỉ trích đứng đắn và xây dựng, nếu được nghe theo chắc chắn có lợi ích cho sự củng cố thêm sức mạnh của Miền Nam nhưng ngược lại cũng có những lời chỉ trích sai lầm, mang nặng ác ý. Tôi nhắc sơ qua đây vài trường hợp có tính cách xây dựng mà *tôi đã phản ảnh lại với Tổng thống Diệm.*

Giáo sư trường Luật Dương Trung Tín đồng thời là đồng nghiệp khả kính của tôi đã nói với tôi rằng *chỉ cần một sự cởi mở thì chế độ sẽ tốt đẹp hơn.* Một số sĩ quan bày tỏ với tôi nỗi bất bằng của họ vì họ không được thăng cấp đã nhiều năm, một ông *trung tướng than với tôi về sự chú ý đến đời tư của họ và mong các nhà lãnh đạo để cho họ «relaxe»* (nguyên từ được sử dụng) một tí và gia đình vài thân chủ của tôi kêu nài về sự *bắt bớ lạm quyền của một cơ quan an ninh*, v. v...

Tại Quốc Hội, với tư cách Chủ tịch Ủy Ban Quốc Phòng, tôi xúc tiến việc nghiên cứu soạn thảo một dự luật *qui chế sĩ quan và quân nhân nói chung để ngăn ngừa hay ít nhất giảm thiểu những trường hợp bất công trong việc thăng thưởng mà ảnh hưởng rất tai hại cho tinh thần của quân sĩ như chính lời Đại Tướng Lê Văn Tỵ, Tổng tham Mưu Trưởng đã nói với tôi khi tôi hỏi ý kiến ông.* Với vài tư cách bổ túc nhau, tôi đã cố gắng can thiệp trong một số việc phức tạp vừa có tính cách chính trị, vừa có tính cách hình sự như *vụ Đảng Đại Việt Cách Mạng đã tổ chức Chiến Khu Ba Lòng ở tỉnh Quảng Trị.*

Thời bấy giờ và bây giờ cũng vậy, tôi chủ trương yếu tính của một chế độ chính trị trước hết là dân chủ và cởi mở. Cố nhiên hoàn cảnh chiến tranh đặt ra một số giới hạn cần thiết nhưng không phải vì vậy mà quyền tự do cá nhân bị tước đoạt như ở dưới chế độ Cộng sản. *Vấn đề là dung hòa cho được tự do và trách nhiệm của mỗi người, quyền lợi của quốc gia và quyền lợi của người dân trong nước.* Có lẽ nhờ tư tưởng và thái độ minh bạch của tôi như vậy mà nhiều nhân vật và tổ chức đối lập với chính thể Đệ Nhất Cộng Hòa đã có những giao hảo tốt đẹp với tôi và đoàn thể của tôi trong cuộc sinh hoạt chính trị ở Miền Nam trong thời Đệ Nhị Cộng Hòa.

NGUYỄN HÀ TUỆ

CỌNG CỎ VÀNG

Tìm trên cọng cỏ vàng run rẩy
Trời hoang mang
tiếng hót lạc mây sầu
(thơ Joseph Huỳnh Văn)

1. Tôi về đây cọng cỏ vàng trên mộ
Xác xơ đồi mộ chí lệch xiêu
Tuổi xanh tan nát trong lòng đất
Đỏ máu trời mây rực ánh chiều.

2. Tìm chi nữa cọng cỏ vàng thơ dại
Đá đổ mồ hôi gạch máu bầm
Những thân trâu ngựa đời nô lệ
Rừng thác mưa tuôn biển sóng gầm.

3. Cọng cỏ vàng người cọng cỏ vàng
Đất cằn nứt nẻ gió khô ran
Hỗn mang trời đất mờ nhân ảnh
Cọng cỏ vàng người cọng cỏ vàng.

Tháng 4 - 2002

Hỏi: Việt Nam bị Pháp đô hộ rồi bị ảnh hưởng chính sách của Mỹ khi nước này viện trợ cho Miền Nam chống lại Cộng sản Bắc Việt xâm lăng với sự trợ giúp của Nga, Hoa. Khi nhìn lại quãng thời gian vừa qua, anh có đồng ý với chính sách của các chính phủ kế tiếp về đối nội cũng như đối ngoại?

Đáp: Câu hỏi này quá rộng và câu trả lời đã *có sẵn và đầy đủ trong bộ sách của tôi.* Thật vậy, chỉ trong vòng hơn 30 năm từ những năm cuối cùng của thời Pháp thuộc cho đến năm 1975 chúng ta đã trải qua năm chế độ chính trị, không kể chế độ «Dân Chủ Cộng Hòa» của Cộng sản ở Miền Bắc: Chính Phủ Nam Triều của Hoàng Đế Bảo Đại dưới thời Pháp đô hộ, chính phủ Việt Nam độc lập cũng của Vua Bảo Đại do ông Trần Trọng Kim làm thủ tướng sau khi quân đội Nhật lật đổ chính quyền Pháp ở Đông Dương (9.3.1945), chế độ Quốc trưởng của Cựu Hoàng Bảo Đại từ 1949 đến 1955, chế độ Cộng Hòa đệ nhất và đệ nhị cho đến 30.4.1975.

Dưới thời kỳ Pháp đô hộ, Chính Phủ Nam Triều bị tước đoạt gần hết quyền hành nên chẳng có trách nhiệm gì để bị phê phán. Ngược lại, Chính Phủ Trần Trọng Kim thật đáng trách vì đã không làm gì cả để củng cố và phát triển quyền lực quốc

gia và đã bỏ cuộc nhanh chóng, tạo nên một lỗ trống cho Cộng sản giành lấy chính quyền một cách quá dễ dàng.

Từ ngày Pháp trở lại Đông Dương và Việt Nam nói riêng (1945, 1946), các chính phủ kế tiếp dưới quyền lãnh đạo của Quốc trưởng Bảo Đại dù hết sức cố gắng đã không thu hoạch được kết quả tối đa vì phải lệ thuộc nhiều vào nước Pháp mà chính sách về Việt Nam thay đổi thường xuyên qua các chính phủ kế tiếp của thời Đệ tứ Cộng Hòa (Pháp).

Nổi bật trong thời kỳ biến động này là chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Từ một thế suy yếu và một tình trạng phân hóa cơ hồ có thể sụp đổ trong vòng một năm tối đa sau Hiệp Định Genève 1954 như các quan sát viên quốc tế dự đoán, Miền Nam Việt Nam đã đứng vững và còn vươn mình lên hầu như toàn diện, an ninh lãnh thổ được bảo đảm, mức sống của dân chúng, công chức và quân nhân được nâng cao rõ rệt, văn hóa giáo dục được phát triển, chủ quyền và thể thống quốc gia được tôn trọng. Cố nhiên không có chế độ nào toàn bích được trên thế giới nhưng *so sánh với trước và sau thời kỳ chấp chánh của ông, không một chính phủ nào ở Việt Nam thực hiện được những điều mà ông đã thực hiện được cho quyền lợi của quốc gia.* Vụ lật đổ nền Đệ Nhất Cộng Hòa và thảm sát Tổng Thống Diệm và bào đệ của ông đã dẫn đến sự xoay chuyển hướng đi của lịch sử Việt Nam năm 1975.

Những cố gắng và hy sinh của dân, quân dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa đã không thay đổi được tình thế.

Hỏi: Anh khuyến cáo thanh niên ở hải ngoại nên về nước xây dựng quê hương. Cộng sản cũng có kêu gọi như vậy nhưng họ chỉ kêu gọi vậy thôi, thực tế chính sách luật rừng hay những âm mưu của họ gài bẫy những người có lòng. Cộng sản chỉ muốn dùng con cháu của họ để củng cố quyền hành.

Đáp: Tôi xin nhấn mạnh rằng thanh niên và rộng hơn, những người Việt ở hải ngoại có khả năng và kinh nghiệm nên và cần đóng góp tối đa năng lực của mình theo hoàn cảnh của mỗi người vào công việc tái thiết và phát triển quê hương trong khuôn khổ của sự xây dựng một vận hội mới cho Đất Nước. Tuy nhiên, *điều kiện tiên quyết để khởi sự là đảng Cộng sản Việt Nam phải áp dụng các qui luật, dân chủ, hội nhập và cộng đồng dân tộc để chung sức với toàn dân chứ không độc quyền lãnh đạo và không đứng trên đầu trên cổ dân như bây giờ.* Đây là một lời kêu gọi, một thách thức không phải của riêng tôi mà của hàng chục triệu người Việt trong và ngoài nước mà tôi muốn chuyển đạt đến những người lãnh đạo Cộng đảng Việt Nam qua tác phẩm «Việt Nam đi về đâu?» này.

Hỏi: Năm 1959, anh từng là chủ nhiệm chủ bút Công Dân, nhật báo đầu tiên tại Huế. Tờ báo đình bản ba năm sau đó, tại sao? Từ đó về sau, có khi nào anh có ý định sẽ ra một tờ báo?

Đáp: Công Dân là tờ *nhật báo* đầu tiên tại Miền Trung kéo dài được ba năm liên tiếp. Tôi phải đình bản vì như anh đã biết rõ, một tờ báo ra hằng ngày phải có một số tối thiểu độc giả thường xuyên và một số quảng cáo. Miền Trung, «xứ dân nghèo» đã không cung cấp được cho tôi hai nguồn thu nhập cần thiết ấy. Tôi thích nghề làm báo nhưng không phải ai cũng làm được một tờ nhật báo.

Hỏi: Tại sao anh từ chức Thứ trưởng Thông Tin năm 1970?

Đáp: Vào tháng 8 năm 1969, Tổng thống Thiệu dành một số bộ trong Chính Phủ cho vài đoàn thể chính trị. *Đảng Nhân Xã được giao phó Bộ Thông Tin.* Ủy Ban Chấp Hành trung ương của Đảng họp tại trụ sở ở đường Kỳ Đồng, Sài Gòn, đề cử tôi (đồng sáng lập viên và Tổng ủy viên tuyên nghiên huấn của Đảng), thay mặt đảng nhận lời mời của Tổng thống Thiệu. Tôi từ chối sự chỉ định của ủy ban vì muốn dành thì giờ lo việc phát triển đoàn thể, mới thành lập năm 1967. Lúc ấy, anh Ngô Khắc Tĩnh vừa được cử làm Sứ thần cố vấn (Ministre conseiller) cạnh Tòa Thánh Vatican. Anh Tĩnh và tôi đã cùng nhau đến viếng Đức Khâm Sứ Tòa Thánh ở đường Hai Bà Trưng trước khi anh ấy lên dường đi La Mã (Rome) nhận chức. Sau khi từ chối, tôi đề nghị Ủy ban chấp hành cử anh Tĩnh thay tôi. Ủy ban đồng ý và yêu cầu tôi giúp cho anh ấy cũng như vài anh em khác.

Hai vấn đề quan trọng của Miền Nam lúc bấy giờ là :

1. Đương đầu và phản công trên mặt trận tuyên truyền của Cộng sản Việt Nam trên thế giới, đứng sau lưng và hỗ trợ, thúc đẩy phong trào chống chiến tranh Việt Nam ở Hoa Kỳ và Âu châu,

2. *Truyền thông và báo chí trong nước trong bối cảnh chiến tranh và hoạt động dân vận, trí vận của Cộng sản.*

Vốn thích đối phó và giải quyết những tình thế khó khăn và nhận thức tính cách thiết yếu và cấp bách của hai vấn đề trên, *tôi nhận lời đảm trách các phần vụ này, kêu gọn là Thông tin quốc ngoại và Báo chí.* Tưởng nên chú ý rằng các nhiệm sở

ngoại giao của chúng ta đã và đang phụ trách công tác thông tin ở các quốc gia bạn trong thẩm quyền của các sứ quán và các đại diện Bộ Thông tin bên cạnh các sứ quán được đặt dưới quyền điều khiển của các vị Đại sứ hay trưởng nhiệm sở. Sự cộng tác giữa hai Bộ Thông tin và Ngoại giao rất tốt đẹp. Tổng trưởng Bộ này là anh Trần Văn Lắm, thân hữu của chúng tôi. Dưới thời Đệ nhất Cộng Hòa, anh Lắm đã từng làm Trưởng Khối Cộng Đồng Nhân Vị.

Khoảng một tháng sau khi nhậm chức, tôi mở một cuộc họp báo tại nhà hàng Continental để thảo luận và qui định rõ *quyền tự do và trách nhiệm của báo chí,* khá mù mờ trước đây, trong hiện tình đất nước. Sự hoạch định rõ ràng làm cho những tương quan giữa Bộ Thông Tin và báo chí trong nước cởi mở hơn và *từ đấy mang tính chất hợp tác đối thoại thay vì đối đầu ngờ vực.*

Đối ngoại, ba tháng sau khi nhận chức, tôi đã *chuẩn bị xong một chương trình hoạt động tuyên vận và giải độc ở các nước ngoài, dưới danh hiệu thông tin quốc ngoại.* Kế hoạch hoạt động dựa trên một hệ thống tổ chức tư nhân gồm những nhân vật bản xứ và những Việt kiều có uy tín, có liên hệ và ảnh hưởng đến các giới truyền thông, các đoàn thể chính trị, nghiệp đoàn, tôn giáo và các môi trường sinh viên. Sau chuyến công tác ở Hoa kỳ, Pháp và Thái Lan, nơi có nhiều Việt Kiều mà một số đông có liên hệ với Miền Bắc Cộng sản từ lâu hơn là với Việt Nam Cộng Hòa.

Sau khi sắp đặt các cơ sở và một số nhân sự cốt cán sẵn sàng làm việc với chúng tôi (xin xem chi tiết rõ hơn trong sách), trở về nước, tôi đệ trình Thủ tướng (Trần Thiện Khiêm) và Tổng thống Thiệu bản tường trình kèm theo chương trình và kế hoạch hoạt động. Đợi mãi không thấy quyết định của hai ông, tôi đệ đơn từ chức vì mục đích duy nhất của tôi khi tham gia chính phủ là thực hiện cho được điều mà tôi và chính Tổng thống Thiệu cũng cho là khẩn thiết nhưng đến giai đoạn thiết kế và thi hành thì có thể có ý kiến khác nhau.

Tôi rất cảm động trước phản ứng của làng báo Miền Nam nói chung khi hay tin tôi từ chức. *Ký giả lão thành Trần Tấn Quốc đã viết: «Sự từ chức của Luật sư Lê Trọng Quát là một nét son trong lịch sử báo chí nước nhà.»* Tôi cảm thấy không được xứng đáng lắm với lời khen ngợi này vì hoàn cảnh đã không cho phép tôi đi xa hơn.

Hỏi: Trong sách, anh có kể cho độc giả một kỷ niệm vui/buồn nào trong suốt thời gian hoạt động từ năm 1950 cho đến 1975? Nếu không, xin anh cho nghe vắn tắt ở đây.

Đáp: Một sự tình cờ khá đặc biệt giữa lòng thủ đô Paris. Vào khoảng cuối 1977 hay 1978 tôi không nhớ rõ, tôi đang làm giám đốc một khách sạn đường Wagram gần đại lộ Champs-Elysées thì bỗng có một người Việt tiến vào quầy tiếp khách nói chuyện với hai cô tiếp viên và thư ký. Nét mặt ông này nhắc tôi nhớ lại một khuôn mặt quen thuộc bên nhà. Khi ông này đi rồi thì hai cô (đều là người Việt) cho tôi hay đấy là Tướng Nguyễn Văn Hinh đến thuê phòng cho khách hàng của một công ty nơi ông làm việc.

Tôi nghĩ quả đất thật là tròn. Tôi chỉ «được» biết và thấy ông này một lần vào đầu năm 1953 tại Câu lạc bộ Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức khi ông đến đấy không quá nửa giờ, tụ họp tất cả quân trường lại và đăng đàn dằn mặt các khóa sinh, *đặc biệt là chính tôi.*

Ông nói tiếng Pháp, đại khái ông ở mặt trận về, đến đây liền, dạy kỷ luật cho mọi người biết... Ông nói lớn nhìn thẳng vào chúng tôi: «Các anh phải biết rằng, trong lúc chiến tranh người chỉ huy có quyền sinh sát binh sĩ dưới quyền ... *Tôi biết kẻ cầm đầu đang có mặt giữa các người...»* (Nguyên từ là: Vous devez savoir qu'en temps de guerre tout chef a le droit de vie et de mort sur ses hommes... *Je sais que le meneur est encore parmi vous...*)

Một tuần lễ sau, An Ninh Quân Đội về Trường Thủ Đức bắt tôi, đem về giam tại Quân Lao Chí Hòa trong một xà lim nhỏ gần hai tháng trước khi giáng cấp, đưa tôi vào trung đội kỷ luật, gởi ra chiến trường Bắc Việt ở một tiền đồn tỉnh Thái Bình vì chính tôi là kẻ cầm đầu cuộc phản kháng qui mô chống lại thái độ khinh miệt và khắt khe của ban chỉ huy người Pháp của quân trường này.

Năm 1961, tôi trở lại thăm quân trường với Ủy Ban Quốc phòng mà tôi hướng dẫn trong khuôn khổ viếng thăm các quân khu, quân trường và bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Tướng Hinh lưu vong trước (1955), tôi lưu vong sau (1975), hoàn toàn không hận thù và nếu có dịp gặp nhau ôn lại nhiều chuyện cũ cũng là hay vì ông đã được tôi nhắc đến nhiều trong sách khi nói về vụ ông mưu toan chống lại Tổng thống Diệm. Quả là một trò chơi của định mệnh.

Từ Nguyên: Xin cảm ơn LS Quát.

* Sách dày hơn 1 000 trang, gồm hai tập, giá mỗi tập : 15 euro tại Âu Châu, 16 Mỹ kim tại Hoa kỳ và các nước khác. Liên lạc : LE TRONG 47000 Warm Springs #457 FREMONT CA 94539 USA ĐT : (510) 252 9796

UNG THƯ VÚ VÀ VẤN ĐỀ THÔNG TIN Y KHOA

NGUYỄN VĂN TUẤN

Hiện nay ở các nước Tây phương các giới chức y tế đang phát động một phong trào khám nghiệm một số bệnh ở qui mô cộng đồng, mà tiếng Anh thường gọi là "*mass screening*," hay "*screening*." Một số bệnh đặc biệt được chú trọng trong các chương trình qui mô này là ung thư vú, ung thư tuyến tiền liệt (prostate cancer), và AIDS/HIV. Họ (giới y tế) kêu gọi những người có tuổi nên đi khám bác sĩ thường xuyên và thử nghiệm xem có bị ung thư tuyến tiền liệt (trong đàn ông) hay ung thư vú (trong phụ nữ) hay không. Đây là một vấn đề còn trong vòng tranh luận gay gắt trong giới y khoa, nhưng hình như những bất đồng ý kiến này vẫn chưa được công chúng, nhất là cộng đồng người Việt, thông hiểu. Thực vậy, trong một nghiên cứu ở Mỹ cách đây hai năm về kiến thức ung thư vú, chỉ trên dưới một phần ba phụ nữ gốc Việt có kiến thức đầy đủ về loại ung thư này [1].

Tuy thế, trong cộng đồng người Việt, một phong trào khám nghiệm ung thư ở qui mô lớn đã được phát động ở vài nơi có đông người Việt cư ngụ. Chẳng hạn như tài liệu "Ung thư vú: Những điều phụ nữ Việt Nam nên biết" (trong Chương trình y tế *Health is Gold! – Sức khỏe là vàng*, do Trường Y khoa thuộc Đại học California – San Francisco (UCSF)) ấn hành, khuyên: "*Phụ nữ 50 tuổi trở lên cần phải chụp quang tuyến vú mỗi một hoặc hai năm một lần. Phụ nữ dưới 50 tuổi hoặc phụ nữ có nguy cơ bị ung thư vú, nên hỏi ý kiến bác sĩ của mình về việc chụp quang tuyến vú,*" và "*Phụ nữ từ 20 đến 39 tuổi cần phải đi khám vú mỗi ba năm một lần. Phụ nữ 40 tuổi trở lên cần phải đi khám vú mỗi năm một lần.*"[2] Ở Sydney, một tài liệu do Bộ y tế Úc lưu hành trong cộng đồng người Việt ở Sydney viết [trích đoạn]: "*Những người [...] khi đến tuổi từ 40 trở lên, nên thường xuyên đi khám bác sĩ. Việc khám ngừa ung thư tuyến tiền liệt gồm thử máu và khám tuyến tiền liệt qua đường hậu môn.*" [3]

Nhưng giới y tế lại mâu thuẫn với nhau. Sự mâu thuẫn xoay quanh ba vấn đề chính: chụp X-quang tuyến vú (mammography), khám nghiệm vú do bác sĩ tiến hành, và bệnh nhân tự khám vú. Hiệp hội ung thư Mỹ khuyên phụ nữ từ độ tuổi 40 trở lên nên đi chụp quang tuyến vú *và* đi khám bác sĩ mỗi năm (hay mỗi hai năm). Trong khi đó Cơ quan phòng chống ung thư vú (Mỹ) và Hiệp hội ung thư (Canada) lại khuyến cáo các phụ nữ này chỉ nên đi chụp quang tuyến vú mỗi một (hay hai năm) nhưng không phải từ độ tuổi 40 mà kể từ lúc 50 tuổi trở lên. Cả hai nhóm cũng không đồng ý với hiệu quả của việc bệnh nhân tự khám vú. Nhưng Hiệp hội ung thư Mỹ khuyên phụ nữ tuổi từ 20 trở lên nên tự mình khám vú hàng tháng để phát hiện xem có dấu hiệu gì bất thường hay không!

Với những lời khuyến cáo mâu thuẫn này (tất cả đều xuất phát từ các cơ quan chuyên môn), phụ nữ nên nghe lời ai? Để trả lời câu hỏi này, người phụ nữ cần phải biết lợi ích và tác hại của việc kiểm tra ung thư vú. Chắc chắn sẽ không có một quyết định bao quát cho mọi phụ nữ, vì họ khác nhau về bối cảnh gia đình cũng như các đặc tính lâm sàng và sinh học.

Tại sao cần khám nghiệm ung thư? Việc tham gia vào các chương trình khám nghiệm ở qui mô cộng đồng này đem lại lợi ích gì cho người phụ nữ? Hậu quả của kết quả thử nghiệm ra sao? Bài viết này sẽ điểm qua những vấn đề này, và hi vọng sẽ cung cấp cho đồng hương một vài thông tin mà các giới chức y tế không (hay ít khi nào) đề cập đến, và hi vọng qua đó, đồng hương sẽ tự mình quyết định có nên tham gia vào các chương trình thử nghiệm như thế hay không. Bài này sẽ chia làm hai phần: phần I đề cập đến các vấn đề liên quan đến ung thư vú, và phần II là các vấn đề liên quan đến ung thư tuyến tiền liệt.

Ung thư vú

Ung thư vú được định nghĩa là sự có mặt của bất kì một u (bướu) ác tính nào trong vú. Sự phát sinh ung thư vú, cũng giống như các dạng ung thư khác, là hậu quả của sự rối loạn trong quá trình

tái sản xuất tế bào. Tế bào trong cơ thể chúng ta sản xuất và tái sản xuất một cách liên tục. Thông thường, các tế bào "lành mạnh" phân chia và sao chép khi nhận được tín hiệu hóa học. Qui trình phân chia và sao chép này được tiến hành một cách chính xác, với một chu kì gần như bất biến. Nhưng một khi chu kì này bị rối loạn, cấu trúc DNA bị thay đổi, và các tế bào đột biến bắt đầu không tuân theo qui trình phân chia và sao chép như đã định, và sau cùng là hỗn loạn hệ thống tái sản xuất tế bào. Hậu quả của sự rối loạn sản suất và sao chép này dẫn đến ung thư. Dấu hiệu chính của ung thư vú là một khối u (chỗ lồi) trong vú. Đôi khi dấu hiệu khác đáng chú ý là một khối u trong nách, do ung thư lan đến các hạch máu trắng nằm ở khu vực này. U có thể lan đến xương, phổi, và gan.

Mỗi vú có khoảng 15 đến 20 "vùng", gọi là *thùy* (lobe); mỗi thùy được chia thành nhiều vùng nhỏ, gọi là *tiểu thùy* (lobules). Thùy và tiểu thùy liên kết với nhau bằng những ống dẫn nhỏ (ducts). Ngoài ra vú còn có các tổ chức đệm xung quanh. Dựa vào cấu trúc này, ung thư vú được phân thành nhiều loại khác nhau, chủ yếu là:

Ung thư nội tại của ống dẫn sữa (ductal carcinoma in situ hay còn gọi là *DCIS*). Như tên gọi, loại ung thư này chỉ giới hạn trong các ống dẫn sữa và không lan sang các mô chung quanh. Loại ung thư này rất khó phát hiện bằng mắt thường, mà chỉ có thể phát hiện qua quang tuyến X. Khoảng 20% các trường hợp ung thư vú là thuộc dạng "ung thư hiền" này.

Ung thư ống dẫn sữa xâm nhập (invasive ductal cancer). Đây là loại ung thư vú thường thấy nhất. Khoảng 70% các trường hợp ung thư vú là thuộc dạng này. Nó thường được biểu hiện dưới hình thức một cục bướu cứng, và thường thấy trong các tế bào của các ống dẫn sữa.

Ung thư nhầy (Mucinous carcinoma) cũng là một dạng bướu ác tính, nhưng ung thư này có chứa các tế bào sản xuất chất nhầy, và chất nhầy làm cho cục bướu có màu lóng lánh. Chỉ có khoảng 3% trường hợp ung thư vú thuộc dạng này.

Ung thư tiểu thùy xâm nhập (invasive lobular carcinoma). Đây là một dạng ung thư thường hiện diện trong hai đầu ống dẫn sữa hay trong các tiểu thùy. Loại ung thư này chiếm khoảng 5% trong các trường hợp ung thư vú.

Tỉ lệ người bị ung thư vú khác biệt giữa các sắc dân. Nói chung, người da trắng có nguy cơ bị ung thư vú cao nhất, kế đến là người da đen, và thấp nhất là người Á châu da vàng.

Chưa ai biết chính xác các nguyên nhân của ung thư vú. Nhưng dựa vào những gì mà nghiên cứu khoa học cho chúng ta biết trong thời gian qua, có thể nói rằng phần lớn ung thư vú có liên hệ với các yếu tố kích thích tố (hàm lượng kích thích tố nữ [estrogen] cao, tuổi có kinh sớm ...), môi trường và cách sống (như thói quen ăn uống quá nhiều chất béo, hút thuốc lá, ít tập thể dục...) Điều cần nhấn mạnh là các yếu tố này "liên quan" với, chứ không hẳn là "nguyên nhân gây ra," ung thư vú. Tức là, ví dụ như có người ăn nhiều chất béo và có kinh sớm nhưng không bị ung thư vú, nhưng có người ăn ít chất béo và có kinh muộn lại bị bệnh. Chưa ai có thể dùng các yếu tố này để đoán biết chắc chắn xem ai sẽ bị và ai sẽ không bị ung thư vú. Nhiều nghiên cứu dùng các phương pháp toán học phức tạp để tiên đoán nhưng kết quả vẫn chưa thể ứng dụng vào thực tế lâm sàng.

Ngoài các yếu tố kích thích tố và môi trường, di truyền cũng đóng một vai trò khiêm tốn. Khoảng 10% trường hợp ung thư vú là do di truyền. Cho đến nay, sau hơn 30 năm nghiên cứu, các nhà khoa học phát hiện hai genes có dính dáng đến ung thư vú, gọi là BRCA1 và BRCA2 gene. Nhưng hai genes này hiện diện rất ít trong phụ nữ. Điều này có nghĩa rằng, nếu trong gia đình có mẹ hay chị em gái bị ung thư vú, thì cá nhân đó có xác suất (hay nguy cơ) bị ung thư vú cao hơn trung bình, chứ không phải là 100%.

Hiện nay, có nhiều cách để khám nghiệm ung thư vú, nhưng tựu trung lại, có thể nói là ba cách: dùng quang tuyến X, do bác sĩ khám, và tự khám. Các chương trình khám nghiệm ung thư vú thường kêu gọi phụ nữ nên đi khám bằng quang tuyến X ít nhất là một lần, và thường xuyên tự khám hay đến bác sĩ để được khám. Nhưng vì mức độ nguy cơ bị ung thư vú tăng theo tuổi tác, những lời khuyên thường được dựa vào tuổi của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, như đề cập trên, ngay cả cùng độ tuổi mà giới y tế vẫn có những lời khuyên mâu thuẫn nhau. Để hiểu rõ vấn đề, phần còn lại của bài viết sẽ bàn về lợi và hại của từng phương pháp và từng độ tuổi.

Khám nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X

Mục đích chính của những chương trình thử nghiệm ung thư vú ở qui mô cộng đồng là, qua phát hiện ung thư sớm, hi vọng sẽ điều trị và quản

lí căn bệnh sớm, và làm giảm tỉ lệ tử vong. Nói một cách khác, mục đích chính của việc khám nghiệm ung thư vú là để cứu người, ngăn ngừa những cái chết không cần thiết.

Đó là một lí tưởng cao cả và đẹp. Làm sao xác định được việc khám nghiệm ung thư vú có thể đáp ứng được mục tiêu [giảm tỉ lệ tử vong] trên. Phương pháp tốt nhất và đáng tin cậy nhất là tiến hành một thử nghiệm lâm sàng đối chứng ngẫu nhiên (controlled randomized clinical trials), mà trong đó một số lớn phụ nữ được chia thành hai nhóm: nhóm *một* được khám nghiệm ung thư vú thường xuyên, và nhóm *hai* là nhóm đối chứng (tức không được khám nghiệm lần nào cả). Nếu phụ nữ trong nhóm một, khi đi khám nghiệm, có dấu hiệu cho thấy ung thư vú, họ sẽ được khám nghiệm một lần nữa, và giới thiệu đi điều trị. Sau một thời gian, chẳng hạn như là 10 năm, các nhà nghiên cứu sẽ phân tích xem tỉ lệ tử vong do ung thư vú gây ra trong hai nhóm có khác nhau hay không.

Trong quá khứ đã có 10 cuộc ngiên cứu như thế, với tổng số đối tượng hơn 500 ngàn phụ nữ, được tiến hành ở Mỹ, Tô Cách Lan (Scotland), Canada, và Thụy Điển [4]. Kết quả các cuộc nghiên cứu này có thể tóm gọn như sau:

Nhóm	Tỉ suất tử vong trên 1000 phụ nữ
Nhóm 1: không khám nghiệm ung thư vú	4 (a)
Nhóm 2: khám nghiệm ung thư vú	3 (b)

Có vài cách hiểu và diễn dịch kết quả này. Cách thứ nhất là dùng *nguy cơ tương đối* (relative risk), tức là phát biểu rằng kiểm tra ung thư vú làm giảm tỉ suất tử vong [do ung thư vú gây ra] 25% (lấy b là 3 chia cho a là 4, rồi lấy thương số này trừ cho 1, và nhân kết quả cho 100). Giới nghiên cứu y khoa và y tế công cộng nói chung rất chuộng cách phát biểu này, vì con số 25%, khi đọc lên, làm cho người tiếp nhận cảm thấy rất ấn tượng. Nhưng vấn đề là có nhiều hiểu lầm liên quan đến cách phát biểu này. Nhiều người, khi được hỏi về ý nghĩa của con số 25% này, trả lời rằng cứ 100 phụ nữ tham gia vào chương trình khám nghiệm, thì có 25 người được cứu sống. Nhưng đó là một hiểu lầm, bởi vì trong thực tế, như kết quả trên cho thấy trong 1000 phụ nữ thường kiểm tra ung thư, sau 10 năm theo dõi, có ba người chết; trong cùng thời gian; trong 1000 phụ nữ không kiểm tra ung thư, có bốn người chết, tức là mức độ khác nhau chỉ 1 trong 1000 phụ nữ. Nhưng khi trình bày bằng chỉ số nguy cơ tương đối, nó lên đến 25%! [5].

Cách phát biểu thứ hai là *nguy cơ tuyệt đối* (absolute risk). Ở đây, có thể nói rằng việc khám nghiệm ung thư vú thường xuyên làm giảm nguy cơ tử vong 1 trên 1000 phụ nữ, hay 0.1%. Nói một cách khác, nếu có 1000 phụ nữ tham gia vào chương trình kiểm tra ung thư vú thường xuyên, sau mười năm, chương trình này có thể cứu sống một người.

Cách phát biểu thứ ba là *số bệnh nhân cần chữa trị để cứu sống một người* (number needed to treat, hay NTT). Rõ ràng, con số này càng thấp, thì phương pháp chữa trị được xem là tốt hơn. Trong ví dụ trên, phải cần khám nghiệm 1000 phụ nữ để cứu một phụ nữ.

Cách phát biểu thứ tư là *thời gian kéo dài tuổi thọ*. Phụ nữ tuổi từ 50 đến 69 tham gia vào chương trình khám nghiệm ung thư vú có tuổi thọ trung bình tăng khoảng 12 ngày [6].

Tất cả các phát biểu (hay hình thức trình bày) kết quả trên đây đều đúng, nhưng mỗi cách gợi cho công chúng (hay bệnh nhân) những khác biệt về lợi ích và tác hại của việc khám nghiệm ung thư vú thường xuyên, và đem lại cho bệnh nhân nhiều phản ứng cảm tính khác nhau. Chỉ số nguy cơ tương đối cho chúng ta biết nguy cơ tử vong trong nhóm được khám nghiệm thường xuyên giảm 25%, nhưng khi dùng chỉ số nguy cơ tuyệt đối, con số này chỉ 0.1%. Nhưng chỉ số tương đối không cung cấp cho chúng ta thông tin về lợi ích tuyệt đối của chương trình kiểm tra (hay của một thuật chữa trị). Chẳng hạn như 25% giảm tỉ suất tử vong chỉ có nghĩa là một số lớn bệnh nhân sẽ được cứu sống nếu – và chỉ nếu – căn bệnh đó rất phổ biến trong cộng đồng. Nếu căn bệnh hiếm (như ung thư vú) thì dù là một sự giảm thiểu 50% đi nữa cũng chẳng phải là một ảnh hưởng lớn.

Vì những kết quả hết sức khiêm tốn như thế, trong thời gian gần đây, đã có rất nhiều nhà nghiên cứu y khoa và bác sĩ chất vấn lợi ích của việc khám nghiệm ung thư vú thường xuyên. Nhưng ngược lại, vẫn có người lí giải rằng chương trình khám nghiệm ở qui mô cộng đồng nên được tiến hành vì nó có thể cứu sống một số phụ nữ. Một vấn đề quan trọng được đặt ra những phụ nữ nào (ở độ tuổi nào) nên đi khám nghiệm ung thứ vú thường xuyên, và lợi ích cho từng nhóm ra sao? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta có thể duyệt qua vài bằng chứng nghiên cứu mới nhất như sau:

Đối với các phụ nữ trong độ tuổi 40s, không

một nghiên cứu nào trong 10 nghiên cứu đề cập trên cho thấy khám nghiệm ung thư vú làm giảm tỉ lệ tử vong (do ung thư vú gây ra) trong vòng 10 năm. Nhưng có một nghiên cứu mà kết quả cho thấy sau 14 năm theo dõi, khám nghiệm ung thư thường xuyên có thể làm giảm nguy cơ tử vong, nhưng vì mức độ giảm thiểu quá nhỏ nên không có ý nghĩa thống kê hay ý nghĩa lâm sàng nào cả. Tuy nhiên, khi kết quả của tất cả 10 nghiên cứu được phân tích gộp chung lại, các nhà nghiên cứu kết luận rằng khám nghiệm ung thư vú thường xuyên (cho dù có kéo dài đến 15 năm) không làm giảm tỉ suất tử vong [7].

Đối với các phụ nữ trong độ tuổi 50 hay cao hơn, kiểm tra thường xuyên có lợi ích gì? Tám trong số 10 nghiên cứu đề cập trên có sự tham gia của các phụ nữ trên 50 tuổi. Có ba nghiên cứu cho thấy sau thời gian theo dõi từ bảy đến tám năm, khám nghiệm thường xuyên có thể làm giảm tỉ lệ tử vong do ung thư vú gây ra, còn năm nghiên cứu còn lại cho thấy không có khác biệt gì về tỉ suất tử vong do ung thư vú gây ra giữa hai nhóm, hay sự khác biệt quá nhỏ không có ý nghĩa thống kê và lâm sàng. Tuy nhiên, khi tổng hợp kết quả của tất cả 8 nghiên cứu, tỉ lệ tử vong giảm 27% (dùng chỉ số tương đối), nhưng khi diễn tả bằng chỉ số nguy cơ tuyệt đối, tỉ suất tử vong chỉ giảm 0.4% (hay 4 trên 1000 người). Dù mức độ ảnh hưởng quá nhỏ, nhưng chúng ta vẫn có thể kết luận rằng trong các phụ nữ trên 50 tuổi, kiểm tra ung thư vú thường xuyên có thể cứu sống một số phụ nữ.

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

LẶNG TRĂNG NON

Em giấu tiếng đàn đá trên nương rẫy
Tôi về mùi hoa ban theo mây trôi
Chỉ còn nhà rông chứa nguyên kỷ niệm.
Hỏi thăm già làng Mấu-Nia đâu vắng?

Nhà sàn tre chiều sương buông lành lạnh
Mắt thoáng buồn già kể lại chuyện chưa xa
Từ mầy về xuôi hơn một năm qua
Chiều nào Mấu-Nia cũng ra bờ suối
Soi tóc mình mà thương nhớ ở xa xôi!

Một sáng mùa đông buôn làng tắt tiếng cười
Tiễn Hoa Bằng Lăng vào rừng hương khâm liệm

Và còn đây vật kỷ niệm
Nó dặn ta trao tận tay mầy
Ngày trở lại với Suối Mơ, Dốc Nứa...

Chiếc còng khắc tên hai đứa
CN của một chiều nước in bóng đôi.

Theo chân già làng lên thăm mộ trên đồi
Già quay lưng
Tôi đứng lặng vầng trăng non chênh chếch.

Bác sĩ khám và tự khám ung thư vú

Ngoài việc khám nghiệm bằng X-quang tuyến vú, phụ nữ còn được khuyên nên đến thường xuyên tham vấn bác sĩ để bác sĩ khám vú, và tự mình khám. Hiệp hội ung thư Mỹ khuyên phụ nữ từ độ tuổi 40 trở lên nên đi chụp quang tuyến vú và đi khám bác sĩ mỗi năm (hay mỗi hai năm). Hiệp hội này cũng khuyên phụ nữ tuổi từ 20 trở lên nên tự mình khám vú hàng tháng để phát hiện xem có dấu hiệu gì bất thường hay không.

Câu hỏi cần đặt ra là *khám ung thư vú qua bác sĩ hay tự khám có đem lại lợi ích nào không?* Theo lương năng bình dân, chúng ta có thể nghĩ rằng khám nghiệm bằng cả ba phương pháp (X-quang tuyến, bác sĩ khám, và tự khám) có lẽ phải "khá" hơn một phương pháp riêng biệt. Thế nhưng kết quả nghiên cứu lại không nói lên điều đó. Trong các phụ nữ trên 50 tuổi, tự khám và bác sĩ khám chẳng làm giảm tỉ lệ tử vong so với kiểm tra bằng X-quang tuyến [8]. Mặt khác, kiểm tra bằng X-quang tuyến chẳng "khá" hơn so với khám nghiệm của các bác sĩ có kinh nghiệm lâu năm. Tương tự, có nhiều nghiên cứu cho thấy trong các phụ

nữ tuổi từ 35 đến 65, tự khám chẳng làm giảm tỉ lệ tử vong do ung thư vú gây ra, mặc dù tỉ lệ phát sinh (incidence rate) ung thư vú tăng lên.

Nói tóm lại, bằng chứng từ nhiều nghiên cứu lớn trong vòng 20 năm qua cho thấy khám nghiệm ung thư vú (bằng quang tuyến X, hay qua bác sĩ, hay tự khám) không làm giảm tỉ lệ tử vong. Những người không khám nghiệm thường xuyên có tỉ suất tử vong ngang bằng với tỉ suất tử vong của những người khám nghiệm thường xuyên.

Trong cộng đồng người Việt Nam ở California, kết quả nghiên cứu nằm trong Chương trình Sức khỏe là vàng cũng kết luận tương tự, rằng khám nghiệm ung thư vú không đem lại ích lợi cho các phụ nữ người Việt [9]. Dù bằng chứng như thế, nhưng giới y tế vẫn khuyên phụ nữ Việt Nam trên 40 tuổi nên *"chụp mammography mỗi năm một lần"* [10].

Trong một công bố gần đây, Viện Y tế Mỹ (National Institutes of Health) có khuynh hướng dành quyền quyết định cho bệnh nhân, "Các số liệu hiện nay cho thấy không thể nào cho một khuyến cáo chung chung về kiểm tra ung thư vú bằng X-quang tuyến cho tất cả các phụ nữ ở độ tuổi 40s. Mỗi phụ nữ nên tự quyết định có nên đi khám nghiệm bằng X-quang tuyến vú hay không" [11]. Lời khuyên này làm công chúng không hài lòng. Trong quá khứ, phụ nữ thường nghe theo lời khuyên của bác sĩ để đi khám X-quang tuyến thường xuyên; nay thì ngay cả Viện Y tế cũng không có khả năng đưa ra một lời khuyên dứt khoát, và họ có lí do để chất vấn những gì mà bác sĩ từng khuyên răn họ trước đây.

Tại sao kiểm tra ung thư vú trong các phụ nữ dưới 50 tuổi không có tác dụng lâm sàng? Có nhiều giả thiết để trả lời cho câu hỏi này, nhưng chúng chỉ là... giả thiết. Chẳng hạn như mật độ vú (breast density) trong các phụ nữ trẻ tuổi thường cao hơn mật độ vú trong các phụ nữ lớn tuổi, và kiểm tra bằng X-quang tuyến khó mà phát hiện được ung thư (hay phát hiện được nhưng không chính xác). Một giải thích khác là, trong các phụ nữ trẻ tuổi, một số dạng ung thư vú thường "ác tính" và phát triển nhanh, và khi khám định kì (như một hay hai năm) có thể không phát hiện kịp thời. Ngoài ra, tỉ lệ ung thư vú trong các phụ nữ dưới 50 tuổi thường rất thấp, và kiểm tra ung thư vú trong các phụ nữ này chẳng đem lại lợi ích gì nhiều cho một quần thể.

Những bất trắc trong khám nghiệm ung thư vú

Trong tình trạng bất định này, người phụ nữ phải quyết định thế nào? Để đi đến một quyết định đi khám X-quang tuyến, người phụ nữ phải hiểu lợi ích và rủi ro của công nghệ này một cách rõ ràng. Như trình bày trên, lợi ích của việc khám nghiệm ung thư vú thường xuyên chưa được chứng minh. Nhưng những tác hại thì đã được ghi nhận khá nhiều, nhưng hình như ít khi nào được trình bày rõ ràng cho công chúng. Những tác hại, hay rủi ro gắn liền với việc khám nghiệm ung thư có thể tóm gọn trong ba nhóm: thiếu chính xác trong chẩn đoán, ung thư do phóng xạ, và ung thư không phát triển.

Vấn đề chẩn đoán

Để biết một phụ nữ bị ung thư vú hay không, cách chính xác nhất là qua giải phẫu, hay trong trường hợp những người đã chết, là qua giảo nghiệm tử thi. Nhưng giải phẫu là một thủ thuật xâm nhập nặng nề, và tốn kém. Do đó, các nhà khoa học phát triển nhiều phương pháp để có thể chẩn đoán ung thư mà không cần đến giải phẫu để biết bệnh trạng của của bệnh nhân. Trong trường hợp ung thư vú, một phương pháp công nghệ cao là chụp X-quang tuyến vú, hay còn gọi là *mammography*.

Kết quả của việc khám nghiệm bằng X-quang tuyến có thể là *dương tính* (positive), hay *âm tính* (negative). Một kết quả dương tính có nghĩa rằng bệnh nhân có thể bị ung thư vú, và một kết quả âm tính cho biết bệnh nhân có thể không bị ung thư vú. (Hai chữ "có thể" ở đây rất quan trọng, vì nó nói lên một sự bất định trong việc chẩn đoán ung thư vú bằng X-quang tuyến.)

Do đó, đối chiếu kết quả thử nghiệm của X-quang tuyến với thực trạng của bệnh nhân, chúng ta có bốn trường hợp:

(a) thứ nhất, bệnh nhân quả thật bị ung thư vú và kết quả thử nghiệm là dương tính; trong y khoa, trường hợp này được gọi là *dương tính thật* (danh từ chuyên môn tiếng Anh gọi là *sensitivity*);

(b) thứ hai, bệnh nhân quả thật không bị ung thư vú, nhưng kết quả thử nghiệm lại dương tính, còn được gọi ngắn gọn là *dương tính giả* (*false positive*);

(c) thứ ba, bệnh nhân quả thật không bị ung thư vú, và kết quả thử nghiệm là âm tính, đây là trường hợp của *âm tính thật* (*specificity*); và

(d) thứ tư, bệnh nhân quả thật bị ung thư vú, nhưng kết quả thử nghiệm là âm tính, còn gọi theo ngôn ngữ y khoa là *âm tính giả* (*false negative*).

Một phương pháp chẩn đoán hoàn hảo là phương pháp có tỉ lệ dương tính thật và âm tính thật 100% (tức tỉ lệ dương tính giả và âm tính giả là 0%). Nhưng trong thực tế, không có phương pháp thử nghiệm nào là hoàn hảo cả. Thực vậy, bất cứ một phương pháp thử nghiệm y khoa nào, kể cả X-quang tuyến vú, cũng đều có, không ít thì nhiều, tỉ lệ dương tính giả và âm tính giả. Hai sai sót này là đầu mối của nhiều vấn đề trong việc khám nghiệm ung thư vú.

Nhiều nghiên cứu trong thời gian qua cho thấy tỉ lệ dương tính thật biến chuyển từ 75% đến 90%, và tỉ lệ âm tính thật thay đổi từng nhóm bệnh nhân, từ 90% đến 95%. Nói một cách khác, tỉ lệ dương tính giả có thể là 10%, nhưng cũng có thể cao đến 25%, và tỉ lệ âm tính giả có thể thấp hơn: từ 5% đến 10%.

Về mặt kĩ thuật và đứng trên quan điểm nghiên cứu, một phương pháp có tỉ lệ dương tính thật và âm tính thật là 95% (tức chỉ sai sót 5%) được xem là phương pháp có độ chính xác cao; nhưng đứng trên quan điểm của người bệnh và xã hội, một sai sót 5% vẫn có thể gây ra nhiều tác hại không lường được. Có người tìm cách tự sát chỉ vì bị chẩn đoán sai. Có người phải sống suốt đời trong nỗi lo sợ bị ung thư vú, dù thật hay giả. Trong thực tế, rất ít cho phương pháp nào chính xác đến 95%. Trong trường hợp chẩn đoán ung thư vú bằng quang tuyến X, tỉ lệ sai sót cao hơn 5%. Do đó, trước khi quyết định đi khám nghiệm ung thư, người bệnh cần phải biết và hiểu những bất trắc này.

Tỉ lệ dương tính giả trong chẩn đoán ung thư vú

Trong trường hợp ung thư vú, thông thường, một khi kết quả thử nghiệm bằng quang tuyến X là dương tính, các phụ nữ này được yêu cầu khám lại một lần nữa, và lần khám này có thể là một thử nghiệm X-quang tuyến khác, siêu âm, hay sinh thiết (tức là lấy một mảng thịt nhỏ trong vú, còn gọi là mô, để thử nghiệm thêm), hay thậm chí cắt bỏ vú. Đối với phần đông phụ nữ, việc khám nghiệm bằng X-quang tuyến rất ư là khó chịu và đau đớn. Đối với một số người, sau khi khám nghiệm họ cảm thấy như đang sống trong sự lo lắng, căng thẳng, suy nhược tinh thần, và thiếu khả năng tập trung làm việc. Nếu không may bị sinh thiết, thì vết thương trên vú lại là một nhắc nhở về căn bệnh đang đe dọa họ. Một số phụ nữ sẽ cảm thấy nhẹ nhõm nếu kết quả khám nghiệm lần hai là âm tính (tức họ không bị ung thư vú), nhưng có nghiên cứu cho thấy cứ hai phụ nữ dù có kết quả âm tính, nhưng vẫn có một người phải sống trong lo ngại suốt đời [12].

Có bao nhiêu phụ nữ trong nhóm này? Nói cách khác, có bao nhiêu trường hợp với kết quả dương tính giả? Để trả lời câu hỏi này, cần phải phân biệt hai loại sai sót: sai sót lần khám nghiệm đầu tiên, và sai sáo trong các lần tái khám.

Tỉ lệ dương tính giả trong đợt khám lần đầu. Tỉ lệ này biến đổi tùy thuộc theo độ tuổi và đặc tính lâm sàng của bệnh nhân, cũng như phụ thuộc vào loại máy quang tuyến, nhưng nói chung là có thể đi từ 10% đến 25%. Trong một công trình nghiên cứu quan trọng, các nhà nghiên cứu Mỹ theo dõi khoảng 10,000 phụ nữ trong vòng 10 năm liền, và họ ghi nhận tỉ lệ dương tính giả là 32%; tức là, cứ 100 phụ nữ khám X-quang và có kết quả dương tính, thì 32 người với kết quả dương tính giả [13]. Theo một nghiên cứu trên 26.000 phụ nữ đi khám X-quang tuyến vú lần đầu, thì cứ 10 người có kết quả dương tính chỉ có 1 người thực sự bị ung thư vú trong vòng 13 tháng sau đó [14]. Nói một cách khác, 9 trong 10 người có kết quả dương tính giả. Biểu đồ sau đây cho thấy trong 1000 phụ nữ trong độ tuổi 40 đến 50 đi khám X-quang tuyến lần đầu, có 70 người nhận kết quả dương tính giả, so với bảy trường hợp dương tính thật (tức thực sự bị ung thư vú). Đối với phụ nữ trẻ hơn, tỉ lệ dương tính giả còn cao hơn những con số trên đây [13-14].

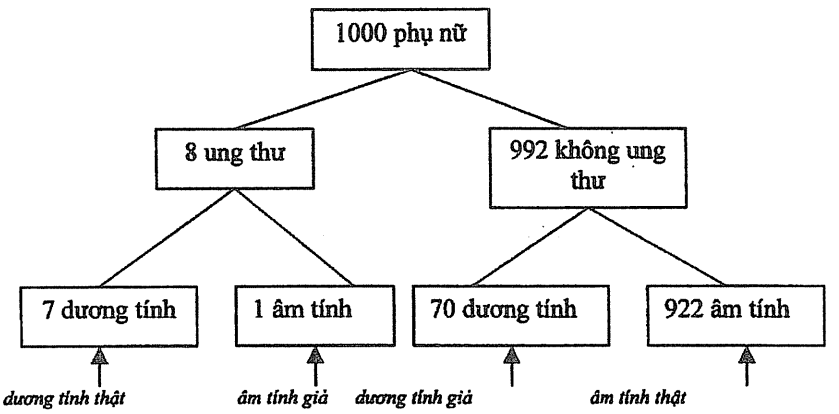

Tỉ lệ dương tính giả trong các đợt tái khám. Nếu phụ nữ đi khám X-quang tuyến vú thường xuyên (hàng năm hay hàng hai năm) thì tỉ lệ dương tính giả là bao nhiêu? Theo kết quả nghiên cứu tổng hợp, sau khi khám 10 lần liên tục, thì 1 trong 2 phụ nữ (50%) không bị ung thư vú nhưng sẽ nhận được ít nhất là một kết quả dương tính giả. Nói một cách khác, khám càng nhiều, kết quả dương tính giả càng cao. Ở Đức, số phụ nữ có kết quả dương tính giả lên đến 100.000 người mỗi năm. Ở Mỹ, với số lượng phụ nữ đi khám ung thư vú lên đến 50 triệu, Hiệp hội ung thư Mỹ ước tính rằng số người có kết quả dương tính giả lên đến nhiều triệu [15]. Nhiều người này sẽ bị sinh thiết (biopsy), thậm chí cắt bỏ vú. Đó là chưa kể đến những tác hại tâm lí và tinh thần mà phụ nữ với kết quả dương tính giả phải trả khi đi khám ung thư vú bằng máy X-quang. Các nghiên cứu tâm lí cho thấy phân nửa các phụ nữ tham dự vào các chương trình khám nghiệm ung thư vú bằng X-quang luôn cảm thấy lo ngại về tình trạng sức khỏe của mình sau kết quả dương tính giả.

Có cách nào để giảm tỉ lệ dương tính giả không? Các nhà khoa học ở Hà Lan đã từng cố gắng phát triển các tiêu chí nghiêm ngặt hơn để chẩn đoán ung thư vú, nhưng phương pháp này dù giảm tỉ lệ dương tính giả, thì lại làm tăng tỉ lệ âm tính giả! (Tức là nhiều trường hợp ung thư thật nhưng lại có kết quả âm tính, có nghĩa là bỏ sót chẩn đoán).

Âm tính giả

Bên cạnh vấn đề dương tính giả, còn có một nhầm lẫn khác gọi là *âm tính giả*, tức những phụ nữ thực sự bị ung thư vú, nhưng kết quả khám nghiệm lại âm tính. Tỉ lệ âm tính giả cao khoảng 5% đến 20%. Phụ nữ càng trẻ có tỉ lệ âm tính giả càng cao. Nói một cách khác, cứ 100 phụ nữ với ung thư vú, có 80 đến 95 người có kết quả đúng (dương tính thật), nhưng phần còn lại (5 đến 20 người) được máy cho biết rằng họ không bị ung thư vú, nhưng kì thực là họ có ung thư. Đây là một con số không nhỏ, nếu số lượng phụ nữ đi khám lên đến con số hàng triệu.

Bác sĩ có thể tìm cách giảm tỉ lệ âm tính giả, nhưng với một cái giá. Để tối thiểu hóa xác suất âm tính giả, bác sĩ có thể phân loại bướu vào hạng "nghi ngờ" (tức dương tính), và do đó làm tăng tỉ lệ dương tính giả! Âm tính giả và dương tính giả là hai mặt của việc "tiến thoái lưỡng nan" trong chẩn đoán. Giảm cái này sẽ làm tăng cái kia. Nghiên cứu cho thấy các bác sĩ quang tuyến có tỉ lệ phát hiện ung thư vú chính xác (tức tỉ lệ âm tính giả thấp) thường có tỉ lệ dương tính giả cao.

Ung thư không phát triển

Để minh họa cho trường hợp mà tôi sắp đề cập đến, tôi muốn nói về một trường hợp tiêu biểu. Eleanor là một phụ nữ người Mỹ, 49 tuổi, đi khám ung thư vú bằng X-quang tuyến. Kết quả khám là dương tính. Bác sĩ tiến hành giải phẫu cắt bỏ một vú, và sau một thời gian điều trị bằng quang tuyến X, Eleanor nhận được một tin vui: tất cả các tế bào ung thư đều bị tiêu hủy. Eleanor vui mừng báo tin cho bạn bè biết rằng chị ta đã chiến thắng trong cuộc chiến chống lại ung thư vú, và giải phẫu cũng như điều trị bằng quang tuyến đã cứu sống chị ta. Nhưng trong thực tế, có thể Eleanor chẳng bị ung thư vú (và kết quả thử nghiệm là dương tính giả), và có thể chị ta đã chẳng cần đến giải phẫu, hay điều trị bằng quang tuyến.

Hay chị bị ung thư vú, nhưng là loại ung thư không phát triển, tức vô hại. Có một số phụ nữ lúc nào cũng mang theo trong mình một số tế bào ung thư vú, nhưng chúng chẳng đe dọa đến tính mạng của họ. Trong loại này, có một nhóm ung thư gọi là *ductal carcinoma in situ* [16], bởi vì ung thư chỉ giới hạn trong ống dẫn sữa của vú và không hẳn lan tràn sang các mô chung quanh. Hiện nay, người ta cho rằng chỉ 1 đến 5 trong số 10 trường hợp ung thư loại này lan tràn sang các mô khác sau 20 năm. Nhóm ung thư này chỉ có thể phát hiện bằng khám X-quang, chứ không qua tự khám hay bác sĩ khám. Phần lớn phụ nữ tuổi 30 bị ung thư vú là loại ung thư này [17].

Ngoài ra, còn có một nhóm ung thư khác tuy có phát triển nhưng tốc độ phát triển cực kì chậm chạp, đến khi người phụ nữ già đi và chết (không phải vì ung thư), ung thư này vẫn chưa đe dọa đến tính mạng họ.

Phần lớn phụ nữ không bao giờ nghe đến, hay biết, rằng một số ung thư vú không phát triển và không nguy hại. Một cuộc điều tra trong một cộng đồng ở Mỹ cho thấy 94% phụ nữ được hỏi không hề biết hay nghi ngờ về ung thư vú không phát triển! [18].

Tuy nhiên, so với những phụ nữ có kết quả dương tính giả, những phụ nữ với ung thư vú không nguy hiểm này trả cái giá đắt hơn cho việc tham dự vào các chương trình thử nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X. Phương pháp điều trị mà họ phải trải qua thường làm ngắn tuổi thọ của

họ, chất lượng cuộc sống bị giảm nghiêm trọng, và còn phải mang theo suốt đời vì giải phẫu.

Ung thư vú do phóng xạ

Tiềm năng tác hại thứ tư của việc khám ung thư vú bằng quang tuyến X là vấn đề chính phương pháp khám nghiệm này gây ra ung thư. Tức là, có một số phụ nữ bị ung thư vú sau khi khám nghiệm vì do phóng xạ gây ra. Bất cứ phương pháp khám nghiệm X-quang nào cũng đều, không ít thì nhiều, sản sinh những tia phóng xạ. Khám nghiệm ung thư vú bằng X-quang tuyến có một độ phóng xạ khá cao, cao hơn độ phóng xạ chụp hình X-quang ngực. Khả năng gây ung thư của tia phóng xạ đã được ghi nhận từ những năm đầu thế kỉ 20, khi X-quang tuyến trở thành một phương pháp khám nghiệm và chẩn đoán bệnh lao và các bệnh phổi khác.

Nguy cơ bị ung thư vú vì phóng xạ như thế nào? Câu hỏi này có thể trả lời một cách gián tiếp bằng cách dựa vào tỉ lệ ung thư vú trong những phụ nữ bị bệnh lao và thường xuyên khám X-quang, hay những nạn nhân của cuộc thả bom nguyên tử vào thành phố Nagasaki và Hiroshima. Ngày nay, các nhà nghiên cứu đồng ý rằng khám nghiệm ung thư vú bằng X-quang thường xuyên có thể gây ra ung thư vú, nhưng mức độ nguy cơ thì chưa dứt khoát [19].

Ảnh hưởng của phóng xạ đến nguy cơ bị ung thư vú tăng theo hàm số đường thẳng với hàm độ phóng xạ. Khi hàm độ phóng xạ giảm phân nửa, tỉ lệ phụ nữ bị ung thư vú giảm 50%; khi hàm độ phóng xạ tăng gấp đôi, tỉ lệ ung thư vú tăng gấp hai. Tuy nhiên, nguy cơ bị ung thư vú vì phóng xạ thường thấp trong những phụ nữ có kinh nguyệt trễ, những người có con đầu lòng muộn, những người cho con bú sữa mẹ, và những người mất kinh trước tuổi 48. Do đó, những kích thích tố có trách nhiệm bảo vệ phụ nữ chống lại ung thư vú cũng đồng thời làm giảm nguy cơ bị ung thư vú vì phóng xạ.

Nguy cơ bị ung thư vú do phóng xạ tùy thuộc vào độ tuổi của người phụ nữ. Chẳng hạn như những người trong độ tuổi 30 đi khám X-quang tuyến có nguy cơ bị ung thư vú cao gấp hai lần so với những phụ nữ trong độ tuổi 40 cũng đi khám X-quang tuyến. Nếu trong độ tuổi dậy thì mà đi khám ung thư vú, nguy cơ bị ung thư vú vì phóng xạ càng cao. Nhưng đối với phụ nữ ở độ tuổi 60 trở lên, nguy cơ ung thư vú vì phóng xạ rất thấp và hầu như không đáng kể.

Theo như ước tính hiện nay, trong 10.000 phụ nữ ở độ tuổi 40 trở lên tham gia vào các chương trình khám nghiệm ung thư vú bằng X-quang tuyến thì có hai đến bốn người sẽ bị ung thư vú vì phóng xạ, và một trong hai người sẽ chết. Điều quan trọng cần phải ghi nhớ là đây chỉ là những ước tính rất thô sơ, và dựa vào bằng chứng gián tiếp, chứ chưa có nghiên cứu nào trực tiếp để thẩm định mối hiểm nguy này. Thực ra, một nghiên cứu như thế khó mà tiến hành được, vì có thể bị xem là thiếu y đức. Tuy nhiên, chúng ta chỉ cần ghi nhận một điều quan trọng là khám vú bằng X-quang tuyến có thể gây ra ung thư vú, và nguy cơ này cao trong những phụ nữ trẻ tuổi.

Nói tóm lại, chưa có bằng chứng nào cho thấy khám nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X đem lại lợi ích lớn cho phụ nữ (dù là 40 hay 50 tuổi trở lên), nhưng ngược lại, việc khám nghiệm này đi kèm theo một vài tác hại cho phụ nữ. Có ba cái "giá" người phụ nữ phải "trả" khi tham dự vào các chương trình khám ung thư vú bằng quang tuyến X. *Thứ nhất*, 50% các phụ nữ khám liên tục 10 lần sẽ có kết quả dương tính giả, và hậu quả của những lần khám nghiệm hay điều trị tiếp theo kết quả dương tính đó là những tổn hại về thể xác cũng như tinh thần. *Thứ hai*, một phần lớn phụ nữ với ung thư vú không nguy hiểm sẽ không bao giờ phát hiện những bướu này (ngoại trừ quang tuyến X). Trong những trường hợp này, các phương pháp điều trị [không cần thiết] như cắt bỏ vú, hóa học trị liệu, quang tuyến trị liệu và các biến chứng kèm theo những phương pháp điều trị này sẽ theo người bệnh suốt đời. *Thứ ba*, cứ 10.000 phụ nữ khám nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X thường xuyên, có khoảng hai đến bốn người trước khi khám không có ung thư vú, nhưng sau này bị ung thư vú vì độ phóng xạ gây ra.

Đó là những rủi ro và hậu quả của khám nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X dưới cái nhìn của người bệnh. Nhưng còn đối với người thầy thuốc, quan điểm của họ như thế nào? Bác sĩ lúc nào cũng ở trong "thế thủ," và không muốn bị bệnh nhân và luật sư của bệnh nhân kiện cáo, vì họ không phát hiện ung thư cho bệnh nhân. Thực tế này đặt vấn đề âm tính giả thành quan tâm hàng đầu của họ hơn là vấn đề dương tính giả, bởi vì luật sư có xu hướng tập trung vào vấn đề âm tính giả. Để tối thiểu hóa xác suất âm tính giả, bác sĩ phải tiến hành hàng loạt thử nghiệm cho bệnh nhân, và càng thử nghiệm nhiều, tỉ lệ

dương tính giả càng cao. Tỉ lệ dương tính giả càng cao, hậu quả và tác hại đến bệnh nhân càng nhiều. Và đối với giới thầy thuốc việc để bệnh nhân mang tâm lí mắc bệnh rồi được "chữa khỏi" (thực sự không mắc bệnh) lại nhẹ nhàng hơn là phải chịu gặp rắc rối về pháp lí nếu chẩn đoán sót cho bệnh nhân.

(Còn tiếp)

Tài liệu tham khảo và chú thích

[1] Sadler GR, Dong HS, Ko CM, Luu TT, Nguyen HP. Vietnamese American women: breast cancer knowledge, attitudes, and screening adherence. American Journal of Health Promotion 2001; 15:211-214.

[2] Tài liệu "Ung thư vú: Những điều phụ nữ Việt Nam nên biết" (Chương trình Health is Gold! – Sức khỏe là vàng, do Trường Y, Đại học California – San Francisco (UCSF) ấn hành).

[3] Multi-cultural communication (Bộ y tế Tiểu bang New South Wales, Úc, 5/5/1997).

[4] Kerlikowske K. "Breast cancer screening" trong sách *Women and Health* (trang 895-906) do MB Goldman và MC Hatch biên tập, Nhà xuất bản Academic Press, New York: 2000.

[5] Nystrom L, Larsson LG, Wall S, và đồng nghiệp. An overview of the Swedish randomized mammography trials: total mortality pattern and the representativity of the study cohorts. Journal of Medical Screening 1996; 3:85-87. (Tỉ suất chính xác là 3.6 và 2.9, nhưng tôi bỏ số lẻ và dùng 4 và 3)

[6] Salzmann P, Kerlikowske K, Phillips K. Cost-effectiveness of extending screening mammography guidelines to include women 40 to 49 years of age. Annals of Internal Medicine 1997; 127:955-965.

[7] Kerlikowske K. "Breast cancer screening" trong sách *Women and Health* (trang 895-906) do MB Goldman và MC Hatch biên tập, Nhà xuất bản Academic Press, New York: 2000. Sau 10 đến 14 năm có xu hướng giảm tỉ lệ tử vong, nhưng những trường hợp tử vong này là phụ nữ đã bị ung thư lúc 50 tuổi trở lên. Nói một cách khác nếu các phụ nữ này bắt đầu khám quang tuyến X lúc 50 tuổi (hơn là 40), lợi ích của họ cũng chẳng khác gì so với khám lúc 40 tuổi.

[8] Kerlikowske K. Efficacy of screening mammography among women aged 40 to 49 years and 50 to 59 years: comparison of relative and absolute benefit. Journal of the National Cancer Institute Monographs, 1997; 22:79-86.

[9] Nguyen T, Vo PH, McPhee SJ, Jenkins CNH. Promoting early detection of breast cancer among Vietnamese-American women. Cancer 2001; 91:267-273. Trong bài này, các tác giả kết luận: "We conclude that, although the intervention had no beneficial effect among Vietnamese women in the community at-large, it had a modest positive impact on those women who reported exposure to the intervention."

[10] Trích tài liệu từ trang nhà www.ungthu.org, truy nhập ngày 21/5/2003.

[11] NIH Consensus Statement. Breast cancer screening for women aged 40-49. NIH Consensus Statement 1997; 15: 1-35.

[12] Elmore JG, Barton MB, Moreci VM, Polk S, Arena PJ, Fletcher SW. Ten-year risk of false positive screening mammograms and clinical breast examinations. New England Journal of Medicine 1998; 338:1089-1096.

[13] Elmore JG, Barton MB, Moreci VM, Polk S, Arena PJ, Fletcher SW. Ten-year risk of false positive screening mammograms and clinical breast examinations. New England Journal of Medicine 1998; 338:1089-1096.

[14] Con số này là số trung bình cho tất cả các độ tuổi, và được trích dẫn từ kết quả của chương trình khám nghiệm di động do Đại học California, San Francisco tiến hành (còn gọi là UCSF Mobile Mammography Screening Program). Tỉ lệ dương tính giả có thể cao hay thấp tùy thuộc vào độ tuổi và tình trạng của ung thư. Chẳng hạn như một nghiên cứu tổng hợp cho thấy tỉ lệ dương tính giả có khi chỉ 1% đến 7% trong vòng 1 năm, nhưng có thể lên đến 29% trong vòng 2 năm (Mushlin AI, Kouides RW, Shapiro DE. Estimating the accuracy of screening mammography: a meta-analysis. American Journal of Preventive Medicine 1998;14:143-53). Tỉ lệ dương tính giả còn phụ thuộc vào từng loại "dương tính". Trong nghiên cứu của nhóm UCSF, phần lớn (93%) kết quả dương tính được liệt vào nhóm "Cần khám thêm", và phần còn lại (7%) là "Nghi ngờ ung thư ác tính" (Suspicion of malignancy) và "Ác tính" (Malignant) dựa vào các tiêu chuẩn của quang tuyến. Trong nhóm "Nghi ngờ ung thư ác tính" và "Ác tính", chỉ 1 trong 2 người thực sự bị ung thư vú. Có thể xem thêm các bài báo sau đây: Kerlikowske K, Grady D, Barclay J, Sickles EA, Earnst V. Effect of age, breast density, and family history on the sensitivity of first screening mammography. JAMA 1996; 276:33-38; và Kerlikowske K, Grady D, Barclay J, Sickles EA, Earnst V. Likelihood ratios for modern screening mammographic interpretation" JAMA 1996; 276:39-43).

[15] Lerman C, Trock B, Rimer B, Jepson C, Brody D, Boyce A. Psychological side effects of breast screening. Health Psychology 1991; 10:259-267.

[16] "Ductal carcinoma in situ (DCIS)" trong vú là một hội chứng phức tạp mà trong đó các tế bào biểu mô của vú ác tính (malignant breast epithelial) chỉ phát sinh và phát triển trong ducts nhưng không xâm phạm đến các mô đệm (stroma) chung quanh.

[17] Earnst VL, Barclay J. Increases in ductal carcinoma in situ of the breast in relation to mammography: a dilemma. Journal of the National Cancer Institute Monographs, 1997; 22:151-156.

[18] Schwartz LM, Woloshin S, Sox HC, Fischhoff B, Welch HG. US women's attitudes to false positive mammography results and detection of ductal carcinoma in situ: cross sectional survey. British Medical Journal 2000; 320:1635-40.

[19] National Academy of Sciences Committee on the biological effects of ionizing radiations, 1990. Có thể xem Schmidt JG, The epidemiology of mass breast cancer screening - a plea for a valid measure of benefit. Journal of Clinical Epidemiology 1990; 43:215-225.

MỘT THỨ MÀU ĐẤT

NGUYỄN CHÍ KHAM

Suzane đứng bên lối cửa cạnh gian kho tự lúc nào Nghĩa không hay biết. Lúc ấy đã trưa, cửa hàng vắng khách, anh cũng vừa xong công việc, đang từ lò nướng hot dog tự động đến quầy cà phê. Nghĩa mở tủ lấy ra hai gói french roast xé ra đổ vào hai cái khuôn có lót giấy lọc, xong đẩy vào ngăn bấm nút. Nước sôi chảy mạnh, rớt nhanh từng giọt lớn xuống bình. Một chút sau, Nghĩa lùa hết những thứ ly giấy, ống hút, hộp kem, hộp sữa, đẩy một loạt xuống thùng rác đặt dưới gầm bàn. Khi thấy anh dọn dẹp lau chùi xong, Suzane mới lên tiếng. Nghĩa ngừng tay, hướng về chỗ cô ta đang đứng, bất chợt bắt gặp một nụ cười dễ thương trên cặp mắt đeo kính trắng. Anh hỏi:

-Cô cần gặp tôi ?

Suzane gật đầu, cô còn đứng đó trong lúc Nghĩa bước qua bồn nước rửa tay. Xong, anh đến gần yên lặng theo cô. Suzane bước hơi nhanh, trên lối hẹp hai bên chất cao những cái thùng giấy, những két gỗ lớn chứa đựng đủ các thứ hàng hóa.

Ánh đèn sáng mạnh hơn nhưng ngột ngạt, nóng bức, vì căn phòng sau không làm cửa sổ. Suzane mở chiếc quạt máy, gió mát thổi lùa tới hất nhẹ chiếc áo sơ mi của Nghĩa.

-Ngồi xuống đi Nghi.

Tên anh là Nghĩa, nhưng Suzane không đọc được dấu sắc, hay dấu hỏi, ngã trong tiếng Việt nên luôn gọi anh là Nghi.

Nghĩa kéo ghế ngồi, thấy trên mặt anh còn những giọt mồ hôi lấm tấm Suzane đẩy chiếc quạt máy lại gần . Một ít giây lặng im mơ hồ, anh đang chờ đợi trong lúc cô ta mở hồ sơ . Suzane cắm cúi đọc kỹ, từ chỗ ngồi nhìn qua Nghĩa chỉ loáng thoáng trông được vài hàng chữ.

Suzane ngẩng đầu lên, vừa đặt cây bút đỏ xuống rồi mỉm cười hỏi Nghĩa:

-Công việc ở đây như thế nào ?

Nghĩa gật đầu đáp:

-Okay.

Suzane tỏ ra hài lòng, nhích chiếc ghế sửa lại thế ngồi một chút rồi bắt đầu nói chuyện. Giọng chậm rãi, Suzane nhận xét về công việc làm của Nghĩa trong hai tuần lễ thực tập vừa qua. Nghĩa chú ý, vừa cố lắng tai để hiểu cho hết câu. Đại ý, Suzane cho biết rằng anh tuy hơi lớn tuổi, động tác làm hơi chậm, nhưng siêng năng, có trí nhớ tốt về giá cả các mặt hàng, và đáng khen nhất là anh rất có tinh thần trách nhiệm .

-Cám ơn Suzane, Nghĩa đáp.

Suzane rung nhẹ cặp mắt, rồi tiếp lời sang những chuyện khác. Lúc này, Nghĩa vui, không một chút ngượng ngùng để cặp mắt mình say ngắm nhìn cô chủ trẻ. Suzane có vẻ đẹp thật quí phái, sự duyên dáng như muốn đem cho cô một thứ hạnh phúc trên nhung lụa. Nghĩa yêu thầm Suzane, nhưng không dám nghĩ xa xôi. Suzane ơi, trên đôi mắt cô có những tia nắng ấm dịu hiền, với mái tóc óng vàng màu rượu, bất chợt lúc này nhắc nhủ tôi đi đến một khu vườn có nhiều bông hoa trắng, nơi đó, tôi sẽ tìm được hình ảnh cô giáo của tôi thời tuổi nhỏ.

-Tuần lễ đến, Nghi bắt đầu làm ca đêm.

Nghĩa nghe rõ câu, bỗng ngồi thẳng người dậy, hỏi:

-Tôi làm một mình.

Giọng dịu nhẹ, Suzane bảo:

-Chưa. Nghi làm chung với Hoan.

Nghĩa hỏi lại:

-Cô chưa để tôi đứng trông hàng một mình.

Suzane nhìn Nghĩa, trên vẻ mặt thoáng suy nghĩ. Rồi cô nói:

-Chưa đâu, Nghi. Nghi còn thực tập về ca đêm hai tuần lễ nữa.

-Công việc làm đêm cũng giống ban ngày, phải không ?

-Không, khác nhiều lắm.

Suzane hay nhắc lại tên anh, luôn luôn bằng một giọng nhẹ nhàng.

Hai người không hỏi, hay giải thích thêm gì nữa. Suzane xoay người trên ghế, hướng mắt về chiếc máy computer đang sáng ánh đèn trên màn hình, tay cầm con chuột di chuyển tìm kiếm hồ sơ, tiếp đó cô đánh máy rất nhanh. Một trang giấy

được in ra, Suzane lấy đưa cho Nghĩa. Nghĩa cầm đọc lướt, tuy không hiểu hết nhưng cũng biết đây là điều lệ của người bán hàng trong ca đêm.

Kim đồng hồ trên tường chỉ đúng 12 giờ. Biết không cần hỏi gì thêm, Nghĩa rời ghế đứng dậy nói:

-Cám ơn Suzane buổi gặp riêng hôm nay.

Suzane cười, đưa tay cho Nghĩa bắt.

Suzane ngồi lại ở bàn giấy làm việc một mình rất yên lặng. Khi đến lối cửa trống ra gian hàng, Nghĩa bỗng nghe tiếng cười rất tươi của Angela đang vui trò chuyện với hai bà khách hàng. Và một chút sau, hai bà khách rời khỏi quầy. Nghĩa lên tiếng hỏi:

-Angela ăn chưa ?

-Chưa.

-Ăn đi, tôi đứng bán hàng cho.

-Nghi trước, rồi đến tôi.

-Tôi chưa đói, Angela ăn đi.

Nghĩa bước vào quầy, đứng trước máy tính tiền. Angela ra lối cửa bên, cô đến tủ kính lấy chai nước khoáng evian, mở túi xách lấy hai quả táo, chiếc bánh humburger rồi kéo chiếc ghế thấp ngồi xuống, bắt đầu ăn.

Bên ngoài, ánh nắng trưa đang rực sáng khắp cả khu phố. Ngồi ở chiếc ghế cao Nghĩa nhìn bao quát mọi thứ mặt hàng trong mỗi tủ kính và trên các giá kệ sắp ngay ngắn bên cạnh những lối đi. Một điệu nhạc phát ra từ máy thu thanh, rồi tiếng hát cất lên mỗi lúc rõ dần. Nghĩa quay sang hỏi Angela:

-Nhạc tình hay là dân ca ?

-Nhạc tình.

Angela cười nhìn người bạn và cô đã ăn gần hết cái bánh.

-Angela ở Mỹ bao lâu rồi ?

-Mười bốn năm.

Nghĩa nhìn lại khuôn mặt Angela để xem có xem có dấu vết của thời gian nào còn đọng trên đó không. Rất muốn gợi chuyện với nàng, anh hỏi:

-Angela đang ở chung với gia đình hay là riêng.

-Ở với người chị. Chồng của Angela đang ở New Mexico.

-Angela có gia đình riêng rồi.

Nàng gật đầu, mái tóc rung nhẹ cùng với nụ cười vừa chiếu ra những hạt cám vàng nở sáng.

-Anh ấy làm gì bên đó, Angela.

-Anh đi lính Hải Quân.

-Sao Angela không theo chồng ?

-Chờ ít năm nữa, Angela nói.

Hai người khách bước vào cửa hàng làm họ ngừng nói chuyện. Một bà cất tiếng hỏi, Nghĩa chưa kịp nghe ra thì Angela đã trả lời ngay, ít giây sau anh mới hiểu. Bà khách to mập bước nặng nề đến chỗ gian bán thực phẩm gia súc đặt bên cạnh quầy bán sữa tươi.

Buổi chiều đến mau. Jessie, anh chàng người Ấn lên thay ca. Lúc này, Nghĩa đứng bên cạnh Angela nhìn mấy ngón tay cô gái gõ rất nhanh xuống bàn máy tính . Khoảng hai giây, cuộn giấy tròn từ trong máy theo nhịp tốc độ đều đều chạy ra, những dãy số nối nhau, đến khi hàng số tổng cộng xuất hiện, Angela bấm số mã cho máy ngừng, kéo hết cuộn giấy ra ngoài, xong vặn trả chìa khoá trở về off.

Quay sang Nghĩa, Angela giải thích:

-Bàn giao ca, máy tính tiền làm trước. Xong qua máy bán money order, máy ATM, máy loto. Tiếp theo, là đếm số cây thuốc lá và đếm những ống tiền đã bỏ vào két. Mỗi loại thuốc, mỗi loại tiền, ghi riêng từng hàng vào mẫu giấy báo cáo.

Angela đóng shift xong quá nhanh khiến cho Nghĩa cảm thấy hụt hẫng.

-Hiểu hết không Nghi ?

-Tôi hiểu.

Nghĩa đáp bừa vậy thôi, nhưng anh vẫn còn mù mờ chưa nắm hết chữ khoá, những con số code mỗi khi đóng từng loại máy. Angela giải thích thêm lần nữa để anh biết rõ và làm được một mình .

Suzane bỗng xuất hiện, cô cất tiếng chào mọi người. Nghĩa và Angela đứng lại bên quầy chờ cô trưởng cửa hàng phát check lương cuối tuần. Hôm nay là thứ sáu. Ngày mai và mốt Nghĩa được nghỉ, đến thứ hai anh sẽ bắt đầu đi thực tập, rồi sẽ làm luôn ca đêm.

Lúc nhận tấm check màu đỏ từ tay Suzane, Nghĩa bỗng có cảm giác nôn nao, anh làm rơi tấm check liền cúi xuống lượm lên , trên vẻ mặt hơi ngượng ngùng.

Jessie cười nhìn anh. Và lúc đó, Suzane cả Angela nữa cũng cười rất dễ thương trước sự bối rối của Nghĩa.

Hai người kia ở lại, còn Nghĩa và Angela ra về. Ra chỗ đậu xe, Angela cất tiếng chào Nghĩa. Dừng bước, Nghĩa nhìn bóng dáng chiếc áo xanh và cả mái tóc dài của Angela. Nàng thật dễ thương, anh chợt có ý nghĩ trong ánh nắng ấm áp chiều nay cô gái sẽ trải rộng tâm hồn mình lên những thảm cỏ quanh các ngọn đồi trong thành phố biển này. Và, như đáp lại một chút hạnh phúc đó của

Nghĩa, lúc Angela lái xe ra đường cô còn vẫy bàn tay nhiều lần để chào người bạn.

Nhà Nghĩa nằm trong khu chung cư trên con đường Charlaine, thành phố Santa Ana. Bên cạnh ngã ba đường này, có một ngôi trường tiểu học. Đứa con trai nhỏ của anh học mẫu giáo ở trường này, còn cô gái lớn thì đi làm việc assembler cho hãng điện tử Norel, chiều đến, không về nhà mà lái xe thẳng tới trường Cộng đồng O.C.C học lớp buổi tối. Mới qua Mỹ hơn một năm, nhà chỉ có một xe nên vợ chồng anh để dành cho cháu.

Laguana Beach là một thành phố nằm ven biển. Từ nơi Nghĩa ở lên tới đó xa khoảng chừng 20 miles. Những ngày làm việc vừa qua, Nghĩa dùng xe buýt. Năm giờ sáng, đồng hồ reo anh thức dậy. Lặng lẽ, đánh răng rửa mặt xong, anh tự đun nước sôi pha cà phê. Xong việc, anh vẫn để đèn sáng ở gian bếp rồi bưng cà phê lên phòng khách ngồi ở ghế xô pha một mình. Anh mở gói Pall Mall, châm lửa thuốc hút. Nghĩa luôn cảm thấy thỏa mãn, nhẹ nhàng với hương vị khói thuốc. Rồi, anh uống từng ngụm cà phê thật đậm đà.

Nhưng tuần lễ này, Nghĩa không còn thức dậy để hưởng cái thú uống cà phê buổi sớm nữa. Hai ngày nghỉ cuối tuần đã hết. Tối hôm nay, anh bắt đầu vào ca đêm.

Sau bữa ăn, chuyện trò thêm với vợ chừng mười phút, Nghĩa đứng dậy vào phòng thay quần áo đi làm. Nghĩa ra khỏi nhà với túi xách đeo vai. Trong túi xách, Nghĩa bỏ chiếc áo lạnh, một cuốn sách học đàm thoại Anh Ngữ và tấm bản đồ lộ trình xe buýt. Mỗi ngày, các chuyến xe buýt trong quận Cam đều rời bến lúc 5 giờ sáng, đến 9 giờ đêm mới ngừng hoạt động.

8 giờ 20, xe sẽ ghé trạm 10. Từ nhà, Nghĩa đi bộ ra đó trước 5 phút. Lúc xe tới, Nghĩa cùng với bốn người khách nữa bước lên, tự động bỏ tiền vào máy để lấy vé. Đây là chuyến xe chạy tuyến đường 43, tới Cảng Newport Beach, Nghĩa sẽ xuống sang xe số I đi lên thành phố Laguna Beach.

Xe đang chạy trên đại lộ Harbor hướng ra biển. Về đêm, trong khoảng cách từng con phố xa gần những cột đèn điện như có vẻ lãnh đạm, đứng nhìn nhau. Nghĩa ngồi bên cạnh một công nhân người Mỹ. Anh ta còn trẻ, đội chiếc nón vải xanh và đang ngả đầu dựa lưng ghế để ngủ một giấc. Trên xe, vang nhè nhẹ tiếng chuyện trò, đôi lúc, có người cảm nhận ra ý nghĩa cuộc sống trong hoàn cảnh những kẻ xa lạ vừa mới quen biết nhau.

Hết con đèo, xe đi tới thành phố. Đêm ở Laguana Beach đèn rực sáng như lễ hội. Xe chạy chậm, nối đuôi nhau trên đại lộ Pacific. Nghĩa xuống trạm ở góc phố Broadway. Từ bờ đường, Nghĩa nhìn qua bên kia trông thấy khu công viên và mặt biển đang lùa sóng. Ngoài khơi, bóng dáng một vài con tàu đang di chuyển không phải trở về bờ mà đi xa.

Sau một lúc nhìn ngắm biển, Nghĩa cất bước. Anh bước thong thả, không vội vàng. Mùa hè đến đã làm cho thành phố biển thêm sinh động, trỗi dậy mùi hương trong đêm. Tiếng bước chân của Nghĩa không còn nghe rõ, đã bị chìm ngập vào cảnh tượng huyên náo của từng dòng người kéo nhau đi trên vỉa hè. Mỗi con đường lớn nhỏ đều sáng ngợp dưới ánh đèn. Và nhìn đâu, anh cũng thấy khách sạn, quán cà phê, quán rượu, tiệm ăn, vũ trường , và nghe tiếng nhạc mở lớn không ngừng.

Nghĩa tới chỗ làm, còn sớm 5 phút. Từ mái hiên nhìn qua cửa kính, Nghĩa trông thấy Jessie đang nói chuyện với một gã con trai đứng bên quầy. Tiếng chuông reo lên lúc Nghĩa đẩy cửa bước vào. Jessie đưa tay lên chào anh, và người kia vội cất tiếng hỏi:

-Anh Nghi phải không ?

-Tên tôi là Nghĩa.

-Dạ, em là Hoàng đây.

Nghĩa đến gần, rất tự nhiên lúc bắt tay Hoàng và cả Jessie. Hoàng nói:

-Anh làm việc chung ca đêm với em trong hai tuần.

Nghĩa hỏi:

-Cô Suzane đã có nói với Hoàng rồi.

-Có, cô vừa mới gọi điện thoại cho em.

Nghĩa nhìn lại Hoàng, anh nói:

-Có gì, Hoàng chỉ dẫn cho anh.

Hoàng cười đáp lời ngay:

-Anh đừng lo. Việc làm ở đây không có gì khó đâu.

Nghĩ đến Suzane, bất chợt Nghĩa cảm thấy mình nhỏ bé. Nghĩa bước nhanh chân đi vào phòng kho để thay áo công nhân và cất túi xách. Một lát anh trở ra, đồng hồ mới hơn 10 giờ và Jessie đã ra về.

-Bây giờ, công việc anh làm gì ?, Nghĩa hỏi.

Hoàng cười:

-Cứ thong thả, anh uống cà phê, hút thuốc đi.

Nghĩa thấy Hoàng nói có lý, anh cười, bước tới quầy cà phê lấy một gói hazadous xé ra đổ vào khuôn lọc rồi bấm nút. Trong lúc chờ cà phê

mới pha, Nghĩa hỏi:

-Nhà Hoàng ở xa không ?

-Em ở thành phố Orange.

Lúc cà phê đầy bình, Nghĩa rót ra cái ly giấy đổ thêm ít sữa tươi rồi khuấy nhẹ. Mới một vài hớp, có tiếng chuông báo khách vào. Nghĩa vội đặt ly cà phê xuống bàn, nhưng Hoàng bảo:

-Anh cứ nghỉ, uống cà phê đi.

Hai bà khách cười nói với nhau rất vui. Không cần hỏi, hai bà đi thẳng đến dãy tủ kính cuối hết. Họ kéo cánh cửa lấy các loại thịt hộp, phó mát, sau đó đi qua quầy rượu lấy mỗi người một chai.

Hoàng đứng chờ nơi quầy tính tiền. Hai bà khách tới để tất cả các thứ hàng mua trên mặt quầy. Hoàng lấy từng món một, đánh giá tiền vào máy, xong bỏ vào túi bao nylon, rồi cho khách biết số tiền phải trả.

-Thank you, have good one's.

-You too.

Nghĩa mỉm cười nhìn theo bóng hai bà khách, lòng tự nhiên vui. Rồi quay về phía Hoàng, Nghĩa lên tiếng hỏi:

-Bắt đầu công việc chưa Hoàng ?

-Rồi, anh đi theo em.

Hoàng rời quầy tính tiền bước ra, đi tới chỗ Nghĩa. Trên tay cầm một miếng giấy nhỏ, Hoàng dẫn Nghĩa đi theo, vừa nói chậm cho Nghĩa nhớ.

- Làm ca đêm, bán hàng không bận rộn như ca ngày, nhưng việc phụ thì nhiều. Sau 12 giờ, khách bắt đầu vắng. Việc đầu tiên là dọn rác, thay bao rác trong và ngoài. Kế đó, quét rác, dùng ống nước rửa sạch cả sân đậu xe. Xong, vào trong cửa hàng lau chùi sạch cả sàn nhà và trong kho. Đến hai giờ sáng, rượu bia tuyệt đối không bán. Qua hết giờ này, anh lo chuẩn bị trước cho người lên ca kế tiếp bán vào buổi sớm là làm nước đá, pha cà phê, làm bánh mì hot dog, chất rượu bia vào trong cooler. Đến 5 giờ sáng, các xe giao hàng tới. Lúc tài xế giao hàng, anh phải kiểm soát đủ rồi mới ký nhận. Suzane thường tới trước 15 phút, cô chủ sẽ giúp anh. Sau cùng, còn 5 phút hết giờ là anh đóng máy, kiểm thuốc lá, kiểm tiền và làm báo cáo đổi ca.

Nghĩa im lặng nghe, không ngắt lời. Hoàng vẫn nói, đều đều một giọng. Rồi tới mỗi gian, Hoàng chỉ cho Nghĩa cách sắp xếp các loại mặt hàng. Nghĩa luôn chú ý, cố gắng nhớ cách bày biện mà Hoàng đã làm cho Nghĩa thấy. Hai người hết gian này qua gian khác theo từng dãy sắp song song bày đủ các mặt hàng.

Xong việc bên trong, cả hai bước ra ngoài. Nghĩa đi theo Hoàng tới những chỗ đặt trụ đá tròn có để sẵn bao rác. Hoàng chợt hỏi:

-Anh thấy công việc ra sao ?

Nghĩa đáp:

-Nhiều quá, anh nhớ không nổi.

Hai người quay trở lại, đứng dưới mái hiên nghỉ. Hoàng đưa gói thuốc Marlboro mời Nghĩa một điếu. Nghĩa đốt xong điếu thuốc, nghe Hoàng nói:

-Anh thấy lu bu, nhưng làm chừng độ vài tháng, quen rồi, mỗi việc anh chỉ mất chừng năm mười phút là xong.

Nghĩa gượng cười:

-Không chắc.

-Tin em đi.

Nghĩa hỏi:

-Nhưng làm ca đêm có bồi dưỡng gì không ?

-Anh được tăng 30 xu một giờ.

-Anh biết, anh muốn hỏi các thứ khác.

Hoàng hiểu ý của Nghĩa, nêu rõ hơn:

-Em nói đây là du di thôi. Thí dụ, anh cần hút thuốc, uống sữa, ăn mì, bánh kẹo cứ tự nhiên thôi.

-Cô Suzane có để ý không ?

-Chuyện nhỏ, anh. Quan trọng là anh hoàn tất công việc hàng đêm.

Nghĩa nhìn lại Hoàng, bỗng nói:

-Anh lo ngại một điều.

-Anh nói đi.

Nghĩa hỏi:

-Bán hàng đêm, nguy hiểm lắm phải không ?

-Đúng, nhưng ở đây chưa xảy ra.

-Ở đây an ninh lắm sao ?

-An ninh hơn đâu hết.

-Hoàng đã bị bọn du đãng dí súng, đòi tiền chưa ?

-Đâu có dễ anh. Em hiểu anh lo sợ, nhưng thành phố này không có chuyện đó. Em đã đứng ca đêm hơn một năm rồi.

- Nhưng chuyện ăn cắp hàng là có.

-Tránh sao khỏi, nhất là bia và rượu.

-Anh phải đối phó làm sao ?

-Chuyện thường, anh đừng lo. Bọn nó lấy, anh cứ để mặc đừng phản ứng. Anh chỉ việc nhấc phone báo ngay cho Cảnh Sát. Hoàng chỉ ra con đường trước mặt, tiếp lời. Bót Cảnh Sát nằm đầu ngã ba. Đêm nào, cũng có hai ba xe đi tuần chạy qua đường này.

Nghĩa hỏi lại:

-Mình không chịu trách nhiệm về những mất mát sao ?

Một giọng hơi lớn, Hoàng nói với Nghĩa:

-Tính mạng anh là trên hết. Hàng hoá mất cắp có manager chịu trách nhiệm với boss.

Hai chiếc xe chạy vào sân, ngừng lại chỗ bờ dốc. Lập tức, Hoàng và Nghĩa ngừng trò chuyện. Nghĩa kéo thêm hơi thuốc rồi lấy chân dập tắt tàn thuốc. Bốn người khách xuống xe cùng cất tiếng chào. Có vẻ là khách quen của Hoàng, họ tới gần, Hoàng bắt tay và nói tiếng Anh thật lưu loát.

Vào trong cửa hàng, Nghĩa lo chạy phụ việc ngoài còn Hoàng đứng bán. Nghĩa đến lò nướng châm thêm hot dog, lấy bánh bỏ vào từng cái túi nhỏ sắp thành hai hàng trên kệ. Xong, Nghĩa quay sang quầy cà phê, giờ này, những bình cà phê cũ bán từ lúc chiều còn lại, Nghĩa đổ hết để làm một loạt cà phê mới cho khách hàng. Những việc làm bánh, làm cà phê vẫn là thường lệ, chưa phải là vào các việc chính trong ca đêm của mình. Những việc chính đó, như Hoàng nói, thường anh phải làm sau mười hai giờ đêm lúc khách bắt đầu

TÔN NỮ THU DUNG

Xin lỗi con, mai sau. . .

1. Con chưa về kịp với đời
Mẹ chưa nghe tiếng khóc cười trẻ thơ,
Môi chưa thốt tiếng ru hờ
Đã đưa con đến đôi bờ tử sinh
Ngủ đi con, đất trở mình
Ngủ đi con, đất lặng thinh thở dài
Ngủ đi tay mẹ yếu gầy
Không ru con nỗi tháng ngày xót xa
Ngủ đi con giấc hiền hòa
Ngủ đi nước mắt mẹ nhòa giấc con.

2. Con không về kịp với đời
Mẹ cha không thể ngậm cười mà đi
Lẽ nào ôm bóng tà huy,
Làm thân ngựa cũ buồn phi qua đời
Lẽ nào không đứng, không ngồi
Nhìn con lớn giữa bầu trời không xanh
Con ơi sống chết cũng đành
Nhưng đời tan hợp ai dành được đâu
Biết còn viễn phố mai sau
Biết còn nắng đẹp trên màu tóc non
Cũng đành an phận thôi con
Buông tay cho gió về hôn mặt người.

3. Khi con bỏ lại bóng chiều
Đi về phía mặt trời reo bạt ngàn
Làm người xưa bóng mây tan,
Hái hoa đỏ tặng lá vàng mai sau
Khi con bỏ lại núi sầu
Đi về với viễn mộng nào bao la
Thì ta vẫn cứ là ta
Túng cùng ôm lấy quê nhà tai ương
Con đi bỏ lại rừng buồn
Con về chân ngựa biết chồn hay chưa
Con đi xin đất không mưa
Để con về nhớ tình xưa ngậm ngùi.

4. Đưa con về với đời buồn
Mẹ nghe máu đỏ cạn nguồn trong tim
Lẽ nào tiếng mẹ đêm đêm
Ru con ngủ giấc vùi quên đất trời
Lẽ nào tiếng mẹ không vui
Ru con đánh mất nụ cười trẻ thơ
Lẽ nào tiếng mẹ héo khô
Ru con khôn lớn giữa bờ tử sinh.
Lẽ nào tiếng mẹ lênh đênh
Ru con mê mỏi buồn phiền khôn nguôi
Đưa con về với cuộc đời
Lẽ nào mẹ phải ngậm lời ru con...

hơi vắng.

Lúc này, khách vào nhiều thêm. Những người khách đều ở quanh các khu phố gần đây, và hầu như họ quen biết nhau cả. Trong lúc khách gặp nhau trò chuyện, Nghĩa vừa làm việc, vừa lắng tai nghe họ nói gì, vì anh muốn được học thêm tiếng Anh trong câu chuyện họ nói. Và rồi, bọn thanh niên đã tới . Từ ngoài sân, nhạc trong xe mở lớn vang lên, Nghĩa nhìn ra, anh bỗng cười khi thấy cả bọn trai gái cùng nhảy theo điệu nhạc và cất tiếng hát. Nghĩa chợt thấy mình cũng vui như bọn trẻ. Hát, nhảy múa xong, cả bọn kéo nhau vào. Tiếng cười , tiếng la lớn, rồi bất chấp những khách có mặt trong tiệm, cả bọn đùa giỡn nhau, có một vài cậu ôm các cô , từng cặp hôn hít tưng bừng. Đằng chỗ quầy bia và rượu khách đang dồn tới. Nghĩa thấy vậy, liền bỏ công việc ở ngoài chạy vào hầm cooler, anh vội vàng kéo từng két bia đủ các loại đẩy nhanh vào các chỗ trống trước các cánh cửa tủ kính.

Lúc Nghĩa trở ra, khách đang đứng sắp một hàng dài, vừa thấy anh, Hoàng gọi:

-Anh lên bán phụ với em.

Nghĩa lách cánh cửa, đi thẳng tới chỗ đặt máy tính tiền . Có thêm người bán, khách dãn lần ra hai bên. Dù mới đi ca đêm buổi đầu tiên, nhưng công việc bán hàng qua hai tuần thực tập anh đã quen, nên giá mặt hàng từng loại Nghĩa đều nhớ, và mỗi người khách mua hàng đem tới, chỉ một hai phút là anh tính tiền xong.

Từng lượt khách lúc nãy đổ vào, giờ thưa lại, rồi cửa hàng trở nên vắng. Cả bọn trẻ nữa, mua xong bia, nước ngọt và thuốc lá chúng trở ra xe. Có lẽ giờ này chúng tới tụ tập chỗ công viên trước mặt bờ biển, ngồi đó uống say cho đến sáng.

Không còn khách, Hoàng và Nghĩa ra đứng nơi quầy cà phê, chuyện trò tiếp:

-Anh qua Mỹ lâu chưa ?

-Mới hơn một năm.

-Ở Việt Nam anh Nghĩa làm gì ?

-Cũng đi buôn bán sống qua ngày.

-Anh có ở trong quân đội không ?

-Có chứ. Đi qua đây theo diện HO mà.

Hoàng nhìn Nghĩa như có một điều gì muốn hỏi thêm. Nghĩa lặng im cảm thấy có một nỗi niềm an phận về cuộc đời mình. Không biết, anh còn muốn nhắc lại hay chính mình đã bằng lòng quên đi quá khứ khi hiểu rằng hôm nay thực sự một cuộc đời đã đổi thay.

Hoàng chợt hỏi:

-Anh có ý định trở về thăm bên nhà không ?

-Chưa. Hoàng thì sao ?

-Em còn nhiều bạn bè bên đó.

-Hoàng qua Mỹ năm nào ?

-Em đi diện HO như anh, đến Mỹ đầu năm 94. Ba em trước đây làm trong ngành An ninh quân đội.

-Hoàng còn trẻ, cần đến tương lai hơn anh.

-Em đang học ở trường Cộng đồng O.C.C.

-Cố gắng đi, rồi có một ngày em sẽ làm công việc khá hơn bây giờ.

-Em cũng nghĩ tới điều như anh nói.

Ánh đèn trong cửa hàng bỗng thấy rực sáng hơn. Nghĩa nhìn đồng hồ, đã 12 giờ. Anh hỏi Hoàng:

-Bây giờ mình lau nhà được chưa.

-Anh ra quét ngoài parking đi. Để trong nhà em lau chùi cho.

-Anh cũng phải thực tập nữa mà.

-Cứ để đó em. Anh có đói không, lấy bánh mì ăn đi.

-Anh chưa đói.

-Anh đừng ngại gì hết.

-Anh biết, lúc nào đói anh sẽ ăn.

-Anh cứ tự nhiên. Đừng thấy có em mà anh ngại.

-Không đâu.

Hoàng bước lại chỗ quầy bánh lấy ra một khúc bánh mì sandwich và lon nước coca. Hoàng đứng ăn, còn Nghĩa đang uống cà phê.

Hoàng nói:

-Em cũng đã mất đi nhiều năm tuổi trẻ của mình.

-Trước 75, Hoàng học ở đâu ?

-Em mới học năm thứ nhất Luật thì đứt phim.

-Ở Sài Gòn.

-Dạ.

-Rồi Hoàng làm gì ?

-Em vào đời sớm, làm đủ nghề công nhân hãng dệt, thợ điện, rồi chạy các mối hàng. Những năm ba em ở tù, trong nhà vất vả lắm.

-Hoàng còn trẻ xốc vác được. Anh ở tù sáu năm, trở về là kiệt sức rồi.

-Anh có bị đưa ra miền Bắc không ?

-Tránh sao khỏi.

-Ba em cũng bị đưa ra Bắc.

-Ba ở trại nào ?

-Ở Vĩnh Phú.

-Anh cũng ở ngoài đó, không chừng ba biết anh.

-Lúc ba em ra Bắc, mẹ em có đi thăm một lần.

-Hoàng có đi không ?

-Không, một mình mẹ em thôi.

Nghĩa nhìn qua Hoàng, một giọng dịu nhẹ, anh nói:

-Một mình mẹ, cũng thay thế tất cả rồi.

-Em qua đây, không có mẹ em.

Nghĩa bỗng cảm thấy lòng xao động, anh hỏi:

-Bà không muốn đi.

-Không, anh. Mẹ em mất một năm sau khi ba em ở tù về.

Nghĩa chợt im lặng đưa mắt nhìn Hoàng. Hai người bỗng dưng cảm thấy mình xa lạ, không biết nói gì thêm.

Bữa ăn xong, cả hai trở lại công việc ngay. Hoàng đi ra nhà sau lấy xô nước và đem dụng cụ lau chùi ra để làm. Nghĩa mở cửa trước, ra ngoài. Nghĩa chợt đứng lúc cơn gió mát thổi lùa vào mặt. Khoảng sân vắng rộng, con đường Glenneyre hun hút chạy theo bóng đêm lên tới những đồi dốc. Nghĩa còn đứng dưới mái hiên, tay cầm chổi. Đêm xuống lan rộng khắp cả khu phố, nhưng bầu trời quang đãng.

Ánh đèn pha của một chiếc xe lớn vụt qua làm Nghĩa bị chóa mắt. Một lúc sau, trong giờ khắc yên tĩnh Nghĩa chợt ngửi thấy mùi hương đêm đang gợn lên một chút mặn nồng của gió biển. Bên kia đường, quán cà phê còn để sáng màu đèn tím, và điệu nhạc cổ điển, mỗi lúc lắng sâu dần. Nghĩa nhìn sang quán cà phê thật lâu, anh chợt có ý nghĩ ánh đèn màu tím lan rộng như màu khói thuốc.

Nghĩa cầm chổi và dụng cụ hốt rác bước ra sân. Không còn nghĩ ngợi gì thêm, Nghĩa làm công việc của mình. Anh vừa quét, có lúc phải cúi xuống để lượm những mẩu thuốc lá, hay những vụn rác bị dính ướt. Một vài chỗ, khách hàng vứt vỏ đậu, giấy napkin, lon chai, ruột bánh mì và cả những đồ ăn thừa. Nghĩa bỗng nói lầu bầu trong miệng, tự nhiên anh đâm ra tức giận chửi thề bọn lười biếng, vô tích sự. Nhưng rồi, qua hết cơn giận, anh quét dọn sạch hết rác trên sân.

Nghĩa đem rác đi đổ vào cái thùng lớn xong trở lại chỗ gắn vòi nước. Anh gắn ống vào vòi, rồi kéo dây ra ngoài chỗ bờ dốc cao. Đứng trên chỗ dốc, đưa đầu ống ra xa một chút, Nghĩa bật chốt, nước chỉ trồi lên trong ống một giây rồi bắn mạnh, đổ tràn vào mặt sân, mỗi lúc nước cuốn nhanh những rác bụi tuôn xuống ống cống dưới triền dốc. Mặt sân đã sáng loáng, sạch đẹp. Nghĩa cảm thấy vui, anh tự hài lòng với công việc của mình. Bỗng nhiên, Nghĩa nhớ tới vợ. Bên tai anh, có tiếng nàng hỏi:

-Bao lâu anh mới được vào permanent?

-Chừng độ sáu tháng.

-Rồi họ có cho mình benifit, insurance gì không?

-Có chứ.

-Tại sao con Uyên đi làm lâu rồi mà chưa có được phúc lợi gì cả.

-Rồi sẽ có thôi. Mỗi nơi mỗi khác mà.

-Sao kỳ vậy ?

-Anh có biết đâu ?

Người vợ lại hỏi:

-Này anh !

-Gì đó nữa ?

-Cuối tháng này mình mua cái tủ lạnh đi.

-Cái tủ lạnh hư hay sao ?

-Không, cũ rồi. Mua cái mới đi.

-Ờ thì mua. Anh ao ước có được cái xe, nhưng thôi, cứ đợi chờ.

Nghe Nghĩa thở dài, vợ anh im lặng. Lúc này, Nghĩa nghĩ rằng, mình phải sống trên đất Mỹ thêm một vài năm nữa, khi ấy công việc làm mới có tiền lương tăng, tiền nghỉ lễ, tiền vacation hàng năm, bao nhiêu thứ đó mới cho anh dành dụm được để mua chiếc xe đi làm. Về Suzane, anh tin rằng, cô chủ trẻ ấy luôn có một cảm tình đặc biệt muốn dành cho anh.

Lạ, hình như có một tiếng người khác nữa, ở đâu xa vọng đến hỏi:

-Anh còn nhớ đến em không ?

Sau một lúc gợi nghĩ thật lâu, Nghĩa mới nhận ra đó là giọng nói của Quỳnh. Nàng tiếp lời, hỏi:

-Anh đã ở xa em, và chắc không bao giờ trở về quê hương nữa phải không?

-Anh có trở về được không em?

-Em vẫn nghĩ, anh không bao giờ trở về nữa. Nơi đây bầu trời , màu đất cũng đã khác.

Nghĩa chợt cảm thấy buồn, anh im lặng. Anh vẫn đang tiếp tục công việc làm của mình. Rồi tiếng nói rất xa xôi, Quỳnh bảo:

-Nhưng mà thôi, anh cố gắng đi. Mẹ và em rất mong có một ngày anh trở về.

Trên bầu trời có những tiếng động vù vù của một phi cơ đang bay tới. Đèn sáng nhấp nháy, phi cơ đảo ngược một vòng rồi bay qua những ngôi nhà trong đêm còn thắp sáng ánh đèn trên các ngọn đồi. Mới tìm ra được cái hình ảnh rõ nét nhất của Quỳnh, Nghĩa bỗng ngửi thấy mùi vị của sương mù và muối biển dâng lên trong cổ họng, rồi dần dần nàng khuất bóng.

06/12/03

BÊN DÒNG MÉKONG:
TRỞ LẠI XỨ LÀO

PHẠM THĂNG LONG

Chưa bao giờ tôi chuẩn bị trở về du lịch Á châu trong tâm trạng hoang mang khắc khoải như lần này. Đối với tôi, những chuyến đi xa là chuyện cơm bữa từ nhiều năm nay. Sửa soạn chiếc vali nhỏ với vài thứ quần áo nhẹ xứ nóng và gói thuốc men phòng ngừa các thứ bệnh nhiệt đới là thói quen đã thành thông lệ cho những chuyến đi công việc sang Á Phi. Chỉ khác là lần này tôi định về thăm lại Lào, ngoài việc tìm chút kỷ niệm của nơi tôi đã từng làm việc trong bốn năm, tôi còn muốn để lại sau lưng cả một phần đời của mình nơi Bắc Mỹ.

Mới rời Bangkok bốn mươi lăm phút, máy bay đã đến không phận Vạn Tượng. Nhìn qua cửa kính phi cơ, tôi xúc động mãnh liệt khi thấy lại những cánh đồng lúa xanh dờn, những con trâu cày đi chậm rãi, những ngôi nhà tranh đổ nát cũ kỹ, và sau cùng, dòng sông Mékong bùn đục chạy dài dọc theo thành phố Vạn Tượng. Lào là xứ Đông Dương cũng nghèo cơ cực như xứ tôi, đang chập chững mở cửa để tìm một phép lạ kinh tế giữa cơn biến động lịch sử thế giới về chủ nghĩa, tư tưởng, sau những kinh nghiệm Trung Quốc, Đông Âu, và Nga sô.

Đã mười năm qua, tôi trở lại xứ này giống như về một quê hương cũ để hoàn tất một chu kỳ dài trong đời sống của mình. Từ những ngày tuổi nhỏ mộng mị trong lý tưởng xây dựng xứ sở, xin đi xa du học về kinh tế và cũng để được phần nào thỏa cái mộng giang hồ, lúc ra trường đi làm loay hoay nhiều nơi khác nhau. Hết những năm vật lộn với thị trường tài chính Wall Street giá cả chứng khoán lên xuống hàng ngày, bây giờ lại quay về đây nghiên cứu theo dõi mức sản xuất lúa gạo, cà phê, gỗ, mỗi ngày hồi hộp chờ cơn mưa, giống như cách đây hai chục năm lúc làm việc ở Phi Châu, những mong đồng ruộng sản xuất đủ mức lúa gạo quyết định mức tăng trưởng kinh tế dự trù. Những lý thuyết kinh tế cao xa đã học ở trường bị quên đi nhiều sau những năm tháng làm việc thực tế, học được nguyên do thật sự của những thất bại của một số nước chậm tiến vẫn đứng nguyên hay thụt lùi, cũng như những nhân tố mang đến thành công cho nhiều nước tiến bộ vượt bực ở Á châu. Làn sóng tư tưởng chính trị thế giới đã bị đời sống kinh tế làm lay chuyển tận gốc rễ. Sự đóng cửa và kiểm soát chặt sinh hoạt kinh tế người dân đã hỏng, nhường chỗ cho mở rộng hội nhập để bang giao mậu dịch, khuyến khích làm ăn tự do, kinh doanh tư hữu, chấp nhận sự xâm nhập của các làn sóng tư tưởng và văn hóa bên ngoài, nhất là từ Âu Tây.

Kinh nghiệm thành công của vài nước mới phát triển đã làm cho các nước khác đang chuyển đổi ở Đông Âu và Á Châu bừng tỉnh và áp dụng cải cách. Con người chợt thấy sau bao năm, giấc mộng cơm no áo ấm vẫn là ưu tiên số một, và kinh nghiệm cho thấy tự do kinh doanh và sản xuất vẫn là phương tiện hay nhất để đạt được giấc mộng đó! Trong một xã hội hấp hối về kinh tế, nhu cầu tồn tại và tranh sống sẽ đến từ sức mạnh của khối đông, và là hy vọng tiến thủ duy nhất còn lại! Xứ nào biết dùng sức mạnh đó vẫn còn cơ hội giờ chót cho một vận hội mới!

Ý nghĩ miên man của tôi bị cắt đứt lúc bánh phi cơ chạm mạnh xuống phi đạo, tôi xuống phi cơ bước ra ngoài trình thông hành làm thủ tục nhập cảnh, biết rõ mình là khách ngoại quốc vào xứ người, nhưng lòng vẫn xốn xang kỳ lạ như đang trở về một nơi quê hương cũ. Đây rồi vài khuôn mặt da vàng xạm đen quen thuộc giơ tay chào với câu chào địa phương dễ thương "Sa bài đi." Phi trường Wattay mới làm xong cách đây vài năm trông tân kỳ hơn xưa rất nhiều cho chút cảm giác của sự tiến bộ. Bên ngoài đường xá vẫn ồn ào hỗn độn, trời nóng oi bức lúc bắt đầu mùa mưa, tiếng xe lam và khói xe mù mịt ngoài đường. Xe chạy về khách sạn mất hơn mười lăm phút, cho thấy gần hết cảnh thành phố Vạn Tượng. Ngoài những ngôi nhà nhỏ đổ nát, Vạn Tượng có

nhiều ngôi nhà gạch với kiến trúc cầu kỳ từ thời Pháp thuộc được sửa lại sừng sững uy nghi trong thành phố. Sự khác biệt nổi bật là những đường phố chính đều được làm lại đẹp và sạch, không có cảnh đường đất bụi mù như cách đây mười năm. Chiếc taxi quẹo vào con đường đại lộ chính, được mệnh danh là "Champs-élysée," giờ đây được trang điểm thêm một hàng đèn dài thật đẹp dẫn từ Phủ Tổng Thống đến "Arc de Triomphe" của Vạn Tượng và một số chùa Phật giáo nguy nga. Khu phố này có lẽ được cố vấn xây lại bởi một kiến trúc sư Pháp muốn gợi cảnh đại lộ hoàng hôn tráng lệ của Paris. Điều đặc biệt là có thêm vài ngôi chùa lớn đang xây, các đền chùa cũ đều được tô điểm lại mới và sáng chói mầu sơn son thếp vàng, cho thấy dân Lào vẫn rất sùng kính đạo Phật, chăm sóc chùa chiền dù trong cảnh kinh tế khó khăn phải thắt lưng buộc bụng, mức sống chung vẫn cơ cực và nhà cửa trong thành phố phần lớn vẫn mang vẻ nghèo nàn xưa.

Lấy phòng khách sạn xong thì đã quá trưa, tôi lại lấy taxi ra "chợ sáng" để tìm hàng ăn. Niềm vui tìm lại ngôi chợ giống y hệt như chợ Tân Định, chợ Bến Thành của Sài Gòn với đủ các món ngon như phở, bánh mì thịt, bánh cuốn, bì cuốn, nem nướng,v.v... Tôi đang ngần ngừ không biết có nên ăn ở đây không vì thấy có nhiều ruồi sợ đau bụng, chợt một bà bán hàng la lên bằng tiếng Việt: "Ông cứ ăn đi đừng lo đau bụng, rau chúng tôi rửa bằng thuốc tím sạch lắm."

Thế là có tiếng reo cười của cả khu chợ quà với mấy bà bán hàng người Việt hay người Lào nói tiếng Việt, mừng vì thấy khách Việt từ ở xa đến (có lẽ họ đoán qua dáng vẻ lớ ngớ của tôi.) Với niềm vui chợt đến khám phá ra nơi chốn Việt Nam này, tôi ngồi ngay xuống chợ ăn bữa trưa rất ngon lành không còn sợ thiếu vệ sinh gì nữa, ăn như chưa từng bao giờ đói đến như vậy! Ngồi lân la hỏi chuyện mới biết những năm sau này có rất đông người Việt sang làm ăn ở Vạn Tượng, ngoài một phần tư dân chúng ở đây hiểu hay nói được tiếng Việt. Một nỗi ấm áp dâng tràn trong lòng! Qua hình ảnh buổi chợ trưa, đã tìm lại được sự hiếu hòa dễ thương nổi tiếng của dân tộc Lào và chút không khí Việt Nam! Điểm đặc biệt là văn hóa và cách sống của họ gần như 95% chịu ảnh hưởng của Thái Lan nhưng người Lào lại rất thân thiện và tin người Việt, có lẽ do ảnh hưởng chính trị lâu đời.

Đời sống kinh tế Lào có phần khó khăn hơn mười năm trước. Tăng trưởng kinh tế chậm lại và đầu tư ngoại quốc bớt đi, cơ cấu sản xuất vẫn không có gì thay đổi đáng kể, vẫn dựa nhiều vào xuất cảng điện và gỗ sang Thái Lan, đồng tiền kíp mất giá nặng nề sau nhiều năm trở lại với nạn lạm phát cao. Lúc tôi rời đây năm 1994, một đồng kíp ăn độ 15 đồng Việt Nam, bây giờ chỉ còn 1 đồng rưỡi VN. Giống như VN, sinh hoạt kinh tế bị lũng đoạn bởi nạn tham nhũng và trì trệ hành chính. Sinh hoạt chính trị vẫn bị bất ổn thường xuyên do những vụ đặt bom của nhóm người Hmong có trợ giúp của đồng hương từ bên ngoài.

Những ngày sau, tôi lang thang tìm lại các hình ảnh cũ. Mỗi buổi sáng, tôi thường dậy từ sáu giờ, ra ngoài khách sạn thuê xe "Tuk Tuk" (xe lam ba bánh) chạy dọc theo dòng sông Mékông chia đôi hai nước Lào và Thái. Vài hôm nước cạn thấy đáy, chỉ cần đi bộ ngang vài trăm thước đã đến bờ bên kia là xứ Thái. Xe chạy chậm lại mỗi lúc thấy vài con trâu đen bóng nhẫy đang nằm ụ lủi vào đống bùn dọc đường, một hình ảnh khác rất quen thuộc của đồng ruộng quê nhà! Những hôm trời mưa lớn, nước chảy cuồn cuộn cho thấy sức mạnh của dòng Mékong, tôi thả bộ ngoài đường chợt ao ước có chiếc thuyền giấy con để thả theo dòng sông này xuôi về miền Nam, vào địa phận Việt Nam chỗ sông Mékong được đổi tên thành Cửu Long Giang (1). Chiếc thuyền nhỏ bé không biết có đứng vững nổi với gió và sức mạnh của dòng sông, nhưng ít nhất cũng hy vọng chuyên chở chút ý nghĩ của kẻ tha hương chợt khám phá được tâm tư của mình. Ý thích về lại bên dòng Mékong chỉ là để tưởng tượng mình đang ở cạnh Cửu Long Giang!

Trong những ngày còn lại, tôi vẫn băn khoăn nghĩ ngợi cho quyết định của mình. Có nên ở lại đây sống, tìm một công việc dạy học giúp những người trẻ xứ sở hiền lành này hay chỉ tạm trú như một khách du lịch nhàn tản? Có điều chắc chắn là mỗi buổi chiều ra đây sẽ ngồi vào một quán bia với vài quả trứng vịt lộn hay con khô mực nướng để được trọn vẹn ngắm cảnh vật ở đây giống bến Ninh Kiều ở Cần Thơ của những ngày xa xưa nơi quê nhà! Sẽ quyết định ở đây vì công việc thách đố cho phần đời còn lại của mình, hay chỉ do sở thích tìm thú giang hồ? Tôi thích cứ để mặc ý nghĩ miên man theo những bước chân lang thang của mình bên dòng Mékong trong một chuyến trở lại sau mười năm rời xa!

(1) Tôi được biết chuyện đổi tên này nhờ đọc quyển "Xuôi dòng Cửu Long" của nhà văn Phạm Thăng.

TRUYỆN LIÊU TRAI MỚI

HƯƠNG LY

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Với lời xin lỗi cô Hương Ly,
sự trùng tên chỉ là một ngẫu nhiên.

Thủ phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, có ông lão họ Vương làm nghề trồng hoa, gia tư vào bậc trung bình. Vương lão có một con trai tên Uyển. Vương Uyển học hành chăm chỉ, cũng bình thường như những đứa trẻ khác nhưng có tật chỉ ham gái, không biết ham tiền. Lúc nhỏ, hay chòng ghẹo con gái hàng xóm, các bà mẹ gần nhà liệt Uyển vào loại bỗ bã, gáy ráp - *roughneck* - thường cấm không cho con gái giao thiệp với Uyển. Lớn lên, mỗi khi ra đường thấy gái đẹp là mắt Uyển láo liên, nhiều khi liều lĩnh đi theo về đến tận nhà, hy vọng được làm quen. Cũng vì chỉ ham gái không ham tiền nên đến năm hai mươi nhăm tuổi rồi mà Uyển cũng chẳng làm nên cơ nghiệp, trò trống gì cả, mỗi khi cần tiền là Uyển phải ngửa tay xin cha.

Vương lão buồn phiền lắm, bèn quyết định cưới vợ cho con và dạy con nghề trồng hoa để kiếm sống. Từ ngày có vợ, mắt Uyển bớt láo liên, hàng ngày chăm chỉ lo công chuyện làm ăn, vợ cũng thuộc loại con nhà buôn bán nên chẳng bao lâu hai vợ chồng khấm khá, mua được mấy mẫu đất ngoài phủ xây nhà, gây cơ nghiệp trồng hoa cho riêng mình.

Năm ấy, vợ Uyển muốn về quê thăm mẹ một tháng, Uyển ưng thuận. Thật sự chỉ ham gái chứ không ham vợ, vợ vừa ra khỏi nhà là mắt Uyển lại láo liên. Ngày ngày Uyển xuống phố, la cà ở những tiệm ăn, bữa ăn không bao giờ quên gọi thêm một cốc sinh tố A, những nghĩ uống miết sinh tố A là thân thể thêm phần cường tráng.

Đêm đêm nằm ngủ một mình. Một hôm, lúc nửa đêm Uyển đang ngủ đột nhiên thức giấc, cảm thấy dường như có ai chạm vào mình. Mở mắt nhìn, Uyển thấy một nữ lang, nhan sắc diễm lệ, tuổi chừng đôi tám, mặc áo lụa đen với những đường thêu trắng trên lưng thật đẹp, ngồi cạnh giường đang nhấm nhấm tai mình. Cũng sợ, nhưng thấy nữ lang đẹp quá đâm liều, bèn hỏi tên tuổi. Đáp: "Thiếp tên Hương Ly, không có họ, nhà thiếp ở cũng gần đây. Thấy chàng đơn độc mà đèn phòng còn sáng nên đánh bạo vào xin làm quen. Nếu chàng không chê thiếp xấu xí thì đêm đêm thiếp sẽ đến cùng chàng trò chuyện." Uyển đưa tay ra sờ, thấy da thịt nữ lang mềm mại, ấm áp, bèn bồng lên giường ân ái. Từ đó, cứ tối đến là Hương Ly lại đến thăm Uyển. Hai người trò chuyện tương đắc, nửa đêm ân ái rất mực nồng nàn, rồi ôm nhau ngủ. Sáng ra, khi Uyển tỉnh dậy thì Hương Ly đã đi mất.

Từ ngày được Hương Ly đến thăm, phòng Uyển lúc nào cũng phảng phất mùi hôi nhưng vì nhà có vườn lớn, lại gần đồng ruộng, nên lâu dần cũng quen không nghi ngờ gì. Còn Uyển tự nhiên bị mắc chứng bệnh dị ứng kinh niên, sáng ra mắt hơi sưng, cả ngày hắt hơi, nước mũi chảy ròng ròng, tắc không thở được, thường phải thở bằng miệng. Hàng ngày đi ăn cơm tiệm, cô hàng có vẻ cảm thông, bầy vẽ cho Uyển uống thuốc này nọ, cô lại tự tay chế biến cho Uyển những cốc sinh tố mãng cầu, mộc nhĩ, A, B, C, D, vv và vv.

Những cốc sinh tố đầy chất vv và vv, có sức mạnh kỳ nghệ này hình như chỉ hiệu nghiệm trong việc ân ái vì những cuộc gặp gỡ của Uyển với Hương Ly càng ngày càng thêm cuồng quay trời đất, duy có chứng bệnh dị ứng thì không hề thuyên giảm. Thày thuốc thử nghiệm, nói Uyển dị ứng lông thú vật, cấm không cho nuôi chó mèo trong nhà. Trong nhà có hai con chó, con Tô và con Mực. Uyển thương con Tô bèn đem nó cho bạn; còn con Mực, Uyển gọi bạn bè đến đầy nhà, làm thịt ăn một bữa no nê. Cũng chẳng hơn gì, thần sắc Uyển vẫn ngày càng bê bết, chỉ về đêm là Uyển có đủ khí thế cương cường.

Ba bẩy hai mươi một ngày, một hôm đang thất thểu đi xuống phố chợ, dọc đường Uyển gặp một

đạo sĩ. Đạo sĩ ngắm nhìn Uyển một lúc rồi nói, "Tôi trông thần sắc ông rất kém, trên đầu có tà khí, cứ cung cách này chỉ trong vòng một tuần nữa là ông sẽ lăn đùng ra mà chết!" Uyển sợ quá, vì một tuần nữa là vợ Uyển sẽ về, bèn xin đạo sĩ cứu giúp. Đạo sĩ chẩn mạch rồi nói, "Dạo này hình như ông ham việc nữ sắc quá độ, kinh mạch trì trệ, chạy loạn không đều, mạch dương chạy ngược, mạch âm chạy xuôi, âm dương không hòa thuận, lại thêm trong cơ thể có nhiều chất dinh dưỡng hạng nặng, loại kỹ nghệ, chỉ trợ giúp cho việc mây mưa mà lãng bỏ lục phủ ngũ tạng, khiến cho lục phủ ngũ tạng tranh giành, chẳng chịu cứu giúp lẫn nhau, chỉ riêng chuyện này cũng đủ khiến ông chết sớm!" Đạo sĩ hỏi, Uyển kể việc đi lại với một nữ lang tuyệt đẹp tên là Hương Ly. Đạo sĩ bảo Uyển há miệng để ông coi. Ông coi rồi nói,

"Hương Ly, thảo nào! Trong cổ họng của ông đã có tới hai cái chấm trắng, lại thêm việc thân thể ông phảng phất có mùi như vậy nữ lang tuyệt đẹp của ông chẳng qua chỉ là một cô chồn có hương mà thôi. Cô chồn này để trong hốc mũi ông một cặp trùng tên là *bạch nê*. Thứ trùng này họ hàng với loài sâu hoàng khuyển ở bên Tàu, hay nằm trong nhị hoa, nổi tiếng một thời vì một bài thơ cổ."

"Cặp trùng bạch nê ngọ nguậy chơi đùa khiến ông cả ngày hắt hơi, bài tiết của chúng khiến nước mũi ông lúc nào cũng chảy ròng ròng, lại để vết tích trong cổ họng ông nữa. Chỉ cần có thêm một chấm trắng nữa trong cổ họng là không cách gì chữa được. Loài chồn này cần bảy sinh mạng đàn ông để cung cấp dương khí cần thiết cho nó thành tinh. Khi ấy nó có thể vĩnh viễn biến hóa thành người, ngay cả ban ngày nữa. Nếu tôi đoán không lầm thì nhà ông có một cây phong lớn sau nhà. Con chồn này ngụ ở gốc cây phong. Họa không lường trước được! Sinh mạng của ông là sinh mạng thứ bảy đó!"

Uyển toát mồ hôi, chắp tay hỏi đạo sĩ mình phải làm gì. Đạo sĩ bèn lấy trong bọc ra một đạo bùa đưa cho Uyển, bảo đem về treo trước cửa buồng ngủ. Lại lấy cho thêm miếng sừng tê giác bảo mài ra uống dần và một miếng rễ cây trông giống nhân sâm để ngậm. Uyển hỏi xin trả tiền thì đạo sĩ xua tay nói không lấy tiền. Rằng nếu Uyển khỏi được bệnh thì cũng đủ để ông hài lòng vậy.

Vương Uyển đem bùa về nhà, để dưới gối quên mất. Đêm đó Hương Ly đến như thường lệ. Hai người mang rượu ra đối ẩm, trò chuyện rất mực vui vẻ. Nửa đêm Hương Ly cởi bỏ xiêm y, chui vào trong chăn. Vừa nằm ấm áp, chiếc gối xê dịch để lộ chiếc bùa Hương Ly trông thấy, sợ quá thét to, vùng lên định chạy, lúng túng mãi mãi mới ra khỏi được chăn, chỉ kịp ôm lấy xiêm y, cứ thế chạy mất. Uyển có ý sợ, đem treo bùa trước cửa buồng ngủ, lại mài sừng tê giác hòa vào nước để uống và đem rễ cây ra ngậm như lời đạo sĩ dặn.

Đêm hôm sau, Hương Ly đến, trông thấy bùa treo trước buồng ngủ, rít lên: "Bạc tình lang! Bạc tình lang! Ta với ngươi không thù, không oán, lại còn đem đến cho ngươi biết bao nhiêu điều hoan lạc, hạnh phúc mà ngươi không những đã không ơn lại còn nỡ đem bùa về trấn áp ta. Ngươi không biết rằng lão đạo sĩ thối tha kia muốn bắt ta về phụng sự, làm của riêng cho một mình y, không được y bèn bày điều bịa đặt chia rẽ ngươi và ta. Ta nói cho ngươi hay, lão đạo sĩ kia có thể trấn áp không cho ta vào buồng của ngươi nhưng y không thể cứu ngươi thoát khỏi pháp lực của ta!"

Nghe Hương Ly nói, Vương Uyển hối hận, rồi tiếc rẻ, cũng có ý nghi ngờ đạo sĩ, bèn đứng dậy định ra gỡ bùa cho Hương Ly vào. Chẳng ngờ vừa đến gần cửa thì Hương Ly đã vung tay áo lụa đen, phất vào giữa mặt. Uyển chỉ kịp cảm thấy dường như một trận gió lốc thổi tốc vào mình thì đã ngã xuống, nằm ngất lịm đi, không biết gì nữa. Còn Hương Ly, chưa hết cơn giận, gác chân vẩy thêm ba vẩy nữa lên người Vương Uyển cho bõ ghét rồi mới bỏ đi.

Khi Vương Uyển tỉnh dậy thì thấy người mình ẩm ướt, nồng nặc mùi hôi. Lết vào buồng tắm kỳ cọ một ngày một đêm vẫn không sạch, mệt quá lại thiếp đi. Vợ Uyển về đến nhà, thấy Uyển nằm co ro ngủ như con chó con trong bồn tắm, lấy làm thương xót lắm, trong nhà có bao nhiêu hộp nước ép cà chua lớn nhỏ đều đem ra tắm cho chồng hết. Mãi mãi mới bớt mùi, nhưng cũng không mất hẳn.

Từ đó Vương Uyển khỏi bệnh dị ứng, hết hắt hơi chảy mũi. Hết ham gái, biết ham vợ. Lại cũng biết ham tiền, kiếm việc làm nhiều tiền dưới phố. Có điều thân thể lúc nào cũng thoang thoảng mùi chồn, nhất là vào những ngày thay đổi thời tiết, ai đi gần cũng biết ngay. Mỗi khi đi làm, vào thang máy Uyển thường chiếm một mình một thang máy.

Am Mơ ngày 28 tháng 7 năm Tân Tỵ

QUÊ NHÀ, NƠI ẤY

HƯỚNG DƯƠNG

Thiệt tình mà nói thì tuy rằng tôi sinh ra ở Mỹ Tho nhưng đã theo cha mẹ tôi lên sống ở Sài Gòn từ lúc mới một tuổi nên phải nói cho đúng tôi là dân Sài Gòn chứ đâu phải là người Mỹ Tho. Ấy vậy mà tôi cứ phải khai sinh quán và quê quán của mình là Mỹ Tho! Mỗi lần nhắc tới Mỹ Tho, tôi chỉ nhớ rõ nhất là... nhà ngoại tôi, sau đó là khu nhà lồng chợ với mấy cái quán ăn cất dọc theo mé sông. Chỉ vậy thôi; tôi chẳng biết mà cũng chẳng nhớ được gì hơn. Vậy mà sống xa xứ lâu ngày, tự dưng tôi lại thấy nhớ Sài Gòn và nhớ Mỹ Tho dễ sợ! Hễ nhắc tới quê nhà là tôi lại nhớ tới hai nơi ấy...

Hình ảnh "Quê nhà" Mỹ Tho trong tôi là một căn nhà ba gian hai chái xinh xắn của ngoại tôi nằm trên một nền gò cao ẩn khuất giữa một khoảng sân vườn rợp mát, cây trái xanh tươi. Phía trước là một cái sân vuông lát gạch tàu màu đỏ, có cái bàn thiên với lư hương nhỏ, xung quanh là đám rau và mấy bụi vạn thọ, dâm bụt và ngan ngát mùi thơm của bông dạ lý hương. Phía bên hông là hai cây cau với mấy dây trầu bà quấn quít và một cái lu đựng nước mưa uống sao mát lạnh. Bước lên ba bậc tam cấp, trước khi vào cửa là hàng hiên mà ngoại tôi thường gọi là "hàng ba" - nơi mà ngoại tôi thường nằm trên ghế bố hóng mát vào trưa hè oi ả, cũng là nơi mà ngoại thường cất thóc ban đêm sau một ngày phơi nắng. Nơi ấy, bọn nhóc tì chúng tôi thường chơi giỡn với nhau khi trời mưa, hay ngồi nghe ngoại kể chuyện đời xưa vào những ngày hè nóng bức. Gian giữa là nơi thờ phụng Phật và ông bà. Chính giữa là mấy cây cột tròn đen bóng, nhẵn thín, không đánh véc-ni hay sơn bóng gì hết mà vẫn trơn láng màu gỗ đã nhiều tuổi. Phía trên cột là những hoa văn chạm trổ cầu kỳ vừa để trang trí, vừa đỡ lấy hàng kèo mái. Chân cột là những bầu tròn bằng đá chạm khắc sắc sảo, công phu trên nền gạch tàu. Hai hàng cột này chia không gian nhà giữa thành ba gian đều nhau. Gian giữa là nơi ông ngoại hay cậu tôi tiếp khách. Hai gian bên có hai bộ đi-văng mà bên trái là nơi ngoại tôi thường dành làm nơi tiếp chuyện mấy người bạn già. Gian phía bên phải là chỗ các dì các cậu học bài hay tiếp bạn bè. Phía sau là hai căn phòng ngủ rộng lớn mà chính giữa là một bộ ván khác để con cháu từ xa về chơi có thể nghỉ ngơi. Phía sau cùng là gian bếp rộng với bàn ăn và vựa thóc lúa. Nơi này là chỗ gia đình tụ họp ăn uống, nhất là dịp Tết hay giỗ chạp, hoặc cưới hỏi; con cháu, họ hàng về cùng ăn, cùng làm, cùng hàn huyên thật đông vui, đầm ấm. Mở cửa ra vườn sau là nơi ngoại tôi nuôi gà, vịt, heo và thỏ.

Vườn tược um tùm bao quanh hai bên và phía sau nhà nên mấy cậu, dì tôi thường hay "nhát ma" để tôi khỏi bước ra vườn, leo trèo nguy hiểm, nhất là tránh xa cái giếng nước nhỏ. Cái giếng tròn, trên là một ống trụ tròn quấn dây thừng mà đầu dây bên dưới là một cái thùng sắt sét rỉ để kéo nước từ đáy giếng lên. Mặc dù nhà ngoại đã có nước máy dẫn vào trong nhà nhưng không hiểu tại sao ngoại vẫn muốn giữ cái "giếng cổ" này dù rêu xanh bao quanh bờ giếng. Hình như cái "giếng cổ" này có kỷ niệm gì trong đời ngoại. Thỉnh thoảng ngoại biểu tôi ra giếng để ngoại chỉ tôi cách kéo nước giếng, lấy nước rửa mặt rồi ngoại cười hỏi tôi: "Nước giếng mát không hả, con?" Có vậy thôi. Rồi ngoại dẫn tôi ra vườn, đến bên mấy gốc cây mận, cây nhãn dọc theo mương mà hái cho tôi ăn chứ tuyệt nhiên không kể gì về chuyện căn nhà của ngoại.

Một con mương nhỏ bao quanh ba mặt bên hông và phía vườn sau nhà, giáp ranh với một cái ao cá nhỏ nhìn ra mé sông với mấy cây dừa xiêm xỏa bóng. Ngoại tôi lấy mấy thân dừa bắt thành mấy chiếc cầu nhỏ tạm bợ ngang qua mương hay de ra mé sông một chút mà nhà quê thường gọi là "cầu khỉ." Dừa có lẽ là loại cây phổ biến và hữu dụng nhất ở những miền sông nước như quê tôi. Từ rễ, thân, lá đến bông, trái đều được tận dụng tối đa trong đời sống. Dừa thường được trồng ven sông rạch vừa tạo bóng mát, vừa giúp sinh lợi, vừa tạo ra cảnh quan ven sông hết sức quyến rũ, hữu tình.

Con sông cái phía sau nhà ngoại tôi chỉ là một nhánh của sông Mekong nhưng nó là một nguồn

sống, là hơi thở, là huyết mạch của biết bao người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long này. Với tôi, nó là một xa lộ êm mát, trữ tình và đầy thú vị. Mỗi khi ra ngồi hóng mát bên sông, nhìn tàu bè qua lại tấp nập, sóng nước nhấp nhô, mấy dề lục bình trôi bồng bềnh với mấy chùm hoa tim tím, phía bên kia là cồn Phụng với bến bắc Rạch Miễu, tôi lại thấy quê tôi đẹp làm sao đó. Có sống ở dưới quê thì mới biết những vui - buồn của người dân quê tôi rồi mới thấy thích cuộc sống nơi ấy. Hình như trong vất vả, khốn khó, người ta mới dễ cảm thông, gắn bó với nhau hơn, mới biết thương nhau hơn, biết đùm bọc lẫn nhau hết sức tình nghĩa. Tôi cũng cảm thấy dường như những con sông đã nuôi sống con người, đã làm giàu cho quê tôi và cũng đã gắn liền với con người và quê hương tôi như một hình ảnh không thể thiếu sót. Bởi vậy, có người nói: quê ai cũng có một dòng sông - dòng sông quê hương. Ngày xưa, mỗi dịp nghỉ hè về quê ngoại, tôi thích theo cậu tôi chèo xuồng ba lá ra sông cái chơi trong gió mát, nắng ấm và sóng nước bắn tung toé hai bên lườn. Cậu tôi hát và đàn hay lắm, tôi thích nhất là khi cậu tôi hát bài "Chiều về trên sông." Có bữa, hai cậu cháu thả lưới giăng câu, hay thả xuồng trôi bồng bềnh theo con nước. Khi về tới nhà ngoại, cậu rủ tôi cởi áo nhảy ùm xuống sông tắm cho mát, thích ơi là thích! Có hôm, cậu rủ tôi tát đìa bắt tép, bắt cá, tuy dơ nhưng vui lắm. Cái ao và con mương nhà ngoại vừa là nơi cung cấp nước để tưới cây, vừa nuôi cá, vừa là một thứ "hàng rào" mà sau này tôi đã "ứng dụng" trong thiết kế cho những ngôi nhà gần hồ, ao, biển. Cây trái hai bên mương và xung quanh ao xanh um, mát mẻ, có mùa trĩu nặng trái, thiệt là mát mắt.

Chính ngôi nhà của ngoại với kiểu kiến trúc rất đặc thù dân tộc đã là nguồn ý tưởng dồi dào cho tôi khi thực hiện những bản vẽ trong xây dựng. Có lẽ căn nhà nay cũng đã gần trăm tuổi, tường vách đã nứt nẻ nhiều. Mái ngói nhà ngoại cũng đã xanh rêu nhưng ngoại chỉ thay ngói mỗi khi mưa dột thôi chứ ngoại chẳng muốn thay đổi gì ráo trọi; mặc tình mấy cậu mợ, dì dượng năn nỉ, khuyên can, hay hăm he đủ thứ. Ngoại tôi cứ muốn sống êm ả như vậy cho đến khi ngoại mất.

Bây giờ, sau bao năm sống lưu lạc nơi xứ người, khi trở về nhà ngoại, tôi vẫn thấy cậu mợ tôi sống hết sức đạm bạc trong căn nhà cũ kỹ của ngoại. Hình như cậu tôi cứ muốn sống trong kỷ niệm; mặc kệ khu chợ cũ đã xây mới và mấy hàng quán bên mé sông đã hoàn toàn thay đổi. Quê nhà, nơi ấy thay đổi nhiều lắm, chỉ trừ vài căn nhà như căn nhà của ngoại tôi là vẫn như cũ, thậm chí đã "xuống cấp" nhiều quá và hiếm hoi như... thú hiếm (endangered species). Nghe đâu địa phương đã gạ gẫm cậu mợ tôi sang nhượng để đổi lấy một căn nhà khác mới hơn nhưng cậu tôi vẫn cứ khăng khăng sống trong nếp cũ của căn nhà xưa. Mỗi năm tết đến, cậu chỉ tu sửa chút ít, quét dọn và sơn phết lại cho sạch sẽ, đàng hoàng hơn để trước là cúng ông bà, sau là đón mừng năm mới chứ tuyệt nhiên không thay đổi gì cấu trúc hay tôn tạo cho có vẻ "tân thời," "đổi mới" một chút như bao căn nhà khác ở quê tôi dạo gần đây đã làm. Nhà vốn dĩ đã cũ kỹ, ngày càng sa sút mà con người cậu tôi cũng tàn tạ theo thời gian. Cậu không những già đi nhiều mà còn gàn bướng, lạc hậu và khó tánh hơn trước. Ngoài cái tủ lạnh, tivi, radio, quạt máy và cái nồi cơm điện mới sắm, hầu như cái gì trong nhà cũng đều có thể ký gửi vào viện bảo tàng hay "trung tâm phế liệu" - nôm na là "thu mua ve chai, sắt vụn, đồ cũ." Cậu giải thích với tôi là cậu không muốn bị ảnh hưởng và phụ thuộc quá nhiều vào những "thay đổi" không cần thiết, không phù hợp và không mấy "lương thiện." (?) Lạ một điều, cậu vẫn cứ thích sống như vậy dù rằng cậu là cựu học sinh giỏi của trường Nguyễn Đình Chiểu rất nổi tiếng ở Mỹ Tho, rất giỏi tiếng Tây lẫn tiếng Anh trước khi bị động viên.

Tuy nhà ngoại tôi cũ kỹ, vậy mà mỗi khi bước về nhà ngoại, tôi lại có cảm giác thoải mái, nhẹ nhàng, thanh thản hơn, không khí tĩnh mịch của làng quê Việt Nam sao mà êm ả, thanh bình so với sự ngột ngạt, ồn ào của đô thị văn minh, hoa lệ. Có lẽ từ mái ngói xưa, nền gạch tàu mát lạnh, trong vườn cây râm mát nơi ấy, hay vì được sống bên cạnh những con người mộc mạc, bình dị, hiền hậu mà tôi cảm thấy bớt đi cái stress và sự ngột ngạt của đô thị. Có điều là không ít người như cậu tôi đã không thể thích nghi hay chạy theo sự thay đổi của nếp sống đô thị hóa hôm nay nên dễ bất mãn và lạc lõng giữa sự phát triển chóng mặt của xã hội thời vi tính điện tử hôm nay. Thiệt tình mà nói, quê tôi cần được tu sửa, cải thiện nhiều lắm chứ không riêng gì căn nhà của Ngoại. Lớp già như cậu tôi rồi cũng sẽ ra đi, nhường lại cho đám trẻ đang lớn lên nhanh như thổi sẽ tiếp tục thay đổi tất yếu ở quê tôi để nơi ấy ngày một sáng sủa, tốt đẹp hơn. Chỉ mong sao những xa hoa, suy đồi, trụy lạc sẽ không làm lớp trẻ quê tôi sa đà, lạc hướng như biết bao thanh thiếu niên

Thái Lan, Phi Luật Tân... đã phải trả giá quá đắt cho những bài học nhớ đời khi họ muốn "hội nhập" vào lối sống vật chất phương tây. Cái gì cũng có hai mặt và đều có cái giá của nó. Ở đâu cũng vậy thôi, huống hồ quê tôi còn lắm người quê mùa, học ít, nghèo khổ, chân chất, dễ tin nên cũng dễ bị lừa mị lắm.

Nếu như hình ảnh "Quê nhà" Mỹ Tho trong tôi chỉ vỏn vẹn là vậy thôi thì Sài Gòn trong tôi đậm nét nhất là con hẻm nhỏ dẫn vô khu cư xá Thanh Bình, gần ngã tư Xóm Gà, nằm trên đường Ngô Tùng Châu/ Gia Định đi từ Bà Chiểu về Gò Vấp với đầy ổ gà lầy lội vào mùa mưa, hay với bụi bay mịt mù trong những ngày hè nóng bức. Hai bên con hẻm là hai dãy nhà phố cất giống hệt nhau vì cùng là khu cư xá nhưng mỗi căn nhà lại được trang hoàng, tô điểm bằng những giàn hoa, cái cổng, hàng rào khác nhau, ngay cả màu vôi, nước sơn của cánh cửa, vách tường cũng khác nhau. Nơi ấy, tôi đã có những đứa bạn hàng xóm từng chơi thân với nhau, từng đi học chung với nhau, hay từng đánh lộn với nhau te tua, tơi tả. Nơi ấy, có trường Thiên Ca của mấy bà soeur dòng Phăng-xi-cô mà tôi đã lần đầu tiên đến trường, bập bẹ tập đánh vần và tự khép mình vào một thứ khuôn khổ kỷ luật rất nề nếp. Hình ảnh của trường luôn ghi khắc trong tôi, nhất là hai cây phượng vỹ trong sân trường thường nở đầy hoa đỏ tươi vào mùa hè trong tiếng ve kêu inh ỏi. Khu phố nơi ấy tuy nhỏ hẹp nhưng chất chứa đầy ắp kỷ niệm cả một quãng đời niên thiếu của tôi. Nơi ấy, tôi nhớ nhất là những tiếng rao: từ tiếng rao lảnh lót của bà bán bún riêu buổi sáng đến tiếng rao "đặc biệt" của chị mua ve chai vào buổi trưa, hay của chị bán chè vào buổi chiều; hoặc với tiếng gõ lóc cóc vào lúc chiều tối của chú Chệt bên cạnh chiếc xe mì với những tô "xí quách" hấp dẫn.... Với tôi, những hình ảnh và tiếng rao hàng đó là cả một "nghệ thuật" rất bình dân nhưng đã đi vào tiềm thức của tôi, gieo vào lòng tôi một hình ảnh rất đặc biệt của quê nhà, một âm thanh khó có thể nào quên để thấm dần vào máu thịt, tim óc... Lớn lên một chút, Sài Gòn của tôi là trường Lê Quý Đôn, là con đường Trần Quý Cáp với hàng me cao rợp mát mà tôi chỉ kịp nhận biết cái đẹp của con đường này khi lần đầu biết... yêu và cùng "người yêu" đạp xe về nhà sau khi tan trường; là hồ Con Rùa với những xe bán nước dừa tươi và cũng là nơi hò hẹn của biết bao cặp tình nhân; là sân Hoa Lư với món bò bía và những ly nước mía dâu hấp dẫn sau những trận banh hào hứng của những cầu thủ tí hon lớp tôi; là tiệm cơm tấm trên đường Hiền Vương mà ba tôi thường ghé ăn sáng; hay mấy tiệm phở trên đường Pasteur mà gia đình tôi thường ghé ăn khuya. Có những ngôi trường, con đường, quán ăn, chợ hay tiệm... đã trở thành những địa danh quen thuộc của Sài Gòn mà người ta không thể nào quên. Chẳng hạn, trường Gia Long, Pétrus Ký, Lê Quý Đôn..., hay Dinh Độc Lập, Sở Thú, Bến Bạch Đằng, đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo...; chợ Bến Thành, chợ Bà Chiểu, chợ Bình Tây... Có những kỷ niệm khó có thể quên ở đập Ông Nhiêu và Bưng Sáu Xã trong những ngày lao động thủy lợi, quán cơm sinh viên ở trường Sư Phạm, những ly càphê rang trộn với bắp tẩm chút bơ ở các quán vỉa hè, những cốc bia hơi nhậu với cóc hay ba khía cho quên bớt sầu lo... Hình như người Việt Nam rất giàu tình cảm, thích sống với kỷ niệm, thích ăn uống, thích giao du trò chuyện nên biết bao hàng quán, con đường, ngõ phố thân quen đã chất chứa biết bao kỷ niệm trong hồi ức từng người Việt. Xa Sài Gòn càng lâu mới thấy càng nhớ và thương hơn từng con đường, ngõ phố, hàng quán, ngôi trường xưa, căn nhà cũ... Hễ gặp nhau nơi xứ lạ, quê người là người Việt lại nhắc nhớ nhau về những kỷ niệm và nơi chốn cũ... Xưa và nay cứ quyện lẫn trong nhau.

Quê nhà của tôi hôm nay không chỉ là căn nhà của ngoại tôi ở Mỹ Tho, hay là đường phố Sài Gòn hoa lệ, tấp nập, ồn ào... mà nơi ấy là đất nước Việt Nam bây giờ đã xa nhiều lắm, không chỉ xa về địa lý mà xa cả trong cách nghĩ suy của từng con người Việt Nam hôm nay. Những hình ảnh, âm thanh ngày xưa dường như vẫn còn lẩn quẩn đâu đây. Thực tế cảnh cũ, ngày xưa không còn nữa. Nay thay đổi nhiều rồi. Có cái tốt hơn, có cái tệ hơn, song quy luật tạo hóa bắt buộc mọi thứ phải luôn thay đổi để tồn tại và phát triển; hay phải bị đào thải hoặc hủy diệt. Khi mới tập tễnh bước vào sân chơi rộng lớn hơn, ai cũng có những bỡ ngỡ, va vấp, sai lầm. Điều quan trọng là làm sao có thể chơi với người ta mà không bị chèn ép, bắt nạt, ăn hiếp, ăn gian, lừa gạt quá đáng và sự chịu đựng nào cũng không thể quá mức được. Quê nhà, nơi ấy vẫn có biết bao người đang cuốn hút vào trò chơi, có kẻ càng chơi càng khá, có người phân vân lưỡng lự, cũng có không ít "nạn nhân" đã vội bỏ cuộc, vấp ngã hay thậm chí mất mạng để đổi lấy những bài học nhớ đời. Quê nhà, nơi ấy vẫn có biết bao kẻ tự xưng là

Việt Kiều về nước để gạt gẫm, lừa bịp, hưởng thụ trên sự nghèo khổ, nông cạn của người ở lại; cũng có không ít kẻ đã phải "bỏ của chạy lấy thân" trong đau đớn, tức giận, nhục nhã và cũng có những người âm thầm trở về quê nhà chỉ để làm một chút gì cho kẻ khốn cùng ở quê nhà mà không một chút tự tư tự lợi. Ở đâu cũng vậy: có người tốt và kẻ xấu, có thằng gian manh và có người lương thiện; không chỉ nơi ấy, quê nhà mới có những xấu xa, phức tạp, đảo điên không lường. Thời gian rồi cũng sẽ giúp mọi người có thể nhìn ra đâu là sự thật, là lẽ công bằng, là sự lương thiện, ai là người tốt và kẻ xấu, cái cũ nào không tốt cần bỏ đi, cái hay nào phải giữ lại, cái mới nào cần học hỏi và phổ biến rộng rãi vì ai cũng có trái tim và khối óc, có mắt để nhìn, có tai để nghe và sẽ có lúc phải lên tiếng để tranh đấu cho quyền lợi chính mình. Ngày ấy là cái ngày mà quê nhà tôi sẽ đổi mới thật sự để Việt Nam thật sự cất cánh. Kẻ đi xa, người ở lại đều có bổn phận và quyền lợi như nhau trong việc gìn giữ và phát triển đất nước, đều cần có lòng yêu quê hương để chia sẻ trách nhiệm với tiền đồ dân tộc.

Nói nào ngay, xa quê nhà rồi người ta mới thấy nhớ, mới biết thương quê nhà nhiều hơn chứ lúc sống trên quê hương thì đâu mấy ai hiểu được thế nào là yêu quê hương, là nhớ về gia đình còn ở nơi chốn quê. Khi trở lại nơi ấy thì mới chưng hửng mà bừng tỉnh khi thấy quê nhà hôm nay thay đổi thật nhiều. Người ta cứ muốn sống lại những hình ảnh của một thời nào đó; cho dù cảnh vật và con người ở đâu cũng phải luôn đổi thay từng giờ từng phút, không thể tồn tại bất di bất dịch. Dân Sài Gòn, cảnh Sài Gòn, những món ăn, những kỷ niệm vẫn khiến tôi luôn gắn bó với Sài Gòn, vẫn khiến tôi luôn trăn trở; dẫu cho Quê nhà đã không còn coi tôi là "người Sài Gòn" nữa rồi. Người ta bảo tôi là "Việt Kiều" - một danh xưng mà tôi ghét thậm tệ giống như cái tên gọi "con Ngụy" khi tôi bị gán ghép vào những năm sau 30/4/1975. Hình như tôi đã là kẻ xa lạ với chính quê hương tôi và đồng bào tôi. Cứ mỗi lần về thăm quê nhà, tôi lại tìm đến những đường phố Sài Gòn, về lại căn nhà của ngoại tôi như tìm về kỷ niệm của một thời gian đã qua, tìm lại không khí của ngày nào... Dẫu tôi biết chắc chắn là sẽ không bao giờ tìm lại được "ngày xưa Hoàng Thị" nhưng sao lòng tôi vẫn cứ vấn vương, lưu luyến... về ngày xưa; vẫn băn khoăn, trăn trở với những điều chưa hay, chưa tốt hôm nay của đồng bào tôi. Dù thế nào đi nữa, tôi biết tôi vẫn là một người Việt với một con tim và bao suy nghĩ về nơi Quê nhà ấy...

(Tháng Năm 2003).

PHẠM CÂY TRÂM

TẢN MẠN CUỐI HÈ

Bàng hoàng
Cuối đời
lưu lạc tìm ai
chân trời
góc bể
tháng ngày lang thang
tìm ai trong cuối đời tàn
phải ta trong kiếp bàng hoàng nhân sinh?

Cần chi
Tỉnh ngộ
tách bờ mê
Vui đời
neo bến giác
mai sau như xưa trước
cần chi một nơi về.

Chút quê
như chút quê hương nơi viễn xứ
góc vườn tĩnh lặng đất ươm xanh.
bí bầu, rau ớt xum xuê tốt
hạnh phúc nhà ai đẹp mỏng manh.

Arlington - 2003

MÁU CỦA CHA

TRẦN YÊN HÒA

"Ở trại Xuân Phước có tù nhân ăn thử 500 con ruồi,
nhưng sau đó bị ói mửa gần chết,"
Trại Kiên Giam, Nguyễn Chí Thiệp, trang 354

Huân cầm cái vĩ đập ruồi, chăm chú, im lặng, rình mấy con ruồi đang bay, đợi chúng đáp xuống một chỗ nào đó trên cái bàn ăn dành cho tù nhân được đúc bằng xi măng nham nhở. Đàn ruồi bay vo ve, vòng quanh, chờn vờn, rồi có con đáp xuống trên một mảnh khoai mì bé tí còn sót lại trên bàn. Huân thủ thế. Bọn ruồi nầy cũng tinh khôn đáo để, đã nhiều lần, Huân chỉ mới cử động một chút là chúng vụt bay lên trước khi cái vĩ được đánh phạch xuống mặt bàn. Dĩ nhiên là con vật nhỏ tí nầy làm sao khôn bằng người được. Dù có con thoát nhưng rồi nó cũng sẽ bay trở lại và trở thành nạn nhân của Huân. Huân đợi khoảng năm con ruồi tụm lại một chỗ, anh đưa rất nhanh cái vĩ lên và đập xuống thật lẹ. Ba con chết, hai con bay thoát. Huân cầm lấy cái vĩ dồn mấy con ruồi chết vào một đống. Suốt buổi trưa, Huân đã làm công tác đập ruồi, trong chiến dịch diệt ruồi của toàn trại.

Khu doanh trại nhốt tù buổi trưa im phắc. Anh em tù nhân đi lao động về, vội vã tắm, lãnh cơm ăn rồi tranh thủ nằm nghỉ lưng một chút để đến một giờ, sau hồi kẻng họ phải bật dậy để tập họp đi lao động buổi chiều. Cuộc sống của tù nhân ở đây như cây kim đồng hồ. Sáng dậy sớm súc miệng rửa mặt xong rồi lãnh phần ăn sáng, một chén khoai mì lát đầy vỏ. Ăn qua quít với nước muối rồi tập họp đi lao động. Quần quật ngoài hiện trường đến 11 giờ mới về, cũng ăn vài chén khoai mì lát rồi đi nghỉ một chút. Buổi chiều một giờ tiếp tục ra hiện trường. Cuốc đất, trồng khoai mì, trồng lúa, hay đi vác củi từ trong rừng sâu. Huân làm anh nuôi ở đội rau xanh. Đội rau xanh của Huân chuyên môn sản xuất rau cho toàn trại, cả tù nhân và nhân viên trên khung cùng cán bộ quản lý trại, tất cả đều trông nhờ vào đội rau xanh nầy. Huân được phân chia làm anh nuôi của đội, chuyên môn nấu nước và mang thức ăn đến cho anh em tù nhân. Thật ra thì công tác nầy cũng nhẹ hơn một chút so với anh em đi lao động ngoài hiện trường, nhưng với Huân, cũng trần ai khoai củ lắm. Với cái chân khập khiểng sau khi anh bị té ngã trong lần đi đốn củi trên rừng Long Giao năm ngoái, bàn chân anh bị lật và trở thành tật, nhờ đó Huân được điều về làm anh nuôi.

Tháng rồi có chiến dịch diệt ruồi. Ruồi ở đâu xuất hiện nhiều quá, bay đậu đầy trên tường, trên nền xi măng, trên mặt bàn ăn như một đám đậu đen. Có nhiều tù nhân bị bệnh thổ tả vì lây bệnh do ruồi đem lại, nên ban chỉ huy trại mở chiến dịch diệt ruồi. Mỗi đội được giao mỗi ngày phải diệt 1000 con ruồi, đội trưởng kiểm soát đếm từng con, nên Huân được đề cử thêm chức đập ruồi cho đội. Thật ra, buổi trưa Huân không ngủ được nên anh cũng lấy công việc nầy làm thú vui. Suốt năm năm rồi, từ ngày đi tập trung cải tạo, hình như không lúc nào anh chợp mắt được buổi trưa dù chỉ mười, mười lăm phút thôi. Buổi trưa, anh nằm thường gác tay lên trán và nhớ miên man. Nhất là gia đình anh đã biệt tăm gần ba năm nay. Anh loay hoay. Suy nghĩ. Nhiều khi đang nằm nghỉ mà anh bật dậy. Bật dậy để làm một chuyện gì đó, để xua đuổi đi những ý nghĩ đen tối trong đầu. Khi đội họp để phát động chiến dịch đập ruồi thì Huân dơ tay xung phong lãnh trách nhiệm. Anh sung sướng được tiếp nhận công việc. Anh muốn bất cứ lúc nào cũng có một công việc gì đó để làm. Rảnh rỗi, anh lại nghĩ ngợi lung tung.

Nói vậy chứ nhiều khi đang làm việc, như đang nấu nước cho đội ngoài hiện trường, anh tự dưng thấy Như Ngọc dẫn ba đứa con đang từ xa chạy đến với anh. Như Ngọc vẫn còn đẹp như xưa, vẫn còn dáng dấp của cô giáo trung học. Nàng bận áo dài màu tím than, tóc thắt nơ vàng. Còn

ba đứa con gái thì tung tăng chạy nhảy vui đùa. Anh thấy đúng y chang là Như Ngọc và ba con trước mắt anh. Thế nhưng khi anh dụi mắt thì tất cả tan biến mất. Đã năm năm xa vợ con, những năm đầu tiên cải tạo ở vùng Long Khánh, Long Giao, Như Ngọc có đi thăm Huân hai lần. Thế rồi khi anh đổi ra đây, trại Xuân Phước nầy, nàng biệt tăm luôn. Ba đứa con của anh đâu? cuộc sống thế nào? đến bây giờ anh không biết được, cho nên trong đầu óc Huân là cả một trời u uẩn, không nghĩ đến thì thôi chứ nghĩ đến là nó như làm bung cái đầu anh ra vậy.

Hồi ở Long Giao, Huân đi lao động đào hố trồng cao su, anh lượm được một mảnh nhôm máy bay. Anh cất kỹ trong xách lén lút đem về trại. Anh nghĩ anh sẽ nhờ thằng "Nguyện sira" làm cho anh bốn thứ đồ trang sức. Một cái lược và ba cây trâm cài tóc. Cái lược sẽ dành cho vợ anh, Như Ngọc, còn ba cây trâm dành cho ba đứa con gái. Công trình làm lược cũng rất nhiêu khê. Thằng "Nguyện sira" ra giá, tất cả công lao cho bốn món đồ trang sức kia là nửa bịch thuốc lào và bốn tán đường. Anh lấy đâu ra những món hiếm quý ấy. Suốt hai năm anh chỉ được hai lần thăm nuôi mà anh biết Ngọc ở nhà lo cho ba đứa con cũng đã quá sức nàng rồi, nên còn sức đâu để nuôi anh, nên anh chả đòi hỏi gì. Ngọc đem cho anh khoảng đâu một ký đường. Anh ăn hà tiện được hai tháng là hết. Cơ thể anh bắt đầu suy yếu trầm trọng, người anh gầy oặt ra, xanh xao, vàng võ. Nhưng thôi, cố chịu đựng, anh nghĩ thế. Giá của thằng Nguyện đưa ra là cái giá chung cho các anh em trong trại cải tạo. Thằng Nguyện có hoa tay nên nó cưa, mài, đục, đẽo, mấy ngày là xong và sản phẩm thì "xịn" không chỗ chê. Mới đầu thì thằng Nguyện làm không công cho bạn bè, sau đó nhiều người nhờ vã quá nên nó ra giá. Bây giờ thì nó nổi tiếng toàn trại về chuyện sản xuất đồ nhôm, nên nó một bảng giá hẳn hoi. Huân không có đường, không có thuốc lào, nên đành thúc thủ. Sau một đêm suy nghĩ, trằn trọc, anh quyết tâm: Sao mình không tự làm lấy, thằng Nguyện làm được mình làm được. Nghĩ thế là ngày hôm sau anh bắt tay vào việc ngay. Anh đi ra hiện trường lượm được một thanh sắt nhỏ, anh nhặt bỏ vào túi xách. May mà anh đem vào được trong trại an toàn chứ cán bộ kiểm soát mà bắt được thì chắc anh củng tàn đời, sẽ bị hai ba tháng trong hầm kỷ luật vì tội đem kim loại vào trong trại, với âm mưu trốn trại hay nhen nhúm phản động gì đây?

Thế là trong những lúc rảnh rỗi hoặc thứ bảy, chủ nhật, Huân hỳ hục đục đẽo thanh nhôm. Nghĩ thì dễ nhưng thực hành thật khó. Nhôm máy bay là loại nhôm cứng nên có lần Huân đục quá mạnh, lưỡi đục xuyên vào tay làm tay anh máu chảy dầm dề. Máu chảy loang cả miếng nhôm, anh xin thuốc lào rịt vào và lấy cộng dây thun cao su cột khuỷu tay lại, nhờ vậy máu bớt chảy ra, nhưng cánh tay anh bị sưng vù lên, thâm tím. Máu của anh đã đổ ra bao nhiêu lần. Hai lần bị thương trong thời chiến, máu anh chảy tràn đầy trên băng ca tải thương từ núi rừng Quảng Ngãi. Các con anh cũng là máu của anh, máu anh đã chuyền qua máu các con anh. Bây giờ các con anh đâu? những giọt máu của anh đã thất tán nơi nào anh chẳng biết!

Huân vẫn không nản lòng. Anh đếm từ bây giờ đến ngày thăm nuôi khoảng cũng còn ba tháng nữa. Anh nhẫn nha làm. Ngày một, ngày hai. Cuối cùng rồi anh cũng hoàn thành được cái lược và ba cái trâm cài tóc. Anh thầm nghĩ, lần nầy mà Như Ngọc lên thăm anh, có dẫn theo ba đứa con, anh sẽ lấy cái lược chãi tóc cho vợ, lấy cái trâm cài đầu cho ba đứa con gái, chắc là Như Ngọc sẽ vui lắm và hạnh phúc lắm. Anh nghĩ cái hạnh phúc cũng tầm thường thôi mà sao anh chụp bắt hoài mà không gặp được.

Đúng là hạnh phúc cũng rất tầm thường mà anh không có được. Lần thăm nuôi đó Ngọc không lên. Anh mòn mỏi đợi trông từng ngày, anh đem cái lược và ba cái trâm ra đánh bóng đi đánh bóng lại nhiều lần. Anh vẫn tự nhủ lòng, có lẽ Như Ngọc bận chuyện gì đó nên đi trễ thôi, thế rồi anh mòn mỏi đợi chờ cho hết đợt thăm nuôi. Đến mùa đông năm đó, có đợt thay đổi trại. Anh bị kêu tên, rồi lên xe bít bùng đi suốt mấy ngày mấy đêm liền. Khi xe dừng lại anh thấy mình đã đứng trước một trại tù hiện đại hơn, được xây cất đàng hoàng kiên cố hơn. Nhà tù có cửa khóa, có công an canh giữ. Anh được xếp loại vào hàng ngũ ác ôn, chống đối không chịu cải tạo nên mới được đưa đến nơi chốn đèo heo hút gió nầy. Đây là trại kiên giam Xuân Phước.

Từ đó, anh biệt tăm luôn tin tức vợ con. Nhưng anh vẫn nhủ lòng hy vọng sẽ có ngày gặp lại. Anh quyết tâm giữ kỹ, cất kín cái lược và ba cái trâm. Cái lược và ba cái trâm đã thấm máu anh trong đó, anh hy vọng có một ngày nào đó anh được thả về, anh sẽ đem về cho Như Ngọc và các con. Anh cố giữ nó bên mình như giữ lấy một vật quý hiếm nhất, dù nhiều lúc trại có đợt kiểm tra

gắt gao. Anh đào lỗ chôn "báu vật" xuống dưới đất hàng tuần, hàng tháng, khi nào thấy tình hình yên ả anh lại đào lên, rồi lại gia công đánh bóng cho láng, cho lên nước như gương, có thể soi mặt được.

Như vậy, đến nay là năm thứ sáu từ ngày anh trình diện tập trung cải tạo. Dĩ nhiên không được thăm nuôi thì làm gì có quà nên Huân đói rã họng. Những bạn bè thấy anh thương tình, khi có thăm nuôi họ thường cho anh phần khoai mì lát, là phần ăn của họ dư ra. Nhưng cũng được mấy ngày. Cuối cùng cái đói lại trở về và Huân âm thầm chịu đựng.

Buổi trưa trong căn phòng ăn im phắc. Chỉ có tiếng ruồi vo ve và chỉ có Huân ngồi rình rập để thoắt một cái, cái vĩ đập ruồi đưa lên và quật mạnh xuống. Những con ruồi chết nằm la liệt. Huân lấy cái vĩ dồn ruồi vào một chỗ, rồi lấy một tờ giấy báo gom lại. Cũng được gần mấy trăm con. Huân tiếp tục âm thầm làm việc.

Buổi trưa vẫn im ắng. Có mấy người tù thức dậy sớm và đi ra ngoài giếng nước tắm. Có người đang lui cui nhóm lò tự sáng chế bằng cái lon guigoz, họ nấu nước sôi để chế mì hoặc pha trà, và có người đang nướng lạp xưởng. Ơi, mùi mì gói sao thơm lạ lùng. Rồi mùi lạp xưởng ngào ngạt xộc vào mũi Huân, Huân nuốt nước miếng, anh nghe bụng mình cồn cào, nước miếng anh chảy ra đầy miệng. Huân cố gắng nuốt vào, nhưng mùi mì gói và lạp xưởng vẫn xộc vào mủ4 anh làm anh run rẩy, cơn thèm khát lên đến cùng cực.

Trong những ngày đói khổ đã qua, Huân đã ăn qua nhái, ếch, cào cào, châu chấu, dế. Nhưng những dịp như vậy cũng chỉ là dịp may hiếm có. Tù thì nhiều và ai cũng đói, cho nên khi đi lao động ngoài các nương rẫy, nếu có một con nhái, con dế, con châu chấu nhảy ra thì đã có hàng chục con người nhào tới dành giựt chụp ngay, ai nhanh tay trước thì được. Huân đâu có lanh lẹ và khoẻ mạnh như mấy người bạn tù kia, cho nên dù chỉ là một con dế, anh cũng khó bắt mà bỏ vô miệng. Khi đã đến tận cùng của sự đói, có người đã tuyên bố một câu xanh rờn: "con nào nhúc nhích đều ăn được cả."

Mùi thơm của lạp xưởng xông vào mũi Huân một mùi ngào ngạt khó tả. Đã lâu lắm rồi, hình như là đã từ một kiếp trước nào đó rất xa, anh đã được ăn miếng lạp xưởng đó. Nay với anh, những thứ đó xa quá tầm tay, vì không thăm nuôi trong mấy năm ròng rã, anh làm sao có được. Mùi lạp xưởng vẫn ngào ngạt xông vào mũi Huân vực dậy trong anh nỗi thèm thuồng vô tận, nước miếng từ các tuyến trào ra, anh cố gắng ngăn lại những thèm muốn cùng cực nầy, anh cố gắng đưa cây vĩ lên đập trên mặt bàn mấy cái liên tiếp cho quên đi cái mùi hấp dẫn kia.

Huân nhìn đống ruồi bị đập nằm dồn trên mảnh giấy báo, có con chưa chết hẳn còn bò loe ngoe. Huân bỗng nghe văng vẳng tiếng người bạn tù nói hôm trước, con gì nhúc nhích được là ăn được, tại sao ta không ăn ruồi.Ăn ruồi. Ăn ruồi. Cũng được lắm chớ, nó cũng là động vật thôi, cũng như dế, cào cào, châu chấu chứ có khác gì đâu. Huân suy nghĩ và lấy cây vỹ khươi khươi đống ruồi, Huân tự nhũ, mình sẽ rang lên cho chín, thêm vào chút muối hoặc chút mỡ, chắc ăn cũng được như mấy loại kia, dù gì mình phải cần một chút chất thịt, chút đạm, để nuôi cơ thể, chứ mình cũng đuối quá rồi. Gục ngã ở đây sẽ không còn nhìn thấy mặt vợ con. Phải cố vươn lên mà sống, cơ thể mình như hết sinh khí, không có được chút thịt nào từ ba bốn năm nay.

Tiếng kẻng tập họp đi lao động buổi chiều vang lên, anh em tù nhân lục tục ra xếp hàng. Đội trưởng Phương đi qua phòng ăn, thấy Huân đang lui cui gom ruồi vào mảnh giấy báo thì hỏi to:

- Hôm nay đội ta diệt được bao nhiêu ruồi đây, anh Huân?

Huân chỉ đống ruồi trên mảnh giấy báo, rồi đáp:

- Tôi không đếm, nhưng độ cũng khoảng trên năm trăm con.

Phương nói to như ra lịnh:

- Hôm nay anh khai bịnh không đi lao động thì ở nhà nhớ đập ruồi cho đủ chỉ tiêu một ngàn con nghe.

Huân gật đầu tỏ vẻ anh đã hiểu, Đội trưởng Phương bước ra khỏi nhà ăn, rồi đi thẳng ra sân nhập vào đội rau xanh. Huân nhìn theo bóng những người tù lũ lượt bước đi như một đám "bù nhìn" biết cử động. Trời tháng tám nóng rang, nắng như đổ lửa xuống những thân phận tù.

Khi khu doanh trại chỉ còn Huân, anh mới bắt đầu thực hiện ý định của mình. Anh gom hết những con ruồi vào một cái rổ, những con ruồi như những hạt đậu đen, anh đem ra giếng nước lấy lon guigoz múc nước dội lên hai ba lượt. Anh vẫn còn ý niệm được một chút vệ sinh, vì anh vẫn biết loại ruồi nầy đã bay và đậu bất cứ ở đâu, nhất là dãy cầu tiêu nằm sát bên láng trại nầy. Tù nhân ra đó đi cầu xuống những thùng phuy, từ đó đội rau xanh

ra lấy phân hòa với nước lạnh tưới lên rau làm phân bón. Ruồi nhặng tha hồ đến đó mà kiếm ăn, nhứt là những con ruồi xanh to cỡ hạt bắp, màu xanh dương tuyền ánh lên và khi nó bay tiếng kêu vo vo thật lớn. Vì vậy nên Huân phải rửa sơ qua những con ruồi nầy cho có vệ sinh chút xíu. Xong xuôi anh đem cái lon giugoz bỏ vào mấy giọt mỡ mà người bạn đã cho anh trong lần thăm nuôi vừa rồi. Chút mỡ chỉ còn mấy giọt thôi, anh lấy những bao nhựa quấn chặt lại rồi đem đốt lên, khi lửa cháy bùng anh đặt lon gô lên. Mỡ trong lon gô bắt đầu nóng và chảy xèo xèo, anh đổ đám ruồi và lấy đủa quậy qua, quậy lại cho đều, lửa càng cao thì mở càng nóng sôi lên sục sục, những con ruồi dính vào nhau sềnh sệt và co quắt lại. Huân rắc một chút muối vào, thế là anh hoàn tất món ruồi xào.

Bây giờ thì Huân thảnh thơi đem chén mì lát còn lại buổi trưa, anh để chén mì trên bàn. Cái lon guigoz "ruồi kho" đặt bên cạnh, hơi nóng còn bốc khói. Huân suy nghĩ, dù gì cũng là lần đầu tiên ăn ruồi, nên anh nghe ớn ớn và thấy lợm ở cổ, dù vậy, vì cái sống, cái sinh tồn, và cái bao tử cồn cào quá đỗi, sôi sục lộng hành kêu gào riết róng, Huân phải ăn, phải ăn gấp, chứ không thì không kịp nữa, cơn lợm giọng lại trở về, Huân run run một tay anh bốc miếng khoai mì, một tay anh cầm đũa quệt một vòng vô trong lòng lon guigoz, một đám ruồi lổn nhổn quyện trên đôi đũa Huân bỏ lên lát khoai và đưa vào miệng, động tác mau chóng, nhanh lẹ, Huân nhai vội rồi nuốt ngay. Vị muối mặn đánh thức từng tế bào trong cơ thể anh, nhưng cái nhờn nhợn, tanh tưởi bắt đầu làm anh khó chịu. Huân vội uống một miếng nước sôi để nguội cho nó đẩy khoai và ruồi xuống sâu dưới bao tử, Huân cầm lát khoai mì thứ hai lên và lấy đũa tiếp tục quệt vào trong lon guigoz, anh vừa lấy đôi đủa ra thì từ trong ruột anh quặn lên từng hồi, bắt anh phải ngáp thật dài và anh bắt đầu ói. Huân cố nín nhưng nước miếng, nước mũi, từ trong người anh tự động trào ra, Huân ngồi thụp xuống đất và không tự chủ được nữa rồi, anh lấy tay móc vào họng, một dòng nước ố vàng chứa những con ruồi tuôn ra. Huân lăn vào trong một góc nhà ăn rồi ngồi xuống, miệng há ra cho nước, khoai mì và ruồi tiếp tục trào ra, Huân chỉ còn há miệng ra cho bao tử có gì trào ra hết, mắt Huân mờ đi, anh mửa đến lộn cả mật xanh mật vàng, người anh co quắp, mắt anh lờ đờ, một tay đưa sâu vào cổ họng để móc, mùi tanh lợm làm anh không chịu nỗi, đến khi người Huân rung lên, có lẽ trong ruột Huân không còn một chút gì, khô rang, trống rốc, nhưng miệng anh vẫn tanh lợm, anh nằm xuống nền xi măng thở phì phò và ngất đi.

Buổi chiều đội rau xanh đi lao động về, thấy Huân nằm bất động bên góc nhà ăn, anh em tù xúm lại khiêng anh lên bệnh xá. Huân còn thoi thóp thở. Lên bịnh xá, y tá khám qua loa rồi cho uống mấy viên thuốc nam "xuyên tâm liên," vì bệnh gì ở đây cũng cho uống xuyên tâm liên cả. Huân quậy cựa một chút rồi nằm im, thở đều. Anh em tù trong đội nghe tin Huân bị bất tỉnh vội chạy vào trong nhà ăn để xem, trên hiện trường còn bỏ lại một chén khoai mì lát, một lon giugoz sền sệt những con ruồi. Anh em tù nhìn nhau, ai cũng thầm hiểu ra sự việc, vẻ đau xót, thương cảm, hằn sâu trên nét mặt mỗi người.

*

Hai mươi năm sau ông Huân đã vào sống tại một nhà *nursing home* ở đường Harbor, thuộc một city miền nam tiểu bang California. Thời gian đã làm ông già đi và tiều tụy thấy rõ. Các con ông đã đem gửi ông vào đây vì tụi nó mắc bận công việc làm ăn xa. Một đứa là bác sĩ, mở phòng mạch ở tận tiểu bang Floria, một đứa là chủ tiệm nail ở Mass, đứa con gái theo chồng về sống ở tiểu bang Washington. Còn Như Ngọc thì đã có một người đàn ông khác.

Lần đó, đứa con lớn nói :

- Ba già rồi, ba vào đó ở rất tiện cho tụi con, tụi con không thể mang ba theo được.

Huân bằng lòng và nghĩ "Tụi nó mới ra đời, đem mình theo chỉ cản trở công việc làm ăn của tụi nó thôi."

Nhớ ngày Huân được tha về sau bảy năm ở trại tập trung, ông lặn lội đi tìm ba đứa con đã thất tán mỗi đứa mỗi nơi. Cả Như Ngọc nữa, nàng trở về lại với ông sau khi đã trải qua nhiều người đàn ông. Huân bương chải đủ mọi thứ nghề để nuôi thân, nuôi gia đình. Cuộc sống còn khổ cực hơn ngày ông ở trong trại. Cho đến ngày gia đình xuất cảnh.

Nay thì ông an tâm. Ông tự nhủ lòng:

"Thôi thế cũng xong, cũng lo được toàn vẹn cho tụi nhỏ đến bến bờ. Đời như vậy cũng tạm yên."

Ông âm thầm sống trong khu *nursing home*, trải qua những ngày dài hoàn toàn rảnh rỗi. Chỉ hiềm một nỗi, ở xứ sở nầy không có ruồi cho ông đập nữa./.

Đọc sách:

CHUYỆN KỂ HÀNH TRÌNH BIỂN ĐÔNG,

Tuyển tập I - Nhiều tác giả. 483 trang. 2003

BÙI VĂN PHÚ *

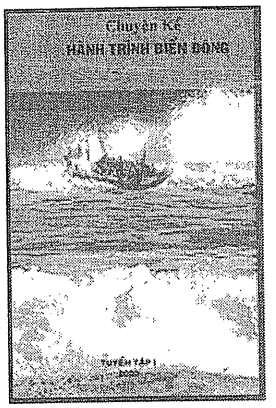

Mỗi người Việt rời bỏ quê hương kể từ năm 1975 đều có một câu chuyện riêng về hành trình tìm tự do của mình. Từ đợt di tản trong cơn sốt chiến tranh vào tháng Tư năm 1975, rồi những chuyến vượt biển, vượt biên giới qua các nước Đông Dương trong hơn một thập niên theo sau, cho đến những người ra đi theo diện O.D.P., diện H.O., diện con lai, hay diện thuyền nhân hồi hương (R.O.V.R.) sau này, tất cả đều trải qua nhiều bất định, qua bao nỗi phập phồng lo sợ không biết giấc mơ được rời khỏi Việt Nam có sẽ suông sẻ hay không. Chỉ khi đã đến được nơi định cư mới, thường là Hoa Kỳ, Canada, Úc hay một quốc gia Châu Âu thì hành trình đó mới coi như kết thúc.

Người Việt đã bỏ nước ra đi bằng nhiều cách, nhưng con đường vượt biển - có đông người ra đi nhất - và cũng là con đường gặp nhiều gian nan, khổ cực nhất.

Qua nhiều chuyện kể trong Hành Trình Biển Đông, những người rời bỏ quê hương Việt Nam ra đi tìm tự do bằng đường biển, đường bộ, hay bằng cả hai cách, đều biết rõ trong quyết định ra đi của mình thì may mắn sống còn chỉ có một phần ba. Câu nói: "Một là con nuôi má, hai là má nuôi con, ba là con nuôi cá" được người vượt biển suy ngẫm trước khi ra đi và chỉ biết cầu xin cho số mệnh được bình yên.

Rất nhiều trong số 46 chuyện được kể lại đều là hoàn cảnh khốn khó của những tàu vượt biển gặp nạn: bị hải tặc cướp bóc, hãm hiếp, giết người hay bị chết đói, chết khát. Trên đường vượt biển, nếu không may tàu lạc vào vùng hoành hành của hải tặc thì thuyền nhân không thoát khỏi cảnh bị cướp, bị hành hạ ít ra cũng vài lần, có tàu bị hải tặc đến mười bốn lần.

Câu chuyện của một con tàu ra đi từ vùng Cái Sắn, Rạch Giá vào tháng Ba năm 1977 là câu chuyện hãi hùng hơn cả. Tàu bị hải tặc cướp và hãm hiếp. Khi hải tặc tấn công lần thứ nhì, đám thanh niên trên tàu đã nhất quyết chống lại, bọn hải tặc gọi hai tàu đồng bọn tới và chúng đã giết 62 người, chỉ còn một người vì bị những xác chết khác đè lên mà thoát chết. Cảnh người thuyền nhân duy nhất sống sót giữa đống xác người đầy máu tựa như cảnh người phóng viên Cam Bốt Dith Pran lội bùn giữa những cánh đồng đầy xương và sọ người trên đường trốn thoát khỏi những tàn sát của Khở Me Đỏ trong phim Killing Field, hay cảnh người phi công Mỹ bị bắn rớt máy bay, trên đường trốn thoát đã đi lạc vào một vũng lầy ngổn ngang xác người ở Bosnia-Kosovo trong phim Behind the Enemy Line.

Không gặp hải tặc, nhưng chẳng may lạc đường, mất phương hướng giữa biển, cạn thức ăn, hết nước uống nên có người đã phải ăn thịt bạn đồng hành đã chết để sống qua ngày, có bà mẹ phải cắt vú mình lấy máu cho con bú kẻo không đứa bé sẽ chết khát, có người chị cắt thịt mình để lấy máu nuôi người thân. Trong nhiều chuyến vượt biển, nhiều người đã chết vì đói khát, người thoi thóp sống lo thủy táng người đã chết và chỉ còn biết cầu xin người chết phù hộ. Có khi những điều khấn xin cũng đã được đáp lại bằng những cơn mưa hoặc được cứu vớt.

Ra đi trên biển khơi bao la sóng dữ, đa phần chết nhưng cũng có câu chuyện một bé trai được sinh ra trong những giờ phút thập tử nhất sinh. Tháng Bảy năm 1979 có một tàu chở người vượt biển ra khơi, bị sóng gió, mưa bão dập vùi đánh vỡ tàu ra từng mảng. 350 người trên tàu chết gần hết, chỉ còn 14 người sống sót và đã có một hài nhi ra đời giữa lòng biển khơi trong khi người mẹ, tuổi chừng 30, đang bám víu lấy mạng sống trên một chiếc bè trôi nổi mà người đỡ đẻ lại là một nam học sinh ở tuổi 17. Câu chuyện vượt biên này tưởng như kết thúc ở bến bờ tự do, nhưng 14 người sống sót lại được tàu đánh cá của Việt Nam vớt, đưa trở về địa điểm khởi hành. Không biết số mạng của đứa bé trai sinh giữa lòng biển khơi giờ đây ra sao? Còn sống, năm nay em đã 24 tuổi rồi.

Rủi may trên biển đến nhiều khi chẳng ai ngờ. Tưởng chết thì lại được cứu. Tưởng tìm được sinh lộ thì lại đi vào cõi thiên thu. Như cái chết của anh Sáu Hoàng, một cựu sĩ quan hải quân. Sau nhiều ngày lênh đênh, mất phương hướng vì tàu hỏng máy, anh thấy một bình nhựa trôi trên biển nên nhảy xuống vớt với hy vọng tìm được nhãn hiệu để biết tàu đang trôi dạt nơi đâu, có gần bờ bến nào không. Dưới nước anh Hoàng nắm được bình, nhưng con tàu bỗng trôi nhanh nên anh bơi đuổi không kịp. Nhiều người trên tàu ném hết mọi thứ có thể nổi để anh bám vào, nhưng chẳng cứu anh được. Con tàu hỏng máy đã bỏ anh lại. Trong một chuyện kể khác, cũng là trường hợp tàu hư, lạc đường trên biển vào năm 1981. Sau nhiều ngày đói khát, tàu trôi dạt đến gần một đảo hoang, bốn thanh niên nhảy xuống bơi vào tìm xem có sự sống hay không. Khi họ bơi trở ra thì con tàu lại cứ trôi xa dần khỏi đảo, bỏ lại bốn thanh niên không biết sống chết ra sao.

May mắn thoát được hiểm nguy trên biển, có người đến được đất liền nhưng cũng không tìm được sự sống ở đất tự do. Đó là câu chuyện về chị Nguyệt một mình đến được trại, ở lâu vì không có diện định cư nên phải bán mình nuôi thân, nuôi gia đình còn ở Việt Nam. Chị mua hương bán phấn với lính Thái, mang thai, rồi tự tử chết.

Cuộc sống trong trại tị nạn chỉ là tạm bợ nhưng cũng nhiều buồn vui trong khi chờ đợi được đi định cư ở một nước thứ ba. Có một người thiếu nữ được tàu Mỹ vớt, nuôi cho ăn uống, quần áo được giặt bằng máy trên tàu. Vì vậy cô bị lạc mất chiếc nịt ngực. Khi được chuyển vào trại, ra đường không có nịt ngực nên cô thường bị nhiều chàng thanh niên dòm ngó, chọc ghẹo khiến cô luôn e thẹn và cảm thấy sự thiếu vắng một vật đã thường mang trên người như là mất mát, thiếu thốn một cái gì thân thương lắm.

Khi làn sóng người vượt biển lên cao, chính phủ các nước Đông Nam Á có lệnh không cho ngư dân của họ cứu vớt thuyền nhân. Nhiều tàu bè quốc tế cũng đã làm ngơ trước lời cầu cứu của những chiếc thuyền đánh cá bé nhỏ gặp nạn giữa biển khơi. Bao nhiêu tín hiệu SOS gửi đi nhưng chẳng có một lời đáp lại. Nhưng không phải tất cả thuyền trưởng đều quay mặt đi vì đã có những tàu Phi Luật Tân, tàu Nhật, tàu Mỹ cứu vớt thuyền nhân để họ sống sót mà kể lại. Ngay cả khi hải tặc Thái Lan tạo kinh hoàng cũng còn có những ngư dân Thái cứu người vượt biển, đem họ vào bến bờ bình an. Có người thương binh một chân, là cựu đại úy trong quân đội Thái, đã nhỏ nước mắt khi nhìn thấy một em bé Việt Nam chỉ còn da bọc xương trên tay người mẹ đang đi tìm sữa cho con. Ông đã cho người mẹ 20 đồng baht để bà ra chợ mua sữa cho đứa bé.

Hai thập niên trước, thảm trạng của thuyền nhân đã được ghi lại trong tập tài liệu Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan do nhà văn Nhật Tiến và ký giả Dương Phục kể.

Hai mươi năm sau, những câu chuyện đi tìm tự do được ghi lại trong Chuyện Kể Hành Trình Biển Đông (tuyển tập I) do bởi nhiều nhân chứng. Đây không phải là một tác phẩm văn chương mà là một chứng liệu lịch sử. Nhiều trong số 46 bài viết là thể loại tự chuyện, ghi lại những sự việc đã thực sự xảy ra dưới mắt người viết, những tác giả không phải là người cầm bút chuyên nghiệp hay có tài năng văn chương. Họ kể lại bằng lối văn mộc mạc, chân thành. Hầu hết những chuyện kể trong Hành Trình Biển Đông do chính người trong cuộc ghi lại, chỉ một vài bài do người khác viết theo lời kể của những nhân chứng.

Đọc Hành Trình Biển Đông để biết được những kinh hoàng, dã man nhiều khi không thể tin được là đã xảy đến cho những thuyền nhân Việt Nam. Nhưng đó là những câu chuyện có thực, rất thực.

Trong thế kỷ vừa qua thế giới đã chứng kiến nhiều vụ giết người tập thể: lò hơi ngạt giết người Do Thái trong các trại tập trung; Khờ Me Đỏ tàn sát người Cam Bốt; dân bộ lạc ở Rwanda, Châu Phi giết nhau; diệt chủng ở Bosnia-Kosovo. Ở những nơi này ngày nay còn nhiều chứng tích để lại như một nhắc nhở cho nhân loại về những tội ác đã xảy ra. Nhưng hàng trăm ngàn thuyền nhân đã bỏ mình, thân xác họ chìm sâu trong lòng biển cả, không để lại dấu tích gì. Còn chăng là một số hình ảnh của Cao Ủy Tị Nạn hay do những tàu cứu vớt thuyền nhân ghi lại được.

Những chuyện kể trong Hành Trình Biển Đông chỉ là một phần nhỏ của thảm trạng thuyền nhân vì còn rất nhiều những con tàu khác đã chìm sâu trong lòng đại dương mang theo tất cả, không để lại dấu vết và cũng không còn ai sống sót mà kể lại.

Mỗi cái chết của thuyền nhân đều cần được ghi lại để làm nhân chứng cho thế hệ mai sau. Trong tương lai, người Việt sẽ dựng đài thuyền nhân để tưởng nhớ vong linh những người đã bỏ mình và để nhắc nhở con cháu về giá của tự do mà thế hệ cha ông đã phải trả.

* Gs. Bùi Văn Phú làm việc với Cao Ủy Tị Nạn trong thập niên 1980.

PHÂN ƯU

Được tin buồn, thân phụ của anh Lê Minh Đức

Cụ LÊ VĂN LÂU

- Tổng Thư Ký trực thuộc Tổng Giám Đốc Pháp Hoa Ngân Hàng (Banque Franco-Chinoise) tại Việt Nam từ 1937 đến 1950
- Quyền Quản Trị của Pháp Hoa Ngân Hàng từ 1950 đến 1959
- Nguyên Đại diện hãng đĩa hát Phillips tại Việt Nam
- Nguyên Giám Đốc nhà xuất bản âm nhạc Dư Âm tại Sài Gòn

Đã từ trần ngày 26 tháng Bảy năm 2003 tại Paris

Hưởng thọ 92 tuổi

Xin thành thật chia buồn cùng anh Lê Minh Đức và tang quyến.
Thành kính cầu chúc hương hồn Cụ sớm phiêu diêu nơi Cõi Vĩnh Hằng.

THỤY KHUÊ (RFI, Paris)
PHẠM PHÚ MINH (Tạp chí THẾ KỶ 21, California)

HAPPY CAR RENTAL
TRUNG TÂM CHO THUÊ XE

*** Thành thật * Phục vụ vui vẻ**
*** Bảo đảm giá rẻ nhất cho quý đồng hương**

Mở cửa từ thứ Hai - thứ Bảy
9:00 AM - 6:30 PM

Chuyên cho thuê: Xe 4 cửa và các loại xe Van đời mới

8041 Bolsa Ave., Midway City, CA. 92655
(Gần góc đường Beach, bên cạnh Cali Auto Sale)

Auto Wax: * Rửa xe, đánh bóng
* Detail cho các loại xe

* Có phục vụ mướn xe miễn phí trong lúc chờ đợi.

Tel: (714) 269-2915 or (714) 892-5158 * Fax: (714) 892-3739

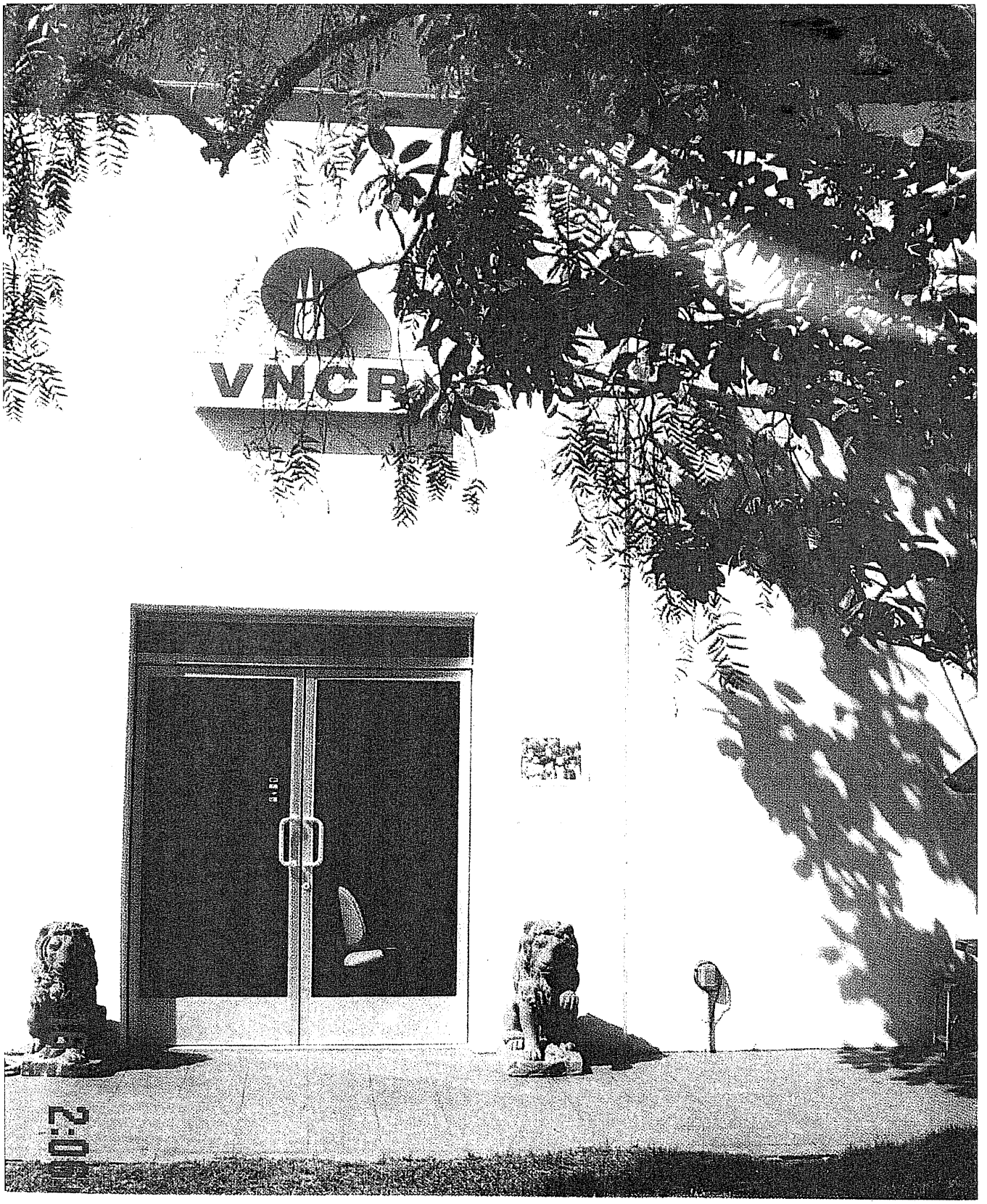

Đài Phát Thanh VNCR 106.3 FM

Viet Nam California Radio

Vùng thẩm âm rộng ra ngoài Orange County:
Los Angeles, Pasadena, Riverside, Capistrano đều nghe được.
Với Tin Tức, Thời Sự mỗi ngày phối hợp giữa VNCR và Saigon Houston (Texas)

14781 Moran Street, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 891-8142 * (714) 891-8152 * (714) 891-8162 * (714) 891-8172
Fax: (714) 891-8190

HÙNG SƠN

DIAMONDS CENTER

Jewelry

Diamonds and Beauty are Forever

G.I.A CERTIFICATE DIAMONDS

9200 Bolsa Ave. # 128 Westminster. CA 92683

Tel: 714-897-6600

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim